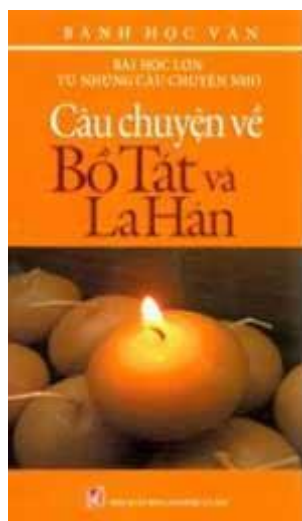


Câu Chuyện Về Bồ Tát Và La Hán



Tác giả: Bành Học Vân

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 02-12-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

BỒ TÁT VÀ LA HÁN DƯỚI TÒA NHƯ LAI

XÁ LỢI PHÁT

MỤC KIỀM LIÊN

MA HA CA DIẾP

A NAN ĐÀ

VĂN THÙ BỒ TÁT

PHỔ HIỀN BỒ TÁT

BÁT ĐẠI BỒ TÁT

THẬP NHỊ VIÊN GIÁC BỒ TÁT

TAM THẬP TAM QUÁN ÂM BỒ TÁT

LA HÁN

TỨ ĐẠI THANH VĂN
THẬP ĐẠI ĐỆ TỬ
THẬP LỤC LA HÁN
THẬP BÁT LA HÁN
NGŨ BÁCH LA HÁN
LA HÁN VÀ SA DI
VĂN THÙ BỒ TÁT LỆNH CHÚNG PHÁT ĐẠO TÂM
CÂU CHUYỆN A DỤC VƯƠNG KHUYÊN EM TRAI TIN PHẬT
VĂN THÙ BIÊN NỮ THI ĐỀ KHUYÊN NAM TỬ
PHẬT GIÁNG ƯƠNG QUẬT ĐA LA
LỤC THỂ TRANH CÔNG
XẢ MỆNH CẦU NGHE NỬA CÂU KỆ
TÁT ĐÀ BA LUÂN VÌ NGHE KINH PHẬT MÀ BÁN TÂM, HUYẾT,
TỬY
NGƯỜI DỌN PHÂN ĐƯỢC ĐỨC PHẬT HÓA THÀNH LA HÁN
TIỀN THÂN ĐẠI THÁC KIM SINH HỐI
PHƯƠNG PHÁP TỐT CỦA ƯU BA KIẾP ĐA
CÂU CHUYỆN NGƯỜI THỢ GIỎI ĐẮC ĐẠO
NGÀY XƯA LÀ CƯỜNG ĐẠO, NGÀY NAY LÀ LA HÁN
TỶ KHEO THAM ĂN UỐNG ĐẮC ĐẠO
PHẬT TỔ TỰ THÂN LO LẮNG CHO NGƯỜI BỆNH
TỶ KHEO THAM NGỦ ĐẮC ĐẠO
CÂU CHUYỆN TỶ KHEO GIẾT MẸ ĐẮC ĐẠO
ÔNG LÃO QUY Y PHẬT PHÁP
THẦN LỰC CỦA TIÊU TỶ KHEO
LA HÁN VÀ CON VOI
NĂM TRĂM NGƯỜI MÙ ĐƯỢC ÁNH SÁNG
THẦN THÔNG CỦA CA DIẾP THỜI THƠ ẤU
PHÚ NA KỶ MỜI PHẬT VÀ CHÚNG ĐỆ TỬ
CÔ GÁI MỎ CÔI VÀ QUỐC VƯƠNG
MA QUỶ GẶP MỤC LIÊN
NGÀN VẠN KHỔ ẢI ĐỀ CẦU KỆ PHẬT
NHẤT THIẾT THỂ GIAN HIỆN CỤ TUYỆT TÌNH YÊU CỦA SƯ MẪU
NÊN CHUỐC HỌA
TÂM LÒNG DƯỢC VƯƠNG PHẬT
QUỐC VƯƠNG BỐ THÍ ĐÔI MẮT CHO NGƯỜI MÙ
BỐN BÀ LA MÔN NGHE KỆ ĐẮC ĐẠO
MỘT TÂM CHẶN LÔNG
NGUYỆT QUANG PHU NHÂN
SA DI HẠI CHẾT SƯ PHỤ
NA LAI VÀ ĐỀ KỶ LA
TRÙNG TÁNH ĐẠI NẠN KHÔNG CHẾT
BỐN TỶ KHEO TU THÀNH LA HÁN

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Con người vốn nhỏ bé, hữu hạn trước thiên nhiên và vũ trụ rộng lớn vô hạn. Và trong cái thế giới vô cùng vô tận ấy, sự tồn tại của con người chỉ như hạt bụi giữa không trung, một tia chớp lóe sáng rồi phụt tắt (Thân như điện ảnh hữu hoàn vô - Thiền sư Vạn Hạnh).

Sự hiện diện của con người luôn bị chi phối, tác động bởi lẽ vô thường ấy, nhưng người ta lại không chú ý đến, thậm chí không chịu thừa nhận nó. Nhưng tự nhiên vốn có quy luật và con người cũng không nằm ngoài quy luật đó. Giống như trái đất có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông; con người cũng không tránh khỏi vòng sinh, lão, bệnh, tử. Vô thường hay biến dịch là sự tất yếu của tự nhiên trong khi đó con người luôn mong muốn, khao khát sự ổn định, vĩnh hằng. Cho nên khi mọi việc không như ý muốn, họ đâm ra thất vọng, đau khổ, sợ hãi đến tột cùng. Chỉ những bậc tu hành hay những người đã thấu hiểu và nắm rõ được lẽ vô thường thì khi đối diện với nó, họ luôn giữ tâm thái an nhiên, tự tại, đón nhận nó một cách tự nhiên và coi đó là lẽ thường tình. Nói cách khác, khi họ đã đạt đến sự "nhập vận" thì có thể hòa đồng nội tâm với ngoại giới, vượt lên trên sự phân biệt giữa "cái ta" và "cái không phải là ta". Nghĩa là không còn thắc mắc lo ngại trước sự thay đổi, biến động của vô thường nữa.

Bài học lớn từ những câu chuyện nhỏ là một bộ sách gồm mười quyển, tập hợp những câu chuyện về đức Phật, các vị Bồ tát, La Hán, các Tăng Ni, Cư sĩ... trên đường giáo hóa, phổ độ chúng sanh giác ngộ, thoát khỏi kiếp luân hồi, nhận ra cái lẽ vô thường của tạo vật...

Ngoài ra, đó còn là những câu chuyện về các vị Quốc vương, các thương nhân, những người phụ nữ và cả những loài vật. Đó có thể là những nhân vật thông minh, tài giỏi, dũng cảm, nhân từ... biết lắng nghe và thấu hiểu những lời ảo diệu thâm sâu của Phật pháp, làm được những điều tốt đẹp, thậm chí hy sinh cả bản thân để mang lại hạnh phúc và sự yên bình cho chúng sanh. Cũng có thể là những nhân vật ích kỷ, tham lam, độc ác, gieo bao tai họa cho con người... nhưng cuối cùng đều được giác ngộ và tự hồi cải. Ngược lại, nếu họ vẫn còn mê muội, cố chấp... thì sẽ bị quả báo, bị đày ải trong kiếp luân hồi hay dưới những tầng sâu của địa ngục. Không dừng lại ở những điều ảo diệu của giáo lý nhà Phật, những câu chuyện trên còn có tác dụng vô cùng to lớn đối với tư tưởng, tình cảm và hành động của con người. Nó mang lại ý nghĩa giáo dục và có giá trị nhân văn sâu sắc. Nó khuyên con người phải hành thiện, từ bỏ điều ác, sự đố kỵ, lòng tham... biết hy sinh, ban tặng, khoan dung và độ lượng đối với đồng loại, và cả những loài vật nhỏ bé, tầm thường.

Thời gian như "bóng câu qua cửa sổ", đời người như ánh chớp lóe lên trong phút chốc, còn sự thịnh suy thì mong manh như giọt sương đầu ngọn cỏ. Nếu hiểu được sự vô thường ấy thì mọi vui buồn, sướng khổ đều là lẽ tự nhiên hay sự thường tình. Và như vậy con người đâu còn có gì đáng phải lo ngại giữa "cõi đi về" này.

---o0o---

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh, diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn.

Tam thế chư Phật y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A nậu đa la Tam miệu tam Bồ đề.

Cố tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư.

Cố thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế, yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha.

Tạm dịch:

Quán Tự Tại thực hành trí tuệ

Bát nhã Ba la mật sáng ngời

Bấy giờ Bồ tát quán soi

Thấy rằng năm uẩn ba đời đều không.

Vượt tất cả các vòng khổ ách
Hãy nghe này Xá Lợi Phát ông!
Sắc nào có khác gì không
Không nào khác sắc, sắc không vốn đồng.
Cả thọ, tưởng, thức, hành cũng thế
Tánh, chân không các pháp viên thành
Thấy đều chẳng thiệt, chẳng sanh
Chẳng như, chẳng sạch, chẳng tăng giảm gì.
Trong chân không chẳng hề có sắc
Chẳng thọ, tưởng, hành, thức trong không
Mắt, tai, mũi, lưỡi, ý, thân
Sắc, thanh, vị, xúc, pháp, hương không còn.
Không nhãn thức đến không ý thức
Không vô minh hoặc hết vô minh
Không điều già chết chúng sinh
Hết già, hết chết thực tình cũng không.
Không trí tuệ cũng không chứng đắc
Bởi có gì là chỗ đắc đâu
Bấy lâu Bồ tát dựa vào
Trí Ba la mật, thâm sâu thực hành.
Mọi chướng ngại quanh mình tan biến
Mọi việc đều chẳng khiến hoảng kinh
Xa lìa mộng tưởng đảo điên

Niết bàn rốt ráo an nhiên thanh nhàn.

Bát nhã ấy rõ ràng trí tuệ

Mà ba đời chư Phật nương qua

Bồ đề vô thượng chứng ra

Nên xem Bát nhã Ba la mật là:

Lời thần chú sâu xa bậc nhất

Lời thần chú rất mực quang minh

Chú thần cao cả anh linh

Là lời thần chú thực tình cao siêu.

Trừ dứt hết mọi điều đau khổ

Đúng như vậy muôn thuở không sai

Ngài liền tuyên nói chú này

Để người trì niệm sáng bày chơn tâm.

Yết đế, Yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha.

----o0o---

BỒ TÁT VÀ LA HÁN DƯỚI TÒA NHƯ LẠI

XÁ LỢI PHÁT

Xá Lợi Phát là một trong mười đại đệ tử của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi khi đức Phật Thích Ca giảng pháp thuyết pháp, Xá Lợi Phát đều đứng bên phải Phật.

Xá Lợi Phát còn gọi là Xá Lợi Đa La. Mẹ của ông tên là Xá Lợi, Phát Đa La nghĩa là con, Xá Lợi Phát Đa La là con của Xá Lợi.

Xá Lợi Phát vốn là người ngoại đạo, thuộc hạ có một trăm đệ tử. Ông tu một thời gian ngoại đạo, cảm thấy mênh mông không bên bờ nương tựa, trong khi hoang mang buồn khổ, đột nhiên gặp được Tỳ kheo Mã Thắng, hiểu được

sự thâm sâu, cao xa của Thích Ca Phật pháp, bèn mang một trăm đệ tử, gia nhập Phật môn.

Tăng Nhất A Hàm Kinh ghi: "Trí tuệ vô cùng, giải quyết được mọi sự nghi ngờ, chỉ có Tỳ Khưu Xá Lợi Phất". Do đó, Xá Lợi Phất được gọi là Đệ nhất Trí tuệ trong chúng đệ tử.

Trí Độ Luận ví Xá Lợi Phất là một con rắn độc "Thế thế tâm kiên bất khả động". Theo như lời đức Phật nói, trước đây có một Quốc vương bị rắn độc cắn, tính mạng nguy kịch, chạy chữa khắp nơi. Đại phu cho rằng, nếu muốn giải độc, chỉ có để cho con rắn độc này hút nọc độc ở vết thương của Quốc vương. Thế là đại phu sắp đặt một chậu lửa ở trên mặt đất, trong chậu đốt lửa ngùn ngụt, bắt con rắn lại, lệnh cho con rắn độc hút nọc độc ở vết thương, nếu không thì sẽ ném nó vào trong chậu lửa thiêu thành tro. Con rắn độc kiên quyết không chịu hút nọc độc, thà là bị thiêu chết còn hơn. Xá Lợi Phất tuyệt không hối hận về việc mà mình đã làm, cho dù ngọn lửa bùng bùng thiêu đốt tám thân cũng không lay động, là một người có ý chí kiên định.

nhưng, Xá Lợi Phất cũng có mặt trì giới bất nghiêm, khổ hạnh bất thâm. Trí Độ Luận ghi, Xá Lợi Phất tu đạo Bồ tát, qua sông bố thí, có một Bà la môn đến xin mắt. Xá Lợi Phất nói: "Muốn của cải thì ta có thể bố thí cho, nhưng muốn đôi mắt của ta thì làm thế nào được?" Bà la môn nói: "Không cần của cải, chỉ cần đôi mắt, ngài nếu thực sự tu đạo Bồ tát, nên đem đôi mắt dâng tặng". Điều này đối với Xá Lợi Phất, là một sự thử thách rất nghiêm khắc. Xá Lợi Phất không cách nào từ chối, đành móc một con mắt đưa cho Bà la môn.

Bà la môn ngửi con mắt, nói rằng: "Thối thật, thối thật!", nói xong tiện tay vứt xuống đất, đập nát nhàu. Xá Lợi Phất rất giận, trong lòng nghĩ: "Ta chịu đau móc mắt, ông ta đã không cảm kích, người lại còn làm như thế, thật là đáng ghét! Thôi đi, ta cũng không thèm là Bồ tát nữa, chi bằng vẫn là một La Hán, cầu một cuộc sống vui vẻ vĩnh hằng

---o0o---

MỤC KIỀN LIÊN

Mục Kiềm Liên cũng là một đại đệ tử của đức Thích Ca Mâu Ni Phật, khi đức Phật thăng tòa, ngài luôn đứng ở bên trái đức Phật.

Mục Kiềm Liên nghĩa là một lời khen tặng lớn. Vốn dĩ ngài cũng là người ngoại đạo, là huynh đệ tâm đầu ý hợp với Xá Lợi Phất, ngài từng nguyện ước với Xá Lợi Phất rằng, một ngày nào đó nếu có ánh sáng soi đường, thì sẽ dẫn dắt cho nhau. Sau khi Xá Lợi Phất quy y Phật giáo, Mục Kiềm Liên cũng như hẹn ước, mang một trăm đệ tử đến quy y. Việc gia nhập của ngài và Xá Lợi

Phát, là có tác dụng trùng đại thanh thể của Phật môn. Cho nên trong chúng đệ tử, hai người họ được tôn sùng và có vị trí ngang nhau.

Tăng Nhất A Hàm Kinh nói Mục Kiền Liên "Thần túc khinh cử, phi đáo thập phương" (đôi chân thần thông chỉ bước nhẹ, là có thể bay đến khắp nơi), vì vậy, được gọi là Đệ nhất Thần túc. Mục Kiền Liên vui vẻ bước đi, song trên trời dưới đất không nơi nào mà chưa đi đến. Những câu chuyện có liên quan đến ma quỷ mà ngài kể rất hấp dẫn với mọi người, vì nó là những điều mới lạ.

Tỳ Nại Da ghi: Đức Thích Ca nghỉ ở vườn trúc thành Vương Xá, nghe thấy bên ngoài có tiếng huyên náo, bèn hỏi A Nan, bên ngoài có chuyện gì ồn ào thế? A Nan trả lời: "Mục Kiền Liên du hành khắp nơi, đang kể lại những chuyện đau khổ ở trong dân chúng mà ông đã nghe thấy. Do đó, mọi người đều tụ tập lại đây để nghe thuyết pháp".

Phật Duyên Kinh và Phật Thuyết Quỷ Vấn Mục Liên Kinh là những quyển kinh nói về việc Mục Kiền Liên kể về hình trạng của các Ngạ quỷ và sự ghi chép lại của nhân quả.

Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phát cùng nhau gia nhập Phật môn, cũng cùng nhau vấn đạo Phật môn. Nghe nói, Mục Kiền Liên đi hành khát ở La Duyệt Thành, gặp Phạm chí Bà la môn. Chúng Phạm chí biết Mục Kiền Liên là đệ tử thượng tọa của Phật môn, do bình thường rất thù Phật giáo, bèn xông lên, đánh ngài một trận tan da nát thịt. Mục Kiền Liên thân thọ trọng thương, cố sức về đến nơi Xá Lợi Phát ở. Xá Lợi Phát hỏi ngài sao không chạy trốn, Mục Kiền Liên nói: "Vì túc nghiệp của ta còn quá nặng, nên mới chịu khổ này, trước lúc chết, ta muốn đến đây để từ biệt".

Xá Lợi Phát nói: "Không, nếu chết thì chúng ta cùng chết", thế là hai người đến cáo biệt đức Phật Thích Ca Mâu Ni, rồi lần lượt về quê nhà thuyết pháp cho thân bằng quyến thuộc, cùng về chôn Niết Bàn.

---o0o---

MA HA CA DIẾP

Ca Diếp còn gọi là Diếp Ba, nghĩa là con rùa, còn có thể hiểu là Âm Quang. Truyền thuyết nói khi tiền bối tu luyện, có một con linh quy mang bản đồ tiên đến dâng, vì vậy mà đắc đạo, cho nên lấy con rùa làm họ. Lại có truyền thuyết nói ngày xưa có tiên nhân có thể thu lấy ánh sáng mặt trời để ẩn trong đó thì không thể thấy, rõ ràng là thông qua thân thể phát sáng. Ca Diếp là dòng dõi ấy, cho nên họ là Âm Quang. Vì sanh ra dưới gốc cây Tất Ba La, nên có tên là Tất Ba La. Trong số đệ tử của đức Thích Ca, có năm người họ Ca Diếp, trong đó gọi là Ca Diếp chỉ có Ma Ha Ca Diếp.

Ca Diếp vốn dĩ ngoại đạo, sau đó gia nhập Phật môn. Ngài mang năm trăm đệ tử ở núi Vi Đề Kha tu Đầu Đà hạnh, nghĩa là trên người mặc cà sa, là Hành Cước Tăng hành khát hóa duyên, giữ lấy đạm bạc, nướng nấu vô thường. Do việc tu hành này, nên Ca Diếp được gọi là Đệ nhất Đầu đà, là khí trọng của đức Thích Ca, được khen ngợi là "Đại Hành Uyển Quảng".

Tương truyền, có một lần Đại Phạm Thiên vương ở Linh Tụ Sơn dâng Bà La Hoa Kim Sắc cho đức Phật, đức Thích Ca đăng tòa, ngắm hoa để nói sự vi diệu của Phật pháp cho mọi người biết. Lúc ấy trăm vạn người, ngơ ngác không hiểu được sự kỳ diệu của nó, duy chỉ có Ca Diếp mỉm cười, tận tâm lĩnh ngộ.

Đức Thích Ca nói: "Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, không lập văn tự, ngoại đạo không truyền, dẫn dò Ma Ha Ca Diếp".

Đây chính là "Tâm Truyền" của đức Phật. Không lâu trước khi đức Thích Ca nhập Niết Bàn, đem y bát giao lại cho Ca Diếp. Như thế, Ca Diếp nhận được địa vị lãnh tụ của Phật giáo sau đức Thích Ca. Sau khi đức Phật viên tịch, Ca Diếp chủ trì kết tập Tam Tạng (Kinh Tạng, Luật Tạng, Luận Tạng), không lâu sau đó, Ca Diếp thấy thọ số của mình sắp tận, bèn lên ngọn Lang Tích Sơn ở nước Magadha, ở giữa ba ngọn núi dâng cà sa Phật, nhập Niết Bàn.

---o0o---

A NAN ĐÀ

A Nan Đà còn gọi là A Nan, nghĩa là niềm vui. Ngài là con trai của Bạch Phạn Vương, em họ của Thích Ca. A Nan hai mươi lăm tuổi xuất gia, theo đức Thích Ca hai mươi lăm năm, luôn theo hầu bên cạnh Ngài.

Trong Phật kinh có nhiều lời khen tặng về A Nan. Tăng Nhất A Hàm Kinh, ông "biết thời rõ vật, chỗ đến vô ngại, chỗ nhớ không quên, nghe nhiều hiểu rộng, phụng sự bề trên". A Nan là một tôn giả có nhiều phẩm chất ưu tú như thành khẩn, chất phác, cần lao, cẩn thận, khiêm tốn, trong sạch, giữ giới, quả dục, nhạy bén..., sự hiểu biết về Phật pháp cũng rất sâu sắc, nhưng địa vị của ngài ngược lại không cao. Trong Tứ Đại Thanh Văn, Thập Lục La Hán cũng không có ngài. Trong thập đại đệ tử của đức Thích Ca ngài là Đệ nhất Đa văn, cũng chính là tri thức uyên bác nhất, nhưng ngược lại địa vị lại ở sau cùng.

Sau khi đức Phật viên tịch, Ca Diếp chủ trì kết tập Tam Tạng. Ở trước mặt các đệ tử của đức Phật, Ca Diếp ngang nhiên kéo A Nan ra, chỉ trích ngài "Người là thứ mặc tận, không được ở đây". A Nan bị làm cho khốn đốn tột cùng, đành thể hiện: "Tự hồi hận trách mình". Đêm hôm đó, A Nan đi tìm Ca Diếp, Ca Diếp đóng cửa không tiếp, để cho A Nan chui vào từ lỗ khóa. A Nan

quả nhiên chui vào phòng từ ổ khóa, điều này chứng minh A Nan đã đắc đạo, Ca Diếp đành phải để ông thăng Sư Tử tòa, phục thuật Kinh Tạng.

Theo Đại Đường Tây Thành Ký, trước khi A Nan nhập Niết Bàn, rời khỏi Ma Kiệt Đà, đi về Tỳ Xá Ly. Trong khi ông qua biên giới giữa hai nước, vì hai quốc vương của hai nước đều muốn giữ ngài ở lại nước mình, bèn phát binh muốn tranh đoạt. A Nan sợ hai nước vì thế mà gây chiến tranh, bèn từ trên thuyền bay lên không trung hóa lửa tự thiêu, khiến cho xá lợi lần lượt rơi ở hai bên bờ. Quốc vương hai nước nhặt lấy xá lợi thờ cúng ở ngọn tháp nước mình, gọi là A Nan Tôn Giả Bán Thân Xá Lợi Tháp.

---o0o---

VĂN THÙ BỒ TÁT

Tên đầy đủ của Văn Thù là Văn Thù Sư Lợi, nghĩa là Diệu Đức, Diệu Cát Tường. Nghe nói ngài cũng là Đệ nhất Trí tuệ Tài biện trong chư đại Bồ tát. Pháp tượng điển hình của ngài là Đỉnh Kết Ngũ Kế, tay cầm bảo kiếm, ngồi trên Liên Hoa Bảo tòa, cưỡi sư tử, đây là tượng trưng cho trí tuệ, tài ăn nói, sự nhạy bén, uy mãnh. Tôn hiệu đẹp đẽ của ngài là "Đại Trí Văn Thù".

Văn Thù Bồ tát ở Ngũ Đài Sơn, Hoa Nghiêm Kinh Bồ Tát Trú Sở Phẩm ghi: "Đông Bắc có nơi tên là Thanh Lương Sơn..., thì hiện nay có Bồ tát tên gọi là Văn Thù Sư Lợi". Ngũ Đài Sơn "đóng băng theo năm tháng, mùa hạ vẫn có tuyết rơi, chưa từng có mùa hạ nóng bức, cho nên gọi là Thanh Lương" (Hoa Nghiêm Kinh Sớ). Do đó, bèn lấy Ngũ Đài Sơn làm nơi tu hành của Văn Thù Bồ tát.

Từ thời Bắc Ngụy, Ngũ Đài Sơn đã xây lên Phật tự, đến năm Khai Nguyên đời Đường là cực thịnh.

---o0o---

PHỔ HIỀN BỒ TÁT

Tiếng Phạn của Phổ Hiền tên là "Tam Mạn Đa Phát Đà La". Ngài tượng trưng cho tất cả lý đức, hạnh đức của chư Phật, đại biểu cho "đức" và "hạnh". Ngài có đức diên mệnh (đức mệnh lâu dài), từng phát Thập Chúng Quảng Đại Hạnh Nguyện, muốn làm công việc hùng pháp cho Phật giáo. Tôn hiệu đẹp đẽ của ngài là "Đại Hạnh Phổ Hiền". Bạch tượng là tượng trưng cho nguyện hành quảng đại và công đức viên mãn của ngài, cho nên Phổ Hiền cưỡi con bạch tượng sáu ngà.

Hình tượng của Phổ Hiền, Thai Tạng Giới là chắp hai tay, hoặc tay trái cầm Thanh Liên, tay phải duỗi thẳng bàn tay; Kim Cang Giới lại gọi là Kim Cang Tát, là Kim Cang Thủ Bồ tát, là thân hộ pháp của đức Phật, thủ lãnh của các Kim Cang. Hình tượng của ngài là đầu đội ngũ Phật quan, tay trái chống nạnh hoặc cầm chuông, tay phải cầm Kim Cang Chử. Bạch tượng mà ngài cưỡi là thân thể của Đại Thánh Thiên Vương.

Phổ Hiền Bồ tát sống ở Nga Mi Sơn, trong đó Đại Nga là nơi tu hành của ngài.

---o0o---

BÁT ĐẠI BỒ TÁT

Bát Đại Bồ Tát là những đại biểu trong Đại Bồ Tát Đẳng Giác Vị. Bát Đại Bồ Tát bao gồm những ai, sắp xếp thứ tự như thế nào, trong các kinh ghi chép không giống nhau.

Bốn thuyết pháp tiêu biểu là:

- Thất Phật Dược Sư Kinh gồm: Văn Thù Sư Lợi (Diệu Cát Tường), Quan Thế Âm (Quán Tự Tại), Đại Thế Chí, Vô Tận Ý, Bảo Đàn Hoa Dược Vương, Dược Thượng, Di Lặc (Tỳ Thi).

- Bát Đại Bồ Tát Mạn Trà Lạc Kinh gồm: Quan Thế Âm, Di Lặc, Hư Không Tạng, Phổ Hiền, Kim Cang Thủ, Văn Thù Sư Lợi, Trừ Cái Chướng, Địa Tạng.

- Bát Đại Bồ Tát Kinh gồm: Văn Thù Sư Lợi, Quan Thế Âm, Di Lặc, Hư Không Tạng, Phổ Hiền, Kim Cang Thủ, Trừ Cái Chướng, Địa Tạng.

- Đại Diệu Kim Cang Kinh gồm: Kim Cang Thủ, Văn Thù Sư Lợi, Hư Không Tạng, Di Lặc, Quan Thế Âm, Địa Tạng, Trừ Cái Chướng, Phổ Hiền.

---o0o---

THẬP NHỊ VIÊN GIÁC BỒ TÁT

Viên Giác nghĩa là "linh giác viên mãn", cũng là "tu hành giác ngộ viên mãn".

Theo Viên Mãn Kinh ghi, mười hai vị Bồ tát Viên Mãn là: Văn Thù Sư Lợi, Phổ Hiền Bồ tát, Phổ Nhân Bồ tát, Kim Cang Thủ Bồ tát, Di Lặc Bồ tát, Thanh Tịnh Huệ Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát, Quan Thế Âm Bồ tát, Tịnh Nghiệp Chướng Bồ tát, Phổ Giác Bồ tát, Viên Mãn Bồ tát, Hiền Thiện Thủ Bồ tát.

---o0o---

TAM THẬP TAM QUÁN ÂM BỒ TÁT

Ba mươi hai vị Quán Âm, mỗi vị có một tên gọi và đặc điểm riêng:

Dương Chi Quán Âm: Tay cầm Tịnh bình, lập tượng của dương chi, thường đội Nữ Thức Phong Mão và khoác trên vai khăn dài.

Long Đầu Quán Âm: Cưỡi rồng trong mây.

Độc Kinh Quán Âm: Ngồi trên tảng đá, tay cầm quyển kinh.

Viên Quang Quán Âm: Phía sau lưng có hào quang tỏa sáng.

Du Hí Quán Âm: Cưỡi trên đám mây ngũ sắc với tư thế khoan thai.

Bạch Y Quán Âm: Tay trái cầm hoa sen, tay phải bắm ấn nguyện. Theo Tăng Già Giới Luật, không được mặc áo trắng cho nên hình tượng này rất ít thấy.

Liên Ngọa Quán Âm: Tọa trên đóa hoa sen trong ao.

Long Bối Quán Âm: Dựa vào vách núi, mắt trông về dòng suối chảy.

Thí Dục Quán Âm: Tay phải chống má, tay trái đặt trên đầu gối cầm hoa sen.

Ngư Lãm Quán Âm: Chân đạp con trạch, tay cầm giỏ trúc đầy cá hoặc tay kia cầm giỏ cá.

Đức Vương Quán Âm: Tay cầm gậy làm từ cành cây, ngồi ở bờ đá.

Thủy Nguyệt Quán Âm: Ngắm ánh trăng dưới nước.

Nhất Diệp Quán Âm: Cưỡi trên hoa sen trôi trên mặt nước.

Thanh Cảnh Quán Âm: Truyền thuyết nói Giáng Quỷ Đại Thần Hiện Bà nuốt phải thuốc độc nổi lên từ trên biển, chất độc phát tác ở cổ, đốt cháy phần cổ. Sau đó biến hóa thành Quán Âm Giáng Quỷ cứu chúng mà chữa độc ở cổ.

Uy Đức Quán Âm: Tay trái cầm hoa sen, ngồi trên mỏm đá.

Diên Mệnh Quán Âm: Đầu đội mũ Bảo Phật tượng.

Chúng Bảo Quán Âm: Ngồi trên mặt đất, tay phải hướng xuống đất, tay trái đặt trên gối.

Nham Hộ Quán Âm: Ngồi ở trong hang núi.

Năng Tĩnh Quán Âm: Đứng trên mỏm đá trông ra biển trầm tư suy nghĩ.

A Nậu Quán Âm: A Nậu nghĩa là "rất nhỏ". Chỉ có thiên nhãn, luân vương nhãn và Bồ tát Năng Đắc Phật quả mới có thể trông thấy. Thường trông ra biển.

A Ma Đề Quán Âm: Cưỡi sư tử mà thân tỏa hào quang.

Diệp Y Quán Âm: Ngồi trên mỏm đá có lót lá cỏ.

Lưu Ly Quán Âm: Tay cầm lưu hương. Còn gọi là "Hương Vương Bồ tát", "Hương Vương Quán Âm".

Đa La Tôn Quán Âm: Là một phụ nữ trung niên, chấp tay cầm hoa sen xanh, thuộc phái Mật tông.

Cáp Lợi Bồ Tát: Cưỡi trên con sò hoặc ở trong hai vỏ của con sò.

Lục Thời Quán Âm: Trong trang phục cư sĩ, rất ít thấy.

Mã Lang Phụ Quán Âm: Là hình tượng một phụ nữ dân gian.

Hợp Chương Quán Âm: Có đặc điểm là chấp tay.

Nhất Như Quán Âm: Cưỡi mây bay.

Hoàn Nhị Quán Âm: Hai tay buông xuôi, ngồi trên lá sen trong hồ nước.

Trì Liên Quán Âm: Có khuôn mặt của một thiếu nữ, hai tay cầm hoa sen, ngồi trên lá sen.

Sa Thủy Quán Âm: Còn gọi là "Trích Thủy Quán Âm", tay trái cầm bình cam lộ.

---o0o---

LA HÁN

Phật giáo đồ tu hành là để giải thoát sinh tử khỏi kiếp luân hồi. Tam quả vị trước của tu hành đều không thể vượt khỏi lục đạo luân hồi, quả thứ tư là A la hán quả, vạn hạnh viên mãn, vĩnh viễn sẽ không đầu thai chuyển thế mà vương

vào cái khổ của "sinh tử luân hồi". Người được quả vị này thì gọi là A la hán, gọi tắt là La hán. Đây là thành tựu lớn nhất mà Tiểu thừa Phật giáo nguyên thủy có thể đạt đến.

---o0o---

TỨ ĐẠI THANH VĂN

Địa vị của Tứ Đại Thanh Văn chỉ sau đức Thích Ca, là cốt lõi của Phật môn. Khi đức Thích Ca tại thế, họ là trụ trì chính của giáo vụ, sau khi đức Thích Ca đi vào cõi Niết Bàn, họ là người kế thừa hùng dương Phật pháp.

Thành viên của Tứ Đại Thanh Văn đến nay vẫn chưa xác định chính xác là những ai, nhưng có hai thuyết phổ biến, thuyết thứ nhất gồm: Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Tu Tát Đề, còn thuyết thứ hai là: Ca Diếp, Quân Đồ Bát Thán, Bình Đầu Lô, La Lĩ La.

---o0o---

THẬP ĐẠI ĐỆ TỬ

Đức Thích Ca sinh tiền có mười đại đệ tử, họ có đạo hạnh xuất chúng trong chúng đệ tử. Trong đó Xá Lợi Phất gọi là Đệ nhất Trí tuệ; Mục Kiền Liên gọi là Đệ nhất Thần túc; Ca Diếp gọi là Đệ nhất Đầu đà; A Na Luật gọi là Đệ nhất Thiên nhân; Tu Bồ Đề gọi là Đệ nhất Giải không; Phú Lô Na gọi là Đệ nhất Thuyết pháp; Ca Chiên Diên gọi là Đệ nhất Nghị luận; Ưu Bà Li gọi là Đệ nhất Trì luật; La Lĩ La gọi là Đệ nhất Mật hành; A Nan Đà gọi là Đệ nhất Đa văn.

Thập Đại Đệ Tử này đều là thân truyền của đức Thích Ca, do đó đều là Thanh Văn, lại đều đắc A la hán quả, do đó cũng đều là La hán.

---o0o---

THẬP LỤC LA HÁN

Hiện trong kinh Phật dịch bằng chữ Hán còn giữ lại Thập Lục La hán. Điển cứ sớm nhất có liên quan đến danh hiệu Thập Lục La hán được tìm thấy trong Đại A La Hán Nan Đề Mật Đa La Sở Thuyết Pháp Trú Ký của đại sư Huyền Trang đời Đường dịch, theo đó danh hiệu Thập Lục La hán là như sau:

- Vị thứ nhất: Bình Độ La Bạt La Nọa Lãn, Bạch My Hảo Thủ, thường gọi là "Trường My La hán".

- Vị thứ hai: Ca Nặc Ca Phật Sai, theo Phật Thuyết A La Hán Cù Đúc Kinh nói, ngài là "Thanh văn biết tất cả phép thiện ác".

- Vị thứ ba: Ca Nặc Ca Bạt Lí Nọa Lãn.

- Vị thứ tư: Tô Tần Đà.

- Vị thứ năm: Nặc Cử La.

- Vị thứ sáu: Bạt Đà La, là một người hầu của đức Phật.

- Vị thứ bảy: Ca Lí La, một người hầu của đức Phật.

- Vị thứ tám: Phật Lãn La Phát Đa La.

- Vị thứ chín: Mậu Bác Ca.

- Vị thứ mười: Bán Thác Ca.

- Vị thứ mười một: La Hổ La, đưa con trai độc nhất khi đức Phật tại tục.

- Vị thứ mười hai: Na Gia Tê Na. Sinh ra sau khi đức Phật viên tịch.

- Vị thứ mười ba: Nhân Kiết Đà.

- Vị thứ mười bốn: Phật Na Bà Tư.

- Vị thứ mười lăm: A Thị Đa.

- Vị thứ mười sáu: Chú Trà Bàn Thác Ca. Là anh em sinh đôi với Bán Thác Ca, anh thông minh, em ngu xuẩn.

---o0o---

THẬP BÁT LA HÁN

Hình tượng sớm nhất của Thập Bát La hán được ghi lại trong Thập Bát Đại A La Hán Tụng của Tô Thức. Về sau, nó được ghi lại trong Phật Tổ Thống Ký của Lão Bàn Sở Trứ. Ngoài mười sáu vị La hán nói trên ra, vị thứ mười bảy và thứ mười tám là Ca Diếp và Quân Đồ Bát Thán. Giữa năm Càn Long đời nhà Thanh, Hoàng Đế và Chương Gia Hồ Đồ Khắc Đồ cho rằng vị thứ mười là Giáng Long La Hán (Ca Diếp tôn giả), vị thứ mười tám là Phục Hổ La Hán (Di Lạc tôn giả).

---o0o---

NGŨ BÁCH LA HÁN

Con số năm trăm này ở trong kinh Phật rất nhiều. Năm trăm vị La hán là một tập thể thường thấy trong kinh Phật. Thập Tụng Luật ghi, khi đức Thích Ca ra đời, có năm trăm vị đệ tử theo hầu nghe pháp, sau khi đức Thích Ca nhập Niết Bàn, Ca Diếp dẫn năm trăm vị Tỳ kheo ở thành Vương Xá kết tập Tam Tạng. Lúc đó, Phú Lâu Na dẫn năm trăm vị Tỳ kheo đến gia nhập Phật môn. Trong Kinh Pháp Hoa có Ngũ Bách Đệ Tử Thụ Ký Phẩm. Trong Niết Bàn Kinh và Phật Ngũ Bách Đệ Tử Bản Khởi Kinh, đều có năm trăm đệ tử nói về nhân duyên của mình. Kinh Phật có nói đến rất nhiều về chỗ ở của năm trăm vị La hán, ngược lại không nói đến tôn tánh, đại danh của họ.

---o0o---

LA HÁN VÀ SA DI

Trong Đại Trí Độ Luận ghi, phát tâm Bồ tát chia làm hai loại. Một là tu hạnh các Ba La Mật Kinh, một loại chỉ dựa vào lòng không phát.

Đạo nhân tu hạnh Bồ tát, việc tuy không thành, nhưng có thể hơn tất cả mọi người khác. Giống như chuyện Ca La Tần Ca Điều, khi còn trong trứng đã phát ra âm thanh, khi chưa nứt vỏ thực sự đã hơn tất cả loài chim.

Trước đây có một vị La Hán, tên gọi là Nhất Lục Thông. Ngày nọ, ngài ra ngoài hóa duyên, trên đường gặp một tiểu Sa Di, ngài rất vui, bèn muốn để cho hắn mang giúp hành lý.

"Vậy được", tiểu Sa Di cũng nghe lời.

La Hán bèn đưa y bát cho tiểu Sa Di cầm lấy, mà hai tay La Hán cũng không cầm gì. La Hán đi trước mặt cười rất đắc ý, nhất thời thân tâm đều nhẹ nhõm hơn nhiều.

Tiểu Sa Di theo sau ngài, trên vai gánh lấy y bát của La Hán.

"La Hán, La Hán", Sa Di vừa đi theo một lúc lại gọi lên.

"Chuyện gì thế tiểu Sa Di?" La Hán cho rằng cậu ghét y bát quá nặng, bèn nói một câu trêu ghẹo rằng: "Thế nào, hành lý quá nhẹ sao?" Nói xong, rồi đi về phía trước một cách tự tại.

"La Hán, La Hán", chưa đi được mấy bước, tiểu Sa Di lại gọi.

"Nếu người có chuyện gì nói mau đi", La Hán lại không hiểu trò gì của tiểu Sa Di.

"Tôi nên lấy Phật thừa mà nhập Niết bàn", tiểu Sa Di nói.

"À! Thật đắc tội, mau để ta cầm y bát đi". La Hán biết tâm chí của tiểu Sa Di này to hơn mình, ngạc nhiên, vội vã cáo tội. Ngay lập tức La Hán lấy y bát của mình lại mang trên vai, lại nhường cho tiểu Sa Di đi trước.

Thế là tiểu Sa Di đi ở phía trước La Hán. Cậu đi và đột nhiên trong lòng lóe lên một ý: "Đạo Phật này thật khó, trong sanh tử luân hồi còn phải qua vô số nạn. Những ngày tháng khổ hạnh còn dài! Ta vẫn là lấy Tiểu thừa để nhập Niết bàn sớm thì tốt hơn".

Không ngờ tiểu Sa Di vừa có ý nghĩ này, La Hán lập tức nổi giận, kéo tiểu Sa Di lại, lấy y bát trên vai đưa cho cậu và nói rằng: "Ê, mang lấy y bát cho ta! Người vẫn cứ đi ở phía sau ta".

Tiểu Sa Di đành mang y bát của La Hán, buồn bã đi sau lưng La Hán.

Lần này đi một đường khá dài.

"La Hán, La Hán", tiểu Sa Di lại gọi.

"Sao rồi? Tiểu Sa Di" La Hán hỏi mà không quay đầu lại.

"Sao ngài lại không để cho tôi đi ở phía sau ngài một lúc, rồi lại để cho tôi đi phía trước ngài một lúc? Ngài nổi giận rồi à?", tiểu Sa Di ở phía sau buồn bã cả buổi, cuối cùng hỏi.

"Một tiểu tăng vừa mới xuất gia mấy ngày, sao ta lại nổi giận với người chứ? Đừng nói bừa nữa?"

"Vậy thì tại sao chứ?", tiểu Sa Di hỏi với vẻ không hiểu.

"Tại sao à, về hỏi thầy người thì sẽ biết thôi". La Hán nói xong bèn cười và tiếp tục lên đường.

Sau khi tiểu tăng về đến Phật tự, bèn đem chuyện gặp trên đường hôm nay kể cho thầy của cậu nghe, xong lại hỏi nguyên nhân. Ông thầy là một cao tăng hơn tám mươi tuổi. Sau khi ông nghe xong, nhắm mắt trầm tư một hồi, bèn nói với tiểu Sa Di rằng: "Ban đầu con phát nguyện thành Phật, tâm lòng ấy rất quý trọng, vị trí ấy là thầy ta, chư Bích Chi Phật đều nên cúng dường đức Phật, huống hồ gì là La Hán, cho nên La Hán để cho con đi phía trước, càng không chịu để con thay ông ta mang y bát; sau đó lòng con lại sinh hối hận, đại chí hóa nhỏ, muốn Tiểu thừa nhập Niết bàn, như thế, vị La Hán ấy đương nhiên bắt tất phải cũng đường con".

Sau khi tiểu Sa Di nghe xong, bèn đắc ngộ, từ đó lại chuyển tâm phát nguyện từ Đại thừa để nhập Niết bàn.

---o0o---

VĂN THÙ BỒ TÁT LỆNH CHÚNG PHÁT ĐẠO TÂM

Trước đây rất lâu, có hai trăm vị thiên tử phát lòng Bồ đề, tiếc là họ đều không kiên định, ai ai cũng muốn đầu cơ thủ xảo.

Họ ảnh hưởng lẫn nhau, dẫn đến ai ai cũng đều sợ sự gian nan của Phật đạo, không chịu an tâm học Bồ tát đạo, còn nói: "Học Bồ tát đạo không bằng từ một La hán Bích chi Phật đạo mà nhập thẳng Niết Bàn".

Văn Thù Sư Lợi biết được cách nghĩ của những người này, trong lòng nghĩ: Những người này đều có thể thành Bồ tát, nhưng đều sợ khổ mà muốn rút lui. Ta phải nghĩ cách giáo hóa họ, không thể để họ rút lui, nên để họ thành Bồ tát kiên định mới thôi.

Nghĩ đến đây, Văn Thù Sư Lợi bèn biến thành một Ca La Việt, bưng một bát đầy cơm bách vị, đến trước mặt đức Phật dâng lên. Đức Phật nhận ngay lấy.

Văn Thù Sư Lợi bạch với đức Phật: "Thưa đức Thế Tôn, phải vì đây mà báo ân đức Ngài?"

"Đấy là nghĩa gì?" Xá Lợi Phất đứng bên cạnh đức Phật có chút nghi hoặc hỏi.

"Con hãy xem đây".

Đức Như Lai nói xong, bèn ném cái bát xuống, cái bát chứa đầy cơm bách vị rơi thẳng xuống các chùa.

Một bát cơm bách vị bay qua không trung của các nước có chùa Phật, bay mãi qua bảy mươi hai Hằng Hà Sa Sa Thổ.

Bát bay đến một nơi gọi là Khu A Sa, đức Phật ở nơi này hiệu là Quang Minh Vương. Khi bát bay qua từ không trung đến sa thổ của ông thì ngừng lại.

Người hầu trong chùa trông thấy một cái bát ngừng trên không trung, đều ngạc nhiên hỏi Quang Minh Vương Phật: "Chuyện gì thế thưa đức Phật?"

Quang Minh Vương Phật trả lời rằng: "Phạm Thiên Thượng có một hiệu là Thích Ca Văn Phật, bát bay từ chỗ ông ấy qua, nghĩa là cứu vớt lấy những người không kiên định học Bồ tát đạo mà muốn rút lui".

Trong lòng các người hầu lúc này mới hiểu rõ và mới bắt đầu kiên định Phật đạo.

Những nơi mà bát bay qua, phàm là người hầu trong chùa, không một ai không biết trên trời thực sự có một đức Như Lai Phật.

Trên Phạm Thiên, từ sau khi bát bay đi, đã biến mất không tung tích. Một lúc sau, đức Phật mới nói với Xá Lợi Phất rằng: "Con hãy đi mang bát về đi?"

Xá Lợi Phất thừa uy thần của đức Phật, dựa vào thần lực trí tuệ, dùng vạn định pháp công, qua mấy vạn ngôi chùa, cũng không thấy hình dạng của cái bát. Ngài mất đi lòng tin, từ tam định pháp công lại quay về, đến trước đức Như Lai nói rằng:

"Thưa đức Thế Tôn, con không tìm được bát".

Đức Như Lai quay sang nói với Mục Kiền Liên rằng: "Con đi mang bát về đi".

Mục Kiền Liên lầm lũi ra đi. Qua một lúc sau, cũng cúi đầu buồn bã quay về nói rằng cái bát không biết đi đường nào.

Đức Phật lại để cho Bồ Đề Ngũ Bách Tôn giả đi tìm bát cũng không tìm được tung tích của nó.

Di Lặc trông thấy các Bồ tát đi khắp phương trời nhưng rốt cuộc không tìm được bát về, bèn tự mình hăng hái đi tìm, nhưng ông cũng vè tay không.

Đức Như Lai nhìn Văn Thù Sư Lợi, nói: "Thế nào, đã đến lúc ngài phải đi một chuyến rồi".

Văn Thù Sư Lợi vẫn ngồi trên tọa vị, song không đứng dậy, mà nhập Tam Mê Định Pháp, dùng tay phải chỉ xuống đất, đi qua các Phật tử, tất cả những nơi mà ngài đi qua đều vì thế mà chấn động, người ở trần gian đều trông thấy Văn Thù qua bảy mươi hai Hằng Ha Sa Sa Thổ.

Mọi người đều nhìn thấy rõ, giữa những sợi lông tơ trong cánh tay của Văn Thù Bồ tát đều có muôn vàn hào quang tỏa sáng và muôn vàn đóa hoa sen, trên mỗi đóa hoa sen đều có một vị Bồ tát ngồi.

Tất cả mọi người không ai không ca tụng, tán dương công đức của Như Lai, Thanh Văn Bồ tát.

Lúc này, đức Như Lai buông ánh sáng dưới bàn chân, chiếu sáng cả nhân gian, chiếu sáng cả bảy mươi hai Hằng Hà Sa Sa Thổ.

Phàm là những người trông thấy Phật quang đều được Ma Tỳ Đề Tam Muội Chân Pháp, không ai không giác ngộ, không ai không kiên định lòng tin đối với Phật pháp.

Sau khi Văn Thù Sư Lợi trông thấy bát, dùng tay phải bắt lấy, cùng các Bồ tát bay về trời, tay cầm bát dâng lên đức Phật.

Đức Như Lai nói rằng: "Xá Lợi Phất, ta kể cho con một câu chuyện trong vô số kiếp thời quá khứ".

ấy, có một đức Phật gọi là Dũng Mạc Năng Thắng, có một Tỳ kheo tăng gọi là Tuệ Vương.

Tỳ kheo tăng cầm bát vào thành một nước nọ, ngài xin được một bát cơm bách vị, sau đó từ trong thành đi ra ngoài.

Có một đứa con trai của tôn giả tên là Ly Hậu Vương. Lúc bấy giờ, nữ mẫu của Ly Hậu Vương đang ôm cậu đứng ở trước cửa thành, từ xa cậu ta đã trông thấy Tỳ kheo mang bát cơm bách vị đi qua, bèn từ trong lòng nữ mẫu nhảy xuống, đuổi theo Tỳ kheo tăng mà đòi cơm bách vị.

"Tỳ kheo tăng, Tỳ kheo tăng, cho tôi một ít cơm bách vị ăn đi". Ly Hậu Vương đuổi theo phía sau gọi.

Tỳ kheo tăng lập tức lấy bánh ngọt ra cho cậu bé ăn.

"Ngọt lắm, thật thơm! Con muốn ăn", Ly Hậu Vương vừa ăn vừa đi theo vị Tỳ kheo tăng.

Ly Hậu Vương theo Tỳ kheo tăng đến nơi ở của đức Phật Dũng Mạc Năng Thắng, sau khi khấu đầu với đức Phật, bèn ngồi một bên.

"Này con, con mang bát cơm này đi kính Phật". Tỳ kheo tăng nói.

Ly Hậu Vương bèn làm theo lời ngài.

Dũng Mạc Năng Thắng Phật tiếp lấy bát cơm bách vị và ăn, khi ngài ăn no rồi, trong bát vẫn còn đầy ắp cơm, như chưa ăn qua vậy.

Đức Phật mang bát cơm bách vị chia cho tám vạn bốn ngàn Tỳ kheo và một vạn hai ngàn Bồ tát, ai cũng đều ăn no, nhưng trong bát vẫn còn đầy ắp.

Đức Phật đưa bát cơm bách vị cho Ly Hậu Vương, sau khi Ly Hậu Vương ăn xong trong bát lại đầy.

"Thưa đức Phật, thật là kỳ diệu!" Ly Hậu Vương nói.

Đức Phật dùng thần uy khiến Ly Hậu Vương từ cuộc sống hạnh phúc trần tục, theo Tỳ kheo tăng thọ ngũ giới phát lòng Bồ tát.

Lại nói đến việc Ly Hậu Vương theo sau Tỳ kheo tăng, nhũ mầu của cậu khóc than đuổi theo nửa ngày cũng không đuổi kịp, bèn vội vã quay về nhà báo cho cha mẹ cậu.

Cha mẹ của Ly Hậu Vương đi theo tìm đường đến nơi đức Phật ở, sau khi hành lễ liên bạch với đức Phật rằng: "Đức Phật an lành! Hôm nay con đến tìm con trai của con đã mạo muội đến chỗ ngài, rất vui được diện kiến ngài, chịu ân đức của ngài, con trai con đã bình an vô sự".

Ly Hậu Vương gặp cha mẹ, vui mừng nói rằng: "Thưa cha mẹ, con hiện giờ đã đắc Bồ tát pháp, nguyện là một Sa Môn".

Cha mẹ nghe xong, suy đi nghĩ lại, một lúc sau vui mừng, nói rằng: "Chúng ta cũng phát lòng Bồ tát, theo con nhập đạo, con trai".

Đức Như Lai giảng xong chuyện này nói rằng: "Tuệ Vương Tỳ kheo là Văn Thù Sư Lợi hiện nay, đưa trẻ Ly Hậu Vương này là ta. Như ta cùng thân Phật không tính đếm số kia, bất cứ Phật nào của a tăng kỳ sát thổ (vô số đất Phật) cũng toàn là công đức của Văn Thù Sư Lợi giáo hóa phát động nhập đạo, chúng ta chịu ân đức của Văn Thù Sư Lợi".

Hai trăm Thiên Tử phát Bồ tát tâm ấy nghĩ rằng: "Cả đức Thích Ca Văn Phật cũng đều chịu sự khai thị của Văn Thù Sư Lợi mà phát tâm tự chí thành Phật, vậy chúng ta tại sao lại lười biếng chậm trễ không khổ luyện chứ?"

Nghĩ đến đây, hai trăm thiên tử bèn quyết tâm khổ tu Bồ tát đạo, để cầu thành Phật, Bồ tát đạo hạnh từ đây kiên định bất di.

---o0o---

CÂU CHUYỆN A DỤC VƯƠNG KHUYÊN EM TRAI TIN PHẬT

A Dục Vương Kinh ghi, A Dục Vương đăng cơ kế vị không lâu, thì sách lập em trai mình Đế Tu làm thái tử. A Dục Vương thường nói với em trai rằng: "Em nên sống theo sự tôn sùng, giáo huấn của đức Phật, tin tưởng, lương thiện và nhẫn nhịn khoan dung".

Trong một lần đi săn, Đế Tu đi vào một khu rừng rậm rạp. Trong khi ông tìm thú săn ở khắp nơi, đột nhiên trông thấy một cảnh tượng kỳ dị, chỉ thấy một

người đang để cho ngọn lửa cháy ngùn ngụt đốt thân thể mình. Ông cho rằng đây là tiên nhân, đồng thời nghĩ về cuộc sống của A Dục Vương, bèn thả bộ đến phía trước, cúi đầu, gập người chào rất cung kính, rồi hỏi vị tiên nhân ấy rằng: "Xin hỏi, ngài sống ở đây đã bao lâu rồi? Ngài lấy gì để làm y phục, lấy thức ăn gì để nuôi sống cơ thể? Làm thế nào mà ngài có thể nằm ngủ một cách an toàn và thoải mái, quên hết tình cảm và dục vọng của mình?"

Vị tiên nhân kỳ dị này trả lời rằng: "Ta sống ở đây mười hai năm rồi, trong thời gian này, ta lấy trái cây, củ rễ làm thức ăn, dùng lá cọ để kết thành y phục che thân, dùng lá cỏ khô để làm giường ngủ. Nhưng, chỉ cần có những con nai mỹ lệ ôn hòa, thuần thực, thương yêu nhau, thì sẽ khiến ta hướng về ý niệm người thân đối với khác giới".

Đế Tu nghe đến đây, cảm thấy có chút nghi hoặc, trong lòng thầm nghĩ: "Tu hành gian nan như thế này, vẫn không thể giải trừ tâm niệm dục vọng, vậy chúng đệ tử của đức Phật sao lại có thể vui với tu hành chứ? Lại làm thế nào có thể khống chế các dục vọng của mình chứ? Trong lòng đã bị dao động bởi dục vọng, thì làm sao có thể sinh ra lòng ghét bỏ đối với vinh hoa thế tục chứ? Thế là bèn nói: "Tiên nhân tu hành giỏi như thế này, bình tâm tịnh khí, không ăn mặn, chỉ ăn lá cây rễ cỏ, cũng còn không thể giải trừ dục vọng và dục niệm, vậy thì ta hà tất phải vất bỏ đi tất cả những hưởng thụ chứ?"

Sau khi Đế Tu về, đem chuyện mình đã gặp tiên nhân nói cho A Dục Vương, rồi nói: "Ta nghĩ những đệ tử Phật môn ấy mê hoặc huynh, khiến huynh cho rằng họ thực sự có nhiều công đức".

Sau khi A Dục Vương nghe xong, suy đi nghĩ lại và triệu tập một số đại thần để bàn tính: "Em trai ta thâm tín ngoại đạo, sinh nghi kỵ với sự huyền vi của Phật giáo. Các người nói, làm thế nào để cho hắn có một nhận thức và lý giải chính xác về Phật pháp chánh đạo? Phải làm một điều gì đó thật khéo léo, khiến cho hắn tin ngưỡng Phật pháp".

A Dục Vương lại nói: "Ta có cách này, ta giả bộ đến nhà tắm, đợi đến sau khi ta vào nhà tắm rồi, các người hãy xúi dục hắn, nói một vài lời tốt đẹp về việc làm quốc vương hưởng phúc như thế nào, uy phong như thế nào. Nếu hắn không phản kháng, hãy mang y phục của ta mặc cho hắn, khen hắn sau khi mặc giống như một đại quốc vương, lại khuyên hắn lên ngồi trên ngai vàng của ta, sau đó hãy..."

Sau khi mọi việc đã được an bài, A Dục Vương cố ý để Đế Tu đến bàn một số chuyện bình thường trong triều, lại cho gọi một vài vị đại thần đến bàn một số chuyện không mấy gì quan trọng. Một lúc sau, A Dục Vương giả bộ muốn đi tắm, để Đế Tu và các vị đại thần ở lại nói chuyện phiếm. Các vị đại thần thừa cơ tán dương, tâng bốc Đế Tu anh minh, có mỹ đức làm một quốc vương, lại nói

làm quốc vương thì giàu có như thế nào, tiền bạc mỹ nữ không gì không có. Thấy Đé Tu không có gì phản đối, các vị đại thần bèn mặc y phục của A Dục Vương cho Đé Tu, để hấn ngồi trên ngai vàng của quốc vương.

Lúc này, A Dục Vương xuất hiện, ông thấy Đé Tu ngồi trên vương vị, giả bộ nổi giận, hét lớn rằng: "Hiện giờ ta vẫn chưa chết, người đã ngồi lên vương vị của ta rồi, thế mà được ư? Mau bắt hấn lại cho ta, áp giải mang ra ngoài giết chết!"

Cận vệ nghe thấy mệnh lệnh của A Dục Vương, vây lấy Đé Tu, muốn bắt lấy Đé Tu. Vài vị đại thần vội vã giải thích với A Dục Vương, kể lại rành mạch toàn bộ câu chuyện cho A Dục Vương nghe. Họ khuyên A Dục Vương rằng: "Đé Tu chẳng qua chỉ nhất thời hiếu kỳ, mới quên đi quốc pháp, bất luận người có làm sai chuyện gì đi nữa, người rớt cuộc là em trai ruột của quốc vương, sao ngài có thể dứt tình anh em chứ? Xin quốc vương hãy tha thứ cho sự vô lễ của Đé Tu, đừng sinh lòng oán hận".

A Dục Vương trả lời rằng: "Nói như thế, ta cũng nên nhẫn nhịn về sự sỉ nhục của hấn đối với ta rồi! Không phải hấn muốn làm quốc vương sao? Thôi được, ta đáp ứng cho hấn. Kể từ bây giờ, trong vòng bảy ngày, ta tạm thời giao quyền lực quốc vương cho hấn. Biểu diễn các loại ca vũ cho hấn xem, dâng cho hấn các mỹ nữ để hấn tận hưởng, lại cho hấn ăn các món ngon và đáp mọi yêu cầu của hấn. Sau bảy ngày, lập tức xử tử".

Dân chúng nghe nói về chuyện này, đều muốn đi diện kiến quốc vương, hỏi xem rớt cuộc là chuyện như thế nào, nhưng thấy trước cửa vương cung có nhiều cận vệ canh gác, còn có đao phủ cầm đao đứng ở bên cửa, đành dừng bước không dám tiến lên trước.

Mỗi ngày, đều có người bẩm báo lại cho A Dục Vương về tình hình của Đé Tu. Dần dần qua sáu ngày.

Đến ngày thứ bảy, Đé Tu vẫn mặc y phục quốc vương, ngồi trên bảo tòa, giữ lấy uy nghiêm của quốc vương. A Dục Vương và các đại thần cùng đến trước mặt hấn. A Dục Vương trông thấy sắc mặt tối sầm của Đé Tu, bèn hỏi: "Người đã làm quốc vương bảy ngày, các mỹ nữ, ca vũ, cao lương mỹ vị đều tốt chứ? Người đã nghe thấy, trông thấy, cảm thấy chứ?"

Đé Tu nhìn A Dục Vương, ôn hòa trả lời: "Trong vòng bảy ngày này, đệ không nghe được ca vũ êm dịu, không tận hưởng được cao lương mỹ vị gì, cũng không cảm thấy được gì. Nghĩ lại, điều này đều là do duyên có sợ hãi cái chết gây ra, không có thời gian, cũng không có lòng dạ nào để nghĩ đến những chuyện ấy. Điệu múa của mỹ nữ, cung điện tráng lệ, giường ngủ thoải mái, các loại quý báu hiếm thấy trên thế gian càng không thể nói là thỏa mãn. Trông thấy

tên đao phủ tay cầm thanh đao đứng đợi ở cửa, lại nghe thấy từng hồi trống, đệ không khỏi lo sợ cái chết. Cái chết như cái kim đâm vào tim đệ, đã biết trước là phải chết, thì làm sao có thể yên ổn mà ngủ nghê gì chứ? Nghĩ đi nghĩ lại thì cái chết đang đi gần đến mình, đêm khuya qua đi không hay không biết".

A Dục Vương nói với Đệ Tu: "Chuyện mà người cho rằng đau khổ nhất cả đời, chẳng qua chỉ là cái chết. Tuy là người đã đạt được thứ tốt đẹp nhất trong nhân gian, nhưng cũng không có vui vẻ gì, không có hứng thú gì, càng không có tình yêu cháy bỏng gì. Các tăng lữ xuất gia ngược lại cho rằng không có sự đau khổ của cái chết, từ nhân gian đến tiên cảnh, mọi dục vọng theo đuổi, cầu khẩn đều là thất bại hoặc hư hoại, giống như trong thôn trang trống rỗng không có người ở, dùng lửa thiêu đốt thế gian như thế này để làm gì chứ? Nếu là đệ tử Phật đạt đến sự giác ngộ này, thì điều gì có thể để chúng ta sinh lòng phiền não chứ?"

Kỳ thực, A Dục Vương đã có một phương cách thật khéo léo để giáo hóa Đệ Tu.

Đệ Tu trả lời: "Vương huynh, vương huynh nói đúng. Kể từ hôm nay, đệ nguyện quy y Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng".

A Dục Vương chia đôi tay ra, ôm chặt lấy đầu của Đệ Tu, trong lòng rất vui. Ông nói với Đệ Tu bằng một giọng hơi run run: "Ta không thể nhẫn tâm trông thấy đệ bị tham dục tả hữu, để cho đệ tín phục, ta dùng cách này để khai đạo cho đệ tín ngưỡng Phật pháp, hy vọng đệ có thể hiểu được ta".

Từ đó về sau, Đệ Tu lấy nhạc và hoa dâng lên Phật tháp, các đồ ăn thức uống để cúng dường cho tăng lữ. Như thế hành tích thiện đức, đạo tu ấy càng ngày càng thành tâm hơn.

---o0o---

VĂN THÙ BIẾN NỮ THI ĐỀ KHUYÊN NAM TỬ

Trong Đại Tịnh Pháp Môn Kinh ghi, ở Ma Kiệt quốc có một quan viên, phong cảnh tú lệ, cảnh sắc mê người. Ngày ấy, có một nam một nữ đang cùng nhau rải hoa thấp hương cúng Phật ở một nơi rộng rãi thoáng mát trong một quan viên.

Người con trai ấy là con của một trưởng giả trong thành, tên gọi là Úy Gian, người con gái ấy là một người nhàn du, tên là Thượng Kim Quang Thủ.

Hai người tuy nói là đang bái Phật, nhưng ngược lại đang dờ dờ trò chim chuột. Thượng Kim Quang Thủ không ngừng nhìn trộm Úy Gian, kỳ thực là đã

động lòng yêu đương. Còn Úy Gian, cũng tâm đầy ý hợp, mắt luôn liếc sang Thượng Kim Quang Thủ.

Hai người này đang không thành tâm bái Phật như thế, Thượng Kim Quang Thủ đột nhiên ngã lăn ra đất, tứ chi nhất thời đơ cứng. Úy Gian rất đổi kinh ngạc, tưởng là cô ta giả chết, bèn chạy lại giục cô ấy, nhưng cô ấy không hề động đậy.

Úy Gian nhìn Thượng Kim Quang Thủ, nhưng không biết phải làm thế nào, chỉ thấy thoát một cái sắc mặt cô ấy chuyển sang xanh rồi đen, mắt, cằm, mũi, tai đều chảy máu thắm, một luồng hơi thúì xông lên mũi chàng.

Úy Gian lúc này mới rõ, Thượng Kim Quang Thủ thực sự đã chết và dưới ánh nắng oi bức đã bắt đầu thối rữa.

chớp mắt, thi hài của cô gái đã thối rữa đến nỗi không thể nhìn được. Một đàn ruồi xanh theo mùi hơi thối mà đến, bay quanh và bám đầy thi thể.

Một Thượng Kim Quang Thủ tức khắc biến đi mất, thay vào đó là một đồng thịt mục nát thối rữa.

Úy Gian không thể nghĩ đến nguyên nhân cái chết của Thượng Kim Quang Thủ, không khỏi thất kinh, định bỏ chạy.

Úy Gian vừa đứng dậy định chạy, thì nghe thấy ở góc cây bên cạnh có tiếng nói rằng: "Cô gái ấy chết thật tội nghiệp, khuôn mặt đẹp đẽ như thế, thân hình thướt tha như thế, ngược lại bị vứt ở đây không ai trông coi. Ấy, thật tội nghiệp".

Ở một góc cây khác lại cũng có tiếng nói rằng: "Này chàng trai, chẳng lẽ ngươi chỉ muốn vui vẻ khi cô ấy còn sống, mà không lo gì đến tình cảnh thê thảm của cô ấy khi chết rồi sao?"

Úy Gian ngừng đôi chân lại theo bản năng, sao những cái cây kỳ quái ấy lại biết nói. Suy nghĩ một lúc, chàng phát thiện tâm, cởi áo ngoài trên người xuống, đắp lên thi hài đã mục nát và đang phát mùi hơi thối ấy, mang đến chôn ở trong rừng.

Úy Gian đi về nơi rất xa, đang đi thì đột nhiên thấy trên không trung tỏa Phật quang vạn trượng, chiếu sáng cả một bầu trời. Trong ánh Phật quang, Như Lai uy nghi vạn phương, thần thái rạng rỡ.

Úy Gian nhất thời quên đi việc vừa rồi, trong lòng hưng phấn khác lạ. Chàng hầu như không còn tin vào mắt mình nữa. Định thần lại, điều khiển

chàng kinh ngạc đúng là sự thật, Thiên Đế Thích khoác hào quang ngũ sắc đứng ngay trước mặt.

"Này chàng trai, chúc mừng chúc mừng, tuổi người còn trẻ mà có phúc thân trông thấy đức Như Lai Phật rồi, chắc là đã làm được việc thiện gì đây?" Thiên Đế Thích đi qua khen Úy Gian.

Úy Gian nghe lời này, vội nói với Thiên Đế Thích: "Đế Thích tôn kính, ngài thật là cứu khổ cứu nạn. Tôi đang rất sầu muộn đây! Xin ngài hãy chỉ cho tôi một đường quang minh chính đạo đi".

"Này chàng trai trẻ, bất tất phải lo rầu, có chuyện gì thì hãy cùng ta đến chỗ đức Phật để giải bày đi".

Thế là họ cùng nhau đến gặp đức Phật. Thiên Đế Thích biến ra một đóa hoa, đưa cho Úy Gian nói rằng: "Đóa hoa này đặt ở bên người đức Phật, có lời gì thì cứ bạch với đức Phật đi".

Úy Gian theo sự hướng dẫn của Thiên Đế Thích, mang hoa đến đặt bên chân đức Phật, lui về phía sau khấu đầu: "Thưa đức Thế Tôn, con có một chuyện như thế này muốn nói cho ngài nghe và mong ngài chỉ giáo cho con. Hôm nay, có một cô gái hiền du mời con đến quan viên dạo chơi, đột nhiên chết đi không hay không biết, thất khiếu của cô ấy chảy máu, da thịt thối nát. Con giật mình, chuẩn bị chạy đi. Hiện giờ con nên làm thế nào? Xin đức Thế Tôn chỉ cho con một con đường sáng sủa".

Đức Phật đang chuẩn bị nói, thì từ bên ngoài bước vào hai cô gái trẻ. Úy Gian trông thấy hai người nọ bèn kinh ngạc, thì ra một người lớn tuổi hơn một tý, chính là Thượng Kim Quang Thủ.

Sau khi hai người bái kiến đức Phật xong liền đi ra ngoài, Úy Gian quay đầu lại nhìn, không thấy Thiên Đế Thích, mà trước mặt chỉ có Văn Thù Sư Lợi Bồ tát.

"Này chàng trai trẻ, người còn nhận ra hai tỷ muội vừa rồi đến bái kiến đức Phật không?" Văn Thù Bồ tát nói.

"Con biết người chị".

"Cô ta là ai chứ?"

"Thượng Kim Quang Thủ".

"Sao người có thể biết họ chứ?"

Úy Gian đem chuyện mình vừa bạch với đức Phật nói lại cho Văn Thù Sư Lợi Bồ tát.

Văn Thù Sư Lợi lại hỏi: "Người biết được điều gì từ trong sự việc hôm nay?"

Nhất thời, trong lòng Úy Gian giác ngộ. Chàng liền đáp: "Sắc đẹp chính là bọt nước tụ tập lại, đau khổ cũng chỉ là bọt nước nhất thời, hoang tưởng giống như ngựa hoang tự do chạy nhảy, cho nên con biết Thượng Kim Quang Thủ cũng như vậy. Không thể có được gương mặt tú lệ của cô ấy, chỉ có đạo Phật mới là chỗ dựa vĩnh viễn của con".

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát cười một cách hài lòng. Úy Gian hoàn toàn hiểu rõ chuyện mình vừa trải qua.

"Vốn dĩ là dụng ý của ngài, con lúc bấy giờ nghe gốc cây nói chuyện, mới khởi được thiện tâm, bây giờ mới biết được đó đều là lực lượng của ngài, thật xấu hổ với sự chỉ giáo của ngài".

"Người đã giác ngộ, thì không cần phải nhắc đến chuyện đã qua", Văn Thù Sư Lợi Bồ tát nói xong rồi đi mất.

Đức Phật nói với A Nan: "Văn Thù Sư Lợi trong quá khứ đã khuyến hóa cô gái ấy, khiến cô ta phát đạo tâm, ta trong tiền kiếp cũng khuyến hóa cô ấy, khiến cho cô ấy phát đạo ý. Thượng Kim Quang Thủ qua chín trăm hai mươi kiếp, đắc Phật đạo hiệu là Bảo Quang Minh, Úy Gian đắc Bồ tát đạo, gọi là Đức Quang Diệu, sau đó thành Phật. Khi đức Phật chưa viên tịch, truyền cho Đức Quang Diệu Bồ tát khẩu quyết, Ban Nê Hoàn hiệu Trì Hàm".

---o0o---

PHẬT GIÁNG ƯƠNG QUẠT ĐA LA

Trong Tăng Nhất A Hàm Kinh có một câu chuyện như thế này. Một ngày nọ, chúng Tỳ kheo thân mặc áo mới, cầm bát đi đến Xá Vệ để khất thực. Trong mắt họ, nhân dân thành Xá Vệ sống một cuộc sống vui vẻ. Nhưng khi chúng Tỳ kheo vừa đến thành Xá Vệ, thì nghe được một chuyện xấu khiến phải kinh động. Và lại, chính mắt họ nhìn thấy bá tánh tụ tập trước cửa vương cung của vua Ba Tư Nặc, nắm tay khóc lóc.

"Thưa quốc vương nhân ái tôn kính, cầu xin ngài hãy vì chúng tôi mà trừ hại tội ác, đem lại an bình cho đất nước.

Chúng tôi thực sự không chịu nổi nữa rồi! Xin quốc vương xuất binh giết giặc".

Nhân dân không ngừng bị hại như xé gan đứt ruột, cầu khẩn sự cứu giúp của quốc vương.

"Rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì? Tại sao bá tánh lại lâm vào cảnh bi thảm như vậy?", trong lòng chúng Tỳ kheo nghi hoặc không yên. Vì vậy họ liền đi tìm hiểu, hỏi han để biết được nguyên do.

Thì ra trong nước có một tên giặc giết người, tên là Ương Quật Ma La.

Tên giặc giết người này tàn hại dân chúng, thủ đoạn tàn bạo, không chút lòng thương hại. Thôn xóm chung quanh thành bị náo loạn, bá tánh sợ tên ác ôn này khủng khiếp. Đầu tên ác ôn đội mũ hoa, không phải kết bằng hoa, mà là do ngón tay của những người bị giết chết cắm lên ngọn mà thành, mỗi một ngón tay đều gợi đến một mạng người lương thiện. Ương Quật Ma La chính là vì cái mũ ngón tay người này mà gọi tên. Và lại, tên ác ôn luôn không thỏa mãn, hấn không ngừng giết người, rồi lấy ngón tay cắm lên trên chóp mũ cao cao mới cảm thấy đắc ý. Do đó, bá tánh đã đến khóc lóc cầu vua Ba Tư Nặc diệt trừ tên ác ôn giết người làm vui này.

Chúng Tỳ kheo lập tức kết thúc công việc hóa duyên của mình, cùng nhau đến gặp đức Phật, nói lại cho đức Phật nghe câu chuyện quá đỗi bi thương này.

Đức Phật cảm thấy vô cùng kinh ngạc, không ngờ lại có chuyện này xảy ra sao? Ngài bèn phát đại từ bi, tức khắc đến nơi ở của Ương Quật Ma La.

Trên đường đi, đức Phật lại thấy một đoàn người đi về phía ngài, trong đó có tiều phu gánh củi và cỏ, nông dân mang cuốc cày, người đi đường quảy tay nải... Họ đều là những người không thể an tâm sinh sống, nên lũ lượt kéo về nơi ở của đức Phật để lánh nạn.

"Sa Môn Đại sư, ngài nhất thiết đừng đi theo con đường này!", mọi người chạy đến đều khuyên đức Phật như thế. "Trên đường này có một tên ác ôn giết người cắt ngón tay, dùng ngón tay kết lên mũ cao đây!"

Đám người chạy nạn vốn nghĩ Sa Môn sẽ sợ, nào ngờ Sa Môn này lại nói: "Ta chính là đến vì tên Ương Quật Ma La này".

Nói rồi đức Phật lại tiếp tục đi về phía trước.

Lại nói đến tên ác ôn, hôm nay vẫn chưa giết chết được người nào, hấn buồn bã đến phát hoảng, đang ngồi bên đường đợi xem có người nào đến nộp

mạng để cho hấn tiêu khiển. Từ xa trông thấy một người đi lại, tên Ương Quật Ma La hết sức vui mừng, trong lòng hấn nghĩ: "Thế là đã toại nguyện rồi, tên Sa Môn to gan này dám một mình mà đi, há chẳng phải là tự mình tìm khổ sao? Muốn khẩn cầu ta khai ân thì cũng chẳng có một người nào nói giúp. Hứ... sao chỉ có một người đi lại, nếu không thì ta có thể chặt vài ngón tay chơi rồi!"

Nghĩ như thế, tên ác ôn lại không vui, hấn lộ ra một ánh mắt hung tàn, không giết chết tên Sa Môn này thì không thể giải muộn.

"Ê!" một tiếng, tên ác ôn rút thanh gươm sắc bén ra chạy về phía đức Phật, đức Phật thấy tên ác ôn chạy lại bèn quay người chạy đi. Tên ác ôn thấy đức Phật quay lại, vội vã đuổi theo, vài bước thì đã đuổi kịp đằng sau đức Phật. Hấn dùng hết sức lực múa kiếm xông về đức Phật, tưởng là đã mã đáo thành công, đầu rơi xuống đất. Nhưng không ngờ là một đao hồng không, đức Phật xa đến ngoài vài trượng.

Ương Quật Ma La không cam tâm, trong lòng nghĩ tên Sa Môn này chạy nhanh thật, lại vồ về trước, nhưng vẫn chém vào không khí.

"Thật kỳ lạ!" Ương Quật Ma La kinh ngạc: "Bình thường ta chạy như phi như bay, đuổi theo người khác dễ như trở bàn tay, sao hôm nay lại không thể qua mặt được hấn nhỉ?"

Ương Quật Ma La không khỏi nghi ngờ, bèn xem kỹ tên Sa Môn này chạy như thế nào, nhưng càng xem, càng khiến cho hấn rất không hiểu. Thì ra Sa Môn đi rất thông thả, chứ không phải là chạy dòn.

Ương Quật Ma La lòng dạ hiểm độc, đâu chịu sự trắc trở này, bèn nghiêng răng đuổi theo không bỏ qua, thề phải giết chết Sa Môn này mới thôi.

Nhưng mỗi khi hấn vừa đuổi kịp Sa Môn và muốn quơ đao, thì Sa Môn đột nhiên cách xa hấn. Sau khi lặp lại nhiều lần, Ương Quật Ma La có hơi giận, bèn hét lên rằng: "Sa Môn, Sa Môn, người dừng lại đi, ta không thể đuổi kịp người!"

Đức Phật trả lời rằng: "Ta đã dừng lại từ rất lâu, tại ngươi vẫn cứ đuổi không ngừng thôi. Ngươi xem kỹ lại xem ta đã từng chạy sao".

Tiếng nói của đức Phật thật vang. Ương Quật Ma La lúc này sức cùng lực kiệt, sinh lòng nghi hoặc: "Hấn cũng không cần đi, ta rút cuộc đuổi theo cũng không kịp. A! Hay là ta đã làm điều ác, tội ác chồng chất rồi sao?"

Ương Quật Ma La vừa nghĩ đến đây, bèn ném thanh gươm, quỳ mọp xuống đất nói rằng: "Sa Môn, trước đây ta làm vô số điều ác, hiện giờ đã hối cải, xin ngài vì tôi mà thụ túc giới hành đi".

Ương Quật Ma La cầu khẩn đức Phật thu nhận mình làm môn đệ, đức Phật thấy hấn thực sự đã bỏ ác, hướng thiện, bèn trả lời rằng: "Thiện tai Tỳ kheo, lại đây, lại đây!".

Lời đức Phật vừa cất lên, râu và tóc Ương Quật Ma La rụng xuống đất, cái mũ tay người cao cao vẫn ở trên đầu, y phục thì tự động biến thành cà sa, diện mạo hung ác bỗng chốc giảm đi hơn một nửa.

Đức Phật lại thuyết pháp cho Ương Quật Ma La nghe, khiến cho hấn trở thành La Hán.

Lúc này quốc vương Ba Tư Nặc thống lĩnh bốn đội quân Đông, Tây, Nam, Bắc đến để tiêu diệt Ương Quật Ma La. Đại quân hiệu lệnh thâm nghiêm, binh thương giáp tiển sáng loáng. Tiển đội đã đến trước mặt đức Phật, mà hậu đội vẫn ở trong thành Xá Vệ. Quốc vương Ba Tư Nặc cưỡi ngựa uy nghi đi đến chính giữa, đại đội nhân mã dạt ra hai bên.

Tin tức mà tiển đội truyền đến nói đức Phật đang ở trước mặt, đã chế phục được Ương Quật Ma La rồi. Quốc vương liền truyền lệnh ngưng tiển, đến trước mặt đức Phật nói: "Thưa Phật Tổ, chúng con đặc biệt đến thanh trừ ác tặc!"

"Quốc vương, ta đã thu giáng hấn rồi. Người xem, không phải sao?"

Quốc vương trông về phía tay đức Phật chỉ, Ương Quật Ma La đang đứng ở một nơi không xa, cái mũ hoa ngón tay cao cao vẫn đội trên đầu, nhưng râu và tóc đều rụng cả, thân mặc áo cà sa.

Quốc vương vừa trông thấy, trong lòng nghi hoặc, vội vã xuống ngựa hỏi đức Phật rằng: "Phật Tổ, hấn hiện giờ trông thấy tướng mạo mười phần đều ác, sao ngài có thể để hấn thành đạo chứ?"

"Câu hỏi này con tốt nhất là đi hỏi chính hấn". Đức Phật cười nói.

Nhưng quốc vương thấy diện mạo của Ương Quật Ma La hung ác, cũng không dám đến phía trước để hỏi. Đức Phật trông thấy sự khiếp sợ của quốc vương Ba Tư Nặc, bèn cười rằng: "Quốc vương không phải đến để diệt trừ hấn sao, muốn bắt hấn mà ngài như thế này thì sao ngài có thể tra hỏi hấn chứ". Huống hồ giờ đây hấn đã chịu đủ giới hành, xuất gia cầu đạo".

Quốc vương nghe đức Phật nói như thế, vội vã trấn tĩnh tinh thần, tiển đến chỗ của Ương Quật Ma La đứng.

Quốc vương đến trước mặt của Ương Quật Ma La, hành lễ gặp mặt, đứng một bên hỏi rằng: "Tôn giả Ương Quật Ma La, hiện giờ ngài xưng hô như thế nào?"

"Thưa quốc vương, pháp danh của tôi là Ca Cừ, mẫu thân thường gọi là Mạn Đa Da Ni". Ương Quật Ma La hay Ca Cừ lúc này, lòng nhân từ có thể thấy được. Hấn quy lễ rất nhiệt tình, đã không còn là tên ác ôn mà trước đây giết người làm vui. Hấn dùng cách đáp lễ của người xuất gia với quốc vương với thái độ rất cung kính.

"Ngài thiện tự cầu đạo, tinh tiến khắc khổ tu hành đi, ta nhân danh là chủ của một nước, chúc ngài trường thọ, cúng dường ngài". Quốc vương thấy Ca Cừ biết lễ như thế, lòng sinh vui, nên nói vậy.

"Đa tạ quốc vương thi ân thí xá cho tôi", Ca Cừ cảm tạ.

"Chỉ cần ngài muốn, y phục chăn mền, cơm ăn nước uống, thuốc men dưỡng cụ..., ta đều không hà tiện. Ngài nên thường xuyên tụng kinh hộ pháp, cứu khổ cứu nạn mới phải". Quốc vương lại hứa một cách cảm khái, sau đó quay lại dặn dò thủ hạ: "Mang lễ đến".

Một toán văn thần mang lễ vật đại tông đến cho Ca Cừ. Ba Tư Nặc quốc vương nói: "Tôn giả Ca Cừ, mong ngài đừng chê vật mọn, xin mời nhận lấy để qua ngày tháng. Công thành đức tự, xin hãy vì dân ta cầu phúc mưu lợi, thật quá nhiều gian khổ".

Cừ cảm tạ rằng: "Quốc vương thâm minh đại nghĩa, trừ bạo an dân, ngàn năm lưu lại tiếng thơm, ban hậu lễ thật có hổ thẹn, mong tôn vương không nghĩ đến sự hiểm trước đây, khoan hồng tha thứ cho kẻ ngu muội này". Ca Cừ ngay lập tức ném cái mũ hoa ngón tay xuống đất, rồi nói: "Từ nay về sau, ta rửa lòng cách điện, lấy công chuộc tội, cứu khổ dân nạn".

Lòng hối cải của Ca Cừ đối với vua Ba Tư Nặc làm cho quốc vương và chúng thần đều cảm động. Sau đó quốc vương đến gặp đức Phật bạch với đức Phật rằng: "Thưa Phật Tổ, ngài đã không thu phục hấn, thì ta cũng giáo hóa mà thu phục hấn".

Đức Phật cười không nói.

---o0o---

LỤC THỂ TRANH CÔNG

Trong Duy Lô Vương Sư Nhũ Thí Dụ Kinh ghi, trước đây. một nhà có bốn anh em, tánh tình cương trực, tính khí nóng nảy, thật là một chọi một. Nếu anh cả nói mặt trời mọc từ hướng Đông, thì anh hai bèn cãi lại rằng mặt trời mọc từ hướng Tây, nếu cậu ba nói trên trời chiếu sáng, tất em út sẽ nói dưới đất mưa lên.

Lúc nhỏ, bốn anh em cùng nhau đấu khẩu rất vui, nhưng khi họ lớn, thì niềm vui ấy lại trở thành vấn đề đáng lo ngại. Nhất là khi cha mẹ họ đã mất, bốn anh em này không ai chịu thua ai, suốt ngày cãi nhau ầm ĩ cả lên đến nỗi gà chó không yên. Họ mà ở cùng với nhau thì không thể nào chịu nổi.

Bốn anh em cãi nhau đến nỗi phải chia gia tài để sống riêng, tách biệt hẳn nhau. Nhưng khi chia gia tài thì cả bốn người họ lại cãi nhau đến nỗi không thể tiếp tục nói chuyện với nhau được nữa. Một người muốn món đồ này, thì ba người khác cũng giành cho bằng được. Ai cũng không nhường ai, giành nhau đến nỗi đồ mặt tía tai cũng không phân thắng giải.

"Thôi đi!", người anh cả vừa trông thấy tình cảnh, bèn thét lên.

"Món lớn thì nên cho người nhỏ!".

"Sức ai lớn thì nghe theo người ấy".

"Lại cãi nhau, ta cho một ngọn lửa thiêu rụi căn phòng bây giờ".

"Ngươi mà đốt ta lột da ngươi".

Thế là trong phòng loạn cả lên. Em út muốn đốt lửa, anh ba vén tay áo đòi đánh, anh cả từ trong bồn múc nước định tạt, cậu hai lại chạy ngoài tìm đá nát gạch vụn.

Một lát sau, anh hai tay không trở về, sau lưng có Xá Lợi Phát.

"Các người đừng có cãi nhau nữa, tôi mời Xá Lợi Phát đến chủ trì công lý cho chúng ta đây", anh hai xông đến chỗ ba anh em hét lên.

Bốn anh em thấy tình cảnh như vậy, đành phải đồng ý để Xá Lợi Phát đứng ra giải quyết cho họ.

"Thiện tại, thiện tại!", Xá Lợi Phát vui vẻ nói: "Chỉ sợ ta cũng không đủ sức, mời bốn anh em các người cùng ta đến gặp Phật Tổ. Ta mời đức Phật của ta giải quyết giúp các người, chắc chắn là có thể giải quyết được tốt. Ngài là chí cao vô thượng trong tam giới".

Bốn anh em cùng Xá Lợi Phát đến La Chí Duyệt Trúc Viên nơi đức Phật ở.

Lúc này, đức Phật đang nhắm mắt dưỡng thần trong La Chí Duyệt Trúc Viên, linh cảm được Xá Lợi Phất và bốn anh em đang đến trước mặt ngài.

Đức Phật mở đôi mắt ra, trông thấy đôi mắt tươi cười của bốn anh em tỏa hào quang ngũ sắc, trong lòng liền biết được túc nghiệp của họ như thế nào.

Trong nháy mắt bốn anh em đã đi đến trước mặt, đang muốn cất lời bạch đức Phật thì...

"Ta đã biết rồi", đức Phật ra hiệu cho bốn anh em không cần phải nói đến chuyện phân chia tài sản. "Trước tiên ta kể cho các con nghe một câu chuyện".

Thế là đức Phật liền kể một câu chuyện.

- Ngày xưa ngày xưa, có một quốc vương tên là Duy Lô. Duy Lô mắc một chứng bệnh rất kỳ quái. Bệnh này dày vò ông ấy một cách rất đau khổ, ngự y vào cung trị bệnh cho ông mỗi ngày.

Thật không dễ, ngự y mới tìm được nguyên nhân bệnh, bèn bốc một bài thuốc, trong đó có một vị thuốc gọi là Sư Tử Nhũ, chính là sữa của sư tử. Điều này thật gây khó cho mọi người trong cung.

Trong cung chắc chắn không tìm ra, đành phái người đi khắp nơi trên đất nước để tìm, nhưng qua một thời gian dài cũng không tìm thấy.

Quốc vương liền ra lệnh treo giải thưởng:

Ai có thể tìm được Sư Tử Nhũ mang về dâng cho quốc vương, quốc vương sẽ phong cho người đó là Đẩu Đẳng Đại Công, ban cho người đó đất đai tốt nhất. Quốc vương còn gả cô con gái nhỏ xinh xắn cho người đó và sẽ không hối hận!

Ngày nọ, có một người nghèo xơ nghèo xác tìm đến cung vua, nói với quốc vương rằng: "Thưa tôn vương, nếu tôi tìm được sữa của sư tử, thì tôi có thể làm đại công, làm con rể của ngài, đúng không?"

"Đúng vậy! Nhưng nếu thứ người mang về là giả, thì người sẽ bị rơi đầu", Duy Lô Vương nói.

Tuy người này nghèo nhưng chí không nghèo, hắn tên là Hóa Tử Ban và thông minh hơn người. Hắn đi về phía núi, tìm dấu vết và huyết động của sư tử.

Sau đó hắn về nhà, giết chết một con dê, mang bảy, tám bình rượu nho và thịt dê lên trên núi.

Hắn lên đến núi, tìm động của sư tử, đặt rượu và thịt ở trước cửa, rồi nhẹ nhàng núp ở một bên xem.

Sư tử ra ngoài tìm thức ăn quay về, hình như nó không tìm được gì để ăn, vừa trông thấy thịt dê, rượu, sư tử bèn vồ đến, ăn một bữa no nê.

Người nghèo khổ trông thấy sư tử ăn uống ngậm ngoàm, không bao lâu đã ăn sạch đồng thịt dê, rượu cũng uống mất sáu, bảy bình. Đến bình rượu cuối cùng sư tử chưa kịp uống đã ngã lăn ra ngủ "O o, o o...".

Tiếng ngáy của sư tử như sấm dậy. Người này thấy sư tử đã ngủ say, vui mừng chạy đến vắt sữa vào một cái bình rỗng, một lúc sau đã vắt đầy bình. Người ấy vui mừng mang bình sữa xuống núi. Phía sau tiếng ngáy như sấm của sư tử vẫn vang dậy.

Người nghèo khổ ấy tìm được Sư Tử Nhũ, nhưng đường về đến vương cung vẫn còn rất xa, mà trời đã tối sẫm, hắn đành phải tìm một nhà trọ để trú lại.

Có một La hán cũng ở trong phòng trọ với người nghèo ấy. Nửa đêm, La hán bị đánh thức bởi một trận cãi nhau. La hán nghe kỹ lại, mới biết là chuyện như thế này:

"Không có ta đến động sư tử, còn muốn được sữa sư tử, nằm mơ đi", cái chân của người này nói.

Lập tức có một âm thanh nói rằng: "Không có ta vắt sữa sư tử, chẳng lẽ chân người lại biết vắt sữa?"

Tay của người nghèo khốn tranh công với chân. Tiếp theo, lại có vài âm thanh cãi vã thêm:

"Không có mắt ta trông thấy sư tử, tay chân các người làm sao có thể biết được sư tử ở chỗ nào chứ?"

"Không có miệng ta nói với quốc vương, đi tìm Sư Tử Nhũ, các người đều uống công. Vả lại, quay về cũng chính là do ta đích thân nói với quốc vương Sư Tử Nhũ ấy đã tìm được, nếu không thì quốc vương làm sao có thể biết được chứ?"

"Miệng có thể đi sao?"

"Mắt có thể vắt sữa sao?"

"Tay có thể nghe sao?"

.....

Các cơ quan trên cơ thể của người nghèo khổ cãi nhau rộn cả lên. La hán lúc này mới hiểu rõ, người này tìm được Sư Tử Nhũ, muốn đi dâng cho quốc vương, mà các bộ phận trên cơ thể của hắn lại tranh công.

"Hừ, các ngươi hãy đợi đây" cuối cùng cái miệng nói thao thao.

Ngày hôm sau, người nghèo khổ ấy đến cửa cung, nói với người giữ cổng rằng hắn mang Sư Tử Nhũ đến. Thị vệ bầm báo chuyện này lại cho quốc vương, quốc vương cả mừng.

"Mau mang vào đây cho ta xem, có phải thật không!"

Quốc vương rất tiếc mạng sống lúc nào cũng nghĩ đến tính mạng của mình là quan trọng, nên cho dù trong lòng có hung phấn đến mấy cũng không quên đi sự an toàn.

Người nghèo khổ mang Sư Tử Nhũ vào cho quốc vương xem. Duy Lô Vương vừa cầm lấy bình ngửi tỉ mỉ, đột nhiên có một âm thanh vọng đến: "Đây là sữa lừa, thực sự không phải là sữa sư tử! Thưa đại vương tôn kính!".

Quốc vương ngẩng đầu lên xem lời nó đó đích thị phát ra từ cái miệng của người mang sữa.

"Ngươi đâu! Chém đầu hắn cho ta!" Duy Lô vương giận dữ hét lớn.

Một toán cận vệ vốn dĩ rất hiếu kỳ, đang muốn biết tên này làm cách nào có thể lấy được Sư Tử Nhũ, nào ngờ chỗ sữa này lại là giả. Các cận vệ liền nắm lấy hắn, trói chặt lại, chuẩn bị mang ra chém đầu.

Ngay trong lúc ngàn cân treo sợi tóc, đột nhiên từ bên ngoài có tiếng hét vọng vào như tiếng sấm:

"Dừng đao để người lại!"

Duy Lô Vương kinh ngạc, mọi người lũ lượt ngẩng đầu lên xem, thì trên trời đáp xuống một La hán.

"Tôn vương, ngài không thể giết hắn, đây chính là Sư Tử Nhũ đích thực". Vị La hán ấy không đợi đến quốc vương hỏi, vội vã nói.

"Rốt cuộc là chuyện gì? Ngươi nào mau", Duy Lô Vương hỏi thúc La hán.

Thế là La hán bèn thuật lại mọi chuyện mà đêm hôm qua khi ở cùng với người nghèo khổ trong quán trọ đã nghe thấy. Quân thần bá quan và cận vệ nghe xong, ai cũng nhìn nhau kinh ngạc. Duy Lô Vương bán tín bán nghi hỏi: "Lời của người là thật chứ?"

"Tôn vương, chẳng lẽ ta là La hán, mà còn biết nói lời không thật sao? Trước tiên ngài hãy dùng sữa trong bình để làm thuốc trị bệnh, tất cả mọi kết quả ta cam tâm tình nguyện gánh chịu! Ngài hãy thả người ấy ra đi".

Duy Lô Vương suy đi nghĩ lại, cuối cùng nói rằng: "Thôi được, trước tiên là dùng nó làm thuốc trị bệnh, nếu không thấy công hiệu, thì đừng trách ta không khách khí nhé. Còn những chuyện khác, đợi sau hãy tính. Trước tiên hãy mở trời cho tên này, nhưng phải canh giữ hắn".

Tính mệnh của người nghèo khổ ấy tạm thời được bảo đảm, còn Sư Tử Nhũ sau khi dùng làm thuốc, thì hiệu quả thật thần diệu. Khi quốc vương uống Sư Tử Nhũ vào thì trong nháy mắt căn bệnh kỳ quái của quốc vương được chữa khỏi.

Duy Lô Vương bị căn bệnh ấy dày vò vô cùng, hồi phục lại sức lực, rất vui mừng, lập tức triệu người nghèo khổ ấy lại, chuẩn bị thực hiện lời hứa của mình.

"Để cho người chịu oan ức", quốc vương nói với hắn: "Bây giờ ta sẽ thực hiện nghi thức tấn phong cho người, cử hành hôn lễ cho người. Sau đó người có thể mang con gái xinh đẹp của ta đến vùng đất mà ta ban cho để hưởng vinh hoa phú quý".

Người nghèo khổ ấy đứng dậy, bình tĩnh nói rằng: "Bệ hạ tôn kính, cảm tạ hậu đãi của người đối với tôi, nhưng ơn cứu mạng của La hán đại sư tôi không dám quên, tôi đã quyết định xuất gia là một Sa môn".

Người nghèo khổ vừa nói xong, tóc và râu của hắn liền rụng sạch, chiếc áo khoác trên người cũng trở thành áo cà sa, trở thành một Sa môn chính thống.

Duy Lô Vương trông thấy người nghèo khổ ấy vì thần công khai thị mà đắc đạo, lúc này mới nghĩ đến vị La hán ấy, vội lệnh cho người mời ngài đến cáo lỗi với ngài, biểu thị sự cảm kích.

"Xin đại sư cũng thụ giới cho tôi, tôi cũng quyết định xuất gia cầu đạo". Duy Lô Vương đắc Tu đà hoàn.

Đức Phật giảng xong câu chuyện. Bốn huynh đệ nghe mê say, một lúc tất cả đều thức tỉnh. Tất cả họ đều thay đổi tính tình, không nhắc đến chuyện phân chia gia sản nữa. Bốn người họ đều cầu đức Phật thu giới cho mình, muốn xuất gia làm Tỳ kheo.

Đức Phật dùng tay xoa đầu mỗi người một lượt, tức thì râu và tóc của họ đều rụng hết, y phục trên người cũng biến thành cà sa. Hiện tại, sự mê muội trong lòng của bốn huynh đệ đã trừ sạch, họ đều trở thành La hán.

A Nan vẫn chưa hiểu nhân duyên nào khiến cho bốn huynh đệ ấy trở thành La hán, bèn hỏi đức Phật rằng: "Huynh đệ họ có công đức gì, mà sau khi nghe xong câu chuyện của người thì trong lòng lại có thể mở lòng, ngay lập tức lại đắc đạo La hán vậy?"

Đức Phật trả lời rằng: "Đó là trong quá khứ khi Ma Văn Phật còn tại thế, đương thời Xá Lợi Phất chỉ là một Tỳ kheo, bốn anh em người này lúc bấy giờ là thương nhân buôn bán. Lúc ấy, họ đã gặp được Xá Lợi Phất".

Đức Phật quay lại nhìn Xá Lợi Phất nói rằng: "Chuyện này con hãy nói tiếp cho A Nan nghe đi".

Xá Lợi Phất cười, rồi nói: "Bốn huynh đệ này lúc ấy cùng nhau dâng lên cho ta một chiếc cà sa, ta rất cảm động. Người ta nói không gian thì không thể làm thương mại. Nhưng bốn người thương nhân này tâm mình đại nghĩa, dâng cà sa cho ta, do đó, ta chúc nguyện cho họ hậu thế sớm ngày siêu độ giải thoát. Cho nên sau khi ta đắc đạo, bèn đưa họ đến gặp Phật Tổ. Nếu không sớm ngày siêu độ cho họ, hậu quả có thể nghĩ cũng biết được, họ nhất định sẽ nổi loạn nổi da xáo thịt lẫn nhau. Ta nên sớm mang họ đến đây thì tốt hơn".

"Bốn huynh đệ tu thành La hán, đích thực là công đức ở duyên phận của Xá Lợi Phất, cho nên mới nhanh như thế". Đức Phật nói tiếp.

"Con hiểu rồi" A Nan nói: "Duyên phận của bốn huynh đệ không quá nhỏ!"

---o0o---

XẢ MỆNH CẦU NGHE NỬA CÂU KỆ

Theo Đại Niết Bàn Kinh ghi, trước đây không lâu, vào lúc đức Phật chưa xuất thế, có một Bồ tát là một vị Bà la môn. Ông khổ hạnh tu hành Bồ tát đạo, song có thể thông hiểu tất cả kinh điển ngoại đạo.

Trên một ngọn núi cao bốn mùa tuyết phủ, khí hậu lạnh lẽo, giữa trời đất một mảng trắng xóa mênh mông, chính là đất quý cho ngài tu hành.

Cho nên, Bồ tát ở đây trong một thời gian rất dài, chuyên tâm tĩnh chỉ tọa thiền, khổ đọc các kinh điển Đại thừa, đã đạt đến mức không cần nhìn chữ. Do tu tịch diệt hạnh mà ngài có phong độ rất uy nghi. Trong lòng ngài lại thanh tịnh vô vi, không bị tác động bởi những nhiễu loạn hay bất cứ chuyện phàm tục nào. Bình tâm tĩnh trí để loại bỏ hết mọi oán giận phiền não, chỉ một mực chăm chú ngồi thiền, khiến cho mình tịch mặc, dĩ kỳ giác ngộ.

Nhiều năm qua đi, tuyết sơn không biết đã cao lên bao nhiêu, tuyết cũng không biết đã đông đầy bao nhiêu, mà Bồ tát mãi tu hành khổ hạnh như thế.

Lại nói đến Đại Phạm Thiên Thích Đề Hằng Nhân, thấy Bồ tát đam mê Phật đạo, bèn hạ giới đến tuyết sơn.

Thích Đề Hằng Nhân khe khẽ đi đến chỗ gần Bồ tát thì dừng lại. Ông muốn thử xem Bồ tát rốt cuộc đã tu hành như thế nào rồi, bèn hóa ra một La sát ác ôn, hiện hiện trước mặt tất cả sự ghê sợ và ác độc, nhẹ nhàng há cái mồm máu me, phát ra âm thanh ghê rợn:

"Chư hành vô thường, là sanh diệt pháp".

Nói xong liền trầm mặc không thành tiếng.

Bồ tát đang trầm mê đến nỗi quên đi tất cả, nghe được rõ ràng nửa câu Phật kệ, trong lòng nhất thời vui vẻ vô cùng, bèn đứng dậy, mở mắt trông ra khắp nơi. Bốn phương không có lấy một bóng người, nửa âm thanh động cũng không có. Chỉ thấy một La sát đứng ở nơi không xa, mở mồm to lớn và trông hung ác vô cùng.

Bồ tát thực sự không nghĩ là không thấy người niệm kệ, mà trước mặt chỉ có một La sát, bèn vội vã hét to lên rằng:

"Thưa đức Phật, người ở đâu? Cửa bẽ khổ do ai mở? Trên núi tuyết tĩnh mịch, ai có thể cao tuyên ý chỉ của Phật pháp, chấn thiên động địa?"

Con ở trong thế kỷ ngủ mê, trong giấc ngủ sinh tử mê man, ai thanh tỉnh một mình? Phật ra ngôn ngữ giác ngộ này?"

Ai vậy, ai vậy...?"

Ai có thể ở trong biển khổ nhẩn nhịn cái đau sống chết đông cứng da thịt này, vì mọi người mở ra đạo pháp chính quả vô thượng. Trong biển khổ sinh tử mà tất cả chúng sinh đang chìm đắm, ai có thể là người cầm tay lái vĩ đại chứ?

Mọi người mãi mãi bị trói chặt ở trong bệnh tật và phiền não, không được vui vẻ. Ai có thể đến giữa chúng ta, chữa trị tâm linh và xác thịt đau khổ?

Thưa Phật Tổ... Phật Tổ...

Nửa câu kệ ngữ của ngài, mở ra một cánh cửa lớn trong tâm hồn tôi, tôi trông thấy ánh sáng minh khiết của ngài, như là nửa bên ánh trăng tròn treo trên trời cao, phát ra bảo hoa thanh tâm thích mắt.

Thưa Phật Tổ, người đang ở đâu?"

Âm thanh chân thành của Bồ tát, vang dội cả giữa ngọn núi cao sừng sững, kéo dài không dứt.

"Rốt cuộc ai đang nói lời kệ Phật ấy chứ? Nhưng tại sao chỉ nói nửa câu này thôi?", Bồ tát rơi vào trong tư tưởng u tối đau khổ, ngài ngẩng đầu nhìn La sát hung ác ấy, lại lắc đầu.

Tên ác quỷ này sao nói được lời đức Phật? Không thể!

Chẳng lẽ lại chính là hắn? Tên La sát hung ác này! Hắn không thể nói được Phật kệ, lại còn có bộ dạng hung ác đáng sợ này nữa? Nếu như hắn sớm nghe lời kệ vi diệu này thì đã sớm đổi bộ dạng lương thiện vui vẻ rồi. Chỉ dựa vào diện mạo bên ngoài của hắn không thể nghĩ hắn có thể nói ra ý chỉ của đức Phật.

Nghĩ đi nghĩ lại, Bồ tát không biết làm như thế nào, bèn lại nhìn La sát im thin thít, đột nhiên ngộ ra, tự trách rằng: "Người là một xác phàm cầu Phật, đầu óc sao không chút khai thông? La sát không phải là đức Phật, không phải là người, tự nó không biết nói, chẳng lẽ nó không có đường nghe đạo mà nhặt được nửa câu chỉ nói lời phiền ngữ sao?"

Nghĩ đến đây, Bồ tát không chút sợ hãi đi về phía ấy, nghi hoặc trong lòng hỏi rằng: "Tốt thật đại sĩ, người nghe được nửa câu Phật kệ này ở đâu thế? Phải chăng là khi nghe người có thể trừ bỏ đi sự sợ hãi?"

"Đại Bà la môn, người đừng hỏi ta như thế này. Ta đã không ăn gì từ lâu rồi, tìm khắp nơi đã không tìm được, ta đói khát, lòng đầy phiền não, kêu khổ không nguôi, mới nói lời hồ đồ trong mơ màng, đây cũng không phải là bản tâm

của ta hiểu được". Nói rồi, tiếng nghiêng răng ken két của La sát kêu lên rõ ràng càng hung tợn và đáng sợ.

"Lời của đức Phật quả nhiên chính là người nói", lòng Bồ tát cả mừng, lập tức đáp rằng: "Nếu đại sĩ có thể vì ta mà nói cả câu Phật kệ, ta nguyện cả đời làm đệ tử của người, đến hầu hạ người".

"Ta không cần đệ tử hầu hạ, ta chỉ muốn có thứ gì đó lấp đầy bụng thôi", La sát biểu thị sự không hứng thú đối với chuyện này.

"Phật kệ mà người nói thực sự là không hoàn toàn, ý cũng không hết, tại sao lại không nói hết chứ?"

"Ta đói lắm rồi! Đại Bà la môn, cho nên không nói nổi nữa rồi". La sát vẫn không từ bỏ ý muốn ăn uống. Hấn vội vàng nói: "Bà la môn, đừng thấy mình thông minh hơn người, kỳ thực chỉ quan tâm mình, không chút nghĩ là ta đã bị đói bức đến nỗi không nói nên lời".

"VẬY, người muốn ăn thứ gì? Nói mau đi".

"Bà la môn, đây là người hỏi, ta nói ra người người đều sợ hãi", tiếng nói của La sát đột nhiên yếu dần, trông như là sợ người khác nghe thấy.

"Trên đỉnh núi cao này, chỉ có tuyết phủ ngàn năm, đâu có người nào, chỉ cần người nói là muốn ăn gì, ta không sợ, tại sao lại ngấp ngừng chứ?", Bồ tát hỏi một cách kỳ quái.

La sát vừa nghe, bèn hỏi dồn rằng: "Thứ mà ta ăn đều giống nhau, thân thể ẩm áp của con người, thứ mà ta uống cũng chỉ có một loại, là máu nóng của con người. Khi ta ra đi, vốn muốn tìm một người để lột da. Nhưng tìm khắp nơi, người trên thế gian này hầu hết đều có phúc đức, thêm vào đó lại được các thiên thần bảo hộ, không thể nào bắt họ mà ăn được", vừa nói vừa oán, thì ra La sát tuy hung ác, cũng chịu cái khổ dày vò.

Sau khi Bồ tát nghe xong, đột nhiên nói rằng: "Đại sĩ, chỉ cần người nói hết cả câu Phật kệ, ta sẽ hiến thân cho người".

"Người nữ sao?", La sát hỏi một cách nghi ngờ: "Người không hỏi hận?"

"Có gì mà không nữ chứ, nếu như ta chết đi, lòng phàm xác thịt này có nhằm gì chứ? Nếu không bị chim ưng, chim cú ăn thì cũng bị hổ, sói phanh thây, cũng chẳng tốt lành gì. Như vậy chẳng phải là một tia hồng phúc sao?". Bồ tát trả lời một cách khoan thai.

"Người thật sự không muốn sống sao?", La sát đang đợi Bồ tát tự dâng đến miệng.

"Ta vì đức Phật mà xá đi xác thân mục nát này, để đạt được tâm thân Kim Cang vĩnh viễn, không tiêu diệt, có gì mà không nỗ lực? Giống như một người mang bình vỡ để đổi lấy bảy món đồ quý, sao người không tin chứ?" Bồ tát giận mình không nghe được lời của đức Phật ngay.

"Ôi, ta làm sao có thể tin người chỉ vì một chữ Phật bằng mấy nét bút, mà bỏ đi tánh mạng?" La sát giống như không tin lời Bồ tát.

"Ta không phải đã nói rồi sao? Lấy tám thân mục nát đổi lấy thân Kim Cang vĩnh viễn bất tổn bất thất, lấy bình vỡ đổi lấy bảy món bảo bối, sao người không tin chứ?" Bồ tát thành tâm nói: "Đại Phạm Thiên Vương Thích Đề Hạng Nhân, Tứ Thiên Vương có thể chứng minh ta thành tâm xả thân, còn có Thiên Nhân Đẳng Bồ tát và vô số thiên nhân muốn siêu độ chúng sinh, đều có thể làm chứng cho ta. Người tu hành Đại thừa kinh đã có thể lục độ cũng có thể làm chứng cho ta. Nếu chưa đủ, thậm chí Thập phương chư Phật cũng có thể làm chứng cho ta xả thân vì đức Phật, toàn tâm toàn ý".

"Vậy thì tốt, người hãy nghe đây", La sát mở to miệng phát ra âm thanh thân thuộc:

"Sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc".

Cuối cùng, Bồ tát cũng nghe được nửa câu Phật kệ không dễ dàng mà có được.

"Đại Bà la môn, bây giờ người đã nghe cả câu Phật kệ, ta đã đáp ứng nguyện vọng cho người. Nếu người muốn có lợi cho chúng sinh, hãy hiến dâng quý thể cho ta", La sát công bằng sòng phẳng đợi thịt thơm, máu tươi no bụng giải khát.

Bồ tát cảm ngộ câu nói của La sát, sau đó viết lại câu kệ này trên đất, trên đá, trên vách, trên đường, khắp nơi để cho hậu thế dùng để cầu Phật. Sau đó, ngài chỉnh đốn lại thất lưng và y phục, bước đến một gốc cây to.

"Đại sĩ, nguyện vọng của người hãy thực hiện ngay đi". Nói rồi, Bồ tát bèn leo lên cành cây cao, trông về tuyết sơn mệnh môn, nghĩ về sự từ ái của đức Phật, nhảy xuống.

Khi thân thể vẫn chưa rơi xuống đất, đột nhiên trên không trung phát ra âm thanh, âm thanh ấy từ trên trời vọng xuống. Lúc này, La sát biến trở lại thành

thiên thần Thích Đề Hằng Nhân, từ trên không trung đỡ lấy Bồ tát, đặt Bồ tát nhẹ nhàng xuống đất.

"A, sao ta lại chưa chết?" Bồ tát có điều không hiểu.

"Bồ tát, Đại Bà la môn, người nhìn kỹ lại ta".

Đại Phạm Thiên Vương Thích Đề Hằng Nhân đứng ở trước mặt, có La sát nào đâu?

"Ta là Đại Phạm Thiên Vương, vì thấy Bồ tát tinh tiến chuyên nhất, vui với Phật pháp mà vô dục, một mình ở trên tuyết sơn khổ hạnh tu luyện nhiều năm nhiều tháng, nên muốn đến để thử sự chân thành của người như thế nào".

"Phạm Thiên Đại Vương, La sát ấy đâu sao không thấy?"

"Đây là ta vì thử người mà biến ra, mà muốn ăn thịt người, uống máu người". Nói xong, Thích Đề Hằng Nhân cười to. Bồ tát cũng cười.

Bồ tát vì duyên nay mà được siêu độ, qua mười hai kiếp, gặp Di Lặc Phật đắc vô thượng chính đẳng giác thành Phật.

---o0o---

TÁT ĐÀ BA LUÂN VÌ NGHE KINH PHẬT MÀ BÁN TÂM, HUYẾT, TỬY

Trong Đại Phẩm Kinh ghi, đệ tu Bồ tát thánh đạo, cần phải thực hiện lục độ Ba la mật: Thí, nhẫn, thiền, tuệ v.v... Tát Đà Ba Luân hứa phát hùng nguyện chuyên cầu Bồ tát thánh đạo, để lợi chúng hữu tình, dẫn độ giải thoát.

Một thời gian rất lâu sau, Tát Đà Ba Luân vì thấy mình chưa được khai ngộ nên buồn bã, rầu rĩ, trông thấy chúng sanh dày vò chịu nạn, phát lòng từ tâm, thường xuyên khóc thầm. Tại Đại Lôi Âm Phật Sở, ngài phụng hành Bồ tát đạo, lấy chứng ngộ Bát nhã không tính nghĩa lý, không tiếc thể xác mình, vứt bỏ thế tục danh lợi. Một ngày nọ, trên không trung có một âm thanh réo rắt hóa phép khuyên bảo chỉ giáo ngài rằng:

"Chàng trai lương thiện từ tâm, người không cần khóc than bi lụy. Tất cả những đức Phật tìm cầu Bồ tát đạo trong quá khứ, khi muốn được nghe Bát Nhã Ba La Mật Đa, đều như người hôm nay, thành tâm chuyên nhất như thế này, vui mừng đón nhận Phật pháp, cúng dường Bát Nhã Ba La Mật. Bồ tát Huyện Vô Kiệt đang giảng pháp Ba La Mật ở đây, từ nay trở về sau người đừng nghĩ về ban

ngày ban đêm, một lòng cúng dường Bát Nhã Ba La Mật, không lâu tự nhiên sẽ nghe thấy".

"Thưa đức Phật, hiện thời tôi bận cùng khổ cực, không có thứ gì để cúng dường sư phụ giảng pháp kinh và Bát Nhã Ba La Mật. Tôi không thể đi tay không đến nghe, tôi muốn cắt thịt trên người bán đi mua của cả để cúng dường Bát Nhã Ba La Mật và thầy giảng pháp". Tát Đà Ba Luân nói.

Trên không trung không biết đã bật đi tiếng nói từ lúc nào.

Tát Đà Ba Luân vui mừng trong lòng, từ sớm đã đem sự dằn vặt dày vò trong bảy ngày trở lại đây bỏ hết ngoài chín tầng mây trôi. Trên đường đến chợ, ngài còn đắm mình trong sự vui mừng lúc này. Trong lòng nghĩ: "Ta đòi đòi kiếp kiếp đã vô số lần buồn bã rồi, trong sanh tử vô cùng tận, nếu ta chết đi, nếu bán ta đi, nếu vì lòng tham cực dục mà chịu dày vò khổ nạn vô cùng vô tận đòi đòi kiếp kiếp ở dưới địa ngục, cũng không bằng lần này về thanh tịnh Phật pháp và cúng dường thầy giảng kinh mà hiến đi sinh mạng mình chứ!"

Tát Đà Ba Luân phần khởi cứ suy nghĩ miên man như thế, không bao lâu đã đến chợ.

"Ai muốn mua thịt người, xương người, tim người, máu người, mau đến mua đi!". Tát Đà Ba Luân rao bán trong chốn đông người. Trong mỗi âm thanh rao bán vì đức Phật hiến thân, ngài cảm thấy được vinh quang và hạnh phúc mà mình chưa từng có.

"Ây! Ai muốn mua thịt người, tôi bán cho, mau lại mua đi!" Tát Đà Ba Luân càng rao càng hưng phấn, không khỏi hát to lên. Cuối cùng dứt khoát đứng trên một đài cao, mời mọi người đến mua thịt xương, tâm huyết của mình.

Nhưng hầu như mọi người không ai nghe thấy tiếng của ngài, vẫn cứ vùi đầu vào công việc buôn bán của mình. Thế là chuyện gì?

Thì ra, Tát Đà Ba Luân trên đường đến chợ, qua một khe núi lớn. Nơi ấy có một con ác quỷ sống, bình thường không có chuyện ác gì không dám làm. Ngày hôm trước nó vừa hóa thành một cô gái đẹp, bắt lấy vài người thương nhân ra sau núi ăn thịt. Hôm nay, tên ác quỷ đang suy nghĩ làm sao làm một chuyện xấu để giải khuây, tìm một chuyện vui để giải buồn. Đúng ngay lúc Tát Đà Ba Luân đi qua, nó trông thấy ngài chỉ một lòng muốn bán thịt trên người mình, để cúng dường cho Phật pháp và thầy giảng kinh, không khỏi ác khí nổi loạn. Trong lòng nó nghĩ: "Ta phải dùng ma pháp để cho tên tiểu tử nghèo khổ này không bán được mình, nghèo chết đói chết khát cũng không gần nổi Phật thân, ha ha...". Chính vì thế, Tát Đà Ba Luân hét rất cả cô hợng, trên chợ cũng

không có lấy một người nghe thấy tiếng rao đầy nhiệt huyết và khát vọng của ngài.

Tát Đà Ba Luân miệng khô lưỡi khát toàn thân kiệt sức, bèn ngồi trên một đài cao vẫy tay về phía mọi người, miệng thì đôi lút rao lên vài câu: "Bán thịt người đây", "Ai muốn mua tim của tôi", "Mua gì bán nấy"... nhưng mọi người ai nấy đều bận rộn công việc buôn bán của mình. Dần dần, ngài có hơi thất vọng, chỉ dựa vào sự trung thành đối với Bát Nhã Ba La Mật, hét lên thống thiết: "Thịt người, thịt người gì đấy".

Mặt trời đã sớm ngã về Tây, chợ đã gần tan, trong lòng Tát Đà Ba Luân ưu sầu, đau khổ đến tuyệt vọng, đôi mắt đã tuôn ngấn lệ. Lúc này, ngài lại nghĩ về sự cáo thành của đức Phật đối với ngài, nên không khóc lóc, không biết là ban ngày hay ban đêm, đức Phật cũng đã từng qua vô số kiếp nạn. Nghĩ đến đây ngài vội vã lau nước mắt, rao bán với số người càng ngày càng ít: "Thịt người, tim người, máu người, xương người, mua gì bán nấy...".

Đột nhiên, có một nam tử Bà la môn y phục chỉnh tề, phong thái cao quý đi về phía Tát Đà Ba Luân, ngài vội vã xuống đài cao, quỳ xuống dưới chân của nam tử Bà la môn, trong miệng không ngừng chào hỏi:

"Đại nhân, đại nhân, ngài mua thịt người không? Tôi bán ngay đây!"

Nam tử Bà la môn đứng ngay trước mặt Tát Đà Ba Luân, vượt chòm râu đen, đôi môi hồng hé mở để lộ hàm răng trắng toát, nói rằng: "Hôm nay ta phải bán thiên, tim người, máu người, xương người tươi ta cần, người có thể bán ngay lập tức cho ta không?" Nói rồi, khuôn mặt trắng nõn của nam tử Bà la môn lóe lên một nụ cười, hai mắt nhìn Tát Đà Ba Luân với vẻ hoài nghi.

Không đợi Bà la môn nói gì thêm, Tát Đà Ba Luân đứng thoát dậy, rút đao ra, chặt một đao dứt cánh tay trái của mình, máu tươi lập tức chảy ra.

Ngay lập tức, Tát Đà Ba Luân lại cắt phần đùi phải, chuẩn bị lấy xương ra...

Lúc này, từ trên cửa sổ tòa lầu bên cạnh vang lên những tiếng kêu khùng khiếp.

Tát Đà Ba Luân ngẩng đầu lên, chỉ thấy một cô gái trẻ đang nhìn với đôi mắt to lóng lánh, gọi mình rộn rã:

"Ngài, ngài đang làm... gì thế?"

"Cô nương, cô đừng sợ! Tôi đang lấy tim, huyết và tủy để bán cho Bà la môn cao quý này dùng để tế thiên đây". Nói rồi tay của ngài lại không ngừng chặt lấy xương tủy của mình.

"Chẳng lẽ ngài không đau sao? Chàng trai..."

"Không đau, không đau. Cô nương tôi bán tim, huyết, tủy cho đại nhân, mua một số của cải để cúng dường cho Bát Nhã Ba La Mật và thầy giảng kinh pháp, tôi không cảm thấy đau chút nào". Khi nói những lời này, trong lòng Tát Đà Ba Luân tràn đầy sự kiêu hãnh và tự hào về việc hiến thân vì đức Phật.

Cô gái trên lầu đã xuống, tiếng giày của cô vọng đến tai ngài, Tát Đà Ba Luân nghĩ: "Cô ấy nhất định cảm động vì ta!".

"Áy, chàng trai, ta là con gái của một người quyền quý, nghe ngài nói hiến thân Bát Nhã Ba La Mật hạnh phúc như thế, đến việc cắt xương tủy mà không cảm thấy đau, thật sao?" Nói rồi, cô gái đi đến trước mặt Tát Đà Ba Luân.

"Cô nương, tôi không gạt cô đâu, tôi cầu Phật đã lâu". Tát Đà Ba Luân cảm thấy cô gái đang làm phiền đến việc bán tim máu cốt tủy của mình, bèn hỏi: "Cô nương cũng muốn cúng dường Bát Nhã Ba La Mật?"

Cô gái quyền quý trông thấy Tát Đà Ba Luân đau khổ mà thần sắc vui vẻ, bèn nói một cách hiếu kỳ: "Tôi không biết cúng dường Bát Nhã Ba La Mật có điểm tốt gì, đáng để cho ngài đem tim máu cốt tủy bán cho vị Bà la môn này chứ?"

Lúc này, Tát Đà Ba Luân đã cắt lấy đùi, từng giọt sữa trắng như máu mà không phải máu, từ trong ống xương nhỏ vào trong bình của nam tử Bà la môn. Ngài nói với cô gái: "Cô nương, cúng dường Bát Nhã Ba La Mật, tất phải trước tiên cúng dường cho pháp sư giảng Bát Nhã Ba La Mật kinh. Tôi bán xong tim máu cốt tủy sẽ đi mua của cải để cúng dường cho pháp sư, tôi nghe Phật pháp có sức mạnh vô biên, Đây chính là công đức vô lượng, là sự nương tựa của cuộc sống, còn có thể có được thể xác lấp lánh kim quang. Ta muốn mang tất cả lợi ích đó đều thí cho chúng sanh trong thiên hạ".

Tát Đà Ba Luân nói xong, không những cô gái quyền quý ấy luôn nói diệu pháp, diệu pháp! Điều đó rất xứng đáng để chịu sự đau khổ này, mà ngay cả nam tử Bà la môn cũng gật đầu, tán dương sự chân thành của ngài là chuyên nhất.

Chàng trai, tôi có thể hiểu được những gì người nói. Nên vứt bỏ thể xác tầm thường hạ tiện, đổi lại kim thân trường thể phát quang đi khắp nơi để hành

thiện, mới phải. Ngài thiếu thốn những gì tôi sẽ tặng cho ngài, ngài hãy vui lên", cô gái quyền quý vui vẻ nói.

"Cô nương, đương nhiên là tôi vui, nhưng để cho tôi có máu và thịt được rồi, không thì cô chịu thiệt mất, thế nào? Cô nương". Tát Đà Ba Luân cảm thấy mình nên vì Phật pháp mà bán đi hết máu xương tim tạng.

"Không cần đâu, không cần đâu, chỉ cần khi ngài cúng dường cho Bát Nhã Ba La Mật và thầy giảng kinh Pháp, hãy gọi tôi theo. Ngài đồng ý chứ? Chàng trai". Cô gái quyền quý ấy sợ rằng Tát Đà Ba Luân sẽ từ chối yêu cầu của mình, vội vã thanh minh, rằng mình cũng muốn thành Phật thân, để hành thiện.

"Phật pháp vô biên, cô nương, tôi nhất định sẽ gọi cô". Nói rồi, Tát Đà Ba Luân lại cầm lấy dao để chích lấy máu trong buồng tim của mình, chuẩn bị lấy tim đưa cho nam tử Bà la môn để tế thiên. Ngay khi đang moi tim ra, nam tử Bà la môn ấy đột nhiên nói: "Người thật là một nam tử lương thiện tuyệt hảo, khi tất cả những người thành Phật, hành Bồ tát đạo trong quá khứ, đều truy cầu khổ ải như thế này, tất cả thể xác, mệnh căn, công danh lợi dục đều không để ý thương tiếc. Thiện nam! Ta nói thật cho người biết, ta là Đệ Hằng Phật trên trời, vốn không cần những thứ tim máu cốt tủy của người. Hôm nay ta đặc biệt đến đây để thử quyết tâm của người đối với Phật pháp mà thôi. Ta vì thấy mọi người trên chợ đều nghe thấy tiếng rao thống khổ của người, mới đặc ý biến thành Bà la môn đến mua ba món đồ tang sinh của người, xem người có thực sự chịu đưa cho ta không. Ta trông thấy người chân thành thoải mái như thế này, thì có thể cúng dường Bát Nhã Ba La Mật. Nói đi, thiện nam, người có yêu cầu gì để ta đáp ứng cho".

Nói rồi, ngay lập tức máu tươi và cốt tủy đều trả lại trên thân thể của Tát Đà Ba Luân đang thoi thóp hơi tàn. Thân thể của Tát Đà Ba Luân trở lại nguyên vẹn như lúc trước. Cô gái quyền quý ấy lại càng vui vẻ đến nỗi như con nai nhảy tung bừng.

"Tôi không có yêu cầu gì, chỉ cần có thể đạt được pháp Bát Nhã Ba La Mật, cái gì tôi cũng sẽ lấy ra để cúng dường Phật pháp và pháp sư giảng kinh".

Theo lời nói của Tát Đà Ba Luân, nam tử Bà la môn bỗng nhiên mắt tiêu không thấy, chỉ còn lại chiếc hộp rơi trên mặt đất.

Mặt trời đã nhanh chóng lặn xuống, sắc trời dần tối lại, trên chợ đã không còn người qua lại. Tát Đà Ba Luân tâm ý mãn nguyện, đi lần lên lầu nơi thiếu nữ ở.

Cha mẹ của thiếu nữ nghe xong chuyện của Tát Đà Ba Luân, rất tán thành cho con gái cầu Phật, bèn cho chúng Diệu hoa hương và Anh lạc đề hương, còn

cho đốt hương và ban y phục thất bảo, để Tát Đà Ba Luân và con gái cùng với người hầu đến Lô Âm Tự cúng dường Bát Nhã Ba La Mật và pháp sư giảng kinh.

Ngày hôm sau, vì mặt trời gay gắt, mặt đất mà Tát Đà Ba Luân vừa mới quét nhanh chóng chịu một trận gió bụi, đồ vật vừa lau xong đã bám một lớp bụi mỏng. Pháp sư Huyện Vô Kiệt giảng Bát Nhã Ba La Mật kinh ngồi trên giảng đàn, trên trán cũng vương một ít bụi.

"Thế này thì pháp sư sao có thể giảng tốt kinh Phật chứ!", trong lòng Tát Đà Ba Luân nôn nóng không thôi, bèn ra cửa định tìm nước lại rửa. Nhưng cả trong lẫn ngoài không tìm được một giọt nước, ngài bèn chạy vào nhà bếp lấy dao cắt đứt mạch máu của mình. Máu tươi chảy không dứt ra sàn giảng kinh đường, bụi cũng không thể bay lên được nữa. Huyện Vô Kiệt đại sư nói: "Thiện nam tử! Sự chân thành của người đã làm động lòng ta, không thể để cho người nhỏ thêm một giọt máu nào nữa". Huyện Vô Kiệt đại sư vừa nói xong, Tát Đà Ba Luân nhìn lại cổ tay của mình, thật sự không còn dấu vết gì. "Ngồi xuống đi, thiện nam! Người không phải là đến nghe ta giảng kinh sao?" Huyện Vô Kiệt đại sư nói tiếp.

Tát Đà Ba Luân vội vã ngồi xuống, nhắm hai mắt lại, chuyên tâm cùng mọi người nghe pháp, sư bắt đầu giảng Bát Nhã Ba La Mật.

Lôi Âm Tự dần dần chỉ còn âm thanh đồng dục của Huyện Vô Kiệt đại sư đang giảng cho mọi người nghe Bát Nhã Ba La Mật truy cầu khổ ải.

NGƯỜI DỌN PHÂN ĐƯỢC ĐỨC PHẬT HÓA THÀNH LA HÁN

Trong Đan Đà La Nhi Kinh ghi, Xá Vệ Thành có một người nghèo khổ, sống bằng nghề dọn phân trong thành. Trong mắt mọi người, hắn là thứ đồ dơ dáy giống như phân vậy, ô uế hạ tiện, bị mọi người ghét bỏ.

Chính hắn cũng nhận ra điều đó, nên khi trông thấy mọi người thì liền co rúm lại. Đối với hắn việc tránh xa và rụt rè trước mọi người đã trở thành một thói quen.

Nhưng khi đức Phật đến thành này, hắn trở thành người duy nhất có vinh hạnh được nhìn thấy Phật quang.

Vốn dĩ ngày ấy, hắn đang gánh một giỏ phân đầy từ nhà vệ sinh đi ra, chuẩn bị mang đến ngoại ô để bón cho cây cỏ, rau cải. Trên đường, phàm những người gặp hắn không ai không bung mũi, luôn miệng mắng rằng: "Xui xẻo, xui xẻo thật! Đồ chết tiệt không trông coi, gánh bậy khắp nơi!"

Sự việc đối với hắn hầu như đã quen nên chỉ có thể nhẫn nhịn nuốt hận mà đi. Hắn rẽ sang một con đường hẹp, nhưng vô tình lại gặp đức Phật đang đi đến.

Phật quang trên người đức Phật lấp lánh. Người gánh phân ngăn người, hắn thực sự không dám tin vào mắt mình nữa, trong lòng cảm thấy xấu hổ, ngại ngùng. Hắn nghĩ: "Người thường thấy mình trốn tránh còn không kịp, ta làm sao có thể đối mặt với đức Phật tôn quý như thế này chứ?"

Hắn ngại ngùng ra mặt, vội vã rẽ sang một con đường nhỏ khác, muốn tránh mặt đức Phật.

"Này! Tại sao con lại muốn tránh ta? Ta đến là vì con đây", đức Phật ở phía sau gọi.

"Đức Phật đang nói chuyện với tôi sao?", người gánh phân không dám tin vào tai mình nữa, bước chân chột dưng lại.

"Con không cần phải lánh mặt ta, ta thực sự là đặc biệt đến đây vì con".

Trông thấy đức Phật đang bước đến, người gánh phân lại vừa mừng vừa sợ, vội vã đặt gánh phân trên vai xuống, cúi đầu nói rằng: "Thưa đức Phật, con là tội nhân hạ tiện nhất, toàn thân hôi thối, thực sự không dám gần ngài!"

Trông thấy bộ dạng sợ hãi của hắn, đức Phật cười rằng: "Không có vấn đề gì, con biết vì sao mà ta lại đến đây không?"

"Con không biết, đức Thế Tôn có gì chỉ giáo, chẳng lẽ muốn từ bi con người con như thế này"?

Đức Phật mỉm cười, nói rằng: "Đúng vậy, ta đến để nghiệp độ con làm Sa môn".

Vừa nghe lời này, người gánh phân vui mừng khôn xiết, nhưng hắn không dám tin đó là sự thật, bèn hỏi một cách nghi ngờ rằng: "Thưa đức Phật tôn quý, con người không sạch sẽ hạ tiện như con có thể đắc đạo sao?"

"Nay ta xuất thế cũng chính là vì muốn cho những người đau khổ không còn phải chịu khổ, chịu tội nữa". Đức Phật nói rồi, bèn nắm lấy cánh tay của người gánh phân, bay lên không trung, trong nháy mắt đã bay đến bờ Hằng Hà. Đức Phật nói với người gánh phân rằng: "Đi đi, đến dòng sông, để cho dòng nước tinh khiết sạch sẽ gột rửa đi hết những dơ bẩn trên cơ thể của con, sau đó chúng ta đến tự xá".

Người gánh phân tắm rất sạch sẽ, dội từ trên xuống dưới cơ thể rất nhiều lần, chỉ thấy trên mặt sông nổi lên một lớp cặn bã dày đặc.

Đức Phật ở trên bờ sông trông thấy mặt nước chung quanh người gánh phân nổi lên nước đen, bất chợt cười và gọi to với anh ta rằng: "Chà mạnh vào, Tỳ kheo tốt của ta".

Người gánh phân lại rửa một lượt nữa, mặt nước nổi lên thủy hoa cao vài thước. Khi mà hắn đang chà xát, đột nhiên cảm thấy thân thể của mình rời khỏi mặt nước một cách không tự chủ. Hắn còn tưởng là bị nước dìm, nhưng định thần lại, mới biết rằng đã đến bên cạnh đức Phật rồi.

Người gánh phân bái gập người dưới chân đức Phật, nói một cách thành khẩn rằng: "Tạ ơn cứu khổ, khiết thân của người".

Đức Phật lấy một bộ tăng bào khoác lên người anh ta, nhận anh ta là một Sa môn. Ngay lập tức, đức Phật mang anh ta đến tăng tự. Chúng Tỳ kheo đang khắc khổ tu hành niệm kinh. Đức Phật nói với chúng Tỳ kheo rằng: "Kể từ hôm nay các con lại có thêm một người bạn mới, mọi người phải cố hết sức giúp đỡ anh ta mới được".

"Xin đức Phật cứ yên tâm, chúng con sẽ không tiếc sức lực", chúng Tỳ kheo đồng thanh đáp.

Từ đây, người gánh phân có được cuộc sống mới, một lòng tu luyện, ngày ngày tinh tiến, không đến mười ngày đã đắc Tu đà hoàn quả. Không đến một tháng, lại đắc đạo La hán.

Lại nói trong nhân gian, tin tức người gánh phân được đức Phật siêu độ sớm lan tràn, trong Xá Vệ Thành không ai mà không biết, mọi người thi nhau bàn luận rằng: "Một kẻ dọn phân cũng có thể đắc đạo? Thật là chưa từng nghe qua".

Tin tức một truyền mười, mười truyền trăm, cuối cùng truyền đến tai vua Ba Tư Nặc.

"Chuyện gì thế? Rốt cuộc có chuyện này ư, một tên dọn phân cũng có thể đắc đạo?" Vua Ba Tư Nặc có ý giận, nói với văn võ bá quan rằng: "Đắc đạo cũng được kẻ nghèo dọn phân hy vọng sao? Ta nói cho mọi người để rõ, đức Phật xuất thân là Thích Chung Hào Tính quý tộc, đắc đạo đều là dân Tứ Chung Tánh, người trước sau, tả hữu của đức Phật có người nào xuất thân từ người dọn phân?"

Vua Ba Tư Nặc ngày đêm ưu tư trong lòng, khi không chịu nổi bèn sinh oán giận đức Phật: "Nghĩ đến khi đức Phật đến vương cung ta, ta lễ nghi đầy đủ, đích thân ta tiếp xúc đảnh ngộ, sao đức Phật có thể đến thành mà không vào cung ta, ngược lại còn siêu độ cho người dọn phân nữa chứ?"

Vua Ba Tư Nặc thực không thể chịu nổi, bèn truyền chỉ chuẩn bị xe, đi đến Phật tự tìm đức Phật gặp mặt hỏi mọi việc cho ra lẽ.

Phật tự ở ngoại ô thành, vua Ba Tư Nặc lệnh người đánh xe thắt ngựa cấp tốc, cho nên đến Phật tự rất nhanh.

Vua Ba Tư Nặc xuống xe, gặp một Tỳ kheo ở Phật môn ngồi trên phiến đá vuông chuyên tâm vá cà sa, người này chính là người dọn phân tu thành La hán.

"Này Tỳ kheo, người thay ta đi thông báo cho đức Phật, nói bẩm vương đây muốn gặp ngài!" Vua Ba Tư Nặc hôm nay tâm tình rất nóng nảy, bình thường gặp Tỳ kheo thì cảm thấy thánh khiết. Nhưng quốc vương lại thấy người gánh phân cũng có thể làm Tỳ kheo, vì vậy nghĩ rằng Tỳ kheo đều là xuất thân thấp hèn, cho nên nói chuyện rất không cung kính.

La hán là Sứ Đạo Công, thân của ngài đột nhiên ẩn vào trong một khối đá vuông lớn. Vua Ba Tư Nặc bắt chợt kinh ngạc, trong lòng nghĩ thần thông của vị Tỳ kheo này thật không nhỏ. Định thân lại xem, thì ra đây không phải là một Tỳ kheo bình thường. Vì chung quanh khối đá vuông là năm trăm Tịnh Cư Thiên, Lễ Quan La Hán.

Một lúc sau, trong khối đá vuông lại hiện ra thân của Tỳ kheo, nói với ông: "Thưa tôn vương, đức Phật tôi cho mời".

Vua Ba Tư Nặc ngăn người, thu lại lòng phẫn nộ bất kính, trông thấy đức Phật, bèn hỏi: "Thưa đức Thế Tôn, xin hỏi vị Tỳ kheo này ngài giáo hóa thế nào mà ông ta lại có thần thông như thế, xuất nhập thạch trung tự nhiên không có gì trở ngại".

"Ông ta chính là người dọn phân trước đây", đức Phật mỉm cười nói.

Vua Ba Tư Nặc vừa nghe thấy, nói một cách không vui: "Thưa đức Thế Tôn, thật không hiểu nổi, tại sao ngài lại có nhã hứng này, đến thành tôi không vào cung hưởng phúc, mà lại đi siêu độ cho một tên dọn phân?"

Trông thấy vua Ba Tư Nặc vẫn cố chấp, có cái nhìn lệch lạc, đức Phật bèn niệm tụng kệ ngữ để giáo hóa ông ta:

Như ô uế,

Ở cổng rãnh ruộng nương,

Sinh hoa thơm tinh khiết.

Niệm xong, đức Phật lại hỏi tiếp: "Đại vương, ngài là người có nhãn lực, ngài có thể lấy hoa này để dùng không?"

Vua Ba Tư Nặc trả lời: "Thưa đức Thế Tôn, hoa này đương nhiên là vật tinh khiết thơm tho rồi, tôi đương nhiên là dùng hoa này để trang trí nơi ô uest".

Đức Phật thấy ông ta vẫn chưa mở lòng, bèn nói: "Đại vương, lúc ngài đến đã trông thấy vị La hán ấy rồi, chẳng lẽ ông ta lại xấu hơn người khác sao?"

"Không, không! Ngài ấy khiến tôi ngạc nhiên không nhỏ. Đây đều là do sự giáo hóa của đức Phật, nên ngài ấy mới được sự nhanh nhẹn như thế này, chứ không thể tự thân", vua Ba Tư Nặc nói.

"Người ta thường nói, thầy dạy nhập môn, nhưng tu hành lại ở cá nhân mỗi người. Hơn nữa năm này đều là công đức của ông ta làm nên".

Sau khi vua Ba Tư Nặc nghe xong bàng hoàng tỉnh ngộ, nói một cách rất áy náy: "Ngài ấy không phải theo các vị Tỳ kheo của ngài sao? Có thể để tôi thay dưỡng phục thị ông ấy".

"Đại vương, người xuất gia tu đạo là gốc, nếu ngài có thể thiện đãi ông ta, đáp ứng yêu cầu của ông ta, điều này chưa hẳn là không được:, đức Phật tuy không bỏ nhưng lòng Phật từ bi trả lời.

Như thế, La hán được nhận ở quốc vương nhu cầu về thức ăn, y phục, việc đi lại. La hán thường truyền kinh, giảng pháp cho ông ta nghe, ông ta càng hiểu hơn về tầng lớp bình dân lao động cực khổ.

---o0o---

TIỀN THÂN ĐẠI THÁC KIM SINH HỐI

Trong Pháp Cú Thí Dụ Kinh, Đa Ma La quốc không phải là nước lớn, nhưng Phật pháp giáo hóa thịnh hành, tịnh xá đâu đâu cũng có.

Nước này lại được ân sủng của đức Phật, thiên thời, địa lợi, nhân hòa đều có cả. Cuộc sống của nhân dân yên ổn, vui tươi, tôn kính đối với người xuất gia cầu đạo.

Ở ngoại ô, nơi cách thủ đô nước Đa Ma La bảy dặm, có một tịnh xá được xây cất trong khu rừng rậm rất yên tĩnh. Mỗi ngày lúc sáng sớm và chiều tối đều

có tiếng chuông du dương vọng ra từ tịnh xá, vang qua con sông yên bình, vượt qua sơn dã, rung cảm lòng người, làm cho thiên địa giao hòa, tạo nên sự hoàn mỹ vô cùng.

Tịnh xá rộng lớn chiếm cứ cả nửa khu rừng, từng tòa phòng ốc rất hợp để làm một nơi tịnh tiến chăm chỉ khổ luyện. Nghe âm thanh du dương tụng kinh mỗi ngày, thì biết được tín đồ Phật giáo rất nhiều. Tịnh xá này rốt cuộc là có bao nhiêu đệ tử? Chắc cũng phải có đến năm trăm Tỳ kheo.

Năm trăm Tỳ kheo, chăm chỉ khổ luyện, dốc lòng cầu đạo, danh truyền khắp nơi, tiếng vang khắp chốn.

Nhưng, người ta thường nói, mỗi người đều có đặc điểm riêng không ai giống ai, không có hai cái trứng hoàn toàn giống nhau. Năm trăm vị Sa môn này tuy danh chấn gần xa, nhưng không phải vị Tỳ kheo nào cũng đại danh đỉnh đỉnh. Trong đó có một vị Tỳ kheo lớn tuổi, sự ngu dốt của ông chẳng qua chỉ là không được truyền ra thôi, nếu không nó sẽ tổn hại đến danh dự của năm trăm vị Sa môn này.

Thì ra sự ngu dốt của vị Tỳ kheo lớn tuổi này là việc không hiểu được Phật pháp. Ông ta ngày ngày chăm chỉ học tập, nhưng suy cho cùng cũng không hiểu nổi đến ý nghĩa của nửa câu kinh văn. Bốn trăm chín mươi chín vị Sa môn và ông ngày đêm tương tùy, cũng tụng Phật ngữ, cũng không ngờ rằng trên thế gian này rốt cuộc lại có người ngu đến thế.

Khi họ biết được tình trạng của vị Tỳ kheo già này, cho rằng vì ông ta tuổi cao nên trí lực kém không tập trung được, bèn tìm mọi cách để giúp đỡ ông ta học thuộc kinh văn. Có thể thức tỉnh ông, giúp đỡ ông, nhưng ông cũng không có một chút tiến bộ nào. Lại sợ vị Tỳ kheo già khả năng lý giải không tốt, mọi người lại đưa ra những kinh nghiệm nhận thức của mình, muốn cho ông lão tội nghiệp tiến bộ, không đến nỗi lạc hậu. Nhưng tất cả đều như nước đổ đầu vịt vậy.

Các Sa môn cảm thấy không còn hy vọng gì, họ hoàn toàn mất đi lòng tin đối với vị Tỳ kheo này, dần dần bỏ mặc ông.

Và như thế, vị Tỳ kheo già càng thảm thương hơn. Ông mất đi tất cả bạn bè, cuộc sống càng thêm vô vị.

Vị Tỳ kheo này tên gọi là Ma Ha Lô. Người ta thường nói, người quý ở cái sáng suốt, ở sự tự biết lấy và ai cũng có lòng tự tôn của mình, Ma Ha Lô đương nhiên cũng không ngoại lệ, ông ấy không ngừng nỗ lực. Ngày ngày ông một mình một góc, khổ đọc kinh thư, tiếc là cuối cùng cũng không thể khai thông.

Khi mọi người đều đọc kinh, Ma Ha Lô tội nghiệp trốn ở trong xá quét dọn phòng ốc, sắp xếp đồ đạc để tránh mặt mọi người.

Một ngày nọ, quốc vương nhân từ đức độ, mời các Sa môn hôm sau đến cung dự yến tiệc, cùng hưởng mỹ vị.

"Làm thế nào bây giờ?" Ma Ha Lô tội nghiệp tự biết được mình không biết đến nửa câu kinh văn, có sự bố thí của quốc vương nhân từ, trong lòng không tránh khỏi ưu sầu, ông nghĩ trước nghĩ sau: "Nếu như ta không đi, lỡ quốc vương xem chỉ thấy có bốn trăm chín mươi chín vị Tỳ kheo, hỏi đến mình, không phải càng mất mặt sao? Nhưng nếu ta đi, mọi người đều nhìn mình, ta đơn độc một mình cũng không có ý nghĩa gì. Vả lại lỡ quốc vương thấy mình đơn độc, không ai nói chuyện cùng, để mình giảng kinh thuyết pháp, không phải là càng khốn đốn sao? Ôi hay là ta đừng đi".

Mãi đến khi chúng Tỳ kheo đều y áo chỉnh tề, chuẩn bị xuất phát, mà lão Tỳ kheo vẫn chưa quyết định được.

"Sao ta lúc này chẳng có chút sức lực gì thế! Người sống như thế này, chỉ bằng chết cho xong, sống cũng uổng phí ngày tháng". Lão Tỳ kheo càng nghĩ càng thương tâm, bèn cầm lấy một sợi dây thừng đi về phía hậu viện tự vẫn.

Khi ông đến hậu viện, đang chuẩn bị thắt sợi dây thừng lên cành cây, gốc cây già bỗng nhiên hiện ra nửa người. Người ấy nói rằng: "Lão Tỳ kheo ngu xuẩn, người muốn làm gì? Như thế này là tự kết liễu mình chứ gì?"

Ma Ha Lô giật thót, đành phải nói sự thật là mình thân là Tỳ kheo, khổ công tu luyện nhưng ngược lại không chút tiến triển, mấy mươi năm rồi đến nửa câu Phật ngữ cũng không hiểu nổi, tự thấy không còn mặt mũi nào để nhìn người khác, không có đất dung thân, bèn nghĩ đến việc chết đi cho rảnh nợ.

Gốc cây già hiện ra thân người cười lớn và nói rằng: "Bất tất phải làm như thế, hãy nghe lời ta. Ta chính là Phật ở cõi trên, trông thấy người không hiểu kinh như thế này, muốn tự sát, mới mượn thân cây để nói cho người biết, sở dĩ người ngu đần bất thông, song không phải là đầu óc không tinh thông, mà là vì tiền kiếp người quá thông minh. Lúc ấy người là Tam Tạng Sa môn, có năm trăm đệ tử, nhưng người ở vị trí cao đại trí tự dụng, mà lại không chịu giáo hóa tốt đệ tử mình. Tội nghiệp năm trăm đệ tử ấy lãng phí một đời, uổng phí theo người chịu dày vò. Cho nên sau khi người chuyển thế, người cũng phải nếm mùi bị người khác khinh mạn, kết quả là người đã trở nên thiển cận như thế. Nó cho người biết, năm trăm vị đệ tử của người đều dưới tình trạng không chịu nổi, đồng loạt treo cổ tự vẫn, cho nên chuyển thế họ là bạn bè của người, nhưng họ đều thông minh hơn người, để cho họ trút hết oán hận tiền kiếp. Đối đãi với người trong tiền kiếp vậy, cũng đều khinh mạn người. Vốn để người tự trách

thôi, nhưng ngươi lại quá tự tôn, chấp mê cầu đạo, không đạo ắt chết, thế này thật quá đáng. Ngươi không thể có hạ sách này, hiểu chưa?"

Đức Phật từ trong gốc cây hiện ra, toàn thân hào quang sáng lạng, uy nghi muôn vàn.

"Thưa đức Thế Tôn, con đã hiểu, con nhất định hồi cải", Ma Ha Lô rút cuộc đã tỉnh ngộ.

"Tam Tạng Sa môn, kinh quyền thuộc lâu của ngươi ở trong tâm, chỉ là chưa khai mở mà thôi, bây giờ ta sẽ thay ngươi khai thông nó", đức Phật thương cái khổ của Ma Ha Lô, bèn nói lời kệ kỳ diệu cho Ma Ha Lô. Kinh Phật điểm hóa, sự ngu dốt của Ma Ha Lô đã không còn nữa, ông lập tức lĩnh ngộ diệu ý của đức Phật.

Ngay lập tức, ông bèn nhớ lại những kinh văn mà trong tiền kiếp mình đã tinh thông, dưới chân đức Phật đấng La hán đạo.

"Tạ đức Thế Tôn cứu khổ khai hóa sự ngu xuẩn!", lão Tỳ kheo liền khấu đầu bái tạ.

"Được rồi, ngươi mau về thay một bộ đồ sạch sẽ, mang bát đến cung đi". Đức Phật nói với Ma Ha Lô, "Nhớ kỹ, con phải ngồi thượng tọa, còn phải thuyết đạo cho họ, để họ thấy con đã đắc đạo, cuối cùng con phải khiến cho quốc vương minh tín lương thiện, giải trừ ác tâm".

"Dạ, dạ", lão Tỳ kheo đứng dậy, vội vã trả lời.

"Còn nữa, con bắt tất phải sợ người khác cười nhạo, tất cả những Sa môn ấy tiền kiếp đều là đệ tử của con, con phải để cho họ đắc thành chánh quả".

Thế là Ma Ha Lô bèn thay y phục, tay cầm bát vội vã đến cung. Vừa diện kiến, ông liền đi thẳng đến ngồi ở thượng tọa bên cạnh quốc vương, với dáng vẻ tự đắc.

Bốn trăm chín mươi chín vị Sa môn ngồi ở phía sau vừa ngạc nhiên vừa giận: "Tên ngốc này sao lại thế? Sao đã đến đây lại còn không biết điều?", nhưng trước mặt quốc vương, các vị Sa môn đành phải nhẫn giận, không đuổi ông xuống.

Quốc vương thấy tình trạng này, không biết nguyên nhân, vội vã nói rằng: "Các vị sư phụ, hôm nay mới được thấy các vị đến đây dùng bữa cơm mọn, đó là vinh dự vô thượng của quả nhân".

"Quốc vương quá khiêm tốn, mời chúng tôi đến thưởng thức cao lương mỹ vị, còn hưởng ơn mưa móc của quốc vương, chúc quốc vương vạn thọ vô cương", Ma Ha Lô đứng dậy đáp tạ cáo từ, âm thanh vang dội, như sấm rớt vào tai. Tất cả Sa môn đều ngạc nhiên, ngay lập tức tỉnh ngộ, tất cả đều hối cải.

Thế là Ma Ha Lô vì mọi người nói lời kỳ diệu, cả triều đều giác ngộ, bốn trăm chín mươi chín vị Sa môn ngay lập tức đắc thành La hán. Quốc vương và quần thần cũng lập tức xưng đạo, giác ngộ đều đắc quả Tu đà hoàn.

Yến tiệc lần này không ai không được thọ giáo, trong lịch sử Phật rất khen ngợi ý nghĩa thâm sâu của nó.

---o0o---

PHƯƠNG PHÁP TỐT CỦA ƯU BA KIẾP ĐA

Trong A Dục Vương Kinh ghi, từ tự miếu Na Đa Bà Đa sau khi nước Ma Thâu La kiến lập, có một người đàn ông xuất thân trong một gia đình giàu có, sau khi chàng nghe đến sự kỳ diệu của Phật pháp, cũng sinh lòng tin phục đối với Phật pháp. Thế là, chàng bèn từ biệt người nhà, bỏ đi tài sản giàu có của mình, đến tự miếu Na Đa Bà Đa, xin Ưu Ba Kiếp Đa xuất gia.

Sau khi Ưu Ba Kiếp Đa hỏi chàng một vài câu chuyện, thì thụ giới cho chàng. Từ đó, chàng ta bắt đầu học Phật pháp ở Ưu Ba Kiếp Đa.

Khi mới bắt đầu học kinh pháp, người này còn rất chăm chỉ, cũng rất hưng phấn, nhưng dần dần tật mê ngủ của chàng bắt đầu bộc lộ. Giác ngủ bình thường, chàng cảm thấy không đủ, nên lúc nào cũng ngủ nhiều hơn những đệ tử khác. Cả ngày chàng cảm thấy buồn ngủ đến mức không chịu nổi. Khi Ưu Ba Kiếp Đa giảng kinh giải Phật pháp, thì chàng lại ngồi ngủ gật trên đệm, căn bản không nghe được tất cả những lời giảng của Ưu Ba Kiếp Đa. Ưu Ba Kiếp Đa đưa chàng đến gốc cây để ngủ, chàng vừa ngồi xuống là đã ngáy khò, quên sạch sành sanh tất cả những gì khi ngồi niệm Phật.

Những đệ tử khác cùng học Phật pháp với chàng phần lớn đều có tiến bộ, thậm chí có người đã đắc thành La Hán, nhưng chàng không chút tiến bộ, nhưng nhận thức về Phật pháp cũng vẫn chỉ dừng lại ở giai đoạn thấp nhất. Những kinh văn mà biết đọc cũng chỉ được vài quyển, và lại đọc lên cũng lặp ba lặp báp.

Sau khi Ưu Ba Kiếp Đa biết được tình trạng này, ông nói với mọi người rằng: "Bây giờ mọi người hãy một mình suy nghĩ đi, tất cả những gì ta giảng, cũng đều rất thâm sâu, bây giờ ta muốn mỗi người hãy đi tìm một gốc cây, ngồi thiền ở dưới gốc cây ấy, suy nghĩ cặn kẽ".

Sau khi đệ tử của Ưu Ba Kiếp Đa nghe lời căn dặn của thầy, đều đứng dậy mà đi, chỉ thừa lại tên đệ tử mê ngủ ấy ngồi trên đệm gục đầu. Thì ra, hấn lại ngủ nữa rồi. Ưu Ba Kiếp Đa trong thấy bộ dạng hấn như thế không khỏi cười, ngài bước xuống bục giảng, lay tỉnh tên đệ tử đang ngủ say như chết, tên đệ tử này giật mình tỉnh giấc, vừa mở mắt là thấy Ưu Ba Kiếp Đa đang đứng bên cạnh, hấn ngại ngừng đứng lên, miệng ấp a ấp úng muốn nói điều gì đó, nhưng đứng mãi mà cũng chẳng nói được gì. Ưu Ba Kiếp Đa nói với tên đệ tử mắt vẫn còn lim dim rằng: "Con nên đi tọa thiền, người khác đã đi hết cả rồi".

Tên Tỳ kheo mê ngủ này vâng dạ, vội vã bước đi. Hấn đi ra và trông thấy dưới nhiều gốc cây gần đó đều có các Tỳ kheo đang ngồi. Không biết làm thế nào, hấn đành phải đi theo hướng khác, mới tìm được một chỗ vừa ý ở một nơi yên tĩnh. Nơi này là một bãi cỏ rất êm ả, giữa bãi có một gốc cây vừa to vừa cao. Tỳ kheo này đến dưới gốc cây, bắt đầu tọa thiền. Hấn ngồi không được bao lâu, thì cơn buồn ngủ lại đến, thực sự hấn không thể khống chế mình, bèn dựa vào gốc cây ngủ tiếp.

Ưu Ba Kiếp Đa kỳ thực từ sớm đã theo sát hấn, nấp ở một nơi quan sát, vừa trông thấy quả nhiên hấn lại ngủ nữa, trong lòng Ưu Ba Kiếp Đa vừa buồn cười vừa giận. Điều này cũng khiến cho Ưu Ba Kiếp Đa càng kiên quyết giáo dục lại lòng quyết tâm của tên đệ tử mê ngủ này.

Ưu Ba Kiếp Đa lập tức dùng phép thuật, biến ra một cái hào tròn sâu ngàn thước ở chung quanh gốc cây đại thụ và Tỳ kheo. Vây kín gốc cây và tên đệ tử ngủ say như chết ấy lại. Sau khi làm xong chuyện này, Ưu Ba Kiếp Đa nấp lại ở một nơi xa xa và đợi.

Sau khoảng một thời gian dài. Tỳ kheo ấy tỉnh dậy, hấn vươn vai, ngáp một hồi, khi hấn mở mắt ra trông thấy cái hào bao chung quanh, giật mình không biết đã xảy ra chuyện gì. Cái hào rộng khoảng hai ba trượng, không ai có thể nhảy sang bên kia được. Hấn bò cẩn thận đến miệng hào, thò đầu trông xuống cái hào sâu thăm ấy, trước mắt là một màn tối om, nói chung là không thể nào trông thấy được đáy hào. Hấn đứng dậy hô to: "Ê, người đâu! Có ai không?", nhưng ngoài âm thanh vọng lại ra, hấn không hề nghe thấy tiếng của người nào.

Tỳ kheo có hơi tuyệt vọng, trong lòng rất sợ hãi. Hấn dựa sát vào thân cây, nhìn cái hào sâu cách mình không đến một thước.

Lúc này, Ưu Ba Kiếp Đa lại làm phép, đặt lên trên hào một chiếc cầu chỉ rộng có nửa thước. Sau khi bắc cầu xong, Ưu Ba Kiếp Đa đi về Đa Ba Đa tự.

Tỳ kheo đang trong cơn tuyệt vọng trông thấy chiếc cầu đột nhiên xuất hiện, còn cho rằng là do mắt mình đã hoa, hấn thò cái tay ra mó lấy cây cầu với

ý thăm dò. Sau một lần xem xét vẫn chưa yên tâm, hắn lại kiểm tra lần thứ hai. Sau khi xác định chính xác là cây cầu thật, hắn mới thở phào một cái, vì lúc này trời đã tối lại.

Tỳ kheo khập khễnh bước lên cầu đứng lại hít một hơi tập trung tinh thần, cẩn thận vượt qua cái hào sâu một thước, rộng ba trượng này. Khi hắn đã vượt qua cái hào này, trong lòng như vừa trút đi gánh nặng, vội vã chạy về chỗ của Ưu Ba Kiếp Đa. Hắn nói với Ưu Ba Kiếp Đa rằng: "Thưa sư phụ tôn kính, hôm nay khi con ngồi thiền ngủ gật, tỉnh dậy trông thấy chung quanh cách con chừng một thước đột nhiên xuất hiện một cái hào sâu, báo hại con giật mình, may là sau đó trên cái hào lại xuất hiện một cái cầu nhỏ, như thế con mới có thể về đến đây, con thật không biết là đã xảy ra chuyện gì?"

Ưu Ba Kiếp Đa cười nói với hắn: "Bây giờ ngươi nên đi lại chỗ ấy để tọa thiền đi".

Hắn trả lời: "Thưa sư phụ tôn kính, không phải là con không chịu đi, chỉ là chỗ ấy thực sự có một cái hào sâu, rất nguy hiểm".

Ưu Ba Kiếp Đa cười, phát tay, sau đó nói với tên Tỳ kheo mê ngủ: "Nếu như cái hào ấy vừa sâu vừa rộng ấy là nói lên sinh lão bệnh tử, đau buồn, thống khổ, phiền não. Nếu một người không hiểu bản chất của thế tục đều là đau khổ, không hiểu được phương pháp đoạn tuyệt đau khổ thế tục, không hiểu được mục đích mà phương pháp ấy đạt đến sau khi giải trừ đau khổ mà Phật pháp yêu cầu, hắn sẽ bị rơi xuống cái hào sâu ấy".

Tỳ kheo mê ngủ ấy nghe xong lời của Ưu Ba Kiếp Đa, nhận thức được tầm quan trọng của việc chăm chỉ tu hành. Thế là hắn nghe theo giáo huấn của Ưu Ba Kiếp Đa, nhân lúc trời vẫn chưa hoàn toàn tối hẳn, lại men theo con đường lúc nãy quay lại nơi cũ để ngồi thiền.

Hắn cẩn thận đi qua chiếc cầu nhỏ, dựa vào gốc cây ngồi xếp bằng một cách nghiêm túc. Do hào sâu gần bên cạnh, hắn không dám lơ đãng, càng không dám ngủ gật, vì chỉ cần một chút không chú ý sẽ rơi xuống và tan xương nát thịt. Cho nên lần này và cũng chỉ có một lần này, hắn ngồi thiền mà không dám ngủ gục, lại chăm chỉ lý giải ý nghĩa quan trọng của Phật pháp, chăm chỉ tu luyện. Từ đó về sau hắn tiêu trừ hết phiền não, tu thành A la hán.

---o0o---

CÂU CHUYỆN NGƯỜI THỢ GIỎI ĐẮC ĐẠO

Trong A Dục Vương Kinh ghi: Ngày xưa, ở một tiểu quốc gần biển có một gia đình, ba đời đều là thợ giỏi nổi tiếng ở đây. Họ có một đứa con trai từ nhỏ

đã theo cha và ông nội học nghề, trở thành một thợ giỏi từ rất sớm. Chàng giỏi nhất là về xây cất nhà cửa phòng ốc, đặc biệt là công việc thợ mộc, thợ hồ.

Cậu bé này thắm thoát đã trưởng thành. Một ngày nọ, khi chàng trai đang xây nhà cho một người đã có tiền, nghe vài người thợ ngồi đàm luận về Phật pháp, chàng càng nghe càng mê mẩn, nên quên bồng đi công việc mình đang làm. Sau đó, khi về nhà, chàng được sự đồng ý của cha và ông nội, bèn thụ giới xuất gia ở một ngôi chùa gần đó.

Sau khi xuất gia, chàng một mặt khổ công tu tập Phật pháp, một mặt vẫn sử dụng nghề nghiệp của mình. Mỗi khi trông thấy trong tự viện có nơi nào bị hư hại, chàng liền sửa chữa rất kỹ càng. Không bao lâu, mọi người trong toàn tự đều biết biệt tài xây dựng nhà cửa của chàng, vì vậy chàng lại càng không được rảnh rỗi.

Không bao lâu, người ta muốn mở rộng tự viện, chàng được phái đến công trường. Chàng làm việc nơi công trường cả ngày, rất nhiều vấn đề xảy ra trong công việc đều đưa chàng vào để giải quyết.

Có một lần, khi đang dựng cột, không biết là chuyện gì, dân chúng đa dùng hết sức lực, dựng trái dựng phải cũng đều dựng không ngay. Mọi người sốt ruột đến toát cả mồ hôi, chàng chạy lại, tính toán trên dưới một hồi, lại xem nền móng, sau đó trên dưới của ốc cột mỗi đầu thêm một vài chêm, làm cho góc cột được vững vàng và ngay ngắn ở đó.

Và như thế, chàng chạy đôn chạy đáo, cả ngày không ngừng nghỉ. Khi công trình hoàn thành, thì chàng hầu như đã sức cùng lực kiệt, không còn hứng thú đối với chuyện gì cả. Chàng cảm thấy cứ như thế này mãi thì không ổn, nhưng nhất thời khó có thể tìm ra phương pháp tốt, để tháo gỡ sự đau khổ của vạn sự, vạn vật đều không mang lại hứng thú gì cho chàng.

Cuối cùng, trong lòng chàng nghĩ thầm: "Mình nên vào phòng thiền nghĩ lại đã, xem xét lại mình. Khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, đã từng nói những người xuất gia nên thiền định tu hành Phật đạo, không thể buông thả mình, muốn tu hành thì tu hành, không muốn tu hành thì không tu hành. Hiện giờ ta không có hứng thú gì đối với tu hành, không phải là một chuyện tốt, ta nên đi bái lạy một vị nghiêm sư, để yêu cầu người nghiêm khắc với mình, thì mới có kết quả tốt".

Sau khi nghĩ thông suốt chàng chuẩn bị hành lý, đi đến nước Ma Thâu La để bái kiến Ưu Ba Kiếp Đa, vì chàng nghe nói Ưu Ba Kiếp Đa là một người thầy tốt nhất hiện giờ.

Con đường từ một nước nhỏ bên bờ biển hẻo lánh này đến nước Ma Thâu La rất xa. Chàng đi cả ngày lẫn đêm, đội trăng cõng sao lên đường. Sự mệt nhọc trên đường đi khiến cho chàng gầy đi rất nhiều, nhưng chàng vẫn không ngừng nghỉ. Cuối cùng, người xuất gia đã mệt đến mức cực điểm này cũng đến được Na Đa Bà Đa của nước Ma Thâu La.

Người này trông thấy Ưu Ba Kiếp Đa, bèn chắp tay hành lễ, sau đó nói rằng: "Phật Tổ đã về chôn Niết Nàn rồi và ngài tôn kính kế thừa sự nghiệp mà Phật Tổ lưu lại, chủ trì Phật sự. Tôi từ xa đến chỉ thỉnh cầu ngài vì tôi nói về Phật pháp, vì tôi mà chỉ giáo bến mê".

Ưu Ba Kiếp Đa ngắm chàng một hồi, chàng xem ra đã quá mệt, sau đó bắt đầu dùng pháp nhãn để thăm thị chàng. Ưu Ba Kiếp Đa nhìn thấy người đứng trước mặt có một chút sợ chết, tất cả phúc đức mà hấn tích lũy được không đủ để đắc đạo. Tuy chàng có trí óc nhạy bén và đôi bàn tay khéo léo, nhưng lại rất chán chường đối với nghề nghiệp của mình, xem ra, chàng giống như không muốn chịu thêm khổ nữa.

Thế là Ưu Ba Kiếp Đa nói với chàng rằng: "Người xuất gia từ xa đến, giả như ngươi chịu nghe lời dặn dò của ta, thì ta sẽ thuyết pháp cho ngươi, cũng có thể giúp cho ngươi đắc đạo".

Người này trả lời rằng: "Chỉ cần ngài tôn kính thuyết pháp cho tôi, giúp tôi có thêm tiến bộ, tôi sẽ tuân theo tất cả những gì người căn dặn, tuyệt đối không có chút qua loa".

Ưu Ba Kiếp Đa mỉm cười, rất hài lòng với câu trả lời của chàng, ông nói: "Ngươi có một nghề rất tuyệt, cho nên ngươi không thể vì chút mệt mỏi, chán chường của bản thân mà không chịu đi làm. Nếu như trong nước này có nơi muốn xây mới chùa chiền, ngươi nên đem bản lĩnh của mình ra để giúp họ, ta tin rằng ngươi có thể xây cất chùa chiền được tốt".

Người ấy đáp: "Tôi sẽ nghe theo lời dặn của ngài, chỉ là tôi vốn không biết ở nước Ma Thâu La có ai muốn xây cất chùa mới, nếu có, tôi nhất định sẽ giúp cho".

Ưu Ba Kiếp Đa lại cười, ông nói: "Ngươi đã đi một quãng đường rất xa, cũng đã mệt mỏi rồi. Ta muốn hỏi, sáng sớm ngày mai ngươi có thể dậy sớm xuống núi vào thành không?"

Người này tuy là rất mệt, nhưng trả lời một cách kiên định rằng: "Dạ được! Ngày mai nhất định tôi có thể dậy sớm, ngài bất tất phải lo cho tôi".

Nước Ma Thâu La trời sáng rất sớm, và lại chùa Na Đà Ba La lại ở trên núi, cho nên dậy vào buổi sáng sớm, thân thể không khỏi cảm thấy lạnh buốt. Người này từ sáng sớm đã dậy rồi, kỳ thực đêm qua vốn không dám ngủ, chàng biết rằng nếu như mình ngủ, thì buổi sáng nhất định không dậy nổi, và lại lúc nào tỉnh dậy thì từ chàng cũng không biết được.

Chàng dậy từ sáng sớm, do chỉ mặc một chiếc cà sa, cho nên cảm thấy rất lạnh. Chàng men theo con đường nhỏ xuống núi trong sương mù lạnh giá. Sau khi đi được một đoạn đường, thì chàng cảm thấy cơ thể ấm lên.

Không bao lâu, chàng đã đến trước cửa thành Ma Thâu La, đúng lúc đang muốn vào thành, thì chàng gặp một vị trưởng giả. Do vị trưởng giả này quen thuộc với tất cả Tỳ kheo trong thành, nên vừa trông thấy người xuất gia lạ mặt này, bèn hỏi: "Người xuất gia có phúc đức lớn tôn kính, ngài từ đâu đến?" vừa hỏi vừa thi lễ với chàng.

Chàng vội vàng đáp lễ, trả lời: "Tôi đến từ một tiểu quốc bên bờ biển xa xôi ở phương Đông, vừa đến đây hôm qua".

Trưởng giả cười, gật đầu: "Chả trách, tôi không biết người, người đến đây có chuyện gì?"

Chàng trả lời một cách thành thật rằng: "Vì tôi đối với tất cả mọi chuyện đều sinh lòng chán chường, cho nên đặc biệt đến đây bái Ưu Ba Kiếp Đa đại sư, thỉnh cầu sự chỉ giáo của ngài ấy". Chàng bèn đem tất cả chuyện của mình và lời của Ưu Ba Kiếp Đa truyền dạy nói hết cho vị trưởng giả nghe.

Vị trưởng giả nghe nói chàng là một người tinh thông nghề mộc và nghề hồ nên rất mừng vội vã nắm chặt tay chàng, nói: "Tôi thật sự là may mắn, mới sáng sớm đã gặp được người xuất gia này, ngài đã là người xuất gia, lại là một người thợ giỏi thì quá tốt rồi".

Tiếp theo, vị trưởng giả nói với chàng: "Ngài không cần phải tìm Đông tìm Tây một người định xây chùa. Ta là người mà ngài muốn tìm đây. Từ rất lâu ta đã chán cuộc sống thế tục, có ý muốn xuất gia, nhưng ta xuất gia như thế này thì vẫn chưa đủ, vì thế muốn trước tiên xây một ngôi chùa, sau đó hãy xuất gia. Hôm nay ta ra ngoài thành chính là vì muốn tìm một nơi tốt để xây chùa".

Chàng rất vui, theo lời dặn của Ưu Ba Kiếp Đa, không sợ mệt nhọc, cũng với vị trưởng giả đi tìm địa điểm, họ dừng lại ở một dãy đất bằng phẳng cách thành khoảng hai mươi dặm, hai người đều cảm thấy nơi này thật là tốt, thế là họ bắt đầu đo đạc, vẽ đường. Những việc này đối với chàng mà nói thực sự là dễ như trở bàn tay. Khi chàng tính vẽ đường đo đất, đột nhiên nghĩ đến rất nhiều vấn đề về phương diện Phật pháp, nghĩ đến là nên làm nhiều việc thiện, vì vậy

chàng quên hết mọi phiền não, đắc thành A la hán quả. Sau đó chàng càng thêm nỗ lực làm việc. Không lâu sau, một ngôi chùa lộng lẫy đã được dựng lên, đứng sừng sững trên mặt đất bằng phẳng chung quanh là cây xanh.

---o0o---

NGÀY XƯA LÀ CƯỜNG ĐẠO, NGÀY NAY LÀ LA HÁN

Trong Thuyết Khiếu Sa Môn Kinh có ghi: Khi Phật Tổ ở nước Xá Vệ du ngoạn hóa độ tục nhân, Câu Tát La quốc liên tiếp xảy ra rất nhiều vụ cướp bóc giết người.

Câu Tát La quốc vì điều kiện tự nhiên không mấy tốt, lại thêm vào đó các loại thiên tai, lại do dân chúng nơi này phần lớn ù lì, không tin vào Phật pháp, cho nên xã hội mất trật tự, đạo tặc hoành hành, nhân dân gặp tai ương.

Sau khi vua Ba Tư Nặc quốc vương biết chuyện này, bèn hạ lệnh trừng phạt nghiêm minh đại thần nắm quyền tư pháp quốc gia. Đồng thời ông còn phái một đội binh tinh nhuệ đi bắt đạo tặc, phạm những tên đạo tặc bị bắt, tất cả đều theo quy định hành pháp mang ra giữa chợ chém đầu.

Một thời gian sau, những tên đạo tặc hoành hành trước đây không kiêng nể ai cả, giờ đây như kiến trên chảo nóng, hốt hoảng cả ngày trốn Đông tránh Tây, tìm cách chạy trốn hình phạt. Nhưng lưới trời lộng lộng đâu dễ gì trốn thoát, nhưng tên đạo tặc này đều lần lượt bị bắt về quy án, sau đó bị áp đến chợ chém ngang cổ. Những tên phạm nhân tội lỗi chất chồng cuối cùng cũng đã bị trừng phạt.

Bấy giờ, chỉ có một tên cường đạo tránh khỏi lưới pháp luật. Khi quân đội đang truy quét, hấn lẩn vào đám người hỗn loạn để chạy trốn. Sau đó thấy quân đội vẫn lục soát rất nghiêm, hấn lại trộm lấy một tấm cà sa, nhờ người cạo đầu tóc và râu giúp hấn, thành ra một người xuất gia chánh cống, một lần nữa lại tránh được sự lục soát của quân đội.

Một thời gian sau, phần lớn cường đạo đã bị cực hình y pháp, nhưng rất may là không bị đồng bọn khai ra. Kỳ thực, đây là vì mỗi khi quân đội bắt được một tên cường đạo là giết ngay tức khắc, nên hấn cũng chẳng có cơ hội gì để khai ra đồng bọn của mình. Đợi đến sau khi xã hội Câu Tát La quốc tạm thời yên ổn, quân đội giải tán, thì lúc này tên đạo tặc giả làm Tỳ kheo cũng không chịu cởi bỏ cà sa. Hấn lẩn Đông trốn Tây, cuối cùng đã lẩn vào Kỳ Hoàn, nơi ngụ của Phật Thích Ca Mâu Ni. Cho dù tên cường đạo này có mặc áo cà sa, nhưng hấn không bao giờ chăm chỉ học Phật pháp, hấn nghĩ mình đã thoát khỏi đại nạn này, dù gì thì quân đội cũng đã giải tán, sẽ không phải thường xuyên đề phòng thấp thỏm, cẩn thận canh chừng người khác.

Tên cường đạo này tuy ở một nơi rất yên tĩnh, nhưng hắn chưa từng xem xét lại đạo đức của mình, cũng không chịu học kinh điển Phật pháp, cũng không tuân thủ giới luật Phật pháp. Có nhiều lần hắn tùy ý uống rượu, ăn mặn mà bị hộ pháp đánh, nhưng hắn vẫn chứng nào tật ấy, không chịu sửa lỗi. Những chuyện như hám cầu nơi tinh thâm của Phật pháp và tụng kinh, hắn càng không bao giờ làm. Hắn biết mình không thể đắc đạo, vì thế càng thêm phóng túng, không bao giờ chịu nỗ lực.

Phật Tổ biết lai lịch của hắn từ sớm, nhưng vì dù hắn tốt hay xấu cũng biết trộm lấy cà sa khoác lên người giả dạng một người xuất gia, cho nên cũng không truy cứu những gì hắn đã làm trong quá khứ, mà là lấy một tấm lòng khoan dung đặc biệt thu nạp hắn.

Nhiều lần, khi hắn bị hộ pháp tăng đánh vì phạm giới luật, đều được Phật Tổ đứng đằng sau để che chở cho hắn, nên hắn mới không bị đánh đến nổi rách da xé thịt. Phật Tổ cũng biết trên người tên cường đạo này cũng còn có những chỗ lương thiện, nếu như chăm chỉ tu tập Phật pháp, không những có thể tiêu trừ tội ác trước đây, mà còn có thể tu thành chánh đạo.

Một ngày nọ, tên cường đạo này vì lén uống rượu, lại bị hộ pháp tăng bắt lấy và đánh một trận. Đợi chúng đệ tử trông thấy hắn bị phạt đều giải tán hết, khi hắn dấy dựa đòi đi, Phật Tổ mới gọi hắn lại.

Hắn khập khễnh bước tới trước mặt đức Thích Ca Mâu Ni ngồi trên bảo tòa, lay một lay. Phật Tổ nói với hắn: "Gần đây ngươi toàn vì phạm giới mà bị phạt, tại sao ngươi không thể trì giới tu hành như mọi người vậy? Ngươi đã phạm trọng tội, nhưng đã trốn tránh hình phạt, may mắn tránh được cái chết, nhưng đừng vì thế mà cho rằng mọi chuyện đều tốt lành. Kỳ thực, nhưng chuyện còn đáng sợ hơn cả cái chết đang đợi ngươi đấy. Ngươi hiện giờ mang trọng tội nhưng ngươi tránh sự trừng phạt của nhân thế, nhưng sau khi chết không tránh khỏi báo ứng của lục đạo cõi âm, sự báo ứng này không cách nào trốn tránh được cả!"

Chính vì Phật Tổ xét thấy tâm tư của tên cường đạo này, nên đã dùng phép thuật để hắn nhìn thấy những chuyện ác ôn mà trước đây hắn đã làm, nhưng chuyện mà trước đây hắn hại. Cuối cùng để hắn xem trước những báo ứng mà nếu không tu hành, hắn sẽ phải chịu đọa vào ngạ quỷ, súc sanh đạo, chịu cái khổ của báo ứng.

Sau khi tên cường đạo này nhìn thấy tất cả những gì mà Phật Tổ hiển hiện cho hắn, quá đỗi ngạc nhiên, hắn thật lòng hành một lễ khấu đầu với Phật Tổ. Lần hành lễ này rất thành tâm, nó được khai thị từ sự giáo hóa của Phật pháp của Phật Tổ, nó khác với hắn với cái hành lễ lúc trước, khi hắn được Phật Tổ gọi đến.

Phật Tổ cũng nhìn thấy tâm tình của hấn lúc này, cảm giác được mặt lương thiện ẩn sâu trong lòng hấn đang dần dần trỗi dậy, nên nói với hấn rằng: "Người có thể đi được rồi, hãy tìm một nơi yên tĩnh mà suy nghĩ. Đừng vì tránh được trừng phạt rồi thì cứ vui vẻ, đã khoác lên người chiếc áo cà sa rồi thì nên chăm chỉ tu tập Phật pháp đi".

Tên đạo tặc này luôn miệng đáp lạy, cáo từ đức Phật mà đi. Hấn quả thật theo lời căn dặn của Phật Tổ, tìm một nơi rất tĩnh mịch ở ngoài Kỳ Hoàn, một mình ngồi đó chú tâm suy nghĩ.

Đầu tiên, hấn xét lại mình. Đối với những việc đã làm trước đây, hấn suy xét lại rất sâu sắc, sau đó hấn nhận thức được vạn vật trên thế gian đều là vô thường, bất cứ sanh mạng nào cũng đều không thể tồn tại mãi mãi, cuối cùng rồi sinh mạng cũng đều quy về kết thúc. Vạn vật trên thế gian cũng đều có vui, có nhọc, và lại phân lớn đều là từ hưng đến vong, từ thịnh đến suy, sự biến hóa như thế này đã có từ lâu.

Sau khi hấn nghĩ thông suốt tất cả, bèn quay lại và đến trước mặt Phật Tổ, sám hối tội lỗi trước đây, tự trách mình rất thành thực, sau đó hấn biểu hiện muốn đãi giới tu hành thực sự.

Phật Tổ xá miễn cho hấn.

Sau đó không lâu, vị Tỳ kheo xuất thân từ tên cường đạo nayc uối cùng đã tu đắc thành A la hán quả, thành một vị La hán.

---o0o---

TỶ KHEO THAM ĂN UỐNG ĐẮC ĐẠO

Trong A Dục Vương Kinh ghi, sau khi Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni nhập Niết Bàn, rất lâu, Ưu Bà Kiếp Đa kế thừa sự nghiệp Phật giáo, tiếp tục hùng dương Phật pháp ở chùa Na Đa Bà Đa ở nước Ma Thâu La, hóa độ chúng dân.

Lúc ấy, ở nước Ma Thâu La có một người đã chán ghét cuộc sống thế tục, sau khi người ấy nghe nói Phật pháp rất tinh diệu thần kỳ, bèn không chút do dự chọn con đường xuất gia tu hành Phật pháp. Thế là người ấy thu dọn hành lý xong, từ biệt người nhà, đến tự miếu Na Đa Bà Đa.

Sau khi đến tự miếu Na Đa Bà Đa, người ấy tìm đến Ưu Ba Kiếp Đa đang thuyết pháp. Người ấy thể hiện quyết tâm xuất gia của mình với Ưu Ba Kiếp Đa, sau đó thỉnh cầu Ưu Ba Kiếp Đa thu nhận mình làm đồ đệ. Ưu Ba Kiếp Đa nhận người ấy làm đồ đệ và ngay lập tức thuyết giảng kinh pháp cho ông, giúp

cho ông có nhận thức sơ bộ về Phật pháp, làm nền tảng căn bản cho ông tu tập vào cõi thâm sâu của Phật pháp sau này.

Nhưng sau khi xuất gia một thời gian rất lâu, mà người ấy vẫn không thể thâm nhập đến giáo ý của Phật pháp một cách tốt hơn. Nhiều người xuất gia trẻ hơn ông cũng là các sư đệ của ông thì ngược lại một ngày đắc chính đạo. Người này kỳ thực cũng không có tật lệ nào khác, chỉ là tham ăn uống. Kỳ thực cái tật tham ăn uống cũng đã có từ trước khi xuất gia. Người khác ăn một bát cơm cũng đã đủ rồi, nhưng ông cảm thấy chưa đủ, vẫn muốn ăn thêm. Đôi khi rõ ràng là ăn không nổi nữa rồi, nhưng ông vẫn cứ muốn người khác bố thí cho ông.

Vị Tỳ kheo tham ăn này do một thời gian dài mà không đắc đạo, bèn đi đến than khổ với Ưu Ba Kiếp Đa: "Sư phụ tôn kính, tại sao con khắc khổ học tập Phật pháp như thế này, nhưng lại chưa thể đắc đạo, mà những sư đệ sau con ngược lại đã đắc đạo hết cả rồi? Con cũng chẳng có sai sót nào cả, chỉ là có chút ít tham ăn thôi".

Ưu Ba Kiếp Đa nói nhẹ nhàng với ông rằng: "Chính tại vì con tham ăn, do đó mới chưa đắc đạo, con đừng nóng vội. Như thế này, ngày mai ta chuẩn bị một bữa ăn cho con, đợi sau khi con ăn xong, ta sẽ thuyết pháp cho con".

Vị Tỳ kheo tham ăn từ biệt Ưu Ba Kiếp Đa, về tăng phòng mình. Vào bữa cơm tối, ông lại ăn rất nhiều thức ăn, và lại chọn toàn những thức ăn ngon.

Ngày hôm sau khi trời chưa sáng, ông đã dậy mặc cà sa ra ngoài tụng kinh. Vì ông nhớ lời của Ưu Ba Kiếp Đa, cho nên, mặt trời vừa lên hửng, ông đã về đến tăng phòng, sau đó vội vã đến chỗ Ưu Ba Kiếp Đa.

Khi ông đến chỗ Ưu Ba Kiếp Đa, thì ngài đã chuẩn bị thức ăn cho ông từ rất sớm. Hai thầy trò hàn huyên một lúc, Ưu Ba Kiếp Đa hỏi ông sáng sớm đã đọc kinh gì rồi. Sau đó ông mang ra hai chậu cơm rỗng, đặt trước mặt Tỳ kheo tham ăn, rồi lại bung lên một chén cháo nhỏ, bỏ vào trong một cái chậu, mùi thơm của cháo bay lên nồng đượm theo làn khói, chỉ nhìn cũng biết đây là cháo vừa mới nấu.

Sau khi tất cả đã chuẩn bị xong, Ưu Ba Kiếp Đa nói với đệ tử: "Chậu này thuộc về phần con, con có thể ăn sạch nó, ăn sạch đến nỗi như cái chậu bên cạnh vậy".

Tiếp theo Ưu Ba Kiếp Đa lại nói: "Nhưng con nên biết, đây là cháo vừa mới nấu, phải đợi cho nó nguội đi một tí thì mới có thể ăn được".

Nhưng vị Tỳ kheo này vừa ngửi thấy mùi thơm quyến rũ của bát cháo, thì càng không chế không nổi mình, ông rất muốn ăn sạch ngay lập tức, để tránh lát nữa có người lại chia bát. Thế là ông cúi đầu, cúi sức thổi cho bát cháo nóng hôi hổi, mong cho nó nguội đi nhanh hơn.

Vừa thổi được một lúc, ông không nhịn nổi nữa, nói với Ưu Ba Kiếp Đa: "Bát cháo đã nguội rồi, con có thể ăn rồi chứ?"

Ưu Ba Kiếp Đa trừng mắt nhìn ông nói: "Bát cháo xem như được con thổi nguội, nhưng lòng con vẫn cứ nóng bùng bùng, con nên để cho lòng con nguội lại đã, con nên xem bát cháo này là một thứ bản thủ hoặc giả là một chậu nước lạnh, thế này thì mới có thể khiến lòng con nguội lại. Sau đó, khi con nhìn thấy thức ăn, thức uống thì hãy xem nó như là thứ thuốc đắng, như thế này thì mới có thể khiến cho lòng con không nóng lên. Tâm không nóng, tâm mới có thể thanh tịnh, tâm thanh tịnh mới có thể thâm nhập thấu hiểu ý nghĩa quan trọng của Phật pháp, mới có thể tu hành đắc đạo". Tỳ kheo mơ màng nghe thấy lời nói của Ưu Ba Kiếp Đa, hình như nghe hiểu được chút gì đó, nhưng ông vẫn cứ nóng vội bung lấy bát cháo, bắt đầu húp, vì cháo quá nóng, ông không khỏi phun ra, cháo mà ông phun ra phun ngay vào cái chậu không trước mặt, do ông hầu như một mạch húp sạch chỗ cháo trong chậu, cho nên khi phun ra cũng đầy một chậu.

Lúc này Ưu Ba Kiếp Đa chỉ vào chỗ cháo mà ông phun ra, nói với ông rằng: "Bây giờ con hãy ăn hết chỗ cháo này".

Tỳ kheo ngược lại trả lời rằng: "Đã là thứ không sạch sẽ rồi, sao lại có thể ăn vào nữa chứ?"

Lúc này Ưu Ba Kiếp Đa mới nói với ông ta: "Giả như con xem tất cả thức ăn, thức uống đều là nước mũi của người khác và thứ nôn mửa ra thì tốt rồi, lòng con có thể thanh tịnh lại".

Sau đó, Ưu Ba Kiếp Đa giảng giải ý nghĩa chủ yếu của Phật pháp, vị Tỳ kheo này vốn thông minh, không lâu sau đã đắc thành A la hán.

---o0o---

PHẬT TỔ TỰ THÂN LO LẮNG CHO NGƯỜI BỆNH

Theo Phật Khán Tỳ Kheo Bệnh Bất Thụ Trưởng Giả Điều Kinh ghi, Phật Tổ sống ở nước Xá Vệ một thời gian rất dài. Ngài rất bận rộn, hầu như là giảng giải Không pháp cho đệ tử ngày đêm không nghỉ. Ngài cũng giảng giải Phật pháp cho các thí chủ, đôi khi còn thụ giới cho các đệ tử vừa mới quy y.

Người ở nước Xá Vệ là tin tưởng vào Phật giáo nhất, bình thường có nhiều tín đồ mới Phật Tổ và các đệ tử đi dùng trai đàn thuyết pháp. Một ngày nọ, có một người rất giàu có mời Phật Tổ và các đệ tử đi dự trai đàn.

Phật Tổ để các đệ tử đi dự trai đàn, còn mình thì không đi, chỉ nhờ các đệ tử mang về cho mình một phần trai phạn. Có hai nguyên nhân khiến cho Phật Tổ không đi dự trai đàn: Thứ nhất, ngài đã có hẹn với các thiên thần rồi, phải đi giảng kinh pháp cho các thiên thần; thứ hai, ngài phải xem xét có đồ đệ nào mắc bệnh không.

Sau khi Phật Tổ giảng kinh pháp cho các thiên thần từ trên trời về đến Kỳ Hoàn. Ngài xem xét tất cả các tầng phòng, thì thấy tất cả cửa đều được khóa, tất cả đệ tử đều đi dự trai đàn. Đột nhiên, Phật Tổ nghe thấy một gian phòng có tiếng động, hình như có người đang rên rỉ. Phật Tổ lấy chìa khóa mở cửa phòng.

Ngài trông thấy một đệ tử bệnh đang nằm trên giường, do tên đệ tử này bệnh nặng không thể cử động, cho nên tiêu tiện, đại tiện đều ở tại trên giường, làm cho căn phòng rất hôi thúi.

Phật Tổ lại hỏi: "Con mắc bệnh gì thế? Hãy nói cho ta nghe, tại sao không ai lo lắng cho con cả?"

Người đệ tử mắc bệnh trả lời: "Bệnh của con không đến nỗi nghiêm trọng, xin Phật Tổ tôn kính bất tất phải lo lắng cho con. Người con bản tính ngu ngốc, cũng rất lười nhác, không chịu giúp đỡ người khác, cho nên khi con mắc bệnh như hiện nay, cũng không có ai đến giúp đỡ con. Hiện nay con cảm thấy mình thật cô độc, không có ai để nương nhờ", nói rồi, tên đệ tử bèn khóc lên bi ai.

Phật Tổ rất tội nghiệp cho hắn, sinh lòng trắc ẩn. Ngài không tránh mùi hôi thối ô uế, đầu tiên ôm lấy người bệnh lên, vất bỏ hết tất cả những thứ dơ bẩn trên người. Sau đó Phật Tổ mang tất cả vật dụng trên giường cùng đệm ngò giặt qua một lần, xong quét dọn sạch sẽ phòng ốc, mở toang cửa nẻo để thoát hết mùi hôi thối trong phòng đi.

Phật Tổ còn tắm cho tên đệ tử dơ bẩn, sau khi tắm xong, lại thay quần áo cho hắn, trải chăn mền mới. Phật Tổ xoa bóp tứ chi cho đệ tử, giúp hắn giảm bớt sự đau đớn.

Phật Tổ thấy tên đệ tử này rất đau khổ vì bệnh tật, cho nên, ngài mới nói với hắn: "Hiện giờ con cảm thấy sự đau khổ của bệnh tật, nhưng nếu con không nỗ lực học tập thêm nữa, khi con chết sẽ gặp nhiều đau khổ đáng sợ hơn bây giờ rất nhiều".

Sau đó, Phật Tổ giảng giải Phật pháp có liên quan đến việc chiến thắng đau khổ, tiêu trừ đau khổ cho tên đệ tử này nghe. Sau khi hắn nghe xong, ngay lập tức cảm thấy dễ chịu, đồng thời trong lòng quyết tâm tiêu trừ đau khổ. Tên đệ tử này đặc biệt cảm động, nhất là Phật Tổ không né tránh sự ô uế hôi thối mà tắm rửa cho mình, dọn dẹp phòng ốc chần mèn làm cho hắn rất cảm kích. Về sau, hắn cảm động đến nỗi không nói được lời nào. Thực sự, một đức Phật chí tôn vô thượng mà lại tự thân mình lo lắng cho một Tỳ kheo bình thường bệnh hoạn, thực đáng khiến cho người ta cảm động.

Đợi sau khi các đệ tử đi dự trai đàn về, Phật Tổ gọi họ đến giảng kinh đường.

Trong giảng kinh đường, đức Phật nói với các đệ tử rằng: "Các con là đệ tử của ta, ta muốn cho mọi người đều biết, kể từ sau khi các con xuất gia làm Tỳ kheo, mỗi người các con đều trở thành một người đơn độc, trên không có cha mẹ, dưới không có anh chị em, nói chung, đã xuất gia cô độc một mình. Do đó, giữa các con nên quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Nếu không có lòng quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau, thì rất không hay, cũng là rất không thích hợp với danh nghĩa người xuất gia của các con".

Trên khuôn mặt của Phật Tổ chưa từng có sự nghiêm nghị như thế. Ngài dùng ánh mắt nghiêm khắc nhìn lại tất cả mọi người, khiến cho các đệ tử của ngài từng người, từng người một đều căng thẳng, hồi lỗi. Sau đó, Phật Tổ lại nói: "Tất cả những Phật pháp mà chúng ta học và tín ngưỡng, rốt cuộc trên dưới đều như nhau. Cho nên, kể từ hôm nay các con nên hầu hạ sư trưởng như cha mẹ ở nhà và hầu hạ đến suốt đời. Mà sư trưởng của các con, thì phải chăm sóc, lo lắng các con như cho con cái của mình cho đến chết. Giữa sư phụ và đệ tử với nhau phải lấy lòng nhân từ khoan dung để quan tâm lẫn nhau, đến chết không thay đổi. Tất cả mọi thứ đều chia sẻ cho nhau, trai phạn hóa duyên được cũng nên chia đều cho mỗi người".

Phật Tổ giảng đến đây bèn dừng lại, nhìn lại những đệ tử ngồi trên đệm, sau đó dùng một âm thanh trầm mặc, nói với các đệ tử: "Người xuất gia một mặt giải thoát đau khổ và phiền não của mình, nhưng mặc khác cũng nên giúp đỡ người khác giải thoát đau khổ và phiền não. Ta biết được trong các con có người không nghĩ như thế, một người xuất gia đến người bệnh bên cạnh mình cũng không biết chăm sóc, thì người ấy làm sao có thể đi siêu độ chúng sanh chứ? Càng không thể vì người khác không giúp đỡ mình trong lúc khó khăn, mình không đi giúp đỡ họ. Làm như thế là rất không hay. Kể từ hôm nay trong các con có ai mắc bệnh thì các người khác đều phải nên chăm sóc họ như thể chăm sóc mình vậy. Ai có thể làm như thế thì người ấy sẽ tích được công đức".

Phật Tổ nói xong, các đệ tử của ngài đều cảm thấy xấu hổ.

Sau đó, tên đệ tử mắc bệnh này được mọi người chăm sóc rất chu đáo. Mọi người cũng mang lời giảng của đức Phật ở giảng đường kinh nói lại với hấn, tên đệ tử này bắt đầu suy ngẫm về lời của Phật Tổ và Phật pháp mà hàng ngày học tập. Không lâu sau, hấn đã rời bỏ xác thịt, nhập cõi Niết Bàn.

---o0o---

TỖ KHEO THAM NGỦ ĐẮC ĐẠO

Trong Pháp Cú Thí Dụ Kinh ghi, Phật Tổ ở trong Kỳ Viên Tịnh Hội, bình thường khi dạy bảo đệ tử học Phật pháp là phải chăm chỉ, hết lòng, không ngừng nỗ lực, tuyệt không chút lơ là, lười biếng. Phần lớn đệ tử của Phật Tổ đều tuân theo lời căn dặn của ngài, chăm chỉ, chuyên cần tu hành, học tập. Cho nên rất nhiều đệ tử cũng vì thế mà đắc đạo, tu thành La hán, tiêu trừ đau khổ, phiền não và tạp niệm.

Nhưng cũng có vài đồ đệ lại không hoàn toàn tuân theo giáo hội của Phật Tổ. Ví dụ như, có một Tỳ kheo, ông cũng tín ngưỡng Phật pháp, cũng tuân thủ Phật giáo giới luật, nhưng không chịu khắc khổ chăm chỉ, hàng ngày tụng kinh cũng chỉ là cho qua, người khác đang ngồi xếp bằng tu hành, thì ông lại ngủ khò. Sư huynh, sư đệ của ông khuyên ông nhiều lần, ông vẫn không thay đổi, không tiến bộ.

Tật lớn nhất của Tỳ kheo này là mê ngủ, mỗi ngày sau khi ăn cơm no là đánh giấc, khi ngủ còn đóng chặt cửa phòng, một mình ở trong phòng ngủ vùi ngủ dập, hưởng thụ cảm giác thoải mái do giấc ngủ mang lại cho mình, đem tất cả kinh văn phải đọc và việc tu hành gạt qua một bên.

Ngày nọ, Tỳ kheo này sau khi ăn no bữa cơm chay, lại quay về đến tầng phòng của mình để nhập mộng. Lúc này còn ở vào lúc chính Ngọ mặt trời trên đỉnh đầu, hấn mà ngủ thì không chịu dậy, tiếng ngáy như sấm đồm đồm trong phòng mãi đến ngày hôm sau.

Ngày hôm sau, buổi sáng là giờ giảng kinh thường lệ của Phật Tổ. Tất cả các đệ tử đều đến, duy chỉ thiếu tên Tỳ kheo mê ngủ ngày. Phật Tổ bèn hỏi các đệ tử: "Vị đệ tử mê ngủ ấy tại sao không đến?"

Một đệ tử vội vàng đứng dậy trả lời: "Hấn ngủ từ trưa hôm qua, đến bây giờ vẫn chưa chịu dậy, chúng con gọi mãi nhưng cũng không chịu dậy".

Phật Tổ đột nhiên nhớ ra, vị Tỳ kheo mê ngủ này kể từ hôm nay tính ra thì tuổi thọ chỉ còn có bảy ngày, nếu để hấn cứ ngủ say như chết thế này, hấn sẽ không đạt được trọn vẹn. Phật Tổ thấy tội nghiệp cho hấn, cho nên trước tiên để cho chúng đệ tử đọc kinh văn, còn mình thì cùng A Nan vội vàng đến tầng xá.

Phật Tổ và A Nan chưa đến tầng phòng của tên Tỳ kheo ấy, từ xa đã nghe thấy tiếng ngáy dồn dập như sấm vang rền.

Sau khi đẩy cửa phòng vào, âm thanh càng lớn. Tỳ kheo ấy nằm gọn trên giường ngủ thật ngon. A Nan gọi vài tiếng, nhưng Tỳ kheo không có phản ứng gì, vẫn cứ ngủ. Cuối cùng, Phật Tổ đi đến trước giường, dùng ngón tay chỉ nhẹ vào người Tỳ kheo. Tên Tỳ kheo đang ngủ ngon lành này ngay lập tức tỉnh dậy.

Tỳ kheo tỉnh dậy trông thấy Phật Tổ đang đứng trước mặt, nhìn mình với ánh mắt từ ái, bèn vội vàng hành lễ với Phật Tổ và A Nan.

"Thưa Phật Tổ tôn kính, xin tha tội vô lễ của đệ tử".

Phật Tổ nói với Tỳ kheo rằng: "Tuổi thọ của người chỉ còn có bảy ngày, ta không nhẫn tâm thấy chết đi trong giấc ngủ, mà không đắc thành chính quả, cho nên đặc ý đến gọi người tỉnh dậy".

Tên Tỳ kheo ấy giật mình, hấn vồn không nghĩ rằng sức khỏe mình tốt như thế mà chỉ còn sống có bảy ngày. Hấn vừa kinh vừa sợ, không biết làm sao.

Lúc này, Phật Tổ an ủi hấn rằng: "Đây là tiền định trong số mạng của người. Tiền thân của người trước đây đã từng cúng dường thức ăn cho đức Phật, cho nên về tiền thân của người xuất gia làm Tỳ kheo. Tiền thân này của người sau khi xuất gia vẫn vậy, chỉ biết ăn uống để bảo dưỡng cơ thể, ngược lại chưa từng tụng kinh, niệm Phật, không tuân thủ giới luật Phật pháp. Mỗi ngày sau khi ăn uống no nê, gối đầu lên giường, làm lỡ dở việc tu hành của mình, cuối cùng đã hại đến bản thân. Không lâu sau, tiền thân của người cũng đến lúc thọ tận mạng vong, do không tích được phúc đức nào, cho nên linh hồn của người đầu thai thành một con mọt trong bồ thóc. Và như thế, tiền thân của người làm thân phận con mọt đủ năm vạn năm. Cuối cùng, tiền thân của người lại đầu thai thành một con sâu trong gốc cây và như thế tiền thân của người làm con sâu ấy trong năm vạn năm.

Nói đến đây, Phật Tổ ngừng lại, nhìn tên Tỳ kheo đang chăm chú lắng nghe, A Nan ở bên cạnh cũng thế. Rồi Phật Tổ nói tiếp: "Những gì ta vừa nói, tất cả những con mọt, con ốc, con trai, con sâu mà tiền thân của người đầu thai thành, chúng đều thích sống ở nơi tối tăm không có ánh sáng, sống ở đây, chết cũng ở đây. Bốn con vật ấy đều có một điểm giống nhau, chính là tham sống và sợ chết, đặc biệt là thích sống ở nơi tối tăm tĩnh mịch, ghét ánh sáng ngay từ khi mới sanh ra. Còn về cách sống thì càng giống nhau hơn, là bốn con vật đều thích ngủ, một khi đã ngủ thì giấc ngủ của chúng thường kéo dài hơn một trăm năm. Chúng chỉ biết ngủ mà không chịu cầu tiến".

Phật Tổ ngưng lại một hồi, rồi chuyển sang nói với vị Tỳ kheo này bằng giọng nhẹ nhàng: "Sau khi trải qua hai mươi vạn năm, tiền thân của người và tội nghiệp của người xuất gia không lo tu hành chỉ lo ngủ ấy mới được gột rửa sạch. Cho nên, kiếp này của người mới có thể đầu thai thành người, và xuất gia làm Tỳ kheo. Nhưng, người đã làm Tỳ kheo thì nên chăm chỉ tu hành khắc khổ, chăm chỉ nghiên cứu mới đúng. Không ngờ, người lại giống như tiền thân của hai mươi vạn năm trước tham ăn tham ngủ, tại sao người cứ ngủ không đủ vậy? Người phải nhớ kỹ hai mươi vạn năm trước kết quả tiền thân của người".

Phật Tổ giảng xong những lời này, im lặng. Vì ngài biết trông vang không nên đánh mạnh, hơn nữa, tên Tỳ kheo này tuy là tham ngủ, nhưng tính giác ngộ của hắn rất cao.

Quả nhiên, một lúc sau, tên Tỳ kheo ngại ngưng đỏ mặt, thể hiện sự hối hận ăn năn với Phật Tổ và còn khiển trách mình rất nặng. Ngay chính lúc mà hắn tự trách mình, tất cả những tạp niệm của hắn đều theo đó mà tan biến hết, ngay lập tức, hắn đắc La hán quả.

---o0o---

CÂU CHUYỆN TỖ KHEO GIẾT MẸ ĐẮC ĐẠO

Trong Tâm Bản Tịnh Kinh có nói: Xưa kia có một người, cha của hắn mất khi hắn còn nhỏ. Cho nên hai mẹ con hắn nương tựa vào nhau mà sống. Một ngày nọ, hắn và mẹ hắn vì một chuyện nhỏ mà tranh cãi với nhau. Tên này nhất thời nóng nảy, đã đẩy mẹ một tay, mẹ hắn ngã lăn ra sau, đầu va vào đá bị chảy máu rất nhiều, không bao lâu thì chết.

Sau khi người này phát hiện mẹ mình đã chết, rất đau khổ, hối hận, hắn một mình chạy ra khỏi nhà, đến một gốc cây ngoài vườn khóc lớn, trong miệng gọi to: "Thế này thì mình phải làm sao đây? Thế này thì mình phải làm sao đây?", hắn vô cùng hối hận vì đã lỡ tay hại chết mẹ ruột của mình, hắn trách mình đã không giữ tròn chữ hiếu mà đã làm nên tội tày trời.

Hắn kêu khóc dưới gốc cây: "Mình thật là đáng chết, hại chết mẹ ruột của mình, thật sự đã phạm tội tày trời, thật đáng sa vào địa ngục!"

Và như thế, hắn ngồi dưới gốc cây kêu khóc mãi.

Lúc này, Bạt Thủ Bồ tát đang đi ngang qua đó, ngài trông thấy tên này còn biết hối hận ăn năn, và lại còn nhận thức được tội nghiệp của mình. Cho nên, Bạt Thủ Bồ tát dùng thần thông biến thành ba người đi đường, đó là một đôi vợ chồng già và một đứa con trai, đến con đường cách người đang khóc không xa.

Ba người này đi trên đường cãi nhau, ở một nơi cách người đang khóc không xa, ba người nọ dừng chân lại, cãi nhau lớn tiếng.

Người cha nói với con trai mình rằng: "Con đường này mới là chính lộ, nếu đi theo cách của người, chúng ta đi đến mai cũng chưa đến nhà!"

Người mẹ hiển nhiên cũng đồng ý với ý kiến của cha, hấn nhảy dựng lên nói: "Đường này mới là chính lộ, dường cha nói là sai, nếu theo lời cha mà đi thì chúng ta đi đến năm sau cũng không về đến nhà!"

Và như thế hai cha con mỗi người một câu cãi nhau lớn tiếng, càng cãi càng dữ tợn. Đứa con trai do Bạt Thủ Bò tát biến thành phần nô lên, hấn rút con dao găm ở thắt lưng ra, đâm chết cha mình, sau đó cũng giết luôn người mẹ. Sau khi hấn giết chết cha và mẹ mình, hấn lại hối hận, kêu khóc lên rất đau khổ không ngừng.

Tất cả cảnh tượng này đều được người hại chết mẹ đang kêu khóc dưới gốc cây trông thấy, hấn rất kinh ngạc.

Sau đó, đứa con trai mà Bạt Thủ Bò tát biến thành đột nhiên đến trước mặt hấn và vội nói với hấn rằng: "Tôi nhất thời nóng nảy, giết chết cha mẹ mình, gây tội nghiệp tày trời, sau khi chết nhất định phải sa vào địa ngục. Bây giờ tôi phải làm sao đây, xin người hãy nghĩ giúp tôi một cách được không?"

Người này nín khóc, trong lòng nghĩ: "Người này vừa giết chết cha mẹ mình, mà mình chỉ giết mẹ thôi, như thế này, tội nghiệp mà mình gây ra còn nhẹ hơn cả tội nghiệp của hấn, nhưng hấn chẳng qua cũng chỉ là sa địa ngục, vậy thì mình cũng giống vậy thôi", hấn nghĩ như thế chứ ngược lại chẳng nói lời nào.

Người con trai do Bạt Thủ Bò tát biến thành thấy tên này bỏ mặc hấn, lại kêu khóc rất bi thương, sau đó lầm bầm: "Ôi! Hết cách rồi, ta đành phải đi tìm Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni nhân từ. Nghe nói Phật Tổ đặc biệt nhân từ khoan dung, tất cả mọi người đi thỉnh cầu ngài đều được giúp đỡ. Cho dù là người phạm tội tày trời, không thể tha thứ cũng có thể được Phật Tổ giúp đỡ. Người có tâm hồn đang hốt hoảng, Phật Tổ cũng có thể tìm cách để tiêu trừ sự hốt hoảng cho họ, và lại còn có thể khiến họ được an ủi. Nếu đến chỗ Phật Tổ, có thể được ngài cứu hộ, vậy thì quá tốt rồi".

Sau khi nói xong những lời này, hấn lại khóc rống lên, vừa khóc vừa đi về phía trước. Mà tên hại chết mẹ ấy nghe xong lời này, cũng cảm thấy rất thích gặp Phật Tổ, hấn nghĩ đến chỗ Phật Tổ không chừng có thể tìm được phương pháp giải thoát tội nghiệp. Vì vậy, hấn cũng theo gót tên giết chết cha mẹ, đi rề rà không gấp gáp. Hấn vừa đi vừa nghĩ: "Nếu như sau khi hấn đến chỗ Phật Tổ

hồi tội mà có thể giải thoát được tội nghiệp, vậy thì, tội nghiệp của mình bất luận như thế nào thì cũng còn nhẹ hơn hẳn".

Không bao lâu sau, hai người nọ kẻ trước người sau đi đến trước mặt Phật Tổ ở Kỳ Hoàn. Đứa con trai giết chết song thân, quỳ xuống đất khấu đầu hành lễ với Phật Tổ. Sau đó hắn nói với Phật Tổ: "Thưa Phật Tổ tôn kính, vừa rồi con đã phạm một tội nặng nề, con vì tìm đường để về nhà mà đã cãi lời cha mẹ, trong lúc đó con nhất thời nóng nảy, giết chết cha mẹ của mình, con đã phạm phải tội đại nghịch bất hiếu như thế này, giết chết cha mẹ, trong lòng rất hối hận, nhưng lại không tìm ra cách để giải thoát tội nghiệp, cho nên mới tìm đến ngài, xin ngài giúp đỡ".

Sau khi Phật Tổ nghe xong lời này, bèn nói: "Thiện tai! Được thôi, được thôi! Con người của người rất thành thật, không có lời dối gạt người, nhưng lời người nói đều đúng với những gì người làm, nếu đã thành thật như thế này, và lại có thể nhận thức được tội nghiệp của mình đã phạm, vậy là rất tốt".

Tiếp theo, Phật Tổ lại nói với người này rằng: "Thái độ thành khẩn thật thà của người, không nói dối, những gì người làm và những gì người nói đều không mâu thuẫn. Cho nên, hiện giờ người nên hiểu được tâm trạng của mình, nên nghĩ lại cho kỹ, mình giết chết cha mẹ trong tâm trạng như thế nào. Tâm trạng ấy có trong quá khứ thì đã là quá khứ, tâm trạng hiện tại cũng sẽ trở thành quá khứ, tâm trạng như thế này không đâu có thể tìm, cũng không biết cuối cùng mất đi ở nơi nào. Nếu là tâm trạng trong tương lai, thì tâm trạng này vẫn chưa đến, không nhìn thấy, không sờ được, cũng không biết hiện giờ ở nơi nào?"

Phật Tổ lại nói với người giết chết song thân rằng: "Người nên biết, tâm trạng tuyệt không phải ở trong cơ thể của mỗi người, nhưng cũng không phải do môi trường bên ngoài sinh ra, mà nó phụ thuộc vào cả hai yếu tố đó. Điều này người phải đặc biệt hiểu rõ".

Người con trai do Bạt Thủ Bồ tát biến thành sau khi nghe xong lời của Phật Tổ nói, than rằng: "Con trước giờ chưa từng nghe thấy ai nói đạo lý tinh thâm, kỳ diệu như thế này, thưa Phật Tổ tôn kính, người thật là một thánh nhân đại trí đại đức. Ngài biết rõ sự kỳ diệu của Phật pháp như thế nào, không ai có thể vượt qua ngài".

Cuối cùng, hắn thỉnh cầu Phật Tổ: "Con là một người phạm phải tội ác tày trời, con giết chết cha mẹ của mình, cho nên hiện giờ không có chỗ nương tựa, đơn độc không có ai giúp đỡ, vì vậy con thỉnh cầu lòng từ bi của Phật Tổ ngài thu nhận con làm đệ tử, để con quy y Phật pháp, con hứa sẽ tiếp thu giới luật của Phật pháp, thỉnh cầu Phật Tổ thu nhận con".

Phật Tổ đồng ý với lời thỉnh cầu của hấn và ra hiệu cho hấn lại gần. Sau đó, Phật Tổ nói với hấn: "Người đến thật đúng lúc". Phật Tổ vừa nói xong, thì tóc trên đầu của người con trai do Bạt Thủ Bồ tát biến thành và râu trên mặt đều tự nhiên mà rụng hết, y phục còn vướng máu cũng không cánh mà bay. Thay vào đó là một chiếc áo cà sa mới. Đợi sau khi hấn hoàn tỉnh, Phật Tổ mới giảng cho hấn những Phật pháp làm thế nào để giải trừ đau khổ. Sa môn mới này nghe xong thì rất vui mừng.

Một lúc sau, Sa môn mới xuất gia này nói với Phật Tổ: "Thưa Phật Tổ tôn kính, sau khi nghe xong lời giảng của ngài, con đã thông hiểu, bây giờ con đã có được thần thông, vì vậy, con muốn nhập Niết bàn, triệt để tiêu trừ căn bản của sự đau khổ xác thịt này".

Phật Tổ rất vui mừng, ngài liền dùng pháp lực để cho Sa môn mới này thăng lên trên không trung cách mặt đất bốn trượng chín thước. Sau đó, Sa môn mới này nhập Niết bàn. Sau khi nhập Niết bàn, thân thể của ông ta đột nhiên bùng lửa, ngọn lửa bùng bùng này đốt cháy thể xác ông ta. Không bao lâu, ngọn lửa tắt ngụt, trên không trung chỉ còn lại một ít xá lợi.

Tất cả những hình ảnh này đều được tên hại chết mẹ mình ở đằng sau trông thấy cả, đương nhiên hấn không biết được đây là màn diễn song đôi của Bạt Thủ Bồ tát và Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni. Hấn trông thấy tên giết chết song thân cũng có thể làm Sa môn, ngay lập tức còn có thể nhập Niết bàn, siêu thoát khỏi cảnh khổ nơi địa ngục và sinh tử luân hồi, nên quyết định làm theo tên giết chết song thân ấy, cầu mong được sự cứu giúp của Phật Tổ.

Chủ ý đã định, hấn vội vã đi đến trước mặt Phật Tổ, quỳ dưới chân khấu đầu hành lễ với người. Sau đó, hấn ngẩng đầu lên trông về phía Phật Tổ ngập ngừng nói: "Thưa Phật Tổ tôn kính, bất luận như thế nào xin ngài cũng cứu con. Con cũng phạm phải đại tội bất hiếu. Trong nhà con có một chút chuyện nhỏ cãi nhau với mẹ, trong lúc nóng nảy, đã lỡ tay đẩy mẹ, nào ngờ khi mẹ con ngã xuống, chẳng may va phải tảng đá, nhưng không thể cứu kịp. Con biết đây là tội không thể dung tha, nhưng con đích thực không biết nếm làm như thế nào, xin Phật Tổ cứu giúp con".

Sau khi Phật Tổ nghe xong lời hấn, rất mừng, cảm thấy hấn không nói dối, dám nhận tội, lại biết sai là điều rất khó có được, cho nên Phật Tổ nói rằng: "Rất tốt, rất tốt, tuy người phạm phải tội bất hiếu hại chết mẹ ruột, nhưng người rất thành thật, không có chút giả dối để che dấu chân tướng thực sự, hành động và lời nói của người đều thống nhất, thế là rất tốt".

Phật Tổ vừa nói xong mấy lời này, trên người tên hại mẹ bỗng chốc nổi lửa. Đây chính là lửa địa ngục đốt từ lỗ chân lông đốt ra, phạm là người phạm phải tội nặng như sát sinh đều sẽ chịu trừng phạt này.

Ngọn lửa này đốt rất dữ tợn, khiến cho toàn bộ cơ thể tên này đều đau rất khó chịu, dù dập như thế nào cũng không thể tắt. Cuối cùng hắn chịu không nổi, liền khẩn cầu Phật Tổ:

"Thưa Phật Tổ tôn kính, hiện nay con đã không chịu nổi nữa rồi, xin người hãy cứu giúp con, mau cứu lấy con đi".

Phật Tổ biết đây là báo ứng tiền định trong số mạng của hắn, cho nên, khi mới bắt đầu nổi lửa, Phật Tổ tuyệt không để ý đến, bây giờ hắn đã bắt đầu kêu cứu rồi. Vậy thì hãy giúp đỡ hắn, Phật Tổ vừa nghĩ vừa đưa cánh tay sắc vàng của mình ra, đặt lên đầu của hắn. Trong nháy mắt, ngọn lửa trên người hắn đã tắt, vì hắn đã nhận được ân huệ của Phật Tổ. Tất cả những chỗ đốt bị thương lành lại và sự đau rát trên người cũng đều không còn nữa, từ đó hắn mới được yên. Lúc này, hắn mới hoàn toàn nhận thức được uy lực vô biên của Phật pháp, cũng càng tin phục Phật pháp.

Thế là hắn lại khấu đầu hành lễ với Phật Tổ, sau đó cầu Phật Tổ: "Thưa Phật Tổ tôn kính, con cũng muốn xuất gia làm một Sa môn, từ bây giờ quy y Phật pháp".

Phật Tổ đồng ý thỉnh cầu của hắn, ngay lập tức cử hành nghi thức thụ giới. Sau khi thụ giới, Phật Tổ đặc biệt giảng thuyết Tứ đế pháp cho hắn, giúp hắn hiểu được tất cả mọi thứ trong thế giới trần tục đều là đau khổ và nguyên nhân sinh ra những đau khổ này. Thông qua sự giảng giải của Phật Tổ, hắn cũng hiểu được mục đích đặc đạo khi tu hành Phật pháp cùng với các phương pháp và phương thức tu hành.

Sau khi người này hiểu được những giáo lý này, liền giải thoát được những phiền não và đau khổ, hoàn toàn vượt qua tất cả mọi khổ đau của thế tục. Học được phương pháp nghiên cứu Phật pháp thâm sâu. Hắn cần cù học tập, chăm chỉ tu luyện, cuối cùng tu thành Kim thân A la hán.

Sau khi đắc thành A la hán, người này càng có nhận thức sâu sắc về Phật pháp. Trên cơ sở đó, anh ta lại càng có sự theo đuổi sâu hơn.

Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni có lời khen ngợi đối với sự tiến bộ thần tốc của anh ta, thường lấy anh ta làm gương để giáo huấn những đệ tử nhập môn sau, đôi khi thậm chí Phật Tổ còn bảo anh ta đi giảng pháp cho các đệ tử sau và trao đổi về phương pháp tu hành và nhận thức về phương diện tu hành. Phật Tổ rất tín nhiệm anh ta, thường để một số vấn đề quan trọng cho anh ta xử lý.

Một ngày nọ, Sa môn đặc đạo này vừa sáng sớm đã đến tầng phòng của Phật Tổ. Sau khi hành lễ, anh ta liền nói với Phật Tổ: "Thưa Phật Tổ tôn kính, con từng là một người mắc phải trọng tội, đều nhờ vào sự giáo huấn và chỉ bảo

của ngài, con mới có kết quả tốt như ngày hôm nay, đối với ân đức của ngài, con mãi không thể nào quên được..."

Phật Tổ biết anh ta nhất định sẽ nói điều gì đó rất quan trọng, cho nên mỉm cười nhìn anh ta, lắng nghe và đợi chờ điều anh ta sắp nói ra.

Quả nhiên không ngoại dự tính của Phật Tổ, tên Tỳ kheo đắc đạo này thật sự muốn nó một điều rất quan trọng.

"Thông qua sự dạy bảo và khuyên răn của Phật Tổ, con đã tu thành A la hán, tháo bỏ hết tất cả phiền não và đau khổ trên trần thế. Nhưng con vẫn cảm thấy chưa đủ, đó chính là tội ác của con đã phạm trong quá khứ. Nên hôm nay, con đặc biệt đưa ra thỉnh cầu với ngài, con muốn nhập Niết bàn, triệt tiêu đi tất cả mọi thứ khổ lụy của xác thịt, triệt để thoát ly bể khổ luân hồi, không biết Phật Tổ tôn kính nghĩ thế nào?"

Sa môn đắc đạo này nói xong, ngẩng đầu nhìn Phật Tổ. Phật Tổ trầm ngâm một hồi, ngài có đôi chút không nở bỏ tên đệ tử thông minh thành thực này. Nhưng, Phật Tổ lại nghĩ: "Tên đệ tử này đã có sự truy cầu cao như thế này, và lại trông bộ dạng có vẻ như là rất quả quyết, vậy thì cứ thuận theo hấn đi, không nên phá vỡ ý nguyện với hấn".

Thế là Phật Tổ nói: "Nói thật ra, ta không nở để cho con nhập Niết bàn, vẫn muốn để con thay ta làm nhiều việc. Nhưng, con thỉnh cầu nhập Niết bàn cũng là một chuyện lớn tốt. Ta không thể nào cản trở, con hãy tự quyết định, ta rất yên tâm về con".

Vị Sa môn này vừa nghe thấy Phật Tổ cũng đồng ý với thỉnh cầu của mình, trong lòng cũng rất vui, trịnh trọng khấu đầu hành lễ với Phật Tổ. Sau đó, anh ta từ biệt Phật Tổ về tăng phòng của mình, tắm rửa sạch sẽ, sau đó thay một bộ cà sa mới.

Sa môn đắc đạo này ra vườn, vươn người nhảy lên không trung cách mặt đất bốn trượng chín thước, quần áo ngay ngắn, ngồi nghiêm chỉnh, chấp tay trước ngực, hai mắt nhắm nghiền. Không bao lâu, thể xác Sa môn nổi lửa, ngọn lửa thiêu đốt thân thể và Sa môn đã bị thiêu hóa.

Khi Sa môn đắc đạo và nhập Niết bàn, có ngàn vạn thiên thần ở trên không trung trông thấy và rải hoa chúc tụng.

Sau khi Sa môn nhập Niết bàn, Xá Lợi Phất nói với Phật Tổ: "Thưa Phật Tổ tôn kính, ân đức của ngài thật vô lượng, thậm chí có thể để một người phạm trọng tội được độ hóa, thật là không biết nói sao cho xiết. Theo con thấy, trên thế gian này chỉ có Phật và những vị Bồ tát ấy mới có thể hiểu rõ về tình cảnh

của chúng sanh một cách thấu đáo, sau đó căn cứ vào từng tình huống cụ thể để thực thi hóa độ. Cảnh giới này không phải là người xuất gia nào cũng có".

Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni nghe xong lời của Xá Lợi Phất, không nói nhiều, chỉ gật đầu nói một lời: "Là thế".

---o0o---

ÔNG LÃO QUY Y PHẬT PHÁP

Trong Bản Cùngth Lão Công Kinh: Xưa kia ở nước Xá Vệ có một cụ già rất nghèo khổ. Mặc dù nghèo khổ, nhưng ông sống rất thọ, đã hơn hai trăm tuổi. Thường ngày ông kể cho mọi người nghe chuyện của hơn một trăm năm về trước, rất nhiều người thích nghe, vì rốt cuộc cũng không có mấy người sống đến độ tuổi của ông.

Cụ già này không những khác người ở chỗ sống thọ mà diện mạo bên ngoài cũng rất đặc biệt. Đôi mày của cụ già dài và rất đẹp, đoan chính, đôi mắt to dưới cặp chân mày long lanh và rất có thần. Đôi tai cụ rất dài, nhất là trái tai rất to, hầu như trĩu xuống hai vai. Tuy tuổi tác cụ cao, nhưng không như những cụ già khác hầu như không còn cái răng nào, mà có một hàm răng vững chắc, nếu như cụ đứng thẳng người lên một cách thoải mái, đôi tay sẽ xuôi dài đến gối.

Nếu chỉ nhìn bề ngoài cụ già hơn hai trăm tuổi này, thì sẽ nói cụ là người có phúc tướng, song lại là phúc tướng rất khó có được. Nhưng, tướng mạo không giống như vận mệnh của một con người, thậm chí còn trái ngược. Cụ già này cũng vậy, tuy là cụ có tướng mạo phúc phần, nhưng ngược lại cuộc sống rất nghèo khó gian nan. Chiếc áo cụ mặc rách mướp, hầu như che không hết thân thể, bụng thì thường nhịn đói, đôi khi, đói đến không đi nổi, đành phải nằm bên đường như người chết.

Do cụ có một cuộc sống gian khổ, cơm không đủ no, áo không đủ ấm, nên cụ cảm thấy rất đau khổ. Và lại sự đau khổ như thế này, lại rất ít người giúp cụ giải thoát. Trước đây cụ từng nghe nói Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni đặc biệt rất nhân từ, thường giúp đỡ người khác thoát khỏi khổ lụy, tiêu trừ phiền não. Cụ từ lâu đã nghĩ đến việc đi tìm Phật Tổ, nhưng mãi không tìm được cơ hội thích hợp. Lần này, cụ cảm thấy tuổi tác cũng đã quá cao, không biết sống được bao lâu nữa, nếu không đi gặp Phật Tổ, e rằng sau này cũng không còn có cơ hội nữa. Cho nên, cụ quyết định đi gặp Phật Tổ.

Khi cụ đến trước cổng Kỳ Hoàn, đang chuẩn bị bước chân vào cửa, hai vị Tỳ kheo trông cửa thấy y phục của cụ rách nát, khuôn mặt hốc hác gầy gò, lại không giống như tăng thân ở phương xa đến, hay cư sĩ tại gia, thế là họ chặn lại

trước cửa, không để cho cụ bước vào. Tuy trong lòng cụ già này không vui, nhưng rốt cuộc chốn này cũng là Phật môn tinh địa, vả lại Phật Tổ cũng đang ở bên trong, cho nên cụ không dám ý mình là tuổi cao mà ngang nhiên xông vào. Vì vậy cụ nói với hai vị Tỳ kheo trông cửa rằng: "Nhờ hai vị sư phụ, phiền hai vị đi bẩm với Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni, có một cụ già bần cùng muốn gặp ngài".

Nhưng, hai tên Tỳ kheo trong cửa đã bỏ ngoài tai mọi lời khẩn cầu tha thiết của cụ già.

Lúc này cụ già thực sự nổi giận, cụ gọi to lên: "Ta biết, các người không chịu để ta vào, vì hiềm ta nghèo khổ, ghét ta bần thủ, chê ta ăn mặc rách nát. Nhưng ta nói cho hai tên tiểu tử các người biết, tuy ta rất nghèo, rất hạ tiện, bị mọi người coi khinh, nhưng ta vẫn là tam sinh hữu hạnh, có thể gặp được Phật Tổ tại thế, chẳng lẽ ta muốn hỏi Phật Tổ rằng ta mắc phải tội gì, có phúc đức gì, cầu ngài thương hại để ta thoát ly khổ nạn cũng không được sao? Ta nghe nói Phật Tổ rất nhân từ và lòng từ bi của người đã ban phát khắp thế gian, đến cả mọi người trong Xá Vệ thành, ai ai cũng nhận được lòng thương yêu từ người. Tại sao hai người các người cứ cản trở một mình ta, khiến ta không nhận được lòng nhân từ của Phật Tổ vậy chứ? Ta nghĩ, cách làm này của các người đã vi phạm ý nguyện phổ độ chúng sanh của Phật Tổ!"

Hai tên Tỳ kheo trông cửa ấy, vốn không nghĩ rằng cụ già này lại nói ra những lời tổn hại đến sĩ diện mình như thế, trong lòng không những không phục, mà còn nói trả lại với cụ. Cứ như thế ba người mỗi kẻ một câu cãi nhau lớn tiếng, đến nỗi như một đống hồ đồ, không thể nào chinh đốn được.

Phật Tổ đang giảng Phật pháp cho các đệ tử ở giảng kinh đường, đang giảng đến chỗ cao hứng, đột nhiên nghe thấy tiếng cãi nhau ồn ào ở bên ngoài cửa vọng vào. Phật Tổ nghe thấp thoáng có người nhắc đến tên của mình, bèn để một đệ tử ra ngoài xem rốt cuộc là có chuyện gì.

Không lâu sau, tên đệ tử ấy quay vào nói cho Phật Tổ nghe những gì hắn hiểu được, Phật Tổ vừa nghe xong, ngay lập tức để cho tên đệ tử ấy đi nói với hai Tỳ kheo trông cửa mời cụ già vào.

Một lúc sau, tên đệ tử đưa cụ già vào giảng kinh đường. Cụ già trông thấy trong giảng kinh đường đây ắp các Tỳ kheo, trong lòng rất căng thẳng, nhất cử nhất động cũng hiện rõ sự bối rối không yên, đôi mắt không biết nên nhìn về hướng nào, tay cũng không biết nên đặt ở đâu.

Ngay khi cụ già ấy tay chân bối rối không biết phải làm thế nào, thì Phật Tổ mỉm cười mời cụ đến trước mặt mình.

- Thừa cụ, xin cụ thứ lỗi để đệ tử của tôi đấng tội với cụ. Xin cụ chớ căng thẳng, hãy đến gần tôi đi.

Cụ già vừa nghe lời của Phật Tổ ngay lập tức quỳ mọp xuống trước Phật Tổ, liên tục khấu đầu trước Phật Tổ. Trông thấy Phật Tổ, cụ già vừa vui vừa buồn, vui vì cuối cùng cũng gặp được Phật Tổ, tận mắt thấy phong thái của người; buồn vì cả đời mình chịu khổ chịu lụy, nhịn không được nên nước mắt dàn dụa.

Cụ già vừa lau nước mắt, vừa nói với Phật Tổ:

- Thừa Phật Tổ tôn kính, tuy tôi có một dáng vẻ tốt đẹp, nhưng ngược lại cực khổ cả đời, tôi đã sống hơn hai trăm năm, cũng chịu hơn hai trăm năm khổ lụy. Tôi luôn nghĩ đến đây tìm ngài, nhưng mãi không có cơ hội thích hợp. Cả mười năm, hôm nay cuối cùng cũng gặp được ngài.

Nói đến đây, cụ già không nhịn nổi khóc òa lên. Một lúc sau, cụ lại nói với Phật Tổ:

- Từ rất lâu tôi đã muốn quy y Phật pháp, trì giới tu hành. Nhưng tuổi tác tôi quá lớn, lỗ như chết gục ở nơi này lại làm ô uế Phật môn thanh tịnh, càng thêm tội lỗi cho tôi. Hiện giờ tôi tuổi cao sức yếu, tiến thoái lưỡng nan. Nếu cứ tiếp tục sống, tôi lại chịu đủ cơ hàn, nay tôi không muốn sống như thế này nữa, mà đi xuất gia cũng không được. Tôi chỉ mong Phật Tổ có thể sớm giúp tôi chết đi, dù gì thì tôi sống cũng đã đủ rồi, nếu Phật Tổ thương tôi có thể giúp tôi thực hiện được nguyện vọng này, tôi chết không hối tiếc.

Nói rồi, liền tiếp khấu đầu.

Sau khi nghe xong lời của cụ già, Phật Tổ nói với cụ một cách rất cảm động:

- Sở dĩ một người đầu thai làm người đều là duyên phận. Tốt, xấu trong vận mệnh của một người cũng đều là duyên phận và cũng do những việc làm của mình trong tiền kiếp quyết định. Kiếp này của cụ chịu khổ như thế cũng là sự quyết định trong tiền kiếp của cụ. Bây giờ ta nói cho cụ nghe về tiền thân của mình.

Sau đó, Phật Tổ nói với cụ già bằng một giọng từ tốn:

- Tiền thân của cụ sinh ra trong một gia đình đế vương quốc thế cường thịnh, sau khi cụ sinh ra không bao lâu thì được sách lập làm thái tử. Lúc bây giờ, cụ tiêu pha xa xỉ vô độ, có thể nói là không có trời đất, pháp luật gì cả. Phụ vương và mẫu hậu của cụ cũng rất nuông chiều cụ, nâng niu cụ như là một báu

vật vậ, càng khiến cụ đặc chí, xa xỉ, dâm ô. Vì vậy, cụ càng coi thường tất cả thần dân và còn lăng mạ họ.

Cụ có tài sản bạt ngàn, nhưng số tài sản này đều là bóc lột từ thần dân mà ra. Mà lúc bấy giờ dân chúng của cụ phần lớn đều bị sự hoành hành bá đạo của cụ làm cho khốn khổ cùng cực, có người thậm chí tán gia bại sản mất cả mạng. Mặc dù như thế, nhưng cụ vẫn hạch sách dân chúng, lúc ấy cụ còn có một tật rất xấu, là chỉ biết bóc lột mà không biết bố thí, dân chúng bán cùng và những tầng nhân khốn khổ trong nước, chưa từng được sự cúng dường nhỏ nhoi của cụ. Còn những tầng lữ từ phương xa đến càng không được sự cúng dường của cụ.

Phật Tổ nói đến đây, lại kể thêm:

- Tất cả những điều ta biết được này, tuyệt không phải tùy ý ta bịa ra, bây giờ ta sẽ kể về một chuyện xảy ra trong tiền thân của cụ.

Nói xong, Phật Tổ nhìn cụ già và thấy cụ ấy đã ngưng lau nước mắt tự khi nào, đang tập trung tinh thần để nghe lời mình.

Tiếp theo, Phật Tổ lại nói với cụ già, kỳ thực cũng là nói cho các đệ tử tại chỗ nghe:

- Chính ngay lúc đó có một vị Tỳ kheo khốn cùng, tên gọi là Tịnh Chí. Tỳ kheo ấy đến từ một nơi xa xôi lội suối trèo non đến nơi này. Do đường xá xa xôi, nên Tỳ kheo ấy tinh thần mệt mỏi, y phục rách nát. Sau khi Tịnh Chí vào thành, bèn đi đến Đông cung Thái tử. Lúc ấy, Tịnh Chí không hề biết thái tử là người chỉ biết hạch sách chứ không biết bố thí. Tịnh Chí đến Đông cung gặp cụ, chỉ xin cụ một tấm áo cà sa, mà bất luận cũ mới, chỉ cần có mặc là được, vì chiếc áo cà sa trên người ông đã rách nát rồi. Nhưng cụ vốn không đoái hoài đến người ta, mà thái độ còn rất thô bạo ngang ngược, vì cụ bình thường quen thói kiêu ngạo. Đã không bố thí pháp y cho Tịnh Chí, mà đến cả bát cơm chay giúp đỡ người khát thực đói rét cũng chẳng có. Nếu Tịnh Chí gặp được người khác, có lẽ ông ta sớm được cà sa và cơm chay. Nhưng Tịnh Chí lại gặp phải một người đến một sợi lông cũng không rút.

Tịnh Chí đã đói đến mức không còn sức để đi nữa, thế là ông ta đành ngồi ở trước cửa Đông cung. Khi Tịnh Chí có ý muốn ra đi, cụ ngược lại không cho, thậm chí còn phái người canh gác Tịnh Chí cẩn thận. Và như thế, Tịnh Chí ngồi mãi ở trước cửa Đông cung bảy ngày bảy đêm, trong thời gian này đến một ngụm nước cũng không thí cho ông ta. Đến ngày thứ bảy, Tịnh Chí chỉ còn hơi thở yếu ớt. Lúc này cụ ngược lại rất vui mừng, cho rằng Tịnh Chí không ăn không uống bảy ngày, bảy đêm, mà còn có thể sống được thì đúng là một kỳ tích. Vì vậy cụ triệu lại đến cửa cung vây lấy xem Tịnh Chí và xem chuyện này là một trò vui. Khi ấy có một thủ hạ của cụ khuyên gián:

- Người xuất gia phần lớn đều là từ bi cung thuận, nội tu đạo đức, chính là vì họ tu có đạo đức, cho nên, y phục của người xuất gia này dù có rách nát thì ông cũng vẫn không cảm thấy lạnh, không có cơm ăn cũng không khiến cho ông ta chết đói. Sở dĩ ông ta đến đây hóa duyên chúng ta, hoàn toàn là tạo phước cho chúng ta. Chúng ta đã không bố thí gì cho ông ta rồi, thì cũng nên nói nhỏ nhẹ khuyên ông ta đi đi, sao có thể mang ông ta ra làm trò đùa như thế này? Tốt nhất mau khuyên ông ta đi, để tránh mang tội vào thân.

Cụ ngược lại nói một cách không vui rằng:

- Người là thứ gì, mà cũng dám nói hấn ta tu có phúc đức, ta chỉ hơi làm khó cho hấn ta, chứ không làm gì khiến hấn ta chết đâu. Huống gì ta đang muốn thả hấn đi đây, người đừng lo.

Sau đó, cụ mới để cho Tịnh Chí đi, song phái cận vệ áp giải Tịnh Chí đến biên giới, mãi đến nơi cách biên giới hơn mười dặm, các cận vệ mới thả Tịnh Chí. Tịnh Chí một mình đi trên đường núi, gặp phải một tên cường đạo đã không ăn cơm ba bốn ngày rồi, tên cường đạo này cầm một thanh đại đao trên tay định giết chết Tịnh Chí, sau đó ăn thịt của ông. Nhưng khi tên cường đạo cầm đao bỏ bỏ đến Tịnh Chí, Tịnh Chí rất bình tĩnh nói với tên cường đạo rằng:

- Đợi nào, ta là một người xuất gia vừa đói vừa rét, ốm đến nổi lòi xương ra. Chỗ thịt bầm tím đau nhức trên người ta chắc chắn cũng vừa tanh vừa dai, không ngon đâu. Người giết chết ta cũng uổng công thôi, vì thi thể của ta đối với người không có tác dụng gì.

Tên cường đạo nói:

- Người biết không, người xuất gia, ta đã đói đến nỗi phải ăn đất ba bốn ngày hôm nay rồi! Tuy người gầy ốm, nhưng xét cho cùng cũng là thịt, thế nào cũng còn ngon hơn là đất bùn chứ?

Vì thế tên cường đạo không muốn bỏ ông ta Tịnh Chí đành phải lui chậm chậm về sau. Do tên cường đạo đã không ăn gì mấy ngày rồi, cho nên cũng không có sức để đuổi theo Tịnh Chí. Và như thế, cường đạo và Tịnh Chí cả hai một tiến về phía trước, một lui về phía sau, dần dần rồi cũng đến biên giới. Sau khi có người trông thấy cảnh tượng này, lập tức chạy đến Đông cung bẩm báo với cụ. Lúc này cụ mới vội vã, trong lòng nghĩ rằng: "Sở dĩ người xuất gia này gặp phải cường đạo, đều vì ta không chịu cúng dường y áo thức ăn cho ông ta, sao có thể để cho tên cường đạo này giết chết ông ta được chứ?" Thế là cụ lập tức lên ngựa mang theo tùy tùng đến biên giới.

Lúc ấy, cường đạo và Tịnh Chí chỉ còn cách nhau khoảng bảy tám bước thôi, hai người đều dựa vào gốc cây thở hổn hển. Cụ vội vàng xuống ngựa,

những tùy tùng đi theo khấu đầu đánh lễ với tên cường đạo tặc, thỉnh cầu cường đạo tha cho Tịnh Chí. Cường đạo trông thấy cụ người đông thể mạnh, và thể là thuận nước mà đẩy thuyền, tỏ ý không hại tính mạng Tịnh Chí nữa. Sau đó, tên cường đạo ném đao xuống đất, hốt hoảng chạy vào rừng.

Phật Tổ giảng đến đây, dừng lại. Ngài dùng ánh mắt hòa nhã, thiện ý nhìn cụ già và nói với cụ:

- Kỳ thực, Tịnh Chí chính là Phật Di Lặc, ông ta vì muốn khai đạo cho cụ nên mới đến đây. Tại sao kiếp này cụ nghèo nàn khôn đốn không ai giúp? Đây chủ yếu chính là vì cụ quá hà tiện, không thích bố thí, chỉ biết thu gom. Vì sau đó cụ cứu được tính mạng Tịnh Chí, cho nên kiếp này cụ mới được báo ứng tốt, có thể sống đến hơn hai trăm tuổi. Đây cũng chính là vì những tội nghiệp mà cụ đã tạo nên và những phúc đức mà cụ đã tích lũy được.

Cụ già nghe xong lời giảng của đức Phật, sụt sùi một hồi lâu, sau đó nói:

- Ôi! Thì ra tiền kiếp của tôi là như thế, vậy những cái khổ của tôi phải gánh chịu là đáng! Nhưng, tôi muốn thỉnh cầu Phật Tổ tôn kính, xin hãy tha nhận tôi làm đệ tử của ngài. Tuy tôi đã ở vào độ tuổi gần đất xa trời, nhưng tôi nguyện đem ngày tháng còn lại để phục thị bên cạnh ngài, từ đó kết thúc khổ đau mà tôi phải chịu trong hai trăm năm trở lại đây.

Sau khi Phật Tổ nghe xong lời thỉnh cầu khẩn thiết của cụ già, ngài rất vui mừng nói:

- Thiện tai, thiện tai! Thế này cũng là một chuyện tốt!

Lời Phật Tổ vừa dứt, râu và tóc của cụ già tự nhiên rụng hết xuống. Ngay lập tức, mảnh áo tời tàn trên người cụ cũng không cánh mà bay, thay vào đó là một chiếc áo cà sa mới khác. Thêm vào đó, thân thể cụ già cũng trở nên khỏe mạnh hơn, tai và mắt cũng nhẹ và nhìn rõ hơn một tí. Ngay sau đó cụ già cũng có một nhận thức rất sâu sắc về thuyết pháp, tiến vào cảnh giới thiền định. Kỳ thực tất cả những điều này đều là nhờ vào phúc của Phật Tổ. Sau đó cụ già với tinh thần phấn chấn này làm mười sáu câu kệ cho Phật Tổ:

Xưa kia ta từng là một vương tử được người sủng ái

Chưa từng nhận thức được ý nghĩa của nhân từ

Kiều ngạo buông thả chính mình

Làm một thái tử không ai bằng mình

Mình tưởng rằng không tạo nghiệp và cũng không tạo phúc
Và nghĩ rằng nhờ đó khiến mình luôn tồn tại
Không nghiêm chỉnh suy nghĩ đến báo ứng của sinh tử
Cho nên bây giờ phải chịu khổ
Song tuy ta có tội nhưng lại được giúp đỡ
Trong những năm còn sống được gặp Phật Tổ
Vì vậy mà có thể giải thoát được tội nghiệp đã phạm trước đây
Vào lúc gần đất xa trời quy y Tam Bảo
Từ đó ta thoát khỏi tâm trạng hẹp hòi
Đời đời kiếp kiếp hưởng thụ tấm lòng của Phật pháp
Từ đó ta nguyện không rời bỏ Phật pháp
Khiến mình cũng có thể đắc được cuộc sống vĩnh hằng.
Sau khi cụ già niệm xong bài kệ, lại hướng về Phật Tổ khấu đầu hành lễ.
Sau đó, cụ trở thành một đệ tử cao tuổi nhất trong chúng đệ tử của Phật Tổ.

---o0o---

THẦN LỰC CỦA TIÊU TỶ KHEO

Trong Hiền Ngu Kinh ghi, Phật Tổ ở Xá Vệ thành đã từng hóa độ năm trăm tiêu ăn mày, các tiêu ăn mày này sau đó đều trở thành các Tỷ kheo theo Phật Tổ tu tập Phật pháp.

Bản tính của các tiêu Tỷ kheo thông minh, lanh lợi, sau khi quy y Phật pháp khắc khổ họ đều chăm chỉ, chuyên cần học tập. Thêm vào đó họ được Phật Tổ chỉ dạy mọi lúc, cho nên sau đó đều tu đắc thành chánh quả, từng người một đều trở thành La hán toàn thân. Vì vậy, đừng thấy họ nhỏ tuổi mà xem thường, kỳ thực các tiêu Tỷ kheo này đều có thần thông siêu phàm.

Lại nói đến vua Ba Tư Nặc của nước Xá Vệ sau khi kết hôn với Mạc Lợi, sanh được một đứa con trai. Đứa con trai sau này được vua Ba Tư Nặc lập làm thái tử, tên của thái tử là Đế Đà. Đế Đà từ nhỏ đã chịu ảnh hưởng của phụ vương và mẫu hậu, đặc biệt là mẫu hậu, vì vậy sau khi trưởng thành rất tín

ngưỡng Phật pháp. Chàng thường xuất cung bố thí cho người xuất gia, cũng đã từng nhiều lần mở trai đàn mời Phật Tổ cùng với các đệ tử đến Đông cung giảng dạy Phật pháp cho mình. Vua Ba Tư Nặc và vương hậu Mạc Lợi rất hài lòng về Đế Đà, thường khen chàng có lòng hiếu kính đối với Phật pháp.

Một ngày kia, thái tử Đế Đà lại phái sứ thần của mình đi Kỳ Hoàn, chuyển lời đến Phật Tổ.

Sứ thần vừa đến Kỳ Hoàn, thì được các đệ tử của Phật Tổ nghênh tiếp đưa đến gặp Phật Tổ. Thì ra, sứ thần này và Phật Tổ đã quen biết nhau từ trước.

Sứ thần vừa trông thấy Phật Tổ liền chấp tay hành lễ rất cung kính, sau đó ông chuyển lời của thái tử đến Phật Tổ. Thì ra, ngày mai là ngày Hoàng đạo, thái tử Đế Đà chuẩn bị tiệc cơm ở Đông cung, mời Phật Tổ và các đệ tử đến dự trai đàn. Sau đó nhờ Phật Tổ thuyết giảng Phật pháp cho chàng và những người khác trong cung.

Sau khi Phật Tổ nghe xong mỉm cười đồng ý.

Nhưng, sứ thần không cáo từ, ông vẫn đứng nguyên chỗ cũ. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật hiểu rõ ông còn lời gì muốn nói, thế là ra hiệu cho sứ thần nói.

Sứ thần trông lên thượng pháp có chút do dự, rụt rè một hồi, ông mới nói với Phật Tổ:

- Ngày mai là ngày Hoàng đạo, thái tử Đế Đà ký hủy những người thấp hèn làm mất đi không khí vui tươi của ngài, vì vậy bảo rằng tốt nhất Phật Tổ đừng mang theo năm trăm vị Tỳ kheo mà trước đây là ăn mày đến dự trai đàn.

Phật Tổ mỉm cười một cách khoan dung, ngài nói với sứ thần:

- Xin thái tử yên tâm, ta không mang họ đi là được chứ gì.

Sứ thần trông thấy Phật Tổ vui vẻ đồng ý như thế, thì mình ngược lại cảm thấy có chút xấu hổ, sắc mặt cũng ửng đỏ, ông vội vã từ biệt Phật Tổ, lại chấp tay hành lễ thật lâu.

Sau khi sứ thần ra về, Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni gọi năm trăm vị tiểu Tỳ kheo ấy đến, Phật Tổ nói với họ ngày mai không được vào Đông cung để dự trai đàn, cho dù vào cung cũng không thọ trai, vì đây là lời thí chủ dặn dò. Nói rồi, Phật Tổ để cho họ giải tán.

Sáng hôm sau, Phật Tổ mang chúng đệ tử đến ngoài cửa Đông cung theo hẹn ước, thái tử Đế Đà từ sớm đã đứng ở đây đợi rất lâu.

Ngay tức khắc, Phật Tổ được nghênh đón vào cung. Trong sân rồng trước Đông cung đại điện đã bày đầy các cao lương mỹ vị, ngôi bảo tòa để cho Phật Tổ ngồi cũng được đặt ở giữa. Phật Tổ và chúng đệ tử ngay lập tức được dẫn đến trước tọa vị của mình.

Thái tử Đê Đà và Phật Tổ ngồi gần bên nhau, sau khi hai người hàn huyên xong, thái tử đích thân bưng thức ăn đến mời Phật Tổ.

Mọi người vừa ăn xong một lúc, đột nhiên nghe thấy trên trời vang lại từng đợt âm thanh. Phật Tổ mỉm cười, trong lòng ngài biết nhất định là năm trăm vị Tỳ kheo đến.

Quả nhiên một lúc sau, năm trăm vị tiểu Tỳ kheo y phục chỉnh tề ngồi ngay ngắn, trên tay cầm một cái bát xuất hiện ở trên không trung, trong Đông cung mọi người đều xôn xao, kinh hoàng.

Không bao lâu, những Tỳ kheo này từng người từng người một từ trên không trung giáng xuống, theo thứ tự ngồi ở chỗ trống. Không đợi đến Tỳ kheo cuối cùng giáng xuống, thủ hạ của Đông cung thái tử đã vây lại, họ ngạc nhiên khi phát hiện thấy trong bát của các vị Tỳ kheo này đã chứa đầy cơm đặc biệt, mà chỗ cơm này chỉ có ở Bắc Úc Đơn Việt cách nước Xá Vệ ngàn dặm mới trồng được, lúc này đúng là mùa thu hoạch ở Bắc Úc Đơn Việt. Mọi người đều ngẩn ngơ, vì loại gạo này ở trong cung thái tử cũng chỉ có thể ăn được loại cũ, gạo mới của năm nay phải đợi đến năm sau mới có.

Đê Đà thái tử cũng trở mắt ngạc nhiên, không khỏi tán dương. Bình sinh chàng chưa từng trông thấy cảnh tượng này, không nhin nổi sự tò mò, liền hỏi Phật Tổ ngồi bên cạnh:

- Các Tỳ kheo thánh đức từ trên trời giáng xuống này từ đâu đến thế?

Phật Tổ mỉm cười trả lời:

- Đây chính là năm trăm vị tiểu ăn mày, hiện nay là đệ tử Phật môn, ai nấy đều có thần thông.

Thái tử Đê Đà có chút xấu hổ.

---o0o---

LA HÁN VÀ CON VOI

Trong Thí Dụ Tạng Kinh ghi: Trong thời đại Phật Ca Diếp, đức Phật đi khắp mọi nơi để cứu độ cho chúng sanh.

Có hai anh em họ, đều xuất gia là Sa môn, hai người đều muốn thành chánh quả.

Hai anh em này bình thường thì chuyên tâm tu đạo, thành tâm kính Phật, chỉ là cách làm của hai người có hơi không bình thường, khiến cho người khác cảm thấy họ thực sự chưa toàn tâm toàn ý cúng Phật.

Chuyện là như thế nào?

Thì ra, anh trai chỉ một lòng một ý tọa thiền cầu đạo, nhưng không bao giờ bố thí. Còn người em tuy một lòng một dạ bố thí tu phúc, nhưng lại thường phá giới, giống như là cố ý vậy. Bao nhiêu năm trôi qua, hai người đều như vậy.

Sau đó, người anh vì theo đức Thích Ca xuất gia mà đắc thành La hán quả, khiến cho người em rất ngưỡng mộ. Nhưng, hắn không chịu nổi cái khổ của người anh, bèn đầu thai trong đám voi, thành một con voi.

Do tiền thân con voi này bố thí tu phúc, kiếp này rất có thiện duyên, nó có uy vũ hùng tráng, được quốc vương để mắt, nên là con vật yêu của quốc vương.

Sức mạnh của con voi này lớn vô cùng, có thể giúp quốc gia kháng giặc ngoại xâm, các nước thù địch lân cận đều không dám manh động. Thế là, quốc vương phong cho con voi làm "Bách Hộ Vương", dùng vàng bạc, châu báu, châu chồi ngọc... đeo cho nó, nó muốn gì, quốc vương đều cho cái nấy, có thể nói là những gì cần có cũng đã có.

Nhưng tình trạng của người anh tu thành La hán thì không như thế. Ông ta quần áo rách tươm, ăn uống thiếu thốn, đói rét đang hành hạ ông ấy.

Có một lần, ông ta đến những bảy ngày mà không hóa duyên được gì, đói đến nỗi không đứng thẳng lưng được. Vạn phần khôn đốn, ông ta đành phải ăn những thứ mà đàn nai chữa lại, mới có thể miễn cưỡng giữ lấy tánh mạng.

Người anh này thực sự không còn cách nào, đành đi tìm người em trai trong tiền kiếp ấy là Tượng vương để xin một bữa cơm.

Tượng vương đang ở cùng với các nhi nữ của mình, ăn các loại trái cây tươi ngon. Hiện giờ nó đang sống một cuộc xuống hạ hoa thoải mái như thế này, đâu có còn nhớ đến nhân duyên tiền kiếp chứ?

Tượng vương đang ăn uống no say, một con voi cận vệ tiến đến báo cáo:

- Thừa đức vua, bên ngoài có một Sa môn muốn gặp ngài.

- Cho truyền.

Tượng vương nói chung không cho đó là điều quan trọng.

Con gái của Tượng vương hiếu kỳ hỏi:

- Phụ vương, hấn mang lễ đến cho ngài chứ?

- Chẳng lẽ con không không biết sao? Chỉ có một người cho Sa môn thức ăn, đâu có lý mào Sa môn lại cho người ta lễ gì chứ!

Con trai của Tượng vương nghe xong lời này, cười hỏi:

- Vậy thì, cha sẽ bố thí chứ?

- Mọi thứ của cha đều là của quốc vương ban tặng, không thể tùy tiện đem cho người nào cả.

Lúc này, người anh là La hán bước vào cửa, ngẩn ngơ trông Tượng vương. Mùi thơm của trái cây tươi kích thích sự thèm ăn của La hán, nên ông ta cố nuốt nước bọt.

Hai anh em tiền kiếp cứ như thế nhìn nhau, cả buổi không nói được lời nào.

Một lúc sau, Tượng vương mới hỏi:

- Người tìm ta có chuyện gì?

La hán trông thấy Tượng vương ngự trên ngôi cao, lãnh đạm thờ ơ đối với mình, không cố ý bố thí, bèn không thèm để ý đến thứ gì đi thẳng đến phía trước, nắm chặt lấy đôi tai to của một con voi, nói rằng:

- Ta và người tiền kiếp đều có tội!

Tượng vương nghe thấy điều này, bèn giác ngộ ra rằng, tiền kiếp của mình hình như có quan hệ gì với tên Sa môn này. Nó ngay lập tức cảm thấy rất buồn bã, không nuốt nổi thứ gì.

La hán trông thấy Tượng vương không có chút tình ý bố thí, nổi giận quay người đi.

Tượng vương thân ở trong danh gia vọng tộc luôn đặc chí, đột nhiên gặp tên Sa môn nghèo khổ này, lại còn có duyên với tiền kiếp của mình, khiến trong lòng không vui.

Các con gái của Tạng vương thấy phụ vương đang ăn ngon miệng đột nhiên ngừng lại, đều lo nghĩ buồn rầu. Nhưng bất luận là chúng có khuyên phụ vương như thế nào, phụ vương đều rầu rĩ không vui. Không biết làm sao, con trai của Tạng vương đành đến chỗ Quốc vương cầu cứu.

Quốc vương đang dùng bữa trong cung, chợt vào báo là con trai của Tạng vương cầu kiến.

Quốc vương nói:

- Hãy nói là ta đang ngự thiện, bảo hấn đợi một chút.
- Bệ hạ, hấn gặp vô cùng, nhất định phải lập tức gặp ngài.
- Vậy hãy để cho hấn vào.

Con trai của Tạng vương vào bẩm báo với vẻ mặt ưu sầu:

- Thừa bệ hạ tôn kính, phụ vương con đột nhiên buồn rầu, cơm cũng không ăn nổi.

- Mau nói đi, rốt cuộc là đã xảy ra chuyện gì?

Quốc vương nghe nói Tạng vương trợ thủ đắc lực trị quốc, ngự địch của ông không ăn nổi, cảm thấy đây là vấn đề trọng đại, nên rất nóng ruột.

- Vừa rồi có một tên Sa môn y phục rách nát bước vào, nắm lấy tai của phụ vương hạ thần nói gì đấy, người đột nhiên buồn bã rầu rĩ, cơm cũng không chịu ăn.

Quốc vương giận dữ hỏi:

- Tên Sa môn ấy rốt cuộc đã nói những gì?

Con trai của Tạng vương lắp bắp nói:

- Hạ thần không nghe rõ hấn nói gì.

Quốc vương cũng không ăn cơm nữa, ngay lập tức truyền cận vệ vào căn dặn:

- Người mau mang vài tên cận vệ cùng với con trai của Tạng vương đi bắt tên Sa môn ấy lại cho ta, ta muốn đích tra hỏi hấn.

Các cận vệ cùng với con trai của Tượng vương đi. Quốc vương dùng xong bữa bèn ngồi trong cung đợi họ đến.

Không bao lâu, cận vệ đã mang tên Sa môn nghèo khổ vào. Quốc vương hỏi:

- Tên Sa môn đáng chết kia, ngươi biết tội chưa?

- Thưa bệ hạ tôn kính, tôi đã phạm phải tội gì? Xin ngài hãy chỉ rõ.

- Người đã nói lời ác độc gì với Tượng vương?

- Không có, không có.

- Vậy cứ tại sao Tượng vương của ta lại bỏ cơm nước không ăn? Nếu như Tượng vương ngã bệnh, thì ta sẽ không tha cho ngươi đâu!

- Ô! Ra là chuyện này.

La hán bèn mang nhân duyên duyên tiền kiếp và những lời đã nói với Tượng vương kể cho quốc vương nghe. Trong lòng quốc vương cũng có nhiều suy nghĩ. Ngài nói với La hán rằng:

- Tiền thân của các ngươi đã có nhân duyên này, ta cũng xem như ngươi vô tội. Niệm tình ngươi y thực không đủ, mau về để lo cái ăn cái mặc cho ngươi đi.

La hán ra đi, Quốc vương lại dùng ngon tiếng ngọt mới khiến cho Tượng vương vui vẻ trở lại, sống những ngày tháng thoải mái của mình một cách yên ổn.

---o0o---

NĂM TRĂM NGƯỜI MÙ ĐƯỢC ÁNH SÁNG

Theo Hiền Ngụ Kinh ghi, Tù Xá Lợi quốc có năm trăm người mù. Những người bất hạnh này vì không trông rõ mọi vật, nên không làm được việc gì cả, chỉ có thể dựa vào việc hành khất mà sống qua ngày, chịu hết sự coi khinh của người đời.

Lúc này, Phật Tổ xuất thế, tin tức truyền đến tai của năm trăm người mù này. Trong lòng họ cũng không yên. Vì bất cứ ai cũng biết, phàm là những người trông thấy Phật Tổ, tất cả mọi đau khổ dày vò đều có thể tan biến, hóa giải.

Thế là, năm trăm người mù này bàn bạc với nhau: "Chúng ta muốn thấy Phật Tổ một lần, nhiều năm trở lại đây chúng ta phải chịu sự bất hạnh vì khổ nạn. Chỉ cần chúng ta trông thấy Phật Tổ, chúng ta có thể thấy ánh sáng".

Một người nói:

- Đúng vậy, chúng ta nên đi gặp Phật Tổ, chứ đừng đợi Phật Tổ đến đây gặp chúng ta, mọi người nghĩ xem có phải không?

Một số người mù không biết đi gặp Phật Tổ bằng cách nào nói:

- Nhưng chúng ta đi bằng cách nào? Chúng ta vốn không thấy đường!

Vị thủ lĩnh của năm trăm người mù ấy nói:

- Nếu như mọi người thực sự muốn đi gặp Phật Tổ, thì cần phải nhờ người dẫn đường, nhưng ai chịu dẫn đường cho chúng ta đi?

Một người mù thông minh nghĩ ra điều này:

- Như thế này đi, mọi người chúng ta tìm cách đi xin, mỗi người xin đủ một số bạc, góp lại nhờ một người dẫn đường cho mọi người đi.

Thế là mọi người chia nhau đi xin.

Thế nhưng, nhưng chuyện tốt đẹp thường gặp nhiều gian nan. Qua nhiều ngày, chịu không ít khổ nhọc, năm trăm người mù góp đủ năm trăm tờ giấy bạc.

Khi có tiền rồi, thì thuê một người dẫn đường sẽ dễ dàng hơn nhiều. Họ vừa cất lời thì có ngay một người đồng ý.

Thấy dáng vẻ người ấy nhiệt tình chu đáo, hình như dẫn đường cho người mù là một nghĩa vụ chính đáng, kỳ thực, nếu không phải là vì năm trăm bạc lấp lánh, e rằng những người mù này có đập đầu đến nứt óc cũng không có tác dụng gì.

Người ấy cười với vẻ mặt gian trá:

- Muốn gặp Phật Tổ, vậy thì quá dễ rồi, theo ta thì được ngay thôi.

Hắn nói cứ như là Phật Tổ ở ngay tại nhà hắn không bằng.

Năm trăm người mù thấy có người chịu dẫn đường cho họ, họ tỏ vẻ rất vui mừng.

- Nay mọi người hãy nắm lấy vạt áo của nhau, xếp thành một hàng, người đi đầu, người hãy nắm lấy vạt áo của ta là được.

Như thế, năm trăm người mù đi theo người dẫn đường, thành một đoàn người dài thượt, ngoằn ngoèo. Họ tiến về phía nước Xá Vệ nơi ở của Phật Tổ. Trên đường đi họ gặp bao nhiêu là khổ nhọc, nhưng càng đi trong lòng họ càng lóe lên hy vọng, bước chân hình như cũng nhẹ hơn. Nhưng, khi sắp sửa đến Magadha, phải đi qua một ngọn núi. Người dẫn đường thấy đường đi gian nan, bèn việc có để tẩu thoát.

Các người mù đợi và đợi. Cuối cùng không thấy người dẫn đường quay trở lại. Những người mù hốt hoảng nói:

- Nay lão, tâm huyết của mọi người đều phí cả, tên khốn đó lấy tiền của chúng ta, rồi bỏ mặc chúng ta, bây giờ phải làm sao đây?

Mọi người đều hoang mang và không thể tiến, lại không thể lùi, bị chôn sống ở nơi này rồi. Nhưng, họ không chịu đứng yên một chỗ. May mà người ở đầu hình như nghe được trước mặt là hướng có âm thanh của nước chảy, bèn để cho mọi người nắm tay nhau đi về hướng đó.

Mọi người không quờ quang mò mẫm lung tung, nhưng đột nhiên, họ nghe thấy một tiếng chửi phẫn nộ:

- Bọn các người là đồ súc sanh, mù à? Đạp chết hết mạ non của ông cả rồi!

Một người trong đám người mù sợ bị đánh kêu lên:

- Ôi, ôi! Đừng đánh tôi! Chúng tôi thực sự không thấy được ruộng lúa của ngài. Ôi thật là không may rồi. Hãy nghe tôi nói, người tốt bụng, thương hại chúng tôi đi. Năm trăm người mù chúng tôi vì mắt mù nên mới đi gặp Phật Tổ, nào ngờ tên dẫn đường lại bỏ chúng tôi ở đây, hấn chiếm mất số tiền của chúng tôi rồi tẩu thoát, báo hại chúng tôi đạp phải chổ mạ của ngài. Xin khai ân!

- Nhưng chổ mạ của ta bị các người đạp chết cả rồi, ta phải làm sao đây. Không phải các người đã hại ta rồi sao?

Người chủ điền thực sự rất giận, nhưng đối mặt với những người mù này thì có cách gì chứ? Chủ điền là một ông già, sau khi nổi nóng một trận, cũng đành phải oán trời trách đất: "Ta làm sao sống đây? Ta làm sao sống đây! Trời ơi!"

Các người mù tự biết là đã gây họa, vội vã khẩn cầu:

- Giả như mà chúng tôi thấy đường thì không gây nên tội tình này rồi. Người tốt bụng, cầu xin ngài khai ân, chỉ cho chúng tôi một con đường đến nước Xá Vệ đi. Chúng tôi đã bị người ta gạt, chỉ có đợi sau này đến bồi thường chỗ mạ cho ông tuyệt không nuốt lời.

Cho dù người chủ điền vừa giận lại vừa hận, nhưng thấy năm trăm người mù này thực sự cũng tội nghiệp, ông ta liền than rằng:

- Chỉ trách là chỗ mạ của ta mọc không đúng nơi. Các người đi theo ta, ta tìm một người dẫn đường các người đến nước Xá Vệ là được thôi.

Những người mù vừa kinh ngạc vừa mừng rỡ, vội vã cảm ơn:

- Hôm nay thực sự là gặp được người tốt!

Người chủ điền phái một thanh niên, dẫn bọn người mù tiến về nước Xá Vệ. Cuối cùng thì họ cũng đến được Xá Vệ thành, bọn người mù hết sức vui mừng.

Nhưng niềm vui đó không kéo dài được lâu, vì chủ trì trong chùa nghe xong ý định đến gặp Phật Tổ của họ thì trả lời:

- Các người đến trễ rồi, Phật Tổ đã đến Magadha.

Những người mù rất thất vọng, bèn quay đầu lại Magadha, những khó nhọc trên đường đi thì không cần phải nói đến nữa, họ theo dấu chân của Phật Tổ một cách gian khổ, trong lòng đầy ấp niềm tin.

Đến Magadha, nào ngờ Phật Tổ lại quay về nước Xá Vệ.

- Thật là khiến cho người ta chịu khổ! - trong lòng một người mù đã bị dao động, nhưng lại tự trách mình ngay: "Sao mình lại sợ khổ như thế? Tội lỗi, tội lỗi!"

Những người mù này tuy đã mệt quá sức, nhưng họ kiên trì tin tưởng là có thể gặp được Phật Tổ, thế là, lại quay về nước Xá Vệ. Họ đã hạ quyết tâm, phải gặp bằng được Phật Tổ.

Tiếc là, lần này về lại nước Xá Vệ vẫn không gặp được Phật Tổ.

"Phật Tổ đi Magadha rồi", chủ trì trong chùa nói với vẻ thông cảm trên mặt. Không biết làm cách nào, những người mù đành quay về Magadha. Nhưng, sự việc bắt đầu có biến đổi. Người ta thường nói, những người mù không ngại đường sá, nhưng năm trăm người mù này đi đường cũng không mất sức nhiều, vả lại càng đi càng quen thuộc, càng nhẹ nhõm.

Phật Tổ trong thấy năm trăm người mù này thiện căn đã có, thiện đức đã thành, khi những người mù đi đủ bảy lượt qua lại, thì ở lại nước Xá Vệ đợi họ.

Phật quang lấp lánh, chiếu đến đôi mắt của người mù cũng phát quang, cuối cùng họ cũng đã gặp được Phật Tổ mà mình mong đợi từ lâu. Chỉ thấy đức Như Lai toàn thân phát sanh sáng vàng, uy nghi như Tử Kim Sơn.

Để thấy được ánh sáng, năm trăm người mù phải vượt qua vô số khổ nạn, nhưng họ cam tâm tình nguyện kiên trì đi về phía trước.

Những người mù lũ lượt chạy lên phía trước, vây quanh lấy Phật Tổ.

"Phật Tổ cứu khổ cứu nạn, ban cho con ánh sáng để cho con thấy được Phật Tổ", năm trăm người mù lần lượt quỳ xuống, ngũ thể sát đất, hành lễ cảm ơn.

Phật Tổ thấy họ thành tâm như thế, nói với các người mù:

- Các vị minh trí, trên đường đi khổ nhọc, nhưng vẫn toàn tâm, kiên trì với Phật pháp. Ta rất cảm động, ta có ban ánh sáng cho các người.

- Tạ đại đức Phật Tổ!

Năm trăm người mù đã có thể nhìn thấy Phật Tổ. Tất cả đều nghe thấy lời đức Phật mà giác ngộ, một lòng chúc phúc vang vọng mây xanh:

- Phật đức vô lượng, Phật ân bao la, chúng tôi không ngại xa xôi đến, nguyện Phật Tổ thụ giới cho chúng tôi, chúng tôi muôn đời theo ngài, cúng dường ngài.

Đức Phật nói: "Được thôi, đồ đệ của ta, hãy đến đây đi!"

Năm trăm người mù nghe xong lòng được hóa giải, râu tóc rụng hết, thân khoác áo cà sa mà đắc đạo. Phật Tổ Như Lai lại bố thí công pháp, năm trăm người đều tu thành La Hán.

Năm trăm người mù, năm trăm La Hán, sự khác biệt của trời đất, công của tạo hóa là một, ngàn vạn năm sau còn truyền danh thơm, đức đẹp.

---o0o---

THẦN THÔNG CỦA CA DIẾP THỜI THƠ ẤU

Trong Tăng Kỳ Luật ghi: Khi Phật Tổ còn sống ở thành Xá Vệ, trong thành xảy ra một chuyện.

Trong thành Xá Vệ, có một gia đình Bà la môn rất hòa thuận. Bà la môn này có hai người con gái, thường ngày rất được nuông chiều. Đến khi lớn lên, hai cô con gái dần hiểu chuyện trai gái, nhất là cô chị. Bà la môn quản giáo con gái của mình rất nghiêm khắc, chưa từng để cho họ một mình tiếp xúc với người ngoài.

Tục ngữ nói rất đúng: "Cọp dữ cũng có lúc phải ngủ". Tuy Bà la môn quản thúc con gái rất nghiêm, nhưng cũng không thể kiểm soát hết những hành động của họ. Cuối cùng một ngày nọ, cô con gái lớn của Bà la môn cũng đã ném trộm trái cấm, dan díu với một thanh niên hàng xóm.

Sau đó, cô con gái lớn phát hiện mình mang thai. Chuyện này bị Bà la môn biết. Ông cảm thấy đây là một chuyện nhục nhã, bôi nhọ danh dự gia đình, trong lúc giận dữ đã đuổi cô con gái ra khỏi nhà.

Cô con gái mang cái bụng bầu đến nhà hàng xóm, nhưng tên thanh niên ấy lại không cần cô nữa. Trong lúc không biết làm sao, cô nghĩ đến Phật Tổ, thế là cô mang cái bụng to đùng của mình đến Kỳ Hoàn. Phật Tổ khoan dung cô ta. Sau khi cạo tóc thụ giới cho cô ấy, người để cho cô làm một Tỳ kheo ni.

Nhưng các Tỳ kheo ni khác lại không nghĩ thế, cho rằng cô ta mang cái bụng to ấy làm nhục Phật môn, huống hồ gì lại là cái thai do quan hệ bất chính và họ đã mưu toan đuổi cô đi. Họ đến gặp Phật Tổ, xin Phật đuổi Tỳ kheo ni mang thai ấy đi.

Nhưng Phật Tổ khuyên ngăn họ. Phật Tổ nói:

- Tỳ kheo ni ấy mắc tội lỗi khi ở nhà, mang thai bất chính, nhưng sau khi xuất gia thì ngược lại không mắc phải tội lỗi gì. Huống hồ nhìn một người không phải chỉ nhìn về quá khứ của họ, mà quan trọng là xem biểu hiện ở hiện tại kia. Như vậy, bây giờ Tỳ kheo ni ấy không có lỗi, cô ta không vi phạm bất cứ giới luật nào, vì vậy, các người không thể đuổi cô ta đi.

Phật Tổ không chỉ khuyên các Tỳ kheo ni đừng đuổi cô ấy đi, mà ngược lại còn muốn các Tỳ kheo ni phải quan tâm chăm sóc cô ấy nhiều hơn nữa.

Tỳ kheo ni ấy được ở lại và cũng được sự quan tâm chăm sóc thiện ý của mọi người. Sau mười tháng mang thai, cô ấy sinh ra một đứa con trai, đứa con trai này chính là Ca Diếp.

Sau khi Ca Diếp được tám tuổi, thì xuất gia theo Phật Tổ tu tập Phật pháp. Do thiên tư vốn thông minh, lại chịu khắc khổ chăm chỉ học tập, cho nên không lâu sau, Ca Diếp đã tu đắc quả La hán, thành một vị La hán mới, có đạo hạnh và pháp lực rất cao.

Mùa hè nọ, Ca Diếp và một số Tỳ kheo cùng trang lứa không chịu nổi cái nóng oi bức, sau khi Phật Tổ giảng xong kinh Phật, bèn mang bồn chậu tắm, đến bờ sông A Lô La cách Kỳ Hoàn không xa. Sau đó, những người xuất gia vẫn còn là trẻ con này từng chú tiểu trần trụi trực, nhảy xuống dòng sông mát mẻ, mặc tình vui đùa. Chúng lúc lặn lên, lúc hụp xuống dưới sông, có lúc tóe nước vào nhau. Bên bờ sông A Lô La rộn rã tiếng cười đùa của bọn trẻ.

Lúc bảy giờ, Ba Tư Nặc quốc vương đang ở trên lầu cao gần bờ sông, thả mắt nhìn chung quanh. Theo tiếng ồn ông trông thấy các chú tiểu tắm tấp, bơi lội, bắn nước ở dưới sông. Nghe thấy tiếng cười hả hê của chúng, vua Ba Tư Nặc cảm thấy chúng cũng rất phóng túng. Lúc này, vua Ba Tư Nặc còn chưa tin ngưỡng Phật pháp. Khi ông trông thấy tình cảnh này, trong lòng càng sinh cảm giác chán ghét Phật pháp.

Vua Ba Tư Nặc quay đầu lại nói với vương hậu Mạc Lợi đã tin ngưỡng Phật pháp từ lâu, đang đứng ở bên cạnh:

- Hậu xem kia, đây chính là những đệ tử có đức hạnh tu dưỡng của Phật pháp mà Hậu tin ngưỡng. Hậu đã tin ngưỡng sâu sắc không nghi ngờ gì đối với Phật pháp, vậy tại sao không chịu xem kỹ lại bộ dạng phóng túng hình hài của những người xuất gia kia chứ?

Mạc Lợi vương hậu không đợi vua Ba Tư Nặc nói tiếp, ngay lập tức trả lời:

- Những đứa trẻ này có lẽ vừa mới được hóa độ xuất gia, còn chưa hoàn toàn hiểu giới luật. Rốt cuộc thì chúng vẫn còn là những đứa trẻ mà. Ngoài ra, cũng có lẽ Phật Tổ chưa chế định ra những giới luật thích đáng để hạn chế chúng làm như thế này, cho nên chúng mới như vậy.

Vua Ba Tư Nặc không phục, bèn tranh cãi với Mạc Lợi vương hậu.

Ca Diếp lúc này tuy tuổi tác còn nhỏ, nhưng cậy sớm đã đắc La hán quả, cậu dùng thiên nhĩ thần thông, nghe thấy cuộc tranh cãi của vua Ba Tư Nặc và Mạc Lợi vương hậu, ngay lập tức cậu nói với các tiểu Tỳ kheo. Ca Diếp nói:

- Sau khi vua Ba Tư Nặc trông thấy chúng ta ở đây vui vẻ náo loạn, càng không tin ngưỡng Phật pháp, mà trong lòng của Mạc Lợi vương hậu cũng rất buồn. Bây giờ chúng ta nên tìm cách làm cho vua Ba Tư Nặc tin phục Phật pháp mới được.

Các tiểu Tỳ kheo ấy cũng ngừng cuộc vui, đồng thanh đáp:

- Được thôi.

Sau đó, do Ca Diếp dẫn đầu, các tiểu Tỳ kheo mỗi người tự mang nửa chậu nước của mình, đi đến bên bờ sông, xếp thành một hàng, đặt chậu nước ra trước mặt, ngồi chấp bồng xuống đất. Chúng loại bỏ hết tất cả tạp niệm, cơ thể cùng với chậu nước bay lên không trung.

Sau đó, dưới sự thống lĩnh của Ca Diếp, chúng xếp thành một hàng, giữ nguyên tư thế bắt đầu bay đến chỗ tầng lầu của vua Ba Tư Nặc đang ở và bay qua cao lầu của vua Ba Tư Nặc.

Lúc này, Mạc Lợi vương hậu đang ngồi chơi, vừa trông thấy có bóng người bay qua, bà ngẩng đầu lên. Bà trông thấy một hàng Tỳ kheo y áo chỉnh tề ngồi ngay ngắn, trước mặt còn có một chậu nước, từng người từng người một bay qua, như những đàn nhạn bay về phương Nam vào mùa thu vậy.

Trong lòng Mạc Lợi vương hậu rất vui, bà không ngờ các tiểu Tỳ kheo còn nhỏ mà đã có đạo hạnh cao thâm như thế, còn có thể bay trên không nữa.

Bà liền chỉ các tiểu Tỳ kheo ở đằng xa và nói với vua Ba Tư Nặc:

- Bệ hạ, người hãy nhìn thần thông của các đệ tử Phật môn mà thiếp tín ngưỡng kìa!

Vua Ba Tư Nặc ngẩng đầu trông, cũng nhìn thấy hình ảnh ấy ở đằng xa. Ông bắt đầu có chút tín ngưỡng. Lúc sau, khi xem rõ các bóng người trên không trung chính là các tiểu Tỳ kheo vui đùa bên bờ sông lúc này, vua Ba Tư Nặc không thể không có suy nghĩ, các tiểu Tỳ kheo nhỏ tuổi như thế mà lại có thần thông như vậy.

Vua Ba Tư Nặc từ đó có hứng thú với Phật pháp và bắt đầu tín ngưỡng Phật pháp.

Khi vua Ba Tư Nặc không còn nhìn thấy hình ảnh của Ca Diếp và các tiểu Tỳ kheo nữa, mới khen rằng:

- Thật là quá hay, quá tốt, các đệ tử Phật môn và Phật pháp ở trong địa phận thống trị của ta thật là có ích, ta thật lòng hy vọng Phật Tổ và các đệ tử của ngài ở mãi đất nước ta, mưu cầu hạnh phúc và lợi ích cho nhân dân ta.

Mạc Lợi vương hậu thấy vua Ba Tư Nặc thay đổi nhận thức về Phật pháp, cũng cảm thấy rất vui.

Lại nói đến La hán Ca Diếp và các tiểu Tỳ kheo sau khi về đến Kỳ Hoàn, Phật Tổ biết những điều họ vừa làm. Thế là, Phật Tổ chế định giới luật mới, cấm họ đến vui chơi ở sông A Lô La. Từ đó về sau, vua Ba Tư Nặc và Mạc Lợi

vương hậu không còn trông thấy hình ảnh của La hán Ca Diếp và các tiểu Tỳ kheo nữa.

---o0o---

PHÚ NA KỲ MỜI PHẬT VÀ CHÚNG ĐỆ TỬ

Trong Hiền Ngu Kinh ghi, ngày xưa, tại Phóng Bát Quốc có một vị trưởng giả tên gọi là Đàm Ma Ngưỡng. Ông là đại phú ông đứng đầu cả nước.

Phóng Bát Quốc giàu có hùng mạnh, thường hay xuất binh chinh phạt các nước khác. Đương thời khi đưa con trai đầu lòng của Đàm Ma Ngưỡng ra đời, đang là lúc quân đội nước này xuất chinh, vì vậy ông ta đặt cho con trai tên là Tiễn Na, nghĩa là quân. Khi đưa con thứ hai ra đời, nhằm lúc quân đội chiến thắng trở về, cho nên ông đặt cho đứa con thứ hai tên là Tỳ Kỳ Đà Tiễn Na, nghĩa là thắng. Sau khi hai đứa con trai lớn lên, Đàm Ma Ngưỡng cưới vợ thành lập gia thất cho con, sống với nhau yên ổn vô sự.

Về sau, Đàm Ma Ngưỡng tuổi cao nhiều bệnh, thường nhờ đại phu đến xem bệnh. Đại phu tham lam thấy thù lao của ông cao, ăn được ngon, cho nên không chịu trị dứt bệnh cho Đàm Ma Ngưỡng, mà nhận được thù lao lâu dài.

Người trong cuộc thì thường mê muội, người ngoài cuộc sáng suốt. Nô tỳ hầu hạ bên cạnh Đàm Ma Ngưỡng, nhìn thấy được lòng dạ xấu xa của tên đại phu, bèn nói lại cách nhìn của mình với trưởng giả, rồi xin Đàm Ma Ngưỡng từ chối tên đại phu ấy, để mình chữa trị điều dưỡng. Đàm Ma Ngưỡng đồng ý.

Thế là, nô tỳ chăm sóc chu đáo Đàm Ma Ngưỡng, không bao lâu bệnh của trưởng giả quả nhiên khỏi hẳn. Trong thời gian chăm sóc chữa trị, nô tỳ phát sinh tình cảm với trưởng giả, trưởng giả cũng vì sự lương thiện của cô ta mà cảm kích, hai người dan díu với nhau, nô tỳ sanh được một đứa con trai, tên gọi là Phú Na Kỳ, nghĩa là hài lòng.

Phú Na Kỳ rất xinh đẹp, khi trưởng thành rất khôi ngô tuấn tú, thông minh lanh lợi, lại rất chăm chỉ siêng năng, nhất là giỏi làm công việc kinh doanh buôn bán. Nhưng, vì chàng là con của nô tỳ, cho nên không thể làm con trai của trưởng giả, vẫn phải làm nô lệ suốt đời.

Trưởng giả lúc lâm chung, gọi hai đứa con trai lại dặn dò: "Sau khi ta chết, hai con không được chia tài sản ở riêng".

Trong vài năm đầu, sau khi trưởng giả qua đời, hai đứa con trai còn có thể theo lời dặn dò của trưởng giả mà làm, không chia tài sản. Về sau, hai anh của

Phú Na Kỳ, muốn ra nước ngoài để làm ăn, mang vợ con giao lại cho Phú Na Kỳ chăm sóc, lo lắng.

Phú Na Kỳ cai quản sự chi xuất của một đại gia, rất công minh liêm chính. Nhưng sự ganh tỵ, đòi hỏi của con trai của anh thứ Tỷ Kỳ Đà Tiên Na là làm khó cho Phú Na Kỳ nhất, nó thường xuyên đến trước Phú Na Kỳ đòi hỏi này nọ, Phú Na Kỳ luôn nghĩ mọi cách để làm cho nó toại nguyện.

Một ngày nọ, trong tay của Phú Na Kỳ không có tiền, mà đưa con trai của anh thứ muốn cậu mua đồ ăn, Phú Na Kỳ đành phải nhẫn nại giải thích cho nó, nhưng nó không những không nghe lời khuyên, ngược lại còn ghét cay ghét đắng Phú Na Kỳ, còn chạy đến chỗ mẹ mách lẻo: "Phú Na Kỳ đối xử tốt với con trai của bác, nó muốn gì được nấy, còn con thì không".

Chị dâu thứ nghe lời con trai mình, tin là thật, nghiến răng phẫn hận nói rằng: "Tên nô tài này lại dám đối xử thiên vị".

Đợi khi chồng về, hai mẹ con bèn đem chuyện ấy mách lại với chồng. Sau khi hắn nghe xong, không những không an ủi khuyên can, ngược lại còn phẫn nộ: "Tên nô tỳ hạ tiện này đã dám vi phạm lời gia huấn của ta, hất hủi con trai ta, không giết hắn không cam!"

Chủ ý đã định, người anh thứ bèn nghĩ ý chia gia tài với anh cả. Anh cả muốn giữ lời hứa với cha trước khi lâm chung, không đồng ý chia gia tài, nhưng ngược lại đưa em thì không chia không chịu, hai anh em cãi nhau một hồi cũng không đi đến kết quả gì. Người anh cả biết rõ em trai mình hận mình đến xương tủy, nên cuối cùng cũng đồng ý chia gia tài.

Điều kỳ quái là, Tỷ Kỳ Đà Tiên Na đã đưa ra: Tất cả gia sản là một phần, Phú Na Kỳ là một phần, hai phần này anh trai tùy ý chọn lấy một phần.

Anh cả trông thấy tấm lòng hiểm ác của em trai, tội nghiệp Phú Na Kỳ, thế là, chọn phần Phú Na Kỳ. Anh cả trắng tay, mang vợ con đến nhà người khác ở đỡ.

Tuy là em trai không có được Phú Na Kỳ, nhưng kết quả này, vẫn khiến cho âm mưu của hắn được hoàn thành: Nuốt trọn toàn bộ cả gia tài.

Một ngày kia, Phú Na Kỳ nói với chị dâu: "Xin bà hãy cho tôi một ít tiền, tôi đi mua củi".

Chị dâu nói: "Chỉ có năm đồng, ngươi cầm lấy đi đi".

Phú Na Kỳ cầm số tiền chỉ có năm đồng, đến chợ củi. Thấy có một bó củi bán đúng năm đồng, bèn mua nó về.

Sau khi về đến nhà, Phú Na Kỳ mở bó củi ra, đột nhiên phát hiện trong bó củi có một "cây đàn hương sừng trâu", thật là không tưởng tượng được, chẳng biết đây là một thứ thuốc quý, vui mừng khôn xiết, bèn cẩn thận cất lại, đợi đến khi nào có cơ hội bán sẽ được nhiều tiền hơn, để mua sắm đồ dùng trong nhà.

Không lâu sau, vương hậu mắc bệnh gọi là "bệnh cảm", bệnh tình rất nghiêm trọng. Thái y mấy lần chẩn đoán, dùng mọi thứ thuốc đều không trị khỏi, cho rằng chỉ có cây đàn hương sừng trâu ép thành bột, đắp lên thân thể mới có thể loại bỏ độc nhiệt, nhưng tìm khắp cả nước, cũng không tìm được thứ thuốc này. Thế là quốc vương hạ lệnh thông báo toàn quốc:

"Ai mang đến một lạng mộc hương, thì sẽ thưởng cho ngàn lạng vàng ròng".

Phú Na Kỳ thấy cơ hội đã tới, mang một khúc nhỏ mộc hương đến, quốc vương lập tức thưởng ngay cho chàng ngàn lạng vàng. Chẳng bao lâu, mười đoạn mộc hương đều bán hết, Phú Na Kỳ được vạn lạng vàng.

Phú Na Kỳ mang tất cả số vàng này đưa cho anh trai và chị dâu, cả nhà lại cất nhà mua ruộng, mua nô tỳ, mua xe, gia cảnh giàu hơn cả trước khi chia gia tài.

Sau đó, có năm trăm thương nhân muốn ra biển lấy bảo vật, họ hẹn Phú Na Kỳ cùng đi. Phú Na Kỳ được sự đồng ý của anh trai, bèn đi cùng.

Biển lớn mênh mông, khắp nơi là bảo vật. Mọi người thỏa lòng mong muốn, tùy ý lựa chọn, mặc sức mà mang về.

ngày nọ, thuyền đi đến nơi nguy hiểm, chỉ thấy Nam Thiêm Bộ Châu có ba mặt trời treo trên không, mọi người đều rất ngạc nhiên, vội vã hỏi đường: "Ba ngày không biết xảy ra là kiết hay hung?"

Người dẫn đường xanh mặt trả lời: "Một cái là mặt trời, hai cái kia là mắt cá, cái trắng ở giữa là hàm răng. Chúng ta phải qua một đầu nguồn nước là miệng cá. Đây chính là một nơi rất đáng sợ. Chúng ta đã không có đường sống để đi, chết chắc rồi!".

Trong số những thương nhân, có một vị là tín đồ Phật giáo, nói với mọi người rằng:

- Các vị đừng hốt hoảng, chỉ cần thành tâm niệm "Nam Mô Phật", bảo đảm bình yên vô sự.

Thế là mọi người đồng thanh tụng niệm "Nam Mô Phật, Nam Mô Phật!"

Ma Kiệt Ngư nghe thấy lời niệm Phật, lập tức ngậm miệng lại lặn xuống dưới đáy biển.

Thế là các thương nhân bình yên về đến nước mình.

Phú Na Kỳ về đến nhà, mang ra một đại kim án (bàn dài lớn) trên mặt bày đầy các loại trân châu bảo vật, quý xuống dâng cho anh trai và nói:

- Tôi đã tích góp cho anh không ít tài sản bảo vật, nhà cửa ruộng vườn, nhưng gì cần có cũng đã có, con cháu đời đời dùng cũng không hết. Hiện nay kính mong anh cả cho phép tôi xuất gia tu hành.

Anh cả nói: "Xuất gia tu hành là chuyện tốt, ta không cản trở chú, chỉ là tuổi tác của chú vẫn còn nhỏ, không hiểu sự đời, Phật pháp khó học, hay là đợi vài năm nữa hãy đi".

Phú Na Kỳ đem đạo lý Phật giáo nhân sinh vô thường, lại đem chuyện gặp nạn ở ngoài biển thuật lại cho anh trai nghe, anh trai biết không giữ được chàng, bèn đồng ý.

Thế là Phú Na Kỳ và năm trăm thương nhân đều xuất gia làm Sa môn.

Sau khi xuất gia, năm trăm vị Sa môn nghe Phật thuyết pháp, trong lòng khai mở nhanh chóng tu thành A la hán quả, duy chỉ có Phú Na Kỳ không khai thông.

Nhưng, chàng rất thành khẩn, rất cần mẫn. Theo quy định Phật giáo, tăng nhân mỗi năm có hai hoặc ba lần ngồi thiền, mỗi lần ba tháng, gọi là "an cư". Phú Na Kỳ yêu cầu để cho họ đến Phóng Bát Quốc tọa thiền. Đức Phật nói:

- Người nước ấy biết đạo hạnh người không thâm sâu, sĩ nhục người thì làm thế nào?

Phú Na Kỳ nói:

- Chỉ cần không hại con, sĩ nhục, mắng nhiếc con thế nào cũng đều không sao cả.

- Vậy nhiều lần muốn hại con, thì làm sao?

- Chỉ cần không lấy mạng con, con vẫn muốn nhớ lấy ân đức của họ.

Đức Phật nói ép rằng:

- Nếu vẫn cứ muốn hại tánh mạng của con thì sao?

Phú Na Kỳ không chút do dự nói:

- Vạn vật đều là hữu hình quy về vô hình, nếu như họ có giết con, ngay cả bị chết con cũng không sợ.

Đức Phật nói:

- Người khác chửi con, đánh con, giết con, nhưng con vẫn không chết, con có phiền não không?

Phú Na Kỳ nói:

- Không! Từ đầu đến cuối, con đều không sanh lòng oán hận thậm chí một niệm (suy nghĩ một chút) cũng không có.

Đức Phật tán dương:

- Rất tốt, rất tốt! Con tu hành như thế là một cách thành đạo nhanh nhất.

Phú Na Kỳ từ biệt đức Phật, về đến Phóng Bát Quốc.

Sáng sớm ngày hôm sau chàng đến hóa duyên ở một nhà phú ông Bà la môn. Bà la môn vừa thấy hòa thượng bèn mắng, Phú Na Kỳ không mắng trả lại, bèn quay người đi.

Ngày hôm sau, chàng đến hóa duyên ở nhà Bà la môn này, Bà la môn dùng tay chân đánh đập, Phú Na Kỳ không những không đáp trả, mà còn vui vẻ, có thái độ cam tâm, Bà la môn thấy tình cảnh này, bất chợt tự hối hận.

Phú Na Kỳ qua ba tháng ngồi thiền, đạt được hiệu quả theo kỳ dự định, từ biệt thí chủ chuẩn bị đi về bên cạnh đức Phật.

Trước lúc đi, chàng đến thăm anh trai, dặn dò anh trai nhất thiết đừng đi ra biển lấy bảo vật, vì rất nguy hiểm, huông hồ gì tài sản trong nhà đủ để con cháu đời sau hưởng dụng.

Ai ngờ, không lâu sau, anh trai không nghe theo lời của Phú Na Kỳ, lại thêm vào đó là lời xúi dục của người khác, rốt cuộc lại theo các thương nhân đi ra biển lấy báu vật.

Sau khi ra đến biển, anh trai biết được sự quý giá của gỗ đàn hương, bèn liều mạng đặt lên đây thuyền. Nào ngờ, rông ngoài biển không nở để cho người khác lấy mộc hương, nên bắt thuyền lại giữa đường, thuyền không thể đi về phía trước.

Các người cùng đi sợ rông không tha cho Tiễn Na, vội vã gọi: "Phú Na Kỳ mau lại cứu nạn!"

Lúc này Phú Na Kỳ đang ngồi thiền ở tịnh xá Kỳ Hoàn thuộc nước Xá Vệ, chàng đã đắc A la hán quả, có thể dùng "đại nhĩ" nghe tiếng ở đằng xa, nghe được tiếng người kêu cứu, biết rằng anh trai đang trong cơn nguy khốn, vội vã dùng "thần thông lực" của mình, biến thành Kim Sí Điều Vương, để dọa con rông đó.

Hải long (rông biển) vừa trông thấy Kim Sí Điều Vương, giật mình bỏ chạy xuống đáy biển, các thương nhân mới bình yên về đến nhà.

Phú Na Kỳ nhân cơ hội này khuyên anh trai nên tin Phật, dùng mộc hương xây thành một ngôi Phật đường. Sau khi Phật đường xây xong, lại để cho anh trai "thỉnh Phật" cúng dường. Hai anh em tay cầm lư hương lên lầu thắp hương, mời đức Phật đến dự.

Khói hương nghi ngút, tỏa khắp không trung, bay đến Phật đỉnh. Đột nhiên, khói đọng thành nước, như một dòng chảy nhỏ xuống chân Phật. A Nan thấy cũng rất kỳ quái, hỏi đức Phật nguyên do.

Đức Phật nói với A Nan:

- Đây chính là Phú Na Kỳ Tỳ kheo ở Phóng Bát Quốc khuyên anh trai mời chúng ta đến dự, cho nên tỏa hương làm tin. Người mau đi chuyển lời, nói cho các Tỳ kheo thần thông, ngày mai tập họp đến đây, sau đó mọi người tự biến pháp đến dự.

Thì ra, đức Phật cũng không thể một ngày không ăn. Ngày hôm sau, người khác vẫn không có động tĩnh gì, Hỏa Phu Kỳ Hiến Trục Kỳ bèn đội "Bách Đầu Đại Oa", cầm muống lên đường trước, bay lượn mà đi. Tiếp theo đó, các đệ tử Phật mỗi người tự biến hóa, hoặc động vật hoặc thực vật, mỗi người theo hướng gió mà bay đi.

Tuân Đề và mười sáu vị tiểu hòa thượng, tất cả biến thành rừng cây, trong chớp mắt, đến trước mắt Phú Na Kỳ và anh trai của chàng.

Anh trai hỏi Phú Na kỳ:

- Đây chính là sư phụ của chú phải không?

- Không, đây chính là các sư đệ vừa mười tuổi đã tu đắc La hán quả.

Một La hán già biến thành một ngàn con rồng, thân rồng chi chít làm chỗ ngồi, miệng rồng nhả "thất bảo", thân phát hào quang, chiếu sáng thiên hạ.

Anh trai lại hỏi:

- Đây chính là thầy của chú phải không?

- Không, đây chính là một trong những đệ tử đầu tiên của sư phụ tôi, tên gọi là Kiều Trần Như. Khi đức Phật vừa đắc đạo, lần đầu tiên thuyết pháp ở Lộc Dã Uyển, có năm người đắc đạo lần ấy, một người trong số họ là ông ta.

Anh trai nghe rồi, tôn kính gấp bội.

Ma Sa Ca Diếp hóa thành "Thất Bảo Giảng Đường" toàn thân phát sáng.

Tiền Na hỏi:

- Đây chính là thầy của chú phải không?

- Không, đây chính là Ma Sa Ca Diếp đệ tử Phật, thông qua "hóa duyên" tu hành đắc đạo.

Xá Lợi Phất biến thành sư tử ngàn đầu, kết thân làm chỗ ngồi, phía trên xếp một đại bảo tòa, bay lượn trên không trung.

Anh trai Tiền Na hỏi:

- Đây chính là thầy của chú phải không?

- Không, đây là đại đệ tử của sư phụ. Ngài chính là Xá Lợi Phất, học thức uyên bác, thông minh đệ nhất.

Anh trai vì quen biết được họ nên rất vui mừng.

Đại Mục Liên hóa làm một ngàn con đại tượng (voi lớn), miệng voi đều có ngà lớn, một chiếc ngà trên đầu có bảy bông sen, mỗi một bông có sáu nhánh hoa sen, mà trên mỗi đóa sen đều có bảy vị ngọc nữ đứng yêu kiều.

Anh trai lại hỏi:

- Là sư phụ của đệ phải không?

- Không phải! Đây là Đại Mục Liên đệ tử Phật. Ngài ấy có thể biến, hiện đến "cảnh giới không suy nghĩ", có thể lội suối treo non qua lại tự do, hiệu "Thần Túc Đệ Nhất". Đức hạnh của ngài thuần khiết cao thượng, danh thơm bát ngát.

A Na Luật Đề hóa thành Thất Bảo Trì, trong ao có đầy hoa sen kim sắc, thân hoa sen là do thất bảo hợp thành, mình thì ngồi ở trên hoa sen, nơi mà ánh mặt trời chiếu rọi, đầy trời kim sắc.

Anh trai lại hỏi:

- Đây chính là thầy của chú phải không?

- Vẫn không phải, ngài ấy chính là A Na Luật Đề đệ tử Phật, hiệu là "Thiên Nhân Đệ Nhất".

A Nan đệ tử Phật, hóa làm một ngàn con ngựa, cưỡi thất bảo xa, trên xe có thất bảo cái phát quang lấp lánh.

Anh trai lại hỏi:

- Đây chính là thầy của chú phải không?

- Đây chính là em trai của sư phụ đệ, phúc tướng hoàn mãn, đức hạnh thuần khiết, trong số đệ tử của đức Phật cũng là một người tên tuổi lừng lẫy.

Tu Tát Đề hóa thành Thất Bảo Sơn, trên núi có một động pha lê, ông ngồi nghiêm chỉnh đơan trang trong động, trên thân phát hào quang ngũ sắc, chiếu rọi thiên địa. Ngọn "Phi Sơn" này đến trước mắt của Tiên Na, Tiên Na mắt không chớp, vội vã hỏi: "Là sư phụ của đệ?"

Đáp: "Không phải. Ngài ấy gọi là Tu Tát Đề. Trong số đệ tử của sư phụ, vì kiến thức rộng rãi, lý luận cao siêu nên được xếp là đệ nhất".

Phân Đậu Văn Đà Ni Tử hóa thành một ngàn Ca Lô La Vương, kết thân làm tọa, đầu ngẩng tứ phương, miệng ngâm các loại bảo bối, phát ra âm thanh huyền diệu, theo âm thanh mà đến.

Tiên Na hỏi: "Đây là sư phụ của chú?"

- Không, sư phụ của đệ cũng là sư phụ của ngài ấy. Chúng tôi vẫn là huynh đệ. Ngài ấy gọi là Phân Đậu Văn Đà Ni Tử, có thể nhóm họp thuyết giáo, tài biện luận không ai sánh bằng, thiên hạ đệ nhất.

Ưu Bỉ Li hóa ra ngàn con nhận, kêu ai tương hòa, miệng ngậm các loại bảo vật, ông ta ngồi trên con nhận từ không trung giáng xuống.

Anh trai hỏi: "Còn đây là ai?"

- Đây là Ưu Bỉ Li, trong số đệ tử Phật, ông ta giữ giới tốt nhất, gọi là "Trì Luật Đệ Nhất".

Sa môn Thập Nhị Ưc hóa ra một hàng cây, hai bên hàng cây là các loại bảo vật, lại lấy pha lê màu thiên thanh lót thành đường, mọi người qua lại ở đó.

Anh trai hỏi: "Đây là ai biến thành?"

Phú Na Kỳ đáp:

- Đây cũng chính là đệ tử Phật, tên gọi là "Sa môn Nhị Thập Ưc". Trong số Tỳ kheo chúng đệ, ông ta rất chuyên tâm nghiên cứu Phật pháp để cầu thông đạt.

Đại Kiếp Binh Vũ hóa ra Thất Bảo Thụ, trên cây có các loại hoa quả, dưới cây có thất bảo tòa, ông ta ngồi trên bảo tòa, hào quang tỏa sáng, theo sự hư huyền mà đến.

Anh trai liền hỏi: "Phải là sư phụ của đệ không?"

- Không, đây là Kiếp Binh Vũ "Dũng Mãnh Đoan Chánh Đệ Nhất".

Một đóa hoa sen từ trên trời giáng xuống, trên hoa sen có hai người ngồi, nguyệt quang bao quanh lấy ông ta.

Anh cả lại nói với em mình: "Là sư phụ của đệ phải không?"

- Không, đây chính là đệ tử Phật, Binh Đầu Lô Đóa Đô, "Đệ Nhất Tọa Thiên".

Một ngàn đứa con trai của Chuyển Luân Vương đến trước mắt, Tiễn Na hỏi em trai: "Đây là ai biến thành?"

- Đây là con trai của đức Phật, vốn dĩ ở nhà trị bì thiên hạ, không động đao kiếm, thất bảo tự đến, vì vậy nước ấy hòa bình, hạnh phúc. Nhưng, ngài ấy ngược lại bỏ mặc vương vị, xuất gia học đạo, như ngày nay đã đắc A la hán quả, đại danh là La Lĩ La.

Nói chung, cứ một người đến, là anh trai lại thấp hương, dâng hoa cúng dường. Tất cả đều là những người chàng chưa từng gặp, những điều kỳ lạ chưa từng nghe, vì vậy chàng lại càng vui mừng khôn xiết.

Khi Tiễn Na tán dương hết lời, đột nhiên thấy trời đất đều thành kim sắc.

Phú Na Kỳ vội vã nói với anh trai: "Lần này là sự phụ của đệ đến, phát ra kim sắc là để báo trước".

Phú Na Kỳ vừa dứt lời, mặt đất chấn động cả lên. Đức Phật từ trên tọa bước xuống, chân vừa chạm đất, ngay lập tức đất trời nghiêng ngửa. Đức Phật vừa xuất hiện, trang nghiêm, long trọng hơn bao người khác.

Nhưng thấy, Bát Đại Kim Cang, Bát Đại Thủ Vệ, Tứ Đại Thiên Vương ở phía trước dẫn đường, Đế Thích và "Dục Giới Thiên Tử", trăm ngàn vạn người hầu thị vệ ở bên trái, "Sắc Giới Chư Thiên" vô số người đứng ở bên phải, đệ tử A Nan theo sau, ngoài ra đại chúng vây quanh, như các ngôi sao vây lấy mặt trăng bay vào tầng không, tiến về phía Phóng Bát Quốc.

Lúc này có năm trăm nông phu đang cày bừa. Các con trâu ngẩng đầu trông thấy đức Phật phát kim sắc, trong lòng kính nể, đứng ở dưới chỉ biết ngóng trông lên, quên cả việc ruộng nương. Nông dân thấy chuyện này cũng ngẩn mắt mà trông, thấy đức Phật bay qua, vội vã quỳ xuống thỉnh Phật thuyết pháp, khai độ để cho họ "vĩnh viễn thoát khỏi cái khổ của sự sanh tử".

Thế là, đức Phật dừng lại ở giữa đường, thuyết pháp cho năm trăm vị nông phu. Năm trăm nông phu trong lòng rộng mở, lập tức trừ đi Nhị Thập Úc Ác (hai tỷ điều ác), thành Tu Đà Hoàn quả, sau khi chết cũng đầu thai tiên giới.

Đức Phật và tùy tùng tiếp tục lên đường. Đi không bao xa, có năm trăm đồng nữ đang dã ngoại vui chơi, đột nhiên thấy mặt đất đều có ánh kim sắc, trông thấy đức Phật đến, lại yêu cầu thuyết pháp. Sau khi năm trăm đồng nữ nghe pháp, lập tức tin nhận, cũng thành Tu Đà Hoàn quả.

Không bao lâu, lại có năm trăm tiên nhân thấy kim quang phổ chiếu, tỏa kim sắc, ngẩng đầu trông đức Như Lai đang đi trên không trung, khổ ải kêu cầu, thỉnh Phật thu nhận họ làm Sa môn. Phật theo ý nguyện của họ, ngay lập tức năm trăm tiên nhân thành A la hán, theo đức Phật đến Phóng Bát Quốc.

Phú Na Kỳ và anh trai thỉnh đức Phật đến Phóng Bát Quốc, tiếng trống reo hò, cùng hương hoa dâng lên Người, sau đó lại đến hội trường, sau khi an tọa, đức Phật được tiếp đãi những cao lương mỹ vị mà cả nhà Tiễn Na dâng lên. Sau đó Người giảng kinh thuyết pháp cho cả nhà Tiễn Na và Phóng Bát Quốc. Tự

nhiên, diệu pháp không ngờ của đức Phật, khiến tất cả mọi người đều đạt quả thiện khác nhau. Những nam nữ ở nước ấy đều đắc đạo không thể đếm xiết.

Phú Na Kỳ một con người tốt như thế, tại sao lại là nô lệ hạ tiện? Tại sao lại có phúc phần lớn như thế có thể gặp được Phật chứ? Những nhân quả tiền định đó, đến cả A Nan thân tín của Phật cũng không thể biết.

A Nan để hiểu rõ, bèn hỏi Phật Tổ.

Đức Phật nói:

- Xưa kia, khi Ca Diếp tại thế, có một trưởng giả, gia tài vô số, vui vẻ bố thí, từng vì đức Phật và chúng Tăng tu tạo chùa chiền, cung phụng y phục, ẩm thực, dược liệu, những gì cần có cũng đều có cả. Sau khi trưởng giả chết, những thứ cúng dường dần ít lại, hòa thượng cũng tán đi cả, tự viện cũng hoang phế cả. Một ngày nọ, đến lượt một La hán đạo nhân trực nhật, sau khi quét dọn, chất cỏ lá tạp nham và đất đá thành đống ở trong sân, chưa kịp dọn sạch. Con trai của trưởng giả không hài lòng điều này, mắng nhiếc rằng: "Tên này hạ tiện như nô tài vậy!" A Nan, con biết vị Tỳ kheo mắng người khi ấy là ai không? Chính là Tỳ kheo Phú Na Kỳ ở kiếp này. Chính vì hắn xem "đạo nhân" như nô tài, chính vì câu nói ấy, hắn từng ở trong "năm trăm đời làm thân nô lệ". Lại nhờ hắn hợp với kẻ khác tu sửa chùa chiền, cúng dường tăng ni, tích đức, cho nên mới có thể gặp được ta. Còn nữa, con biết không, số người đắc đạo ngày nay của Phóng Bát Quốc, chính là những người xuất tiền tu bỏ tự viện.

A Nan và mọi người ở hội trường nghe xong lời thuyết giáo của đức Phật, đều tìm tòi suy nghĩ tu hành như pháp.

---o0o---

CÔ GÁI MÔ CÔI VÀ QUỐC VƯƠNG

Trong Xá Vệ thành có một quả phụ. Số mạng bà ta vốn khổ, người chồng trẻ tuổi đã chết, để lại cho bà một bào thai. Sau khi con gái ra đời, cuộc sống của hai mẹ con có thể nghĩ cũng biết là cực khổ, gian nan thế nào.

Người mẹ mỗi ngày phải lê trên đường phố khát thực, để nuôi con khôn lớn từng ngày. Tuy là chưa từng ăn một bữa ăn no, không được mặc một chiếc áo mới, chỉ có hai mẹ con nương tựa nhau để sống, nhưng họ vẫn sống một cách ngoan cường... Và lại trong chớp mắt đứa con gái cũng trở thành một cô gái mười bảy tuổi rồi.

Cô con gái sinh ra trong gia đình nghèo khổ cơ hàn, cô đơn, sắc mặt xanh nhợt, nhưng những thứ này không thể dấu nổi vẻ mỹ miều và sức sống của thiếu

nữ tuổi thanh xuân. Cô ấy đoan trang tú lệ, ôn hòa cẩn thận, thuần khiết, trong sáng, nhân phẩm hiền thực, là một cô nương tốt thâu tình đạt lý. Không những như thế, cô còn được kế thừa gia đình có truyền thống học hành, thuộc lòng kinh thư, thông hiểu nghĩa niệam kinh. Cho nên, dù cuộc sống có đói rét cơ hàn, thì người mẹ vẫn còn một niềm an ủi và ngưỡng mộ là đưa con giải dù khổ cực, họ cương quyết không bán sách để nuôi thân.

Ngoài ra, người mẹ hàng ngày vẫn dạy con rằng: Phải giữ gìn đạo làm vợ, không thể tùy tiện xuất đầu lộ diện, đặc biệt là đối với người lạ. Trước mặt người ngoài, phải cẩn thận tự trọng, nhất định không được coi thường. Con gái luôn luôn làm theo lời dạy của mẹ, chân không bước ra khỏi cửa.

Tuy cô gái mồ côi chỉ ở nhà nhưng lòng cô ấy rất cao thượng. Trong lòng của cô ấy, có hai nguyện vọng lớn lao đang ấp ủ. Đây chính là bí mật lớn nhất của cô ấy, thậm chí cả mẹ mình, cô cũng chưa nói ra. Cô gái mồ côi này cả ngày ở trong phòng mong đợi một ngày có thể thực hiện được mong ước.

Một ngày nọ, quốc vương xuất cung du hành, rong ruổi trên lưng ngựa. Đang lúc du ngoạn, đột nhiên thấy một con chim đậu ở trên đỉnh mái nhà bên đường, hót lên tiếng kêu bi ai, lưỡng lự không chịu bay đi. Quốc vương cảm thấy con chim này thật lạ:

"Âm thanh vang dội của đoàn người và ngựa đông như thế, sao con chim này không kinh sợ bay đi, mà còn đậu trên mái nhà rất tự tại. Sao lại có gan to như thế chứ? Hay thật, hay thật".

Nghĩ rồi, quốc vương nắm chắc dây cung, lấy mũi tên. Trông dáng vẻ cử động khác thường của con chim này khiến cho quốc vương có hứng sẵn bắn. Quốc vương giương cung kéo tên, nhắm kỹ con chim, một mũi tên bay ra là trúng ngay con chim ấy, nó vỗ đôi cánh nhấc mình lên, mang theo mũi tên bay khỏi mái nhà, bay thẳng vào trong nhà một cách khó khăn.

Quốc vương bèn lệnh cho người hầu cận đi mang mũi tên ấy về. Người hầu không dám chậm trễ, vội vã đuổi theo dấu vết của con chim, chạy đến trước cửa ngôi nhà vừa trông như đã lâu năm không tu sửa, cũng không màng gõ cửa, xông vào không chút khách sáo lịch sự, tìm kiếm lục lọi khắp nơi.

Đột nhiên, trong nhà vang lên một tiếng nói ôn hòa của một cô gái: "Đừng tìm nữa, mũi tên ở đây này, cầm lấy mà đi đi".

Nói rồi, con chim bị thương ấy từ trong nhà bay ra, trong chớp mắt chẳng thấy hình bóng nó đâu nữa, mà chỉ thấy mũi tên rơi "bộp" một tiếng ở ngoài sân.

Người hầu bắt đầu có chút nghi ngờ, ngờ ngẩn trông về mũi tên trên đất, nhưng trong đầu ngược lại chỉ nghĩ đến cô gái, chỉ nghe tiếng nói không thấy mặt, ngoài cửa tiếng ngựa hí dồn vang, nhắc nhở người hầu, hẩn vội vã cầm lấy ngựa tiền của quốc vương. Hẩn vọt ra ngoài sân, chạy thục mạng.

Cô gái thần bí chỉ nghe tiếng không thấy mặt ấy, chính là con gái mồ côi của người quả phụ.

Lại nói đến quốc vương, trách hỏi người hầu tại sao lâu như thế mới mang mũi tên về, người hầu bèn kể lại chuyện cô gái ấy phóng sinh trả tên mà mình đã gặp. Quốc vương nghe xong cũng cảm thấy lạ, nhưng không để ý.

Năm này, vương hậu quốc vương đột nhiên bệnh vong. Tang sự làm xong, ông phái người tìm kiếm khắp nơi một cô gái đẹp ngoan hiền, để thay vào tôn vị của vương hậu. Nhưng tìm khắp trong nhân gian, vẫn không có một cô gái nào như đức vua yêu cầu, không phải là không đẹp, thì là không cao nhã, không phải là không hiền đức, thì chính là không tài trí, nói chung, một cô gái tôn quý phẩm hạnh song toàn, dung nhan kiều diễm thì thật là khó kiếm.

Đang khi quốc vương buồn rầu chau mày, lo lắng không vui, tên cận thần đuổi chim lấy tiền ấy nhắc nhở với ý thăm dò:

- Bệ hạ còn nhớ lần xuất cung tuần du trước, khi bắn một con chim gặp một cô gái kỳ lạ không? Tuy không gặp mặt nhưng nghe tiếng nói trong trẻo ngọt ngào, như rót mật vào tai, có thể đoán là đang độ tuổi yêu đương. Lại nói hành động của cô ấy, vừa trông thấy thì đã biết một cô gái có đọc sách thông hiểu lý lẽ, vả lại có lòng từ bi khoan dung, nhất định là quý nhân. Hiềm một nỗi, nhà cô ta rách nát hoang tàn, trông ra thì gia cảnh khôn cùng suy lạc, rất cơ hàn; lại không phải là nhà thân quan thích quốc, địa vị thấp hèn, e bệ hạ ngại địa vị của cô ấy, khó sách lập vào ngôi vương hậu. Không biết ý bệ hạ như thế nào? Bệ hạ có muốn tiểu thần tìm rõ nguồn cơn một lần không?

Quốc vương trầm ngâm nói:

- Cũng được, xem ra cô ta không giống người trong thiên hạ. Còn địa vị, không phải chỉ cần một câu nói của quốc vương ta đây thì mọi chuyện sẽ yên ổn sao? Quan trọng là nhân phẩm tướng mạo của cô ta. Thế này đi, người nhanh chóng mang cô ta về cung, ta sẽ mời thầy tướng số xem tướng diện cho cô ta, xem thử mạng của cô ta là hung hay kiết, là tiện hay quý, sau đó hãy quyết định.

Cận thần làm sứ giả của quốc vương phụng mệnh đến nhà cô gái mồ côi ấy, chỉ có một mình cô trong nhà. Sứ giả đứng trong vườn, ngẩng đầu, ưỡn ngực, nhón chân gọi to rằng:

- Cô gái trong nhà, mau ra đây! Quốc vương triệu cô vào cung hỏi chuyện, không được thất lễ, nhanh lên!

Nào ngờ gọi hết ba lượt, trong nhà vẫn không chút phản ứng, cũng không có người ra. Khiến trong lòng cận thần có ý không vui: "Ta đường đường là đặc thần của quốc vương. Sao lại dám thất lễ?", sứ giả lại thét lớn:

- Người chẳng qua chỉ là một cô gái bần tiện, có lý do gì mà thanh cao? Đến quốc vương cũng dám mạo phạm sao? Mau ra đây!

Nói vừa dứt lời thì nghe tiếng đáp lại từ trong nhà:

- Chẳng lẽ người bần tiện lại không phải là người sao? Chẳng lẽ ngôi nhà hàn vi không phải là nhà sao? Nên nhớ người bần tiện cũng có tôn nghiêm, nhà hàn vi cũng có quy củ. Người đã là đặc sứ của quốc vương phái đến, tại sao lại mạo phạm thất lễ xông vào nhà người khác thế, vả lại còn hô to gọi nhỏ, tại sao một tý qui củ lễ nghi tối thiểu cũng không hiểu thế?

Sứ giả đang khi bị mắng liên hồi, ngạc nhiên đến nỗi há hốc mồm ngơ ngác, chỉ thấy rèm cửa vừa vén lên, một cô gái thướt tha yếu điệu, quý phái tao nhã, diện mạo thanh tú thuần khiết xuất hiện trước mắt. Một chút ngại ngùng khiến khuôn mặt cô có hơi ửng đỏ, đôi mắt long lanh có thần, càng hiện rõ dung nhan kiều diễm, môi mắt mê ly.

Sứ giả khen thầm, cảm thấy rất tốt, bất chợt lùi hai bước, nhắc lại ý chỉ một lần nữa. Sau đó nói thêm một câu: "Cô thật là một viên ngọc trong ngôi nhà nhỏ, sao lại to gan đến thế?"

Cô gái mỉm cười, hỏi một cách rất kiêu ngạo:

- Quốc vương có việc gì mà phải ngài đến mời tôi vào cung thế? Chẳng lẽ để tôi làm nô tỳ nô bộc? Nhà tôi có quy có củ, an phận thủ thường, chưa từng phạm qua vương pháp, dựa vào đâu mà bắt tôi làm nô tỳ? Nếu như đến triệu tôi vào cũng làm vương hậu, vậy thì ngài thành ra là người hầu của ta. Nhưng người lại dám khinh cử manh động như thế, thô lỗ như thế? Vả lại còn dùng ngôn ngữ bất cung bất kính để trêu ghẹo, sỉ nhục bản cô nương, điều này không phải là bức bách uy hiếp sao? Bản cô nương tuy địa vị nhỏ nhoi, không phải là đại gia khuê các, hào môn quý nữ, nhưng lòng tự tôn của ta quyết không cúi đầu trước quyền lực bức bách uy hiếp này đâu!

Nói rồi, cô đi thẳng vào nhà, đầu cũng không mòng quay lại.

Sứ giả nhanh chóng đi về cung, thuật lại rành mạch sự thể cho quốc vương nghe, trong lòng vui vẻ. Quốc vương nghe xong, luôn miệng kêu tuyệt, lập tức triệu văn võ bá quan lại, sau đó phái năm trăm tài nữ cùng đi nghênh tiếp.

Chiếu lệnh vừa phát, trên dưới trong cung lập tức riu rít lên, không đến một buổi trời, tất cả chuẩn bị nghênh đón hàng hàng lớp lớp trên đường.

Chỉ thấy sứ giả ngồi trong xe trang trí một cách trang trọng tôn nghiêm, ngũ mã gia ngự (người điều khiển xe có năm ngựa) đánh một chiếc xe hoa to lớn chứa đầy sinh lễ bò, dê, heo, rượu..., có mười vạn tinh binh làm tiền đạo, xe cộ lớn nhỏ không dưới một ngàn, phiêu kỵ mã hàng trăm hàng vạn; thị vệ nô bộc có mười hai vạn người; thêm vào đó đội nhạc trống chiêng rầm rộ, thổi thổi đánh đánh, âm thanh vang dội, kinh thiên động địa, đội ngũ kéo dài đến mấy mươi dặm. Bá tánh men theo đường trông coi không thể nào kể xiết.

Đội ngũ đón dâu trước nay chưa từng đến trước nhà của cô gái. Sứ giả xuống xe, khấu môn bái thỉnh rất cung kính. Cô gái được mẹ dẫn ra gặp sứ giả. Trong cảnh tượng này, trong lòng ngưỡng ngưỡng, nói:

- Đa tạ đặc sứ đại nhân, văn võ bá quan và thị vệ sứ thần. Trên đường đi vất vả mệt nhọc, thật là phiền mọi người! Đứa con gái ti tiện bản cùng của lão, đâu dám phiền chư vị đại nhân, thị thần gian khổ như thế.

- Ý đến của sứ giả ngài không nói cũng biết, nhưng e là tôi không đủ sức, đành để chư vị không làm tròn chiếu lệnh của quốc vương. Nghĩ tôi xuất thân bản tiện, cử chỉ thô thiển, tuổi tác lại nhỏ nhen, không hiểu chuyện đời, vô đức vô công.

Sứ giả vừa nghe cô gái nói như thế, trong lòng vội vã, toát mồ hôi lạnh. Muốn thuyết phục cô ta, nhưng nhất thời lại tìm không ra lời thích hợp. Không đợi sứ giả đáp lời, cô gái lại nói tiếp:

- Tỳ nữ đã không có diện mạo hoa nhường nguyệt thẹn, cũng không có tiếng nói ngọt ngào trong trẻo, thân thể không mượt mà như tử ngọc kim hoa, không có hương thơm chiên đàn (cây đàn hương); nói chuyện thiếu mỹ đức trung nghĩa hòa hợp, nhân từ lương thiện, cử chỉ không biết thâm thiển tiến lui uyển chuyển. Cho nên không thể đương nổi chức vị vương hậu. Tấm lòng của quốc vương và lễ vật của chư vị e rằng tôi cũng không có tư cách để nhận lãnh, các vị lần này e chỉ là có thể phí công vô ích rồi.

Sứ giả và văn võ bá quan không ngờ rằng, nhưng lời vàng ngọc ấy lại được nói ra từ một cô gái bình thường như thế này. Vì vậy, vừa nghe xong, không ai không cảm kích, bội phục, gật đầu khôn xiết, luôn miệng ngợi khen. Ngay lập tức, họ bèn gọi năm trăm tài nữ lại, dặn rằng:

- Các vị có biết tại sao những người hồng nhan thanh xuân, lại bạc phước chỉ làm một nô tỳ như thế này không? Về đẹp bên ngoài là chưa đủ. Đã mang mệnh nô tỳ hạ nhân thì hãy an phận thủ thường, khắc chế mình đi, phục thị tốt cho quốc vương, tu luyện thiện tâm mọi lúc, làm nhiều việc thiện, tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, không phạm cũng qui.

Các tài nữ luôn miệng hứa, tạ sự giáo huấn của sứ giả và văn võ bá quan. Sau đó, lại gọi hai ngàn năm trăm vị công tử đến hầu:

- Người sinh ra vốn đã không phân quý tiện, nhưng một người nếu ngày sau trong quá trình trưởng thành có thể chuyên tâm, cầu học, đặc đạo ý đối nhân xử thế và chân lý cuộc đời, người này chính là nhân thượng chí tôn chí quý.

Các người đều là hậu duệ của quan lại, công thần, học giả. Tiền bối của các người đều vì quốc gia lập công, lập nên sự nghiệp. Các người không thể ngồi không để hưởng thành quả đó, nhưng cũng không cần quảy gánh gì cả, nên tìm vết chân của tiền nhân để đi theo con đường của mình.

Các thiếu niên công tử đều cúi người thi lễ, tạ lời giáo huấn.

Lúc này, bá quan từng người, từng người một bước lên phía trước, dâng sinh lễ của quốc vương cho cô gái: Một ngàn bánh vàng, hai ngàn bánh bạc; vòng đeo hoa lệ, pha lê tinh luyện, trầu châu lấp lánh, san hô nhiều kiểu dáng, hồ phách thần bí; bạch tố thiên thất, ngự liêm thiên thất; hàng trăm chiếc áo lụa là quý hiếm, đỏ, nâu, tím, xanh, vàng, trắng, còn có các loại cỏ thơm, túi thơm, phấn thơm, không dưới ngàn loại. Bá quan, sứ giả cũng quỳ xuống, cầu xin cô gái tiếp nhận lễ vật theo họ vào cung.

Cô gái bị ép đến nỗi không thể từ chối. Sứ giả trông thấy thế, nhân cơ hội này, liền ra lệnh dâng y phục vương hậu cho cô gái, cùng trăm thứ trang sức trang điểm kèm theo, rồi lệnh cho cung nữ nhập cung phục thị vương hậu ăn mặc trang điểm.

Một lúc sau, chúng tài nữ vây quanh tân vương hậu vinh hoa phú quý, tôn nghiêm trang nhã, rạng rỡ kiêu sa xuất hiện trước công chúng. Văn võ bá quan trông thấy, tung hô vạn tuế, khen ngợi, tất cả đều cho rằng có một vị vương hậu như thế này, quốc gia tất nhiên hưng thịnh thái bình. Những cung nữ ấy, các người hầu ấy càng vui mừng khôn xiết, vây quanh vương hậu, như con tìm thấy mẹ vậy, họ cảm thấy vô vàn hạnh phúc. Đó là ngày trời quang mây tạnh chim hót líu lo, đúng là một cảnh tượng tốt đẹp.

Đội ngũ đón dâu này lại lần lượt kéo về vương cung. Cứ như là cưới được một phu nhân tôn quý trên thế gian hiếm thấy vậy. Trên dưới trông ngoài cung điện đều lộng lẫy nào là xanh vàng đỏ tím... sáng rực một vùng. Năm trăm người hầu tiến vào cũng bá kiến quốc vương. Quốc vương trông thấy trong

cung sáng chói rực rỡ, ngơ ngác không hiểu. Sứ giả vội vàng thuật lại tỉ mỉ, căn kể quá trình đón dâu, sau đó gọi các cung nữ diu tân vương hậu vào cũng bái kiến quốc vương.

Cô gái mò côi tiến vào cung, ngại ngần e thẹn, cúi đầu quỳ bái, dáng vẻ thướt tha, nhu nhã, dù chỉ một động tác nhỏ cũng đều thể hiện phong thái khoan thai, say đắm lòng người! Quốc vương bất giác gặp người đáp lễ, tiến lên phía trước diu tân vương hậu đi, cẩn thận nhẹ nhàng, càng thấy càng yêu, trong lòng khen thầm: "A! Thật là một thiếu nữ nhu nhã hiền thực, nhân nghĩa hòa thiện, ta thật là có phúc thần. Trong thiên hạ lại có một cô gái tốt như thế này sao, ta tìm được nàng, thật là mãn nguyện!"

Từ đó, cô gái mò côi chánh thức vào cung làm vương hậu. Bình thường nàng không nói nhiều, nhưng đã nói thì tất nói lời có lý, có nghĩa, có tiết, rất mực trung thực, chuyện khó khăn gì thì cũng giải quyết được. Mọi người trong triều, không ai không kính phục, không ngưỡng mộ. Còn quốc vương vừa yêu lại vừa kính.

Từ ngày tiến cung làm vương hậu đã là bảy ngày bảy đêm. Nhưng trong bảy ngày bảy đêm này, cô không chớp mắt được, không hề dán lưng xuống chiếu, suốt ngày suốt đêm đều vui đùa cùng ca nhân, tài nữ. Các cung nữ mấy lần truyền báo, nói rằng quốc vương muốn gặp vương hậu, nhưng đều bị cô ta cự tuyệt. Quốc vương năm lần bảy lượt bị cự tuyệt ở bên ngoài cửa, đã nhin không nổi nữa, hướng hồ chỉ cô ta là phu nhân tân hôn. Quốc vương bèn cho cung nữ đi hỏi rõ nguyên nhân, tại sao vương hậu không gặp mặt.

Không bao lâu, cung nữ về tâu:

- Vương hậu nói phải giữ gìn trinh tiết, muốn giữ gìn sự trong trắng, không thể bị những thứ không trong trắng làm ô uế, cho nên không thể nói chuyện với quốc vương, càng không thể gặp mặt.

Quốc vương nghe xong, vừa tức cười lại vừa tức giận. Lệnh rằng:

- Người hãy đi nói cho vương hậu biết, đã gọi là một nhà, thì đã có danh phận phu thê giữa hai người. Vợ và chồng phải có ân ái, chũng chăn xẻ gối.

Người vợ bảy ngày đêm từ chối chồng mình ngoài cửa, không có lý do nào không gặp mặt, đây là nghĩa lý gì? Chẳng lẽ lại hợp gia pháp lễ nghi sao?

Một lát sau, cung nữ chuyển lời quay lại, đem nguyên lời vương hậu nói với quốc vương:

- Có một bí mật hôm nay muốn cho ngài biết. Trong lòng thiếp vốn có hai tâm nguyện lớn, một là đã thực hiện, chính là thành hôn với quốc vương, nhưng

vẫn còn có một tâm nguyện chưa được thực hiện, cho nên không thể gặp mặt ngài!

Quốc vương cảm thấy tân vương hậu thật không đơn giản chút nào, toàn làm những việc mà thế gian không ai giống, điều này làm cho ngài cảm thấy có hứng thú, không hỏi rõ nguồn cơn không được.

- Vương hậu có thể nói cho trẫm biết nguyện vọng thứ hai đó là gì không?

Vương hậu trả lời:

- Thiếp từ nhỏ đã hứa nguyện, lớn lên nhất định phải được gả cho một vị quốc vương, tâm nguyện còn lại chính là phụng thờ Phật Tổ.

Quốc vương thỉnh cầu nói:

- Đã có tâm nguyện như thế, thì chúng ta hãy cùng gặp mặt trước, sau đó ta giúp nàng thỉnh Phật, thế nào?

- Không được, nếu không gặp đức Phật trước, thì thiếp và quốc vương vĩnh viễn không thể gặp mặt.

Quốc vương nghe xong lời này, ngay lập tức nổi trận lôi đình, hét lớn:

- Người vốn là một kẻ ăn mày hạ tiện bản hàn, sao dám mạo phạm kháng cự một quốc vương uy quyền như ta đây! Thật là không biết tự lượng sức mình!

Vương hậu trả lời:

- Người xưa nói vận mệnh của người phụ nữ nằm trong tay của chồng, phụ xướng phụ tùy, là chuyện đạo lý trời đất, thiếp và ngài đều phải thuận theo, thiếp càng phải nghiêm khắc tuân thủ đạo làm vợ. Nhưng thiếp thực sự có một sở nguyện, đã lập nên lời thề, tuyệt đối không thể vi phạm! Đại vương tuy là chí cao vô thượng, cũng không thể ép buộc thiếp được!

Vương hậu thấy quốc vương đang nổi cơn thịnh nộ, lại đang cố hết sức giữ lấy sự tôn nghiêm của mình, bèn hòa nhã khuyên giải, khai đạo rằng:

- Quốc vương là cha mẹ của bá tánh, phán đoán thị phi ngay thẳng nên lấy công lý, công đức làm gốc, sao có thể dựa vào sự ghét yêu của mình, theo tánh tình mà hành động như thế? Cách làm này đến người bình thường cũng không chấp nhận được, huống hồ ngài lại là một quốc vương được chúng dân tin yêu, mang đội.

Quốc vương bị vương hậu hỏi đến không biết phải trả lời thế nào, lại không chịu thua, càng cứng nhắc gương cổ giận dữ nói:

- Ta không cần biết nàng nói đến đạo lý gì, ta cứ làm theo cách của ta ai nói gì thì mặc, thuận ta thì sống, nghịch ta thì chết! Cho dù là ai cũng mặc!

- Quốc vương đã nói như thế, vậy thì được! Tiểu nữ cũng có một tấm lòng, nếu thuận theo lòng thiếp thì gặp mặt, không thuận theo lòng thiếp thì vĩnh viễn không gặp mặt nhau.

Quốc vương thực sự hết cách với vương hậu, nhưng ngài quá thương yêu nàng. Càng bị nàng chỉ trích, càng cảm thấy cô ta đáng yêu, càng không thể bỏ lỡ.

Cuối cùng, quốc vương nhượng bộ:

- Vậy thôi được, nàng nói làm thế nào để thỉnh cầu đức Phật đi.

- Chẳng lẽ điều này cũng khó sao? Đức Phật vốn ở nước ta, nếu thành tâm thỉnh mời thì nhất định người sẽ đến.

- Phu nhân có điều không biết, khó thì không phải khó ở chỗ này, mà khó ở chỗ văn võ bá quan. Nếu như ta mời đức Phật vào cung, họ nhất định sẽ cười nhạo ta, nói như thế, quốc vương ta đây có còn uy tín gì nữa chứ?

Vương hậu rất tự tin cổ vũ quốc vương:

- Đại vương bắt tất phải lo âu, chỉ cần ngài mời đức Phật vào cung, còn thái độ của bá quan, thiếp bảo đảm họ sẽ vui vẻ, cầu còn không được, tuyệt đối không cười nhạo chê bai ngài.

Ngay ngày hôm ấy, quốc vương bèn truyền lệnh các đầu bếp của ngự thiện phòng (bếp của nhà vua) bảo họ ngày đêm làm một bữa cơm cho mười vạn người. Sau đó phái cung nữ đi hỏi vương hậu.

- Ta đã truyền lệnh chuẩn bị bữa ăn cho mười vạn người, đến lúc đi thỉnh cầu đức Phật được rồi chứ?

Vương hậu trả lời:

- Đạo vợ là phải nghe theo chồng. Thỉnh cầu đức Phật không phải là chuyện qua loa, lấy lệ, lễ nghi không thể sơ sài được! Đại vương tốt nhất ngài nên hạ giá đích thân đi nghênh thỉnh, gặp đức Phật còn phải làm đại lễ, cung kính chứ...

Không đợi vương hậu nói xong, quốc vương bèn cướp lời nói rằng:

- Được rồi, được rồi, đến đây là chấm dứt. Nếu là ta muốn thỉnh cầu đức Phật, thì ta đi. Nếu là nàng muốn thỉnh cầu đức Phật, vậy thì nàng đi. Ta sẽ không thay giúp.

- Đại vương hàng ngày tôn quý uy nghiêm, lại là chồng thiếp, thiếp chỉ làm ngài mất chút sức lực, chứ làm sao chống lại được uy lực câu chữ của ngài. Nể tình vợ chồng, ngài hãy đích thân đi một chuyến, nếu không, chúng ta không phải như người xa lạ không duyên không phận sao?

Không nhắc đến tình vợ chồng thì thôi, nhắc đến chỉ làm chạm vào nỗi đau của quốc vương, ông không vui vẻ, ném ngay một câu oán giận rằng:

- Sao, "phu thê" gì chứ? Chẳng lẽ chúng ta đã là vợ chồng rồi sao? Đã không thành phu thê chánh thức, lại nói gì đến tình duyên, đạo nghĩa!

Vương hậu nghe xong, trầm ngâm không nói, trên mặt ửng đỏ, càng tăng thêm sự quyến rũ mê người, quốc vương sợ nàng đi một mình, lại càng sợ nàng sẽ bỏ đi luôn, nên lệnh cho vệ binh trong ngoài cũng và tuần đêm càng phải canh phòng cẩn mật, chú ý lưu tâm, đóng kín cửa cung, nhất thiết không thể để cho vương hậu ra ngoài. Ba bước một lính canh, năm bước một trụ gác, cảnh thượng trong cung như đang bố trí thiên la địa võng, đến một con chim cũng đừng hòng ra khỏi.

Lại nói đến vương hậu, nàng cũng cảm nhận được tất cả, vả lại cung nữ bên cạnh nàng cũng thấy nhiều hơn, chia theo giờ giấc hầu hạ nàng, canh giữ không rời mắt. Trong lòng nàng hiểu rõ, quốc vương sẽ không đi thỉnh cầu đức Phật, vả lại còn thể hiện sự không tin tưởng mình, phái nhiều người như thế trông coi, giam lỏng mình. Nàng lắc đầu thở dài, bèn biến mất.

Các cung nữ và phi tần thấy vương hậu đột nhiên biến mất, hốt hoảng cả lên, chạy tán loạn tìm kiếm khắp nơi. Nhưng trong ngoài cung, bụi cây góc tường lục tung mọi ngõ ngách, vẫn không tìm được gì.

Lúc này quốc vương rất hối hận, đứng xuôi tay tiu nghỉu, nước mắt chảy dài: "Đều tại ta, đều tại ta cả, nhất thời cố chấp, nói những điều làm tổn thương lòng nàng, bây giờ có hối cũng không kịp nữa rồi, làm sao đây? Làm sao đây? Chỉ cần nàng có thể quay trở lại, bảo ta làm gì cũng được, chuyện gì ta cũng làm theo nàng".

Các phi tần bên cạnh nói:

- Vương hậu không phải là do bọn chúng tôi lơ là. Đại vương nên theo lòng nàng, tùy ý nàng mới được, sao có thể làm theo sở thích của mình mà nặng lời tổn thương đến vương hậu chứ. Hiện nay sự tình cũng đã rõ, vương hậu không phải là hạng phạm phu tục tử, mà là quý nhân từ trên trời! Như bây giờ đại vương ép quá, nàng bỏ ra đi, bảo bảy mươi một người chúng tôi phải đi theo ai bây giờ? Ôi...

Cung nữ và các người hầu khóc than kể lể ở bên cạnh, như là tân nương chết rồi vậy, đại thần khanh tướng đều thương tiếc, oán trách; đến cả chim chóc cũng không buông tiếng hót, thê lương đến nát lòng. Quốc vương càng đau khổ, ngẩng mặt lên trời than thở, nước mắt đầm đìa. Bá tánh thị dân đều ngưng đốn công việc, nông dân bỏ cả ruộng đồng. Chợ búa tiêu điều, mọi người ngồi lại bên nhau, ôm đầu khóc...

Bảy ngày bảy đêm qua đi, quốc vương nằm trên giường, không động đậy, không ăn, không uống. Các cung nữ thấy tình cảnh này, đều cuống cuống khuyên can ngài:

- Đại vương, ngài cứ như thế này thì không được, có bỏ nước, quên tính mạng thì cũng không thể khiến vương hậu sống lại! Không biết ngài đích thân đi gặp đức Phật, thỉnh cầu ngài vào cung, có lẽ đức Phật sẽ giúp được chúng ta.

Quốc vương gặp đức Phật, lập tức quỳ xuống khấu đầu bái lạy, nói rõ ý định đến đây, muốn thỉnh cầu đức Phật vào cung. Đức Phật hỏi quốc vương:

- Thân là quân vương của một nước, chính sự quốc gia nhất định bận rộn, không ít lo âu, thật là nhọc thân. Mạo muội hỏi ngài một câu, ngài trị vì quốc gia vẫn cường thịnh chứ, cuộc sống của bá tánh có bình an không?

Quốc vương buồn sâu nói:

- Tuy nói là quốc thái dân an, nhưng có một việc lớn mà tôi chưa giải quyết được, đến nỗi ngày nay nước buồn dân oán. Điều do tôi mà ra cả. Cho nên đặc biệt đến đây thỉnh cầu người, để thực hiện nguyện vọng trước đây nên làm mà chưa làm, cũng là bù đắp lương tâm. Nhưng nguyện vọng của tôi thế nào đây?

Đức Phật thấy tâm trạng của quốc vương hối hận và tuyệt vọng, trong lòng đã biết. Ngay tức khắc, đức Phật được mời lên ngựa xa, cùng tiến về cung điện.

- Quốc vương mời đức Phật đến cung rồi! Đây là nguyện vọng của vương hậu.

Tin tức vừa truyền đi, trên dưới cả nước đều chấn động, mọi người đều kỳ vọng đức Phật có thể mang lại hạnh phúc cho quốc gia, cho rằng vương hậu sùng bái đức Phật như thế này, nhất định có nguyên do gì.

Quốc vương cung phụng đức Phật như thượng khách, chuẩn bị vị trí tôn quý. Đức Phật vừa an tọa thì trông thấy vương hậu dẫn chúng thị nữ mỹ nhân và tài nữ tổng cộng có ba ngàn năm trăm bảy mươi một người tiến về đức Phật thi đại lễ. Tất cả mọi người tại tọa, chỉ có Phật nhãn của đức Phật mới có thể trông thấy vương hậu, mà tục nhãn của quốc vương, tài nữ, phi tần vốn không thể trông thấy.

Đức Phật quay đầu lại trông thấy quốc vương tâm sự nặng trĩu, u sầu trên mặt, mỉm cười và từ tốn cất tiếng nói rằng:

- Bệ hạ, vương hậu mà ngài sớm tối hằng mong, xa tận chân trời gần ngay trước mắt! Ngài trông ai đang đứng trước đây?

Quốc vương định nhãn lại, vừa kinh hoàng, vừa vui mừng:

- Ôi! Đây chính là vương hậu của trăm sao! Vương hậu, thật là nàng sao?

Văn võ bá quan, phi tần, tài nữ cũng với những người trên dưới trong cung đều hoan hỷ cả lên. Quốc vương ngay lập tức hạ lệnh bày biện chay yến, để nói lên tấm lòng cảm kích. Dùng xong chay xong, đức Phật nói với chúng sanh:

- Hôm nay là ngày đáng mừng, đáng vui, trong lòng chư vị có nguyện vọng gì hãy nói ra đây, ta nhất định sẽ đáp thành ước nguyện của các người.

Quốc vương vội vã hỏi rằng:

- Vương hậu của ta xuất thân nghèo khổ, địa vị nhỏ nhoi, còn là một đứa mồ côi cha. Bây giờ làm vương hậu của một quốc gia, vả lại nhân nghĩa hiền đức, tấm lòng từ bi lương thiện, nói chuyện rung động lòng người, luôn sợ sẽ làm tổn thương người khác. Một vương hậu tốt như thế này thiên hạ được mấy người? Sao có thể để cho nàng biến đi mất trong bảy ngày, bảy đêm, thoát ly nhân gian, đến nơi quỷ thần chịu cái khổ kinh sợ hãi hùng chứ?

Đức Phật biết quốc vương nhất định sẽ hỏi rõ nguồn cơn, bèn nói chậm rãi từ tốn rằng:

- Kiếp trước của vương hậu này vốn là một nam nhân, là một vị cư sĩ của Phật giáo, ông ta giỏi lý luận. Tuy gia tài của gia đình ông ta vô số, rất giàu có, nhưng ngược lại là một người hà tiện, tham lam tiền của, không nỡ thí xả cho

Phật môn một thứ gì. Cho nên kiếp này để cho ông ta là một người nghèo khổ không thân, không phận.

Ngoài ra vị cư sĩ này còn ham mê tửu sắc - cho nên kiếp này cũng để cho ông ta trở thành con gái, cùng với cô gái khác gần gũi ngày đêm.

Đương nhiên những điều này không mất đi trí tuệ học thức của cư sĩ, cùng với thành tựu mà ông ta đã đạt được trong Phật học. Do ông ta thích kết giao với học giả nổi danh, ẩn mình tu luyện, nghiên cứu đạo nghĩa Phật giáo trong lòng nên ngày nay mới có thể gặp được ta.

Ở kiếp này, cư sĩ hóa thành phụ nữ, kết thành phu thê với quốc vương. Nhưng vì trong tiền kiếp khi cô ta hầu phụng năm trăm đức Phật, lòng không trung kiên, thân bất tận tình, cho nên kiếp này ở trong luân hồi phiền não, đầu thai thành một phụ nữ.

Đức Phật ngừng lại một lúc, nhìn quanh mọi người, rồi nói:

- Vương hậu phải qua ba mươi chín kiếp, mới có thể đắc đạo thành Phật. Đại vương cũng phải đầu thai trên trời bảy lần, đầu thai dưới trần thế bảy lần. Khi đại vương đầu thai trên trời, vương hậu là thiên nữ, hầu hạ bên cạnh quốc vương, rất tâm đầu ý hợp. Hai người các người sẽ sanh tử cùng theo nhau cùng làm bạn, mấy đời mấy kiếp trung trinh không đổi, cùng giúp đỡ lẫn nhau, cuối cùng giải thoát luân hồi. Sự kiêu ngạo trước đây của quốc vương, nếu thuận theo ta, dù ta có mất mãi mãi sẽ không tái phạm nữa.

Quốc vương nghe xong trong lòng vui mừng khôn xiết, tức là đắc đạo. Ngay lúc đó ông xin đức Phật cho mình thọ "ngũ giới", sau đó truyền chiếu lệnh cho các phi tần, tài nữ, công khanh lớn nhỏ, quan sứ cùng với toàn dân bá tánh, đều phải tín ngưỡng tuân thủ "ngũ giới" - không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Vương hậu trước đây cũng từng thụ qua "thập giới", nài ở trong cung chay giới, quy định một năm ba lần đại chay, một tháng sáu lần tiểu chay, cai quản trên dưới ba ngàn năm trăm bảy mươi một cô gái. Quốc vương chính đôn triều cương, chính trực rõ ràng, kỷ luật nghiêm minh, khoan dung đối đãi với người, hành sự có quy chế để theo, có phép tắc để dựa. Quốc gia ngày càng cường thịnh thái bình, hòa thuận yên vui. Quốc vương cho tất cả đó là công lao của đức Phật, nên sử dụng rất nhiều đất, gỗ xây chùa dựng tháp, xướng đạo Phật giáo, khiến cho người người trong thiên hạ vạn người đồng quy.

Nhưng, sau vài năm, một lần sóng vừa mới bình yên, lại một lần sóng nổi lên. Tâm tư của vương hậu thay đổi, bà đột nhiên nhận ra quy luật cuộc sống, chính là con người hay thay đổi nhất, ý vô thường niệm, không nên nghĩ nhiều

đến tình cảm, phu thê cũng không ngoại lệ. Nàng hối hận mình sinh thời không giữ được sự trinh tiết, lúc chết đi lại không trong sạch. Vì thế mà than ngắn thở dài, cả ngày áo nã, lòi thối, tóc tai rối bù, không chải chuốt tắm gội, không giống như một vương hậu tôn quý.

Quốc vương không biết vương hậu đã xảy ra chuyện gì, nhưng lại không dám đột nhiên gặng hỏi. Đang rối ruột, vương hậu đã nói với ngài:

- Đại vương bắt tất phải lấy làm lạ, chuyện trên thế gian vốn đã như thế. Cho dù nhân tình thế thái biến hóa vô thường như thế nào, rốt cuộc thì cũng không tránh khỏi cái chết.

Cứ thử nói về đại vương, sở dĩ ngài yêu mến thiếp, chính vì dung nhan thiếp trẻ đẹp, yêu kiều, làn da mượt mà và mùi hương thơm ngát, nhưng những thứ này âu không phải là những thứ lâu bền, sự trẻ đẹp sẽ không giữ mãi, dung nhan sẽ già cỗi, da dẻ sẽ khô cằn, hơi thở cũng vẫn đục hôi tanh, chúng đều sẽ suy bại và biến mất.

Phu thê ân ái, nhưng khó tránh khỏi sanh lão bệnh tử, một ngày kia khi tuổi già và bệnh tật đến với thiếp, có ai mà ngăn chặn chúng lại giúp thiếp, xin đuôi nó đi chứ?

Ôi! Đời này kiếp này của con người âu chẳng phải cũng nhi nữ tình trường, phu thê giao hợp thôi sao, ngoài những điều này ra còn có gì nữa chứ? Nói như thế, cuộc sống con người quá vô vị.

Trong lòng quốc vương không cho là thế, sao lại có thể nói đây là sự hy vọng cầu mong và dựa dẫm duy nhất của một con người chứ? Chân lý của đời người đâu chỉ dừng lại ở những thứ này. Nhưng suy xét kỹ lại, quốc vương lại nói với vương hậu:

- Phu nhân là thiên nhân, là người chí tôn chí thượng! Nhất cử nhất động, từng lời nói của nàng đều quan trọng, nhất thiết không thể là lời xằng bậy bừa bãi. Nàng nên biết nhưng lê dân bá tánh, nam nữ, già trẻ đều lấy nàng làm gương, họ có thể mặc cho nàng cười nói không. Xin phu nhân hãy suy nghĩ lại, những lời nói của mình.

Wương hậu nói một cách thật tình rằng:

- Thiếp là con gái, đôi khi tùy tiện, không thể tự mình khắc chế, cho nên hay lo lắng, không yên, cho nên muốn nói rõ với ngài, chẳng qua là thiếp có cái sáng suốt tự biết, số mệnh của người con gái chính là như thế. Thiếp kính khuyên đại vương, chỉ bằng sớm tìm một cô gái trẻ đẹp thay thiếp, một người

sắp sửa già cõi này đi, tài nữ, mỹ nhân trong cung thì vô số. Đây cũng xem như là đáp thành tâm nguyện của mỗi người.

Lời này nói thật trúng tim đen của con người, nhưng quốc vương tuyệt không nổi giận, vẫn hòa nhã giải thích:

- Ta đã già rồi, bên cạnh tuy có bao nhiêu là phi tần, mà những tài nữ ấy phần lớn đều là lớp trẻ, nhỏ bé như thế, trong đó không có lấy một người vừa ý ta. Lại nói, ta và nàng có nhân duyên tiền định, sống cùng nhau đến đầu bạc răng long. Ta còn đợi ngày nàng tiễn đưa ta phút cuối cùng. Sau khi ta chết tất cả chuyện hậu sự đều do nàng chủ trì, thái tử còn nhỏ, nhất là cần phải có sự yêu thương chăm sóc của nàng, sao nàng lại có thể nhẫn tâm bỏ mặc tất cả, đi một mình như thế? Lại nói nàng có thể đi đến đâu nữa chứ?

- Chuyện sinh tử của mình khó lường trước được, nhưng đối với hạnh phúc trần tục, thực sự thiếp đã chán chường, ghét bỏ rồi, không muốn ở đây hao phí sinh mệnh của thiếp nữa. Cho nên quyết ý muốn đi tìm đức Phật, thỉnh cầu ngài để thiếp xuất gia làm Sa môn.

Lúc này quốc vương nhịn không nổi nữa, nói:

- Phu nhân nói lời này thật là kém cõi, nàng là mẹ của một nước, một vương hậu chí cao vô thượng, sao lại có tư tưởng ấy, sao lại muốn xuất gia chứ! Đây chẳng phải là để cho người trong thiên hạ cười cho sao? Những Sa môn nhỏ nòi ấy đâu phải để cho người cao quý như nàng làm chứ? Chuyện này nhất thiết không thể làm được, tuyệt đối không cho phép! Nàng hãy bỏ ngay ý định đó đi!

Vương hậu trình trọng giải thích rằng:

- Đức Phật tôn quý như thế không phải đều từ Sa môn ra ư? Chẳng phải nhà vua khoác áo cà sa đã bỏ chín mươi chín nước, tám chín ngàn phi tần, tài nữ mà xuất gia cầu làm Sa môn sao? Từ xưa đến nay, những người xuất gia làm Sa môn rất nhiều, song không chỉ có một mình thiếp đây. Người xưa nói rằng: Người nữ mang họa thủy triều. Nhưng thiếp nghĩ, nhưng người đàn ông ham mê phụ nữ càng nguy hiểm hơn. Họ giống như bị rơi vào trong ngọn lửa, không thể tự vùng ra, rớt vào trong trầm luân, không cần nói đến tội lỗi có nặng hay không, mà người khác muốn cứu cũng khó nữa là! Tiền kiếp của thiếp là một tên háo sắc, kết quả là tự làm tự chịu, kiếp này làm thân nữ, đó là báo ứng, cũng là sự trừng phạt mình. Nhưng thiếp hiện nay đang tỉnh ngộ. Đại vương ngài nhất thiết đừng đi con đường cũ của thiếp.

Nếu trong lòng đại vương thực sự không thể loại bỏ được phụ nữ, vậy thì ba ngàn năm trăm vị ca kỹ, tài nữ cũng đủ để cho ngài dùng rồi chứ, lại hà tất phải giữ chân một mình thiếp chứ?

Quốc vương thấy những lời vương hậu nói đều là lẽ phải, rất khó nói qua được nàng. Nhưng quốc vương vẫn không cam tâm, lại nói:

- Vương hậu nếu đã có ý đi một mình như thế, vậy thì quốc gia này để lại có mình trẫm làm sao trị vì đây? Trước đây không có nàng, tình hình trên dưới cả nước đến nay vẫn còn nhớ rõ như in, nàng không thể đi, nước không có vương hậu, sẽ không còn là một nước nữa!

Dù quốc vương có cầu van nãi nĩ như thế nào đi nữa, vương hậu vẫn không lay động. Nàng kiên quyết giữ ý chí của mình, thậm chí còn khai đao giúp quốc vương nữa:

- Quốc thổ, vương vị, bá quan, công khanh, phi tần, tài nữ, tất cả những ngọc ngà châu báu ấy, chẳng qua là áng mây qua mắt thôi, vốn không để lưu luyến, mà ngay cả bản thân con người, tất cả những thân hình, xương cốt, đầu óc, ngũ tạng, tương lai sau khi chết sẽ về với đất không biết sẽ phân ly trôi nổi đến phương nào? Cho nên, tất cả những thứ này có đáng để ngài lưu luyến, khó bỏ không chứ?

Quốc vương bị nói đến tội nghiệp, nhìn vương hậu nói:

- Hiện giờ ta để cho nàng đi một mình, nếu sau này, những phi tần, tài nữ, lần lượt theo nàng mà đi thì không phải ta thành ra cô độc một mình sao.

Wương hậu nói:

- Đã gọi là mỗi người đều có một số mệnh, mỗi người đều có phúc phận riêng của mình, không phải người khác có thể quyết định được, cũng không phải lực lượng của người khác có thể ngăn ngặn được. Đã phát sinh, thì ngăn chặn thế nào cũng không nổi, không phát sinh, cho dù có muốn cũng bằng thừa thôi. Thiếp tin là họ sẽ không đi, chỉ cần đại vương ban cho họ chút tình ân ái, chủ ý chăm sóc, lo lắng, khoan dung, nhất định họ sẽ hòa nhã theo người.

- Nhưng những người này đều sùng bái đức hạnh của nàng, một mình người đàn ông như ta sao có thể khéo xoay sở chở che, để mọi người đều vui vẻ chứ? Huống hồ trẫm chỉ sủng ái một mình nàng, nhưng người ấy cơ bản không phục tùng ta, nhưng bây giờ nàng bỏ lại ta, để mình ta đối mặt với họ, e rằng chỉ động thương, động đao với họ, mới có thể khiến họ sợ ta, phục ta.

- Không phải là lý do này. Người phụ nữ luôn tôn trọng người đàn ông. Chỉ cần đại vương gần gũi với họ, nhất định sẽ bình yên vô sự.

- Không được, không được! Lòng ta vẫn mênh mênh. Bất luận như thế nào đi nữa cũng phải xin vương hậu xuất diện, dẫn dò ngay trước mặt, thì trẫm mới yên tâm.

Thế là vương hậu bèn gọi tất cả những phi tần mỹ nữ lại, nói:

- Các người đều là con gái, từ nay về sau phải toàn tâm toàn ý phục thị đại vương, không được mạo phạm, không được khinh mạn. Ta nhân cơ hội này nói lời từ biệt với mọi người, xuất cung là Sa môn. Từ nay về sau, mọi người phải tận tâm với công việc, giúp đỡ nhau. Ta chỉ muốn đi cầu kinh phụng pháp, đi tìm tinh thoát ưu, sớm tu thành Phật đạo. Đến lúc đó chúng ta sẽ được gặp lại.

Chúng thị nữ nghe xong lập tức kêu khóc âm ỉ, tiếng khóc kinh thiên động địa. Thiên vương Đế Thích ngay lập tức xuất hiện, bay đến tặng cho vương hậu một mảnh cà sa. Vương hậu ngay tức khắc rụng tóc, khoác cà sa lên người, lại thụ "ngũ bách giới". Vương hậu đã thực sự biến thành Tỳ kheo ni. Các phi tần, tài nữ bên cạnh đều vui vẻ. Sau đó, Đế Thích Thiên vương lại tặng cà sa và bình bát cho Tỳ kheo ni, thế là Tỳ kheo ni lại trở thành Sa môn.

Quốc vương bình tĩnh nhìn thấy tất cả, ông không giận, không buồn, không phiền, không tội, ngược lại còn cười một cách thích thú rằng:

- Công người hiền đức rõ ràng, đức hạnh vô lượng, thật là không có chỗ quy tụ nào tốt hơn nữa!

Nói rồi quốc vương cũng đắc đạo. Ông về đến vương cung, thần thái tính tình trở nên hiền lành, nếu có mất gì, cũng như là được vậy. Một vài ngày sau quốc vương đóng cửa một mình tĩnh tâm, không thượng triều, không nghe chánh trị. Văn võ bá quan xôn xao bàn luận, thấp thỏm lo âu. Cuối cùng một buổi sáng nọ, quốc vương gọi thái tử đến bên cạnh, giao phó cho chàng trị vì quốc gia. Từ đó quốc gia có một vị quốc vương mới trẻ tuổi.

Cuối cùng, quốc vương ngẩng mặt lên trời khẩn nguyện: "Ta muốn làm Sa môn, ai hiểu lòng ta? Người ấy sẽ giúp ta thành ước nguyện!"

Quốc vương vừa dứt lời, thì Đế Thích Thiên vương lại xuất hiện trước mặt ngài, đích thân hóa độ quốc vương, đưa áo cà sa và bình bát cho ngài.

Từ đó, quốc vương theo đức Phật chu du khắp nơi trong thiên hạ, khiến cho quốc vương của hai mươi quốc gia đều truyền vương vị cho thái tử, xuất gia làm Sa môn. Sau đó, họ cũng đều tu thành quả La Hán.

MA QUỶ GẶP MỤC LIÊN

Trong Tệ Ma Thí Mục Liên Kinh ghi: Trước kia, tại một nơi cực kỳ hẻo lánh ở ngoại ô Xá Vệ thành có một con quỷ. Con quỷ này giỏi biến hóa, thường làm điều mờ ám, hại không ít người.

Từng có một thương nhân ở xa đến, hàng ngày vẫn đi ra ngoài để bán hàng, thêm vào đó vốn không biết nơi này có một con quỷ, cho nên vẫn đi thờ thần.

Đi được một lúc, hần cảm thấy đói, vì thế hần định nghỉ một lúc, ăn một ít lương khô rồi vào thành thuê phòng trọ. Hần đi đến dưới một gốc cây, đặt gánh hàng xuống, lấy lương khô ra từ từ ăn. Hần vừa ăn lương khô, vừa nhắm mắt lại tính toán xem, sau khi bán được số hàng này sẽ được bao nhiêu lời lãi.

Lúc này, con quỷ ấy đột nhiên xuất hiện, đầu tiên nó ngửi thấy mùi thơm từ trong gánh hàng tỏa ra, con quỷ đoán đây có lẽ là hương liệu mà người ta thường nói. Con quỷ nhân lúc tên thương nhân này không chú ý, bèn biến thành một làn khói trắng, theo số lương khô mà tên này nuốt vào, chui thẳng vào bụng. Hần không một chút cảm giác.

Hần ăn no nê, lại nhắc lấy gánh gàng, đứng dậy đi về phía Xá Vệ thành. Lúc này ánh trăng cũng đã lên đến đỉnh núi.

Hần đi không bao lâu, trong bụng lại kêu đói, trong lòng cảm thấy rất lạ, vừa mới ăn bao nhiêu là lương khô, sao giờ bụng lại kêu đói? Sau khi đi được mấy bước, bụng càng kêu kịch liệt, thậm chí bắt đầu đau lên. Hần cảm thấy trong bụng như có gì động đậy, tiếp theo đó bụng lại càng đau hơn. Hần thực sự chịu không nổi nữa rồi, bèn vứt gánh hàng xuống, lăn nhào trên mặt đất, miệng kêu la không ngừng. Khi hần đã lăn cách xa gánh hàng, con quỷ nhân cơ hội này hóa thành một làn khói trắng từ trong miệng bay ra, sau đó nhắc lấy gánh hàng, chạy vụt mất. Kết quả tên thương nhân này không những bị con quỷ hành hạ đau đớn, mà còn mất đi rất nhiều hương liệu.

Chính vì con quỷ thường xuyên làm điều bậy bạ, cho nên rất ít người dám đến nơi này, nơi này cũng càng thê lương đáng sợ.

Một ngày nọ, Mục Liên có việc phải đi đến một ngôi chùa cách xa Xá Vệ thành ba mươi dặm ở ngoại thành, chập tối quay về đúng lúc đi qua nơi này. Mục Liên vừa đi đến đây, ngay lập tức cảm thấy một luồng khí lạnh, bốn bề đều là rừng sâu rậm rạp, nhất là trong đám tạp cỏ có một vài cây tạp cũng mang một làn khí lạnh tanh.

Màn đêm dần buông xuống.

Mục Liên vội vã đi về phía trước, ngài phải về đến chùa của ngài. Kỳ thực, con quỷ ấy từ sớm đã đợi ngài ở đằng xa kia. Đợi đến khi Mục Liên đến gần, con quỷ từ phía sau gốc cây hiện ra, hóa thành một làn khói trắng, từ mũi của Mục Liên chui vào bụng của ngài. Vì Mục Liên cứ đi, nên không chú ý đến.

Mục Liên đang đi, đột nhiên cảm thấy bụng kêu lên và âm thanh càng lúc càng lớn, cuối cùng kêu như sấm sét bủa gào. Mục Liên cảm thấy rất kỳ lạ, vì buổi chiều mình đã ăn không ít cơm chay. Ngài dừng chân lại, ngồi xếp bằng trong bụi cỏ bên đường, sau khi loại bỏ tất cả những tạp niệm, mới phát hiện, thì ra có một con quỷ đang phá phách trong bụng mình!

Thế là Mục Liên nói to với con quỷ rằng:

- Con quỷ kia, ngươi còn không mau ra đây, ngươi vốn không thể hại được ta, thì cũng đừng đến quấy nhiễu đệ tử của Phật Tổ chứ, nếu không thì ta sẽ dùng phép đánh ngươi xuống địa ngục tầng thứ tám!

Sau khi con quỷ nghe thấy, những tưởng Mục Liên chỉ hù dọa nó thôi, thế là chui loạn xạ trong bụng của Mục Liên. Nhưng Mục Liên tuyệt không cảm thấy đau, bụng chỉ kêu mà thôi.

Mục Liên thấy con quỷ vẫn không chịu ra, lại nói với nó:

- Con quỷ kia, ngươi mau ra đây, đừng làm xằng với ta, ta là Mục Liên đệ tử của Phật Tổ đây.

Con quỷ nghe thấy lời này bỗng chột giật mình hoảng sợ, nó biết Mục Liên là một người thân thông nhất trong số đệ tử của đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Thế là nó biến thành một làn khói trắng, lại chui ra từ miệng của Mục Liên, sau đó quỳ xuống đất thỉnh cầu Mục Liên khoan dung nó.

Mục Liên tha thứ cho con quỷ, song cảnh cáo nó từ nay không được quấy nhiễu người đi đường. Con quỷ đồng ý rồi chạy mất. Từ đó, nó cũng không dám tác oai tác quái, người đi đường ở nơi này dần dần đông lên.

---o0o---

NGÀN VẠN KHỔ ẢI ĐỀ CẦU KỆ PHẬT

Có một Bồ tát, tên gọi là Thiện Tín. Khi ngài xuất thế, thế gian vẫn chưa có Phật pháp, nhưng ngài khổ tìm chánh pháp và tìm được đạo giải thoát.

Một hôm, đột nhiên trên không trung vang lên giọng nói như sấm truyền:

- Thiện Tín Bồ tát nghe ta dặn, từ nơi này đi về phía Đông sáu mươi vạn dặm, có một quốc vương tên gọi là Thiện Trú, quốc gia của ngài từ xưa kia có đức Phật Tổ Như Lai giảng sinh, nghi thức đức Phật một đạo rầm rộ, ảnh hưởng sâu rộng đến nhân dân. Nhưng, hiện nay đã khác, Phật pháp suy yếu dần, khắp nơi không còn một ngôi chùa, nhân dân chỉ muốn có kết quả lợi lộc nhanh chóng, đã từ lâu không tin ngưỡng Phật pháp. Ở đây có một cô gái, rất nghèo khổ, diện mạo ty tiện thô tục, xấu xí. Nhưng cô ta biết nói nửa câu Phật kệ, hiện nay cô ta muốn truyền thụ cho người, ngài đi lấy nửa câu kệ ấy đi.

Nói rồi trên không trung trở nên yên tĩnh.

Thiện Tín Bồ tát không ngần ngại, lập tức lên đường đi phương Đông xa xôi. Sự nghèo khổ khiến cho ngài đau ốm, nhưng ngài vẫn lững lững tiến về phía trước. Để Phật giáo được phục hưng thịnh vượng, dù có khổ nạn gì thì cũng không nản lòng, nguy hiểm nào cũng không làm cho ngài lùi nửa bước. Ngài đi suốt đêm suốt ngày, cho dù đôi chân bị sưng tấy, nứt nẻ, chảy máu đi nữa.

Sắc trời âm đạm dần, mặt trời ngả về Tây, màn đêm bao trùm mặt đất, vây lấy Thiện Tín Bồ tát. Đột nhiên từ phía trước truyền lại một âm thanh kêu cứu thê thảm, lòng ngài bỗng chốc quặn thắt. Bồ tát linh cảm có tai họa sắp đến, nên rảo bước nhanh về phía trước. Vừa đi về phía trước được nửa dặm, ngài ngăn người.

Ở ngay trước mặt ngài là bãi lầy trông không thấy bờ, không biết rộng bao nhiêu dặm. Chỉ thấy bùn lầy nổi đến chân trời, đen kịt như những đám mây đen trên trời, khiến lòng người hốt hoảng kinh sợ. Tiếng kêu cứu vừa rồi thê thảm vô cùng, chắc chắn là người nào đó vừa bị lún, Thiện Tín Bồ tát dựng tóc gáy, toàn thân run rẩy. Lúc này, một con quạ bay ngang đầu, chắc chắn là một mối, bèn dừng lại nghỉ trên bãi bùn, nào ngờ vừa đáp xuống liền bị lún sâu, phút chốc mất tăm mất tích. Lại có một đám cỏ khô bị gió đêm cuốn bay lên không trung, bay phất phơ cuối cùng rơi xuống bãi bùn lầy cũng lập tức biến mất. Bãi lầy không bờ bến này, trong đêm tối như miệng của một con thú vô lượng, đang chầu chực nuốt chửng Thiện Tín Bồ tát.

Thiện Tín Bồ tát ở nơi này, cảm thấy mình đang vượt qua kiếp nạn, nhưng gian nan mệt nhọc ngày đêm xem như mất trắng, không khỏi tang thương cực điểm. Quay về thì không được, mình không được Phật kệ, sao có thể làm cho Phật pháp quang đại chứ? Thiện Tín cúi đầu, trông thấy mảnh áo rách nát và vết thương be bét máu ở chân của mình, một nỗi đau nhói lòng chạy khắp thân thể. Thiện Tín nhìn không nổi than rằng:

- Hôm nay mình chết ở trong bãi lầy này thôi! Thừa đức Thế Tôn, con chết vì ngài, cũng rất mãn nguyện!

Nghĩ rồi, Thiện Tín Bồ tát cả gan đi về bãi lầy phía trước. Khi chân bước xuống bùn lầy, trong đầu ngài luôn có ý nghĩ rằng mình sắp phải chết.

Nhưng nào ngờ được sự việc xảy ra, ngài không những không chết, mà dưới chân còn hiện ra một con đường bằng phẳng ngay ngắn sáng rạng. Con đường thẳng tắp đến phía Đông của bờ bên kia, thông đến tận chân trời.

Trong lòng Thiện Tín Bồ tát cả mừng, bỗng chốc quên đi tất cả mọi phiền não đau khổ. Trên con đường thẳng tắp sáng rạng ấy, càng đi càng hưng phấn, chớp mắt đã đến đất nước của Thiện Trụ vương.

Nước của Thiện Trụ vương bao phủ một vùng hoang vắng, men theo con đường người đông như kiến, đang bận rộn buôn bán, nhưng không có đến một người tín ngưỡng Phật pháp, cũng không thấy lấy một ngôi chùa hoặc đền thần. Thiện Tín Bồ tát như về đến nước mình, không có Phật pháp, tất cả đều hỗn độn khôn cùng.

Khi tiến vào thành đô của Thiện Trụ, Thiện Tín Bồ tát đã bị thương cực độ, vì khắp nước đã luân lạc vô đạo như thế này. Ngài nghĩ càng đau lòng, không khỏi khóc to.

Khóc rồi, ngài bèn đi tìm cô gái xấu xí. Cô gái xấu xí ấy sống ở trong một ngôi nhà lá. Bốn bề thông thoáng sáng sủa, rách nát khôn cùng. Vừa gặp Thiện Tín, cô gái xấu xí ấy ngẩng đầu hỏi rằng: "Người khách phương xa, ngài tìm tôi làm gì?"

"Tôi vốn đến đây để bái người làm thầy", Thiện Tín Bồ tát chăm chú nhìn cô gái một cách nghi ngờ, cung kính quỳ xuống trước mặt cô gái. Trong lòng nghĩ, cô gái xấu xí như thế này có thể nói kệ ngữ, thật là siêu việt khác người.

"Ngài theo tôi học gì chứ?", cô gái xấu xí ấy hỏi.

"Đệ tử đến đây học tri thức của sư phụ". Thiện Tín vẫn cung kính đáp.

"Ta chẳng có học vấn gì, chỉ biết nửa câu Phật kệ".

Thiện Tín Bồ tát vừa nghe thấy, vui mừng nói: "Con từ ngoài sáu mươi vạn dặm đến đây để tìm sư phụ, trên đường trải qua bao nhiêu là gian nan, chính là để học nửa câu kệ này, mong muốn hưng chấn đại pháp Phật gia".

"Vậy thì được, ngài đến đây ngồi xuống đi".

Thiện Tín không dám chậm trễ, vội vàng đến ngồi, chuyên tâm đợi cô gái đọc nửa câu Phật kệ.

Cô gái niệm tụng:

Tất cả chuyện ác chớ nên làm,

Nửa điều thiện đức tất thành tâm".

Thiện Tín Bồ tát vừa nghe xong, cảm giác thanh thản, thoải mái lan khắp người, trong lòng tự nhiên thông suốt, tập trung suy nghĩ ý nghĩa kệ ngữ, nhằm đọc tinh thông, ghi khắc trong lòng.

"Nhờ kỹ rồi chứ", cô gái hỏi.

"Không những nhớ kỹ, mà còn lý giải tinh thông", Thiện Tín trả lời.

Cô gái không nói lời nào nữa, Thiện Tín cáo từ ra về.

Thiện Tín từ đó có được thần thông, nhanh chóng quay trở về nước mình, đi khắp nơi tuyên truyền câu kệ ấy, lại tích công đức, đạt được công phu vững chắc tin dùng vĩnh viễn không mất.

Từ đó, tất cả ma quỷ, yêu quái đều thuận theo ý nghĩa câu kệ mà quy hóa, nhân dân quy y Phật pháp trở lại, quốc gia được thần phù trợ, gió thuận mưa hòa, tai họa được giải trừ, vạn sự hưng thịnh.

Thiện Tín Bồ tát than: "Trước đây khi tôi không biết câu kệ này, thấy mình như ở vào giữa vòng sinh tử, nhưng hôm nay có được câu kệ, vì chúng nhân giải ý nghĩa kinh pháp, làm việc thiện, càng tin tưởng Phật pháp vô biên, chiếu rọi vạn vật".

Sự tích của Thiện Tín Bồ tát từ đây lưu truyền đến nay, công đức của ngài cũng khắc ghi sâu sắc trong lòng mọi người.

---o0o---

NHẤT THIẾT THỂ GIAN HIỆN CỤ TUYỆT TÌNH YÊU CỦA SỰ MÃU NÊN CHUỐC HỌA

Trong Ương Quật Ma La Kinh ghi: Xá Vệ thành là một thành ấp rộng lớn, ruộng đất mênh mông, cây cối tươi tốt, mỗi mùa xuân hoa thơm ngào ngạt, mọi người trong thành đều lần lượt ra ngoài vui chơi, du ngoạn. Đến khi mùa màng chín rộ, mọi người lại kẻ đứng người khom, hăng say làm việc, thật là một khung cảnh yên bình!

Ngày ấy, có một thôn gọi là Tát Na. Tát Na ở không xa miền Bắc Xá Vệ thành. Mọi người thường vào thành để mua vật dụng, cuộc sống trong thôn cũng thoải mái, đầy đủ.

Nhưng, ở trong thôn Tát Na giàu có, lại có một gia đình Bà la môn nghèo khổ, Người này chỉ có một cô gái trẻ tên là Bạt Đà La. Chồng cô này chết sớm, để lại một đứa con trai, tên gọi là Nhất Thiết Thế Gian Hiện. Mẹ góa con côi nương tựa nhau mà sống, tình cảnh không nói cũng biết.

Khi Nhất Thiết Thế Gian Hiện được mười hai tuổi, tướng mạo xuất chúng, dáng vẻ đàng hoàng, người cao ráo, rất thu hút mọi người. Thêm vào đó lại thông minh lanh lợi, lời nói thì lương thiện tốt đẹp, đáng gọi là đệ nhất trong thôn.

Ở một thôn khác là Ba La Kha Tư có một tiên sinh Bà la môn tên là Ma Ni Bạt Đà La, ông tài cao học rộng, tinh thông Tứ Tỳ La kinh điển.

Nhất Thiết Thế Gian Hiện muốn đi học, bèn bái Ma Ni Bạt Đà La làm thầy. Người xưa thường nói: Thầy hay sẽ có trò giỏi. Từ khi Nhất Thiết Thế Gian Hiện đến học, học đức tiến triển, đối với thầy khiêm cũng kính thuận, một lòng cúng ường Tứ Tỳ La kinh, nhưng gì không hiểu là hỏi. Thầy cũng tận tình giảng dạy thật tỉ mỉ, sâu sắc. Trò thì cố gắng nỗ lực học tập tất cả những điều thầy đã dạy. Cho nên về mọi mặt đều trong sáng, kết quả mỹ mãn. Nói chung giữa thầy và trò đều kính yêu và quan tâm lo lắng lẫn nhau.

Một ngày nọ, thầy phụng lời mời của quốc vương vào cung. Ở nhà chỉ còn lại sư mẫu và Nhất Thiết Thế Gian Hiện. Sư mẫu trẻ này có nhan sắc mỹ miều, biểu hiện rất đoan trang, nhưng trong lòng thì ngược lại, không thuần lương chính phái. Từ ngày mà Nhất Thiết Thế Gian Hiện đến nhà thầy học đạo, cô ta đã đem lòng tưởng nhớ yêu thương.

Hiện giờ cơ hội cũng đã đến.

Nhất Thiết Thế Gian Hiện đang niệm thâm kinh văn, dáng vẻ rất chuyên tâm, nhưng trong lòng sư mẫu trẻ lại đầy dục vọng, bỏ vào người chàng, chụp lấy y phục của chàng xé rách.

Lúc này, Nhất Thiết Thế Gian Hiện giật mình, trở mắt ngăn người, may mà đầu óc chàng thông minh, phản ứng linh hoạt, lập tức nghiêm sắc mặt lại nói:

- Người hiện giờ là sư mẫu của tôi, cũng giống như mẹ tôi ở nhà, sao lại có thể làm nên chuyện phi pháp như thế này chứ?

Nói rồi bèn giữ bỏ đôi tay ngọc ngà của sư mẫu, sau đó chỉnh đốn lại y phục, tránh ở một góc phòng không dám ngẩng đầu lên.

Sư mẫu khóc lóc khẩn cầu:

- Thế Gian Hiện, tội nghiệp một sư mẫu như ta đây, chỉ lần này, được không?

Nhất Thiết Thế Gian Hiện ở trong góc, trốn không thể trốn, càng run lập cập.

Sư mẫu vừa khóc vừa quẩn lầy: "Thế Gian Hiện, nào, nào, đừng sợ", ánh mắt si tình của sư mẫu cứ dán lầy chàng.

"Không! Người là sư mẫu của tôi, hiểu không?" trông thấy tình cảnh mình như vậy, chàng không biết làm sao, bèn hét to lên.

Sư mẫu kinh sợ trừng đôi mắt lên, trong ánh mắt dâm đãng ấy lại tăng thêm mấy phần sát ý, đôi tay sờ vào ngực của Nhất Thiết Thế Gian Hiện.

"Thế Gian Hiện! Chàng rút cuộc có chịu không?, tiếng khóc của sư mẫu đã tắt lịm lâu rồi, chỉ còn lại giọng nói cay độc.

"Không! Tôi chỉ là đệ tử của thầy, không phải là tình nhân của bà", Nhất Thiết Thế Gian Hiện đột nhiên trấn tĩnh lại, thể hiện sự kiên quyết của mình.

Sư mẫu la to lên một tiếng "Cha chả", sự dâm độc trong người của bà ta nhanh chóng lộ ra, đôi mắt mỹ lệ thất vọng, biểu lộ sự phản hận, đáng sợ như rắn độc đỏ rực, nói: "Nhất Thiết Thế Gian Hiện, ta muốn cho ngươi chết! Nhưng sẽ chết trong tay của thầy ngươi".

Nói vừa dứt lời, sư mẫu bèn lột hết y phục trên người xuống, cào lấy bầu vú và thân thể mình, để lại từng vết, từng vết máu, rồi tìm lấy một sợi dây thừng, quấn quanh cổ mình đôi ba vòng, sau đó thắt gút dây lại, ném đầu kia của sợi dây lên cột trên trần nhà, đứng trên mặt đất vừa kêu khóc, vừa dùng đôi tay cào cấu loạn xạ trên người, hằn lên những vết máu thâm tím...

Nhất Thiết Thế Gian Hiện không biết phải làm thế nào, chàng cũng không biết phải ăn nói làm sao với thầy, chỉ thấy sư mẫu nhắm nghiền đôi mắt, trong miệng rên rỉ...

Lúc sau, thầy mở cửa bước vào, thấy cảnh tượng hãi hùng giật mình, ngay lập tức rút dao chém đứt sợi dây thừng, vội hỏi: "Phu nhân sao thế này? Phu nhân xảy ra chuyện gì?"

"Oa..." một tiếng, đôi mắt sư mẫu chợt mở ra, miệng nói vu oan: "Nhất Thiết Thế Gian Hiện, Nhất Thiết Thế Gian Hiện..."

"Hắn thế nào?" sư phụ ngẩng đầu nhìn Nhất Thiết Thế Gian Hiện.

Nhất Thiết Thế Gian Hiện rồi rầm nói không ra lời.

"Hắn cường hiếp, cưỡng hiếp thiếp! Bạt Đà Luân, thân thể của thiếp..."
Tiên sinh cúi đầu, nổi giận căm phẫn:

"Thế Gian Hiện, ngươi thật đáng chết! Đáng chết!"

"Xin hãy nghe con nói, thưa thầy, thưa thầy, con không có!"

"Không có gì, đừng giả bộ nữa!", thầy vội vàng diu sư mẫu vào phòng:
"Ngươi muốn chết sao!"

Một lúc sau, thầy giận dữ xông ra. Nhất Thiết Thế Gian Hiện run rẩy, quỳ xuống nói: "Thưa thầy, oan uổng cho con quá! Con không có làm, thật đấy, sư mẫu đổ oan cho con!"

Thầy từng bước tiến lại gần, con dao bén trong tay sáng lấp lánh.

"Thưa thầy, con không có bất cứ sự thất lễ đến thầy, vả lại thầy muốn giết con cũng là không thể được", Thế Gian Hiện sáng suốt trong bức bách.

"Sao ngươi lại muốn như thế? Ta không giết ngươi thì giết ai đây?"

"Thầy bình tĩnh nghĩ lại, con là loại học trò vô sĩ như thế sao?"

"Ngươi là loại học trò tốt gì chứ? Để Sa Lợi cũng sợ ngươi!"

Nói xong lời này, con dao trong tay thầy đột nhiên rơi xuống đất, lưỡi dao cũng cong quắp lại.

Thì ra, đây cũng có một sự tích. Hai mươi năm trước, khi Nhất Thiết Thế Gian Hiện ra đời, tất cả đao kiếm trong tay võ sĩ Sát Lợi đều tự động rơi xuống đất, các lưỡi đao kiếm sắc nhọn đều cong quắp cả. Cả giai cấp võ sĩ Sát Lợi đều kinh sợ muôn vàn, tìm hiểu mới biết là do Nhất Thiết Thế Gian Hiện ra đời gây nên, cho nên mọi người trong nước đều biết rằng chàng có sức lực thần đức vĩ đại bẩm sinh.

Vì vậy, Ma Ni Đa La đành phải bỏ đi ý định giết Nhất Thiết Thế Gian Hiện, nhưng không cam lòng, cuối cùng nghĩ ra một kế độc, bèn nói: "Ngươi đã là một ác nhân, tự làm bại hoại tâm thân cao quý và sự trang nghiêm của mình,

cho nên không còn là một Bà la môn chân chính nữa. Theo tội của ngươi, nên đi ra ngoài giết chết một ngàn người, mới có thể gột rửa được tội của mình".

Vốn kính trọng thầy, Nhất Thiết Thế Gian Hiện ngoan ngoãn, cũng hiểu được thầy đang ép mình làm chuyện ác, vì vậy nghiêm túc trả lời: "Thế thì làm thế nào được? Thưa thầy, đi giết một ngàn nhân mạng không phải là điều con muốn làm", lòng chàng đau đớn khôn cùng.

"Ngươi không còn là đệ tử của ta nữa, mà là một ác nhân tội lỗi chồng chất. Nói như thế, ngươi không chịu làm một Bà la môn cao thượng rồi".

"Không, con đương nhiên là muốn làm Bà la môn".

"Vậy ngươi nên làm thế nào?" thầy ép thúc không tha.

"Thưa thầy, vậy thì được, con đi giết một ngàn người về theo lời dạy của người".

Sư phụ thấy đệ tử đã động sát tâm, trong lòng bỗng vui phơi phới nghĩ: "Tên tiểu tử ngươi làm một đại ác nhân, bây giờ không giết chết ngươi, đợi ngươi nói lời này, làm việc này thì chính là thập ác không tha, chỉ còn con đường chết. Đến lúc đó để ngươi ngoan ngoãn chịu chết".

Nghĩ đến đây, trong lòng sư phụ không khỏi đắc ý vô cùng, bèn nói:

"Nhất Thiết Thế Gian Hiện, mỗi một người mà ngươi giết đều phải chặt lấy một đầu ngón tay, giết chết một ngàn người phải là một ngàn đầu ngón tay, còn phải xâu các ngón tay thành một cái mũ đội về, mới có thể rửa sạch tội ác, trở lại làm thân Bà la môn. Hiểu chưa?"

"Dạ rõ", Nhất Thiết Thế Gian Hiện lúc này đành phải làm theo lời thầy dặn, chàng sợ nếu không làm theo thì sẽ không được trở thành Bà la môn.

"Ngươi nhất thiết phải nhớ rõ, một ngàn ngón tay phải không giống nhau, không thể thiếu lấy một ngón, biết không?"

"Dạ biết".

"Ngươi tiêu rồi, lấy nhân duyên này đặt tên là Ương Quật Ma La thôi".

"Thưa vâng, tạ tiên sinh chỉ giáo".

"Đi giết người đi, ta đợi ngươi quay về, lúc ấy ngươi là một Bà la môn thuần khiết cao thượng". Nói rồi, tiên sinh đi vào phòng trong tìm vui.

Nhất Thiết Thế Gian Hiện đang phấn khởi đã không còn là một Nhất Thiết Thế Gian Hiện thuần lương cung kính, mà là một Ương Quật Ma La sát khí đằng đằng trong lòng. Ương Quật Ma La đứng dậy, đi thẳng ra ngoài cửa lên đường giết người.

Sự trụy lạc của đạo làm thầy đã đẩy học trò thành một kiếp người như thế! Một Nhất Thiết Thế Gian Hiện tốt lành như thế đã bị biến thành một con quỷ giết người, mà không chút cảm giác ghê sợ, tưởng rằng mình đang làm chuyện cao thượng nhất trên thế giới.

Lại nói đến Nhất Thiết Thế Gian Hiện, ồ không! Ương Quật Ma La đến con đường lớn ở ngoài thôn, gặp người nào là vung đao chém loạn, sau đó thung dung nhàn hạ cắt lấy một ngón tay của người bị giết chết, miệng đắc ý rằng: "Một, hai... bảy, tám... mười ba..., ồ, lần này thật quá đã... trước mặt lại đến..."

Ương Quật Ma La chém loạn xạ một trận, không cảm biết là nam hay nữ, già hay trẻ, làm quan hay thương nhân, là nông dân hay học sĩ, niệm kinh bái Phật... hễ gặp là giết. Phút chốc máu đã chảy thành sông, thây chất như núi. Túi của Ương Quật Ma La cũng nhanh chóng đầy ắp lên. Con số đếm trong đầu cũng tăng lên đến "chín trăm chín mươi chín". Cuối cùng chàng thở phào một hơi, ngồi ở bên đường đợi một tên xui xẻo nào đó làm nên con số cuối cùng.

Thật không ngờ, mẹ của Nhất Thiết Thế Gian Hiện Bạt Đà La hôm ấy nhớ con trai, sợ nó đói khát, bèn cố sức làm bốn món ăn ngon, đích thân mang đến.

Ương Quật Ma La trông thấy Bạt Đà La mang một gói cơm thơm phức từ xa đi tới, dần dần cũng chỉ còn cách có mười trượng.

"Đến thật đúng lúc, còn có thể ăn một bữa", Ương Quật Ma La đứng dậy, cầm thanh đao máu me be bét, hét lên: "Ồ, mẹ ta tuổi già sức yếu, ngày tháng sống cũng mệt nhọc, chi bằng mình tiễn mẹ về trời hưởng phúc cho xong"...

Ương Quật Ma La liếc lưỡi đao ở đùi cho sạch máu, khiến cho nó sáng lấp lánh. Quả phụ Bạt Đà La chỉ thấy trước mắt một tia sáng chói, nhìn kỹ lại, bất chợt vui mừng: "Thế Gian Hiện, con trai ngoan của ta..."

Bà vốn không biết tử thần đang đến gần, đương nhiên bà càng không biết ngôi sao Phật cao chiếu cũng sắp rơi xuống. Trên người bà sức lực sinh tử mở ra một lượng khá mạnh.

Ở nơi ngoài thành cách nước Xa Vệ mười trượng, có một gốc cây A Du. Lúc này, đức Phật đem trí tuệ của mình biến nó thành hình dáng của quân vương, đi về phía Ương Quật Ma La với ánh mắt đỏ rực giết chóc.

Ương Quật Ma La đang muốn vung đao chém mẹ, vừa thấy quân vương đi lại, bèn thay đổi chủ ý chạy lại quân vương, trong lòng nghĩ: "Hay là mình giết tên này đi".

Nghĩ đến đây, bèn vung đao chém về phía trước, quân vương hiện trở lại thành đức Phật, tránh thanh đao sang một bên. Ương Quật Ma La thấy vậy liền niệm kệ rằng:

Đừng tránh, đừng tránh quốc vương của tôi

Nghĩ đến là thái tử trắng tinh tinh

Tôi là Bà la môn Ương Quật Ma La

Hôm nay sẽ cắt ngón tay người.

Đức Phật cũng đáp lại một bài kệ:

Đừng tránh, đừng tránh Ương Quật Ma La

Ngươi trước hơn hết nên giữ tịnh giới

Ta là Phật chính đấng chính giác

Tạm thời mượn dùng tuệ kiếm của ngươi.

Mẫu thân của Ương Quật Ma La thấy thanh kiếm của con trai đã bị đức Phật thu hồi, mới chột tỉnh như từ trong mộng, hiểu rõ mình suýt chút nữa chết về tay con trai. Lại thấy đức Phật thuyết pháp khổ ải luân lý cho con trai, mới chú ý thấy trong tay con trai mình đang cầm một cái túi máu be bét, toàn thân đều là vết máu. Khi bà thấy con trai kinh ngạc trở hai đôi mắt to, tỉnh ngộ, không khỏi rơi lệ, bật khóc thành tiếng.

Cuối cùng, đức Phật đã giáng phục Nhất Thiết Thế Gian Hiện và thu nhận làm nghĩa tử, đích thân giáo huấn Phật pháp.

Nhất Thiết Thế Gian Hiện khó khăn lắm mới hiểu ra là mình thực sự phạm tội tà trời, giác ngộ được mình đã bị thấy Ma Ni Bạt Đà La gạt như thế nào, từ đó thực sự rời bỏ tử lộ, bắt đầu cuộc sống mới của mình.

Mẫu thân của chàng tạ ơn cứu khổ cứu nạn của đức Phật, tuân dòng lệ chân thành, vì vậy niệm tụng Phật kệ nói lên tâm tình của mình:

Kho báu đã mất nay tìm được

*Mắt hư tâm tối nay rửa sáng
Than ôi lòng con ta mê loạn
Thường lấy máu người vấy lên thân
Gương bén sát sinh luôn cầm lấy
Giết người vô số thay thành đống
Ngày nay con trẻ cũng theo về
Giờ lão khấu đầu kính Đấng Chánh Giác
Bao người gặp mắt khó nghe thấy
Con lão thế này đều trách ta.*

Từ đó cho thấy, lòng dạ của quả phụ Bạt Đà La sáng ngời như đức Phật, có kể gì thời gian. Thật là một tấm gương mẫu thân trong thiên hạ.

---o0o---

TÂM LÒNG DƯỢC VƯƠNG PHẬT

Trong thế giới rộng lớn này có ngàn vạn tiểu thế giới, kiếp nạn khổ hạnh như thế nào cũng đều có, tự không cần phải nói.

Hằng hà sa kiếp trong quá khứ có một vị Phật, pháp hiệu là Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức. Thế giới hằng hà sa số có một quốc gia không có phụ nữ. Hỉ Kiến Bồ tát một lòng cầu Phật ở quốc gia này, cúng dường Pháp Hoa kinh.

Hỉ Kiến Bồ tát chuyên nhất tinh tiến với Phật pháp, tu hành đến nay đã đầy hai vạn năm, khổ kiếp đã trải qua là vô số, cuối cùng đặc hiện Nhất thiết sắc thân tam muội. Thế là ngài muốn thấm nhuần vạn vật, soi rọi thế gian để tất cả mọi người đều đến cũng Phật.

Một ngày nọ, Hỉ Kiến Bồ tát thấy núi cao, sông suối ở hằng hà sa thế giới khô nứt, không có sự sống, trong lòng nghĩ lúc này nên là lúc Phật pháp cứu nạn, bèn dùng công lực làm một trận mưa to. Sau cơn mưa nước sông dâng tràn, mọi người thích thú vô cùng. Một bầu trời khoáng đảng, mây trắng trôi lững lờ, ai cũng hớn hở ra ngoài để thưởng thức cảnh sắc tươi đẹp trước mắt.

Đột nhiên, những đám mây trắng trên bầu trời rớt xuống, mọi người cảm thấy rất lạ, đều nhặt lên xem mới biết không phải là mây, mà là một đóa hoa

Mạn đà la đong sương. Họ càng cảm thấy lạ, chẳng lẽ đức Phật ở trên trời đòi vườn hoa về chỗ chúng ta? Khung cảnh thiên hoa rơi rụng khiến mọi người quên đi tình cảnh của mình, vui đùa hân hoan cũng cảnh vật.

Mọi người tranh nhau nhặt lấy hoa tươi Mạn đà la, mang về nhà để trang trí cho căn phòng của mình, các thiếu nữ vừa nhặt hoa vừa dặt hoa lên tóc, cài lên áo. Đột nhiên có người lại chỉ lên không trung hét to rằng: "Mọi người mau lại đây xem! Trên trời lại rơi xuống thứ gì kia?"

Mọi người ngẩng đầu nhìn lên không trung. Chỉ thấy một vật sáng lấp lánh, dang rơi phát phơ xuống.

Một cô gái cả người cài đầy hoa Mạn đà la vội vã níu lấy tay cha mẹ, nói một cách thật lòng: "Nếu lại là hoa rụng xuống, con thật sự không còn chỗ để cài rồi".

"Con gái ngoan, lần này không phải là hoa, nó không chừng là trang sức trên đầu bằng kim ngân để cho con cài đấy". Mẹ cô vội nói, trong lòng thật sự hy vọng rơi xuống những trang sức cài đầu.

"Không phải trang sức đầu, xem hai người háo hức đến thế nào kia", cha của cô gái rút cuộc cũng trông ra, đó là một cây đàn hương tinh tế. Ngay lập tức ông đưa tay bắt lấy, quả nhiên không sai.

Mọi người ngay lập tức đưa tay ra để đón lấy cây đàn hương tử trên trời rơi xuống, mới biết được là Phật tâm đại phát, bố thí cho chúng dân.

"Tạ Phật Tổ nhân từ, ban cho chúng con hoa tươi và đàn hương".

Mọi người xúc động reo lên: "Đức Phật, người đã cứu vớt chúng con".

"Không cần đa tạ, không cần đa tạ, đây là một chút tâm ý cho mọi người". Mọi người ngẩng đầu về hướng phát ra âm thanh, chỉ thấy Hỉ Kiến Bồ tát đứng ở trên thiên núi, vẫy tay với mọi người.

Qua lần bố thí này, lòng Hỉ Kiến Bồ tát càng muốn thành Phật. Vào một buổi hoàng hôn, ngài ngài bèn khoác thiên y lên người, lại tắm lên người một ít nước hoa, châm lửa tự thiêu. Ngay lúc ấy, cả cả một góc trời bị ngọn lửa bùng bùng chiếu rọi sáng rực, ngọn lửa này không những chiếu sáng cả bầu trời, còn chiếu sáng tất cả Bát Thập Nhất Hằng Hà Sa thế giới. Mọi người đều cảm thấy ánh sáng của ngài chiếu rọi đến khắp nhân gian.

Hỉ Kiến Bồ tát tu hành hai vạn năm, toàn bộ lòng nhiệt huyết đối với Phật pháp đã tự thiêu mình, thân hỏa đã đốt đến một ngàn hai trăm năm sau mới lụn.

Trong khoảng một ngàn hai trăm năm ấy, vô số người đều được hưởng ánh sáng, càng thêm tín ngưỡng Phật pháp.

Vật đổi sao dời, Hỉ Kiến Bồ tát ngày xưa vì công đức vô lượng nên chuyên thể đầu thai vào Tịnh Đức vương gia ở một nước, còn ngày ngày xướng thuyết kệ kinh cho phụ thân mình.

Một ngày kia, Hỉ Kiến Bồ tát nói với cha: "Phụ vương, nhi thần đầu thai đến đây, không một ngày nào không hưởng vinh hoa phú quý mà phụ vương ban cho và ân tình của từ mẫu. Bây giờ con muốn nói cho phụ thân sự tình của nhi thần".

"Con trai, con không phải là muốn rời bỏ nhà ta chứ?"

"Thưa phải, phụ vương, điều mà con muốn nói cho người cũng chính là nguyên nhân mà con muốn rời khỏi nhà". Nói rồi, Hỉ Kiến Bồ tát niệm một câu kệ:

Tiền thân tại đây khổ tu hành

Đã đắc nhất thiết sắc thân muội

Cần mẫn chưa muốn đại trường tiến

Tự thiêu sáng rọi ngàn năm tuổi.

Quốc vương nghe xong, phút chốc kinh ngạc muôn vàn, bèn đi đến trước mặt Hỉ Kiến Bồ tát nhìn thật kỹ ngài, nào ngờ con trai mình lại là Bồ tát đã lâu đại phóng minh quang đạt ngàn năm. Bất chợt ngài than lên một cách tiếc nuối rằng: "Con trai, rốt cuộc tại sao con lại muốn rời khỏi gia đình chứ?"

"Phụ vương, con vốn là Bồ tát kiếp trước công thành đầu thai, con nên quay về chốn cũ để tiếp tục cúng dường Phật Tổ. Và lại Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật mà con tôn ngưỡng hiện vẫn còn khỏe mạnh, cho nên con tất phải đến chốn cũ để gặp ngài ấy. Hẹn ngày gặp lại, phụ vương, con mãi mãi không quên ơn dưỡng dục của người". Nói rồi, Hỉ Kiến Bồ tát bước ra khỏi cửa, tọa trên thất bảo đài, bay đến thế giới hư không.

Trong nháy mắt, Hỉ Kiến Bồ tát đã đến chỗ của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, chấp tay ca ngợi đức Phật:

Dung nhan nhật nguyệt thật diệu kỳ

Quang minh cao rọi thập vạn phương

Tiền kiếp ta đây từng cúng dường

Nay đích thân đến hỏi han ngài.

Nghe xong lời tán tụng của Hỉ Kiến Bồ tát, Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật mỉm cười, vội vàng chào Hỉ Kiến Bồ tát, và nói: "Tốt, tốt, ngài đến thật đúng lúc, ta rất vui. Hỉ Kiến Bồ tát, ta muốn nhờ ngài một việc lớn".

"Việc lớn gì, thưa Phật Tổ", Hỉ Kiến Bồ tát ngồi xếp bằng trước Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, lắng tay nghe.

"Hỉ Kiến Bồ tát, hành động của ngài ở hàng hà sa kiếp, làm ta rất cảm động. Thời khắc diệt tận của ta cũng đã đến, tối hôm nay ta chuẩn bị nhập Niết Bàn. Cho nên ta thác lại cho ngài Phật pháp, mang xá lợi cốt của ta đến nhân gian, rộng rãi sắp xếp cúng dường đến các chùa Phật. Càng nhiều càng tốt, nhất định phải để Phật pháp lan rộng khắp nhân gian". Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật bèn đem chuyện hậu sự sau khi nhập Niết Bàn giao lại cho Hỉ Kiến Bồ tát.

"Xin Phật Tổ yên tâm, con nhất định sẽ thực hiện di nguyện của ngài", Hỉ Kiến chấp tay, miệng đáp đồng ý.

Ngay đêm hôm đó, Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật nhập Niết Bàn.

Sáng sớm hôm sau, Hỉ Kiến Bồ tát dùng đàn hương chất lên di thể Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật châm lửa thiêu, ngọn lửa phát chốc bao trùm lấy di thể.

Đợi khi di thể đã được thiêu rụi, Hỉ Kiến Bồ tát thu thập xá lợi cốt của Phật Tổ, lần lượt cho vào tám vạn bốn ngàn bảo bình, mang chúng đến khắp nơi để cúng dường. Không chỉ như thế, ngài còn dựng tám vạn bốn ngàn ngôi Phật tháp ở nơi Phật Tổ nhập Niết bàn, để biểu thị lòng trung thành chấp trước của mình đối với Phật Tổ.

Tám vạn bốn ngàn ngôi Phật tháp sắp xếp ngay ngắn ở trên vùng đất của hàng hà sa thế giới, cao ngút tầng mây, mưa gió không lay, những người cầu Phật trong thiên hạ đều đến đây cúng dường Phật kinh.

Trông thấy từng đoàn người đông đúc đến tìm cầu công đức Phật, cúng dường kinh Phật, pháp Phật, Hỉ Kiến Bồ tát rất xúc động. Những điều này đều là công đức của ông ấy, nhưng trong lòng mình, ngài lại cảm thấy vẫn chưa đủ, nên một lần nữa tự thiêu mình để nói lên quyết tâm tìm cầu Phật, theo Phật, thành Phật.

Nói rồi, Hỉ Kiến Bồ tát đi đến trước Phật tháp, vung đao chém cánh tay trái của mình, lại để cho người khác chặt đứt cánh tay phải của mình, đặt trước tháp rồi tắm nước hoa lên người tự thiêu. Đôi cánh tay của ngài ấy đã thành ra Bách Phúc Trang Nghiêm Công, hỏa quang chiếu đến nửa không trung, rất lâu mới lụn.

Lần tự thiêu này đến bảy vạn hai ngàn năm, là tạo hóa vô số đời cầu Phật, khiến cho nhiều người phát tâm Bồ đề. Nhiều người vì vậy mà đắc công đức Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội. Các trời, người, Bồ tát thấy Hỉ Kiến Bồ tát không có đôi cánh tay, đều rất cảm động. Vì bảy vạn hai ngàn năm, mà ngài ấy vẫn chưa thành Phật, cả ngày buồn rầu, cho nên các trời, người, Bồ tát hợp lại thanh minh với thiên hạ chúng nhân:

"Nhân dân dưới trần gian chứng kiến, Hỉ Kiến Bồ tát vì thành Phật, mà đã hai lần tự thiêu. Qua muôn vàn gian khổ đem xá lợi cốt của ngài Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật đưa đi khắp muôn phương, tu sửa và kiên thiết tám vạn bốn ngàn ngôi tháp hùng vĩ, khiến cho nhiều người cầu Phật có nơi để thành tâm cúng dường đức Phật. Hỉ Kiến Bồ tát là đại sư của chúng ta, giáo hóa chúng ta công đức thành Phật, nhưng Hỉ Kiến đại sư vẫn chưa mãn nguyện với những điều này, một lòng khổ hạnh thực hiện một mục tiêu mà một đại sư nên có, đó là trở thành Phật".

Hỉ Kiến Bồ tát cũng bị kích động đến nổi thề trước trời, người, Bồ tát: "Phật chủ, ngài chí cao vô thượng, con vì ngài vứt bỏ đôi tay trăm phúc trang nghiêm của mình đã bảy vạn hai ngàn năm rồi. Con nhất định có thể thành Phật. Nếu lời này thực sự không nghi ngờ gì, xin cho đôi tay trở lại cho con".

Một lúc sau, tam thiên thế giới hiện sáu loại chấn động, trên trời rơi xuống muôn ngàn bảo thạch hoa. Từng chùm hoa, mang đến tấm lòng yêu mến bác đại của Phật Tổ.

Hỉ Kiến Bồ tát trong cảnh hoa rơi, cảm thấy toàn thân ấm lên, cúi đầu, đã thấy đôi tay trước đây: "Ta đã thành Phật! Cảm tạ Phật Tổ, cảm tạ các vị trời, người và Bồ tát, ta thành Phật rồi, giờ ta đi đến chỗ Phật Tổ".

Hỉ Kiến Bồ tát cảm động cáo từ Bồ tát và trời người, lên thiên đường tạ ân.

Từ đó Phật pháp càng truyền càng rộng. Phật Tổ nói với Tú Vương Hoa Bồ tát: "Hỉ Kiến Bồ tát chính là Dược Vương Phật hiện nay, các người nên có lòng cầu vô thượng Bồ đề đạo, nào sợ thiêu lấy một ngón tay mình hoặc một ngón chân đến cúng dường Phật tháp, điều đó hơn cả việc dùng trân châu, ngọc bảo, vợ con, quốc thổ, núi sông đến cúng dường Phật".

Trong kinh Pháp Hoa, phẩm "Dược Vương Bồ Tát" nói rằng :

Bồ Tát "Nhất Thiết Chúng sinh Hỷ Kiến", bây giờ là Dược Vương Bồ Tát, ở thế giới Phương Đông của Dược Sư Phật.

Rồi tôi lại đứng lên và tiếp tục chiến đấu.

Tổ Ngẫu Ích đã nói :“Dược vãng sanh hay chẳng toàn là do có Tín - Nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn”. Dù ngàn đức Phật xuất thế cũng chẳng thay đổi được lời phán định chắc như sắt này. Hễ Tín cho tới, dám chắc Tây Phương ông phải có phần

---o0o---

QUỐC VƯƠNG BỎ THÍ ĐÔI MẮT CHO NGƯỜI MÙ

Trong Di Lạc Sở Vấn Bản Nguyên Kinh ghi: Hiền giả A Nan theo Phật Tổ đã nhiều năm, không biết từ trong ngôn truyền thân giáo của Phật được bao nhiêu lời dạy có ích.

Mà trí tuệ của đức Phật thì hình như là vĩnh viễn như thế, là suối nguồn vô tận, ngày đêm không ngừng ban bố cho chúng sanh và môn đồ.

Lúc ấy, đức Phật quay người lại, nói: "A Nan, A Nan..."

"Dạ, con ở đây, Phật Tổ có gì căn dặn", A Nan vội vã đáp, kỳ thực lòng ngài đã biết rõ, mỗi khi đức Phật dùng giọng điệu này gọi mình, tám, chín phân mười là tìm ngài để nói chuyện.

"A Nan, ta kể cho con nghe một câu chuyện". Quả nhiên, đúng như A Nan suy nghĩ.

Ngày xưa, lúc ấy có một quốc vương, rất khôi ngô tuấn tú, tên là Nhật Nguyệt Minh. Nói chung, Nhật Nguyệt Minh vương đoan chính, dung mạo đàng hoàng, uy phong lẫm liệt, nhất là đôi mắt sáng của ngài như có thần, chuyên tình đạt ý sắc như ánh chớp.

Một ngày kia, Nhật Nguyệt Minh vương đi ra ngoài cũng du ngoạn. Có một người mù hành khất bên đường, nghe nói có quốc vương đến, không khỏi đau buồn.

Tại sao quốc vương lại tôn quý vinh hoa như thế, an nhàn hưởng lạc, mà ta lại một mình chịu cùng khổ, lại không trông thấy ánh sáng nữa?

Người mù phần hận, thế là oán trời, trách đất, lớn tiếng trách Nhật Nguyệt Minh vương.

Nghe thấy tiếng người mù trách cứ, mọi người đều nổi giận rằng: "Này, tên mù kia! Tại sao người dám bêu riếu quốc vương anh minh!"

Người mù bèn nín thính, nhưng lại không cam tâm, đành nói thầm rằng: "Ông ta thật là anh minh, tại sao ta lại là ăn mày, còn mù mắt, sống tháng ngày khổ cực chứ?"

Cận vệ đang chuẩn bị la hét người mù mạo phạm, thì Nhật Nguyệt Minh vương đến nói với người mù rằng: "Này người tội nghiệp, người chịu đại nạn như thế, chính là sĩ nhục người làm quốc vương ta đây, người hãy cùng ta đến cung, bảo đầu bếp trung cung chuẩn bị thức ăn ngon cho người".

Nghe xong lời này của Nhật Nguyệt Minh vương, mọi người không ai không cảm kích đức nhân của ông, tất cả đều cúi đầu chí kính. Một lúc sau, tiếng "Tạ ơn mưa móc của quốc vương" vang cả khắp thành đô.

Đến vương cung, Nhật Nguyệt Minh vương ngay lập tức mời ngự y chữa trị cho người mù và nói: "Thế nào? Có cách nào chữa trị đôi mắt của ông ta không? Ngự y?"

"Dạ thưa, tôn vương của tôi! Đôi mắt của ông ta đã như thế này, xem ra không thuốc nào chữa trị được nữa rồi". Ngự y khẽ nói vào tai của Nhật Nguyệt Minh vương.

Nhật Nguyệt Minh vương tỏ vẻ đau buồn, ông dặn dò ngự y, phải nghĩ mọi cách để chữa trị.

"Quốc vương, xin người hãy nghe tôi nói một câu, mắt của tôi thực là có thể chữa trị được", người mù sợ Nhật Nguyệt Minh vương bỏ mặc hẳn, bèn nói.

Nhật Nguyệt Minh vương vội vàng an ủi hẳn: "Người yên tâm, ta đã để ngự y nghĩ cách điều trị đôi mắt cho người".

"Quốc vương, mắt của tôi điều trị rất đơn giản, ngay lập tức sẽ khỏi".

"Cách gì?" quốc vương kinh ngạc, giương tròn đôi mắt to, sáng lóng lánh hỏi lại.

Người mù do dự một hồi, cuối cùng nói một cách khẩn thiết: "Chỉ cần ngài chịu bóc thí đôi mắt của ngài cho tôi, tôi sẽ trông thấy được ánh sáng".

"Được thôi", Nhật Nguyệt Minh vương vừa nói xong, ngay lập tức móc hai mắt ra một cách không nghi ngại, cầm trên đôi tay, trong lòng phơi phơi.

Văn võ bá quan thấy Nhật Nguyệt Minh vương anh tuấn mất đi đôi mắt, nhất thời kinh sợ ngẩn người, cùng nhau trách rằng: "Quốc vương, sao ngài có thể làm như thế được?"

"Vì đem lại ánh sáng cho người mù, ta tuyệt không hối hận", Nhật Nguyệt Minh vương từ bi nói một cách kiên định.

Ngay lúc đó, đôi mắt của người mù quả nhiên mở ra, trong thấy Nhật Nguyệt Minh vương vì hạnh phúc của hắn mà phải hy sinh đôi mắt của mình, sùng sùng uy nghi đứng ngay trước mắt, đôi tay còn cầm lấy đôi mắt... Bỗng chốc, đôi mắt của người mù vừa mở tuôn ra dòng lệ...

A Nan nghe đến nhập thần, thấy đức Phật đã ngưng nói, liền hỏi: "Và sau đó..."

Phật Tổ cười, nói: "Sau đó, Nhật Nguyệt Minh vương vì công đức ấy mà đắc đạo thành Phật.

"Vậy nhất định là người phải không, thưa Phật Tổ".

"Con đoán đúng rồi".

Câu chuyện mà đức Phật kể cho A Nan nghe đã hết, nhưng hình ảnh sáng ngời của Nhật Nguyệt Minh vương để lại trong lòng A Nan thì mãi không phai mờ.

---o0o---

BỐN BÀ LA MÔN NGHE KỆ ĐẮC ĐẠO

Ngày xưa, có bốn vị Bà la môn, vì chuyên tâm tu đạo, nên họ đều có được một ít thần thông. Bốn vị Bà la môn này đều có thể đi trên không trung. Như thế, họ muốn đi đến đâu, đều có thể tiết kiệm được nhiều thời gian và sức lực.

Bốn người họ thường cùng nhau thảo luận sự tuyệt diệu của thần thông, hễ nói đến vấn đề này, là mọi người đều có thái độ hưng phấn khó tả.

Một ngày nọ, bốn vị Bà la môn này ngồi lại với nhau, họ ngồi trên không trung để nói chuyện: "Người trên thế gian không có bản lĩnh gì lớn cũng không có quan hệ gì, chỉ cần thường xuyên bố thí thức ăn cho đệ tử của Phật môn, thì có thể cả đời hưởng hạnh phúc. Nếu có ai nghe được Phật pháp, vậy thì có thể vào được cửa giải thoát".

Một Bà la môn khác nghe những lời này, vội vã hỏi rằng: "Nhiều người chúng ta nếu được nghe Phật pháp, thì sẽ như thế nào chứ?"

"Còn có thể như thế nào được nữa, chỉ cần chúng ta nghe được Phật pháp, cũng sẽ tự nhiên vào cửa giải thoát", một vị Bà la môn khác trả lời.

"Giải thoát đau khổ của thế gian còn được, nếu cả những vui thú cũng giải thoát, vậy thì còn ý nghĩa gì nữa".

"Đúng vậy. Chỉ cần cầu đạo, chuyện tốt gì cũng không làm được, vậy thì quá vô vị".

"Ta thấy, chúng ta cũng đừng nên đi hỏi Phật pháp làm gì".

"Nói có lý, ta rất tán đồng".

"Như thế này bay qua bay lại không phải rất thú vị rồi sao? Nhưng nguyện vĩnh viễn như thế này, thì cũng phải cầu".

"Thật là cao kiến".

Bốn vị Bà la môn này, vừa bay, vừa bàn luận rộn rã, tất cả đều tâm đầy ý hợp, nói rất ăn ý.

Tuy họ không chịu nghe Phật pháp, nhưng trong lòng vẫn rất tôn kính đối với đức Phật. Một lần nọ, mỗi người cầm lấy một bình Thạch Mật thơm ngon, chuẩn bị dâng lên đức Phật. Họ đứng bên ngoài nơi Phật ngự, e ngại, nếu bốn người cùng vào, đức Phật trông thấy họ đến thật đông đủ, sẽ thuyết pháp. Thế là, bốn vị Bà la môn bàn bạc lại, cuối cùng quyết định, từng người, từng người một đi vào.

Bà la môn thứ nhất cầm bốn bình Thạch Mật dâng lên đức Phật. Phật Tô liền thuyết pháp cho ông ta:

"Sở hành phi thường..."

Ông ta vừa nghe thấy đức Phật thuyết pháp, vội dùng tay bịt kín đôi tai. Lúc này, Bà la môn thứ hai bước vào dâng Thạch Mật, nghe thấy đức Phật nói:

"... hưng suy của Phật pháp..."

Người đó nghe thấy biết là đức Phật đang thuyết pháp, cũng vội vàng bịt kín đôi tai không nghe. Sau đó, người thứ ba bước vào dâng Thạch Mật, nghe đức Phật nói:

"... sinh là tử..."

Ông ta cũng biết là đức Phật đang thuyết pháp, bèn học theo hai người trước che kín hai tai mình không nghe.

Bà la môn cuối cùng ôn tồn dâng lên cho Phật Thạch Mật, chỉ nghe thấy đức Phật nói:

"... cái sự diệt này là vui..."

Ông ta nghĩ ngay là đức Phật đang thuyết pháp, bèn che kín tai lại.

Bốn người đều che kín tai lại chạy ra ngoài, hỏi han nhau mọi người đã nghe được gì.

"Tôi vừa nghe được 'sở hành phi thường' bèn che kín tai lại rồi", Bà la môn bước vào đầu tiên nói.

Bốn người đều nói một lượt, kết quả là mỗi người đều nghe được một câu, hợp thành một bài kệ Phật:

Sở hành phi thường

Gọi là sự hưng suy của Phật pháp

Sinh là tử

Sự diệt này là vui.

Bốn người này đều hiểu được lời kệ Phật này, bèn bắt đắc dĩ khai thông. Họ vì thế mà đều đắc quả A la hán.

Bốn người đều hối hận vì cách nghĩ trước đây của mình, họ lại quay lại hỏi lỗi về sự bất kính đối với đức Phật.

Bốn người cùng về đến trước mặt đức Phật đánh lễ, sau đó thưa với đức Như Lai rằng: "Vì chúng tôi đã phát nguyện cầu Phật đạo, cho nên đến đây để nghe giảng pháp, nguyện xuống tóc làm Sa môn"

Đức Phật nói: "Thiện tai! Tỳ kheo, các người mau tu phạm hạnh đi".

Lời của đức Như Lai vừa dứt, tóc của bốn Bà la môn đều rụng sạch. Y phục trên người họ phút chốc biến thành cà sa đỏ.

Bốn Bà la môn triệt để cắt đứt duyên trần, trở thành bốn La hán.

---o0o---

MỘT TÂM CHẶN LÔNG

Theo Hiên Ngu Kinh ghi: Ở nước Xá Vệ có một bà lão, tuổi quá năm mươi, đột nhiên mang thai, sinh ra một đứa con, chuyện kỳ lạ này nhanh chóng lan truyền đi khắp nơi. Đối với hai vợ chồng già mà nói, tuổi già mà có được đứa con gái, cũng là phúc tinh cao chiếu! Hai ông bà thật quá đổi vui mừng, cùng nhau thành tâm khấn đầu, thắp hương lạy tạ trời đất.

Lại xem đứa con gái vừa mới sinh, vừa lọt lòng mẹ, toàn thân bao bọc một lớp nỉ trắng mềm mại, rất kỳ quái. Hai vợ chồng vội vàng đi xem bói. Thầy bói nói là: "Đại Cát", hai vợ chồng già lúc này mới yên tâm. Họ đặt tên cho con gái là Thúc Ly, nghĩa là thuần khiết.

Thời gian trôi đi, Thúc Ly lớn dần, lớp lông nỉ bọc bên ngoài cơ thể cô cũng dài thêm ra. Từ trước đến nay chưa ai từng gặp lớp nỉ trắng, cũng như là lớp da trên người cô như vậy đặc biệt nó chưa từng được lột xuống bao giờ. Thúc Ly càng lớn càng đẹp, dung mạo như hoa, như ngọc, đẹp không thể tả nổi, nhân phẩm băng thanh ngọc khiết khiến cho người ta kính nể. Một cô gái tuyệt đẹp như thế e không tìm được người thứ hai. Khi tới tuổi thành gia thất, người ở trong vòng mấy mươi dặm đều mỗi mai đến gạn hỏi.

Hai vợ chồng già vui vẻ vô cùng, vội vã đi hỏi cô gái cung. Nào ngờ Thúc Ly trịnh trọng nói với cha mẹ: "Con không chịu, cha mẹ đừng vì hôn sự của con mà phiền lòng".

Hai vợ chồng nghe thế hốt hoảng, bất tỉnh cả buổi mới cử động lại, run rẩy hỏi: "Ôi! Sao lại nghĩ ra chuyện này thế". Chuyện này không phải là chuyện đùa với cha mẹ chứ? Đừng có nói bừa, dọa chúng ta!"

"Cha mẹ ở trên, con gái sao dám nói đùa chứ? Chủ ý của con đã định, cha mẹ đừng nên khuyên giải nữa".

Hai vợ chồng già ngỡ ngác, không biết làm gì, đành chấp nhận. Do họ quá yêu thương đứa con độc nhất này, nên không nỡ làm đau lòng cô.

Hai ông bà cuối cùng chịu không nổi bi thương, nói nhỏ nhẹ với con gái: "Vậy thì cứ theo ý con đi, Thúc Ly, gỡ lấy tấm nỉ trắng trên người con xuống, mẹ sẽ may cho năm bộ đồ, mùa đông giữ ấm, mùa hè mát mẻ, cũng có cái để thay đổi", lời bà mẹ đầy ấp lòng từ bi và khoan dung.

"Mẹ không cần phải nhọc công, tấm nỉ lông trên người của con mùa đông giữ ấm, mùa hè tránh nắng, là đã đủ lắm rồi. Cha mẹ có thể để cho con xuất gia làm ni cô, con gái cảm kích vô cùng, kiếp sau con nhất định sẽ báo đáp đại ân, đại đức của cha mẹ. Kính xin cha mẹ hãy bảo trọng, sống lâu trăm tuổi".

Và thế là, Thúc Ly xuống tóc làm ni cô, khổ tu đạo pháp. Nàng thành khăn tu hành, không bao lâu đắc quả La hán.

A Nan hiểu kỳ hỏi đức Phật: "Thúc Ly tu được công đức gì, sau khi sanh ra đã có lớp lông ni trên người rồi". Đức Phật bèn nói rõ ngọn ngành, nguồn cơn của sự tình.

Từ xa xưa, có một vị quốc vương rất tôn kính Phật đạo, thiết lập nhiều danh mục cúng dường Phật cho thần dân của ông ta. Trong thần dân có một người phụ nữ, tên gọi là Đản Nhị Ca, nhà cô ta rất nghèo khổ, nghèo đến nỗi hai vợ chồng phải dùng chung một tấm ni che thân. Nếu chồng ra ngoài làm việc, thì khoác nó lên người, còn người vợ phải ngồi ở nhà, vì không có quần áo che thân; nếu người vợ ra ngoài, thì người chồng đương nhiên phải trần trụi, không bước chân ra khỏi cửa.

Hôm ấy, có một Tỳ kheo chuyên dụng công giáo hóa người đời đi qua cửa nhà Đản Nhị Ca. Bỗng nhiên thấy một phụ nữ ngồi ôm gối co ro dưới hiên, bộ dạng rất kỳ quái, bèn đứng lại xem thử. Sau khi ông nghe người phụ nữ kể về gia cảnh của mình, rất muốn giúp cô ấy, thế là thành tâm khuyên rằng:

"Mọi người trên thế gian, để tồn tại thật không dễ, nếu có thể tin Phật, càng khó hơn! Nàng nên đi nghe đức Phật thuyết pháp giảng đạo, vì đức Phật mà bỏ thí".

Đản Nhị Ca vào nhà thành khăn khuyên chồng, người chồng cười một cách thâm trầm, hai tay đỡ Đản Nhị Ca dậy, không biết làm thế nào, trả lời rằng: "Nhà ta nghèo đến nước này, cho dù có lòng bố thí, e rằng chẳng có thứ gì để bố thí nữa?"

"Ý của thiếp là muốn mang tấm ni này..."

Không đợi vợ nói hết lời, người chồng vội vã ngắt lời vợ, nói to rằng: "Người vợ tốt của ta ơi, nàng quên rồi sao? Chúng ta chỉ dùng chung tấm ni này để che thân thôi! Mỗi ngày ra vào, làm ruộng, nhặt củi đều dựa vào nó để sống thôi! Hôm nay nàng muốn đem nó để bố thí, vậy chúng ta đành ngồi chờ chết sao?"

Nhìn thấy chồng nóng giận, với bộ dạng tuyệt vọng đau khổ, trong lòng của Đản Nhị Ca rất day dứt, điều này cũng khó tránh! Nhưng Đản Nhị Ca không vì thế mà bỏ đi ý nguyện của mình, lại tiếp tục khuyên giải:

"Con người sống trên thế gian đều phải chết, không bố thí, cuối cùng cũng sẽ chết. Nếu bố thí, sau khi chết còn có thể hy vọng được báo ứng ở kiếp lai

sinh, nếu không bố thí, sau khi chết sẽ chịu nhiều đau khổ hơn bây giờ, chịu tội càng lớn. Vậy, chàng nói chúng ta nên chọn cái chết như thế nào đây chứ?"

Người chồng nghe xong, chuyển buồn thành vui. Hai người vợ vội đem mảnh nỉ ấy gấp lại. Đàn Nhị Ca đem tấm nỉ dâng cho Tỳ kheo, nói: "Xin ngài hãy thay tôi dâng cho đức Phật, thay tôi báo lại danh tánh".

Ban đầu, Tỳ kheo ấy cố chấp không nhận, vì rất muốn để cho cô ấy tự mình đi bái đức Phật, giáp mặt bố thí, để Phật niệm kinh phát nguyện cho cả nhà nàng. Nhưng sau đó, ngài xem thấy Đàn Nhị Ca trên người không có một mảnh vải, thực sự không thể nào giáp mặt được, thêm vào đó nàng nhiều lần cầu khẩn, Tỳ kheo đành chịu nhận tấm nỉ, ngay lập tức đưa đến nơi Phật Tổ. Phật Tổ Như Lai tận tay đón lấy tấm nỉ không tầm thường này.

Thời Phùng quốc vương triệu tập đại hội vương thần, đức Như Lai đi đến. Các đại thần trông thấy trên tay đức Như Lai cầm một tấm nỉ đen, rách nát, dơ dáy bùn đất, mùi hôi khó ngửi, đều bịt mũi che mặt, trong lòng nghĩ:

"Đức Như Lai sao có thể mang thứ bản thủ hôi hám thế này đến đại điện vương cung cơ chứ? Thật khiếm nhã!" ai ai cũng đều tỏ vẻ bực bội.

Trong lòng đức Như Lai hiểu rõ những gì họ nghĩ, nhưng ngài bỏ qua sự cười khinh chỉ trích của họ, chỉ vào tấm nỉ trong tay nói to: "Trong tấm nỉ mà ta đón nhận, không có gì sạch sẽ, và quý trọng hơn nó".

Tiếp theo, ngài đem lai lịch của tấm nỉ nói rõ cho quốc vương, vương hậu và các đại thần nghe.

Cả điện kinh ngạc, nghiêm túc lại, mọi người cảm thấy xấu hổ đối với hành động và suy nghĩ của mình lúc này. Vương hậu ngay lúc đó, cởi tấm áo đính đầy trân châu bảo ngọc khoác trên người xuống, quốc vương cũng vui vẻ cởi tấm áo lông trên người xuống, ra lệnh cho hầu cận, nhanh chóng mang những thứ này đến tặng cho vợ chồng Đàn Nhị Ca.

A Nan nghe đến đây, bỗng nhiên tỉnh ngộ: "Ồ! Vậy cô gái nghèo khổ ấy tất phải là Thúc Ly ngày nay rồi. Có thành tâm ban đầu, mới có sự báo đáp của ngày sau".

---o0o---

NGUYỆT QUANG PHU NHÂN

Theo Bạt Đà La Tỳ Kheo Ni Kinh ghi: Trong thành Vương Đài ở nước Magadha nổi tiếng, có một cụ già gia cảnh bần hàn, nhưng ngược lại là một

người kỳ quái, cố chấp mà lại rất thẳng thắn. Ông không tin ngưỡng Phật pháp, mà nghe tin lời của Lục vị Tổ sư ngoại đạo, trong một vùng đất tối, tạo riêng một cái hang lửa, có mưu đồ hãm hại Phật Tổ. Ông ta có một đứa con trai, tên là Nguyệt Quang đồng tử. Nguyệt Quang đồng tử nhiều lần can gián cha, đừng đem lòng hại Phật. Vì đối đầu, đấu pháp và tranh thắng với đức Phật sẽ không có kết quả tốt. Nhưng người cha vẫn không thay đổi ý định, cuối cùng bày mưu gạt đức Phật đến nhà, sau đó dẫn đến bên hang lửa. Đợi đến lúc hạ thủ, hang lửa ấy đột nhiên biến thành một vùng đất mát mẻ. Lúc này ông già mới tâm phục, khẩu phục, hối hận tự trách, từ lúc đó cũng quy y cửa Phật

Lại nói đến Nguyệt Quang đồng tử, từ sau khi phụ thân cải đạo tin Phật pháp, cũng đại chấn thanh danh. Phật Tổ nói chàng thiên tư thông minh, sáng suốt, là một người có thiện căn đại đức, tương lai tất có thể đại uy, có thể phục chúng.

Trong nhà Nguyệt Quang đồng tử có một tỷ nữ, cũng có thân thể không tầm thường. Tiền thân của cô cũng là một công tử của một phú gia giàu có. Một hôm, chàng tay cầm một cái lọng bảo thạch lung linh trước mắt, đứng ở ngoài cửa, muốn lấy sự huyền diệu này để khiến mọi người khen ngợi và ngưỡng mộ, để thỏa lòng hư vinh của mình.

Hắn dương dương tự đắc, đang muốn huênh hoang người đời, ngay lúc đó có một cô gái đi ngang qua. Nàng đoan trang, tú lệ, nhu nhã vô cùng hấp dẫn. Tất cả những cặp mắt trên đường đều đổ dồn vào cô gái có phong thái mỹ lệ này, ai cũng dăm dăm ngóng theo... đâu có ai chú ý đến, nơi này còn có một thiếu gia tay cầm dù lọng nữa.

Công tử bất bình nghĩ: "Trong tay mình cầm một món bảo vật quý giá, mà chẳng ai ngó lấy, còn cô gái ấy có gì chứ? Không phải chỉ là đẹp thôi sao? Mỹ nữ trong thiên hạ nhiều vô kể, có hiếm gì chứ? Hừm! Mình không cho mọi người chú ý đến, sẽ không cam".

Thế là hắn từ bỏ thế giới phàm tục, chạy đến Tỳ Bà Thi Như Lai, đứng ở sau người để che lọng. Qua bảy ngày bảy đêm, hắn phát nguyện: "Ta phải biến thành một cô gái tuyệt đẹp, để tất cả những nguời trông thấy ta cũng đều phải chết mê, quỳ gối dưới chân ta".

Nói rồi, hắn tắt thở thọ tận. Sau đó chuyển thân ba mươi ngày, biến thành một vị thiên nữ. Cô ta có một nhan sắc không gì sánh bằng, tính tình thư thái, luôn nở nụ cười, và lại có thể giữ mãi tuổi thanh xuân. Phạm là những nam tử thiên giới trong thấy nàng, ai cũng muốn cưới cô làm vợ.

Sau đó, nàng đầu thai xuống nhân gian, trong một gia đình Bà la môn bản hàn và làm tỷ nữ trong nhà của Nguyệt Quang đồng tử, tên gọi là Kỳ La. Vợ của

Nguyệt Quang đồng tử tên là Ma Nộ Hà La, dung mạo cũng không ai sánh kịp, tư thể muôn màu muôn vẻ, vả lại còn có một cái tên đẹp động lòng người đó là Nguyệt Quang phu nhân.

Nguyệt Quang phu nhân rất vui vẻ thiện tâm, luôn bố thí và làm điều tốt. Bình thường luôn căn dặn Kỳ La: "Nếu trên đường phố có gặp Sa môn, Bà la môn, người hãy dẫn về nhà, ta muốn bố thí chút ân huệ cho người ấy".

Một hôm nọ, có một vị Bích Chi Phật (Độc Hành Tăng) ngồi ở trên bực cửa nhà Nguyệt Quang đồng tử cầu xin bố thí. Vừa đúng lúc Kỳ La ra ngoài về, nàng bèn mời vào trong nhà, đang muốn đi lấy thức ăn cho ông ta, đột nhiên nghe thấy trong nhà Nguyệt Quang phu nhân gọi cô luôn miệng.

Kỳ La vội vã vào nhà, Nguyệt Quang phu nhân nói với nàng rằng: "Ta trông thấy tên Sa môn này tướng mạo xấu xí, áo mũ bất nghiêm, khiến người ta ghét bỏ. Người thay ta đuổi ông ta đi đi! Ta không muốn bố thí gì cho một tăng nhân như thế này", nói rồi lạnh nhạt quay đầu đi.

Kỳ La cung kính mà rụt rè đáp: "Phu nhân, chớ trách nô tỳ to gan, nhưng nô tỳ cho rằng không nên chỉ vì diện mạo ông ta xấu xí mà không bố thí cho ông ta. Phu nhân, lòng từ bi của người, tấm lòng Bồ tát của người, ai ai cũng tán dương, công đức vô lượng. Cho nên vẫn mong phu nhân nghĩ lại!"

"Đừng nói nhiều! Ý ta đã tuyệt. Mau đuổi ông ta đi đi!" Nguyệt Quang phu nhân nói một cách giận dữ.

Trong lòng Kỳ La vừa thất vọng vừa thương tâm, nhưng lại không chịu vì thế mà bỏ qua, bèn nói một cách khẩn thiết rằng: "Nếu phu nhân cố chấp không chịu, vậy khẩn thỉnh phu nhân đưa cho tiểu ty phần cơm của ngày hôm nay đi".

Kỳ La cầm lấy phần thức ăn ấy của mình, đi ra ngoài cửa, chia cho Bích Chi Phật. Tăng nhân ăn cơm xong ngay lập tức nhẹ thêm như có cánh, bay lên không trung. Kỳ La trông thấy, vui vẻ khôn cùng, ngay lúc đó phát nguyện rằng: "Ta bình sinh tại thế gian, quyết định phải tích đức hành thiện, vĩnh viễn không làm điều tà ác".

Lúc này Nguyệt Quang đồng tử thống lĩnh năm trăm vị thương nhân, họ đang tụ tập ở đại giảng đường. Từ xa họ đã trông thấy Bích Chi Phật cầm bát ở trên không. Năm trăm người vung tay múa chân, tranh nhau nói: "Vị thánh nhân này nhất định là được sự bố thí của nhà ta".

Vậy, Nguyệt Quang phu nhân "thiện tâm bố thí" này có biểu hiện gì chứ? Bà ta nói với Kỳ La rằng: "Người đem đồ của ta cho người bố thí cho Bích Chi

Phật, cho nên, cũng xem như là ân huệ bố thí, công đức tu hành của ta! Được thôi, giờ ta cho người một phần thức ăn để người thay ta đi bố thí".

Thấy Kỳ La không trả lời, Nguyệt Quang phu nhân hơi nổi nóng. Nói một cách ác ý rằng: "VẬY, ta cho người ba phần. Năm phần, mười phần, hai mươi phần, thậm chí một trăm phần, một ngàn phần. Được rồi chứ?"

Lúc này trong mắt Kỳ La, phẩm hạnh của Nguyệt Quang phu nhân đã không đáng để cho nàng tôn kính nữa rồi.

Trông thấy phu nhân như là đang mắng, Kỳ La mới bình tĩnh trả lời: "Phu nhân hà tất phải phân nô như thế? Bất luận thế nào, tiểu tỳ cũng sẽ không đi bố thí thay cho phu nhân".

Nguyệt Quang phu nhân không ngờ rằng trước mặt một con nô tỳ ty tiện này lại mất đi thân phận và sự tôn nghiêm, không khỏi xấu hổ và phát cáu:

"Con tiện tỳ to gan! Người dám chống lại mệnh lệnh của ta, còn cãi bừa, ngang nhiên cao giọng! Hôm nay cho người ném mùi lợi hại của ta! Ta sẽ cắt lấy tai, mũi và đôi tay của người! Hỡi người một lần sau chót, chịu hay không chịu?"

Kỳ La vẫn im lặng không chịu theo. Nguyệt Quang phu nhân gọi nô tỳ trong nhà, dùng gậy đánh loạn xạ lên người của nàng.

Ngay lúc ấy, Nguyệt Quang đồng tử bước vào. Trông thấy tỳ nữ Kỳ La quần áo rách tan, đầu vỡ máu tuôn, thương tích đầy mình, vết máu loang lổ, ngồi tựa cửa đằm đìa ngán lệ bi thiết. Nguyệt Quang đồng tử vội đi vào nhà trong, xông vào hỏi phu nhân:

"Phu nhân, vì đâu mà nàng lại đánh đập tàn nhẫn tỳ nữ như thế này? Cho dù ả có lỗi làm gì, cũng không nên làm ra chuyện tàn nhẫn như thế?"

Phu nhân thấy chồng về, ảm ức trong bụng, có bao nhiêu tức giận trút hết ra.

Kết cục chuyện này e là Nguyệt Quang phu nhân có nằm mơ cũng không nghĩ đến. Nguyệt Quang đồng tử đột nhiên giáng Ma Nô Hà La làm tỳ nữ, mà tôn Kỳ La lên làm đệ nhất phu nhân, một danh vị xứng đáng với nàng. Vì công đức của Kỳ La thí cơm cho Bích Chi Phật, sau này nàng đắc thành quả La hán và cuối cùng thành Phật.

SA DI HẠI CHẾT SỰ PHỤ

Theo Hiền Ngu Kinh ghi: Xưa kia ở nước Xá Vệ có một ông già, vợ ông ta mất từ sớm, chỉ nương tựa vào một đứa con, sống một cuộc sống gian nan. Về sau, cụ già được sự khai thị giáo nghĩa của Phật Tổ, bèn cũng con trai xuất gia, theo Phật Tổ tu luyện. Cụ già làm Tỳ kheo, con trai của ông còn nhỏ, chỉ làm Sa Di, thành ra thầy trò.

Hằng ngày các Tỳ kheo phải chia nhau đi hóa duyên. Cụ già mang theo đứa con trai, cũng là đệ tử đi theo.

Một ngày nọ, hai thầy trò càng đi càng xa mà không hay biết, đợi đến khi muốn quay về thì trời đã tối mịt, sự phụ tuổi cao nên đi rất chậm, đồ đệ lại đi ở phía trước dìu sự phụ. Khi đi đến dưới một gốc cây, trời đã tối đen như mực. Không có ánh trăng, xòe tay cũng không thấy được năm ngón, trong rừng cây chỉ có thể nghe thấy tiếng bước chân của hai thầy trò và tiếng xào xạc của lá rừng, còn có tiếng kêu rú của thú hoang từ xa vọng đến. Tiểu Sa di biết trong rừng đôi khi có thú dữ xuất hiện, sợ là ban đêm có dã thú xuất hiện tìm thức ăn mà hại phụ thân, bèn vội vàng ôm lấy vai của phụ thân, dìu đỡ phụ thân đi đến men rừng. Nào ngờ phụ thân tuổi già sức yếu, lại đi suốt cả ngày, lòng thì gấp rút nhưng chân không gấp được. Thêm vào đó là trông không rõ đường sá, với sự vội vã thôi thúc của con trai, liêu xiêu ngã lăn ra đất, vô tình đầu va phải một tảng đá, một lúc sau thì chết.

Sa di thấy cha ngã xuống đất, vội kéo vục ông dậy, nhưng chẳng thấy có phản ứng gì, mới cảm thấy khác thường, xem kỹ lại bắt chợt giật mình, kêu khóc thất thanh.

Đến khi trời sáng, Sa di một mình về đến chùa. Sau khi các Tỳ kheo biết nguồn cơn sự tình, đều xúm lại trách mắng Sa di, vì tiểu Sa di hại chết phụ thân của mình. Tiểu Sa di có miệng nhưng chẳng nói được lời nào, trong lòng uẩn khuất, bèn đi tìm Phật Tổ cáo khổ.

Phật Tổ cho Sa di ngồi xuống, nói rằng: "Những điều mà con muốn nói ta đã biết cả. Cha của con đã chết, nhưng ta không trách tội con". Phật Tổ trông thấy tiểu Sa di vẫn chau mày, tiu nghỉu. Phật Tổ liền mỉm cười, tiếp tục nói: "Bây giờ ta kể cho con nghe một câu chuyện:

Ngày trước, cũng có hai cha con, họ sống ở một thôn nhỏ ngoài thành. Người cha đang bệnh nặng trên giường, con trai rất sốt ruột, hết lòng chạy chữa thuốc thang, chăm sóc cha tận tình. Đầu tiên anh ta hầu hạ cha, cho cha uống thuốc, sau đó dìu cha lên giường nghỉ, chỉ mong cha sớm bình phục. Nhưng chỗ mà họ sống lại một mái nhà tranh, mặt đất lại ẩm thấp, nên đôi khi nhiều ruồi muỗi bay qua bay lại, kêu vo vo, làm phiền giấc ngủ của cha. Phụ thân ngủ

không yên trên giường, con trai cũng rất lo lắng, vội vàng tìm một cây vợt đánh ruồi muỗi khắp nơi. Nhưng ruồi muỗi ngược lại càng lúc càng nhiều.

Con trai vừa sốt ruột lại vừa giận dữ, quay người lại lấy gậy đánh loạn xạ, đuổi đánh những con ruồi muỗi bay qua lượn lại trên không trung. Một con muỗi tìm không được chỗ đậu, vội vã đậu ngay trên mũi cha mình. Nào ngờ con trai đang đứng bên cạnh, trông thấy không kịp nghĩ, đánh mạnh một gậy. Phụ thân chịu một đòn mạnh này, kêu lên một tiếng cũng không kịp, chết ngay tại chỗ.

Con trai là một đứa con hiền lương, nhưng vô ý đã hại tánh mạng của cha mình, đây cũng là chuyện ngoài ý muốn, không thể vì thế mà trách con trai là một hung phạm sát nhân, chuyện đó nên trách sự đời".

Phật Tổ thấy Sa di nghe rất chăm chú, hình như có cảm ngộ, bèn hỏi thêm rằng: "Sự phụ bị con hối thúc, là vì con sợ trời tối, sự phụ sẽ bị thú dữ tấn công, quá khứ và hiện tại của con đều không có ác ý hay cố tình hại người, phải không?" Sa di gật đầu thưa phải.

"Câu chuyện mà ta kể và câu chuyện mà con đã trải qua có chút khác nhau. Nhưng nguyên lý là một, Ngã Phật lấy từ bi làm gốc, sẽ khoan dung và cứu độ, con hãy yên tâm".

Sa di nghe lời của Phật Tổ, trong lòng được an ủi, uân khúc được giải tỏa. Từ đó Sa di chuyên tâm khổ học, cần mẫn tu luyện, cuối cùng hữu học tất thành, tu thành La hán quả.

---o0o---

NA LAI VÀ ĐỀ KỶ LA

Theo Lục Độ Tập Kinh ghi, xưa kia có hai người tu hành, một người tên là Na Lai, người kia tên là Đề Kỳ La. Họ đi về vắng lẽ, trong lòng không có tạp niệm dục vọng, rời bỏ thế tục, đến một vùng núi xa xôi thanh tịnh để tu đạo. Đề rèn luyện mình, tu thành chánh quả, họ đào núi làm nhà, mặc áo cỏ, giày cỏ, uống nước suối ăn quả rừng, khổ hạnh tu đạo.

Qua sự khổ luyện không biết bao nhiêu năm, họ nắm bắt được năm bản lĩnh mà thế gian không ai có. Một là mắt có thể nhìn rất xa, mọi vật như ở ngay trước mắt; hai là tai có thể nghe xa ngàn dặm, âm thanh như gần bên tai; ba là có thể bay lượn, xuất nhập tùy ý; bốn là có thể thông hiểu tất cả những suy nghĩ của người khác; năm là có thể hiểu rõ tất cả những chuyện trong quá khứ và biết trước được tương lai. Họ thật sự đạt đến cảnh giới, thông tuệ tất cả, không thầy không đến, pháp lực vô biên, thần thông quảng đại, đến cả Đế Thích, Tiên

Thánh, Thiên Long, Địa Quỷ, ai cũng đánh lễ với hai người, khấu đầu tán phục.

Na Lai và Đề Kỳ La ở trong núi tu đạo hơn sáu mươi năm, lấy an nguy, họa phúc của dân chúng trong thiên hạ làm niệm, chưa từng lấy thần thông và pháp lực của mình làm nguy hại đến bá tánh.

Họ ngày đêm đem lòng tu đạo, tụng kinh, niệm Phật từ đêm khuya đến sáng sớm, rất gian khổ.

Một ngày nọ, đêm đã rất khuya, hai người đang tụng kinh. Đề Kỳ La niệm, mí mắt đã nặng trĩu, ông không thể kiên trì được nữa, bèn nằm xuống đất ngủ thiếp đi. Na Lai vẫn như cũ một lòng tụng niệm.

Na Lai đang tụng kinh, thấy ánh sáng dần tối lại, biết nên sắp lỵ, bèn đứng dậy đi đốt một cây nến khác. Ông không biết Đề Kỳ La đang nằm ở bên cạnh mình, vừa nhắc chân lên, không cẩn thận đạp ngay đầu của Đề Kỳ La.

Đề Kỳ La đang trong giấc ngủ say, bị người khác đạp lên đầu, bất chợt giật dữ, nói: "Là ai đạp đầu ta, ngày mai khi mặt trời lên đến đầu sào, đầu tên đó sẽ nát thành bảy mảnh!"

Na Lai vì vô tình đạp đầu Đề Kỳ La, rất áy náy đang muốn xin lỗi, vừa nghe thấy Đề Kỳ La chửi rủa mình, cũng bất giác đại nộ: "Ta chẳng qua là vô ý đạp lên đầu ngươi thôi, sao ngươi lại phát ra lời nguyền nặng như thế với ta? Phàm chén chung sống còn có lúc khua đụng nhau, huống hồ gì người sống chúng với nhau, đâu có chuyện lâu năm mà không lỡ tay chứ? Ngươi lại phát đại nguyền, ngày mai mặt trời lên khỏi núi, đầu của ta bị vỡ ra thành bảy mảnh. Vậy được, ta sẽ chế ngự mặt trời, để mặt trời không thể mọc lên nữa, để xem lời nguyền của ngươi có còn tác dụng gì nữa!"

Na Lai và Đề Kỳ La đều là người có pháp lực vô biên, thần thông quảng đại, Đề Kỳ La nguyền người đạp đầu mình, ngày mai khi mặt trời vừa lên đến đầu sào, đầu nứt ra thành bảy mảnh; Na Lai để cứu lấy tánh mạng của mình, bèn phát thề, lấy pháp lực của mình, quán chặt lấy mặt trời, khiến cho mặt trời không thể mọc nữa. Chỉ cần mặt trời không mọc, thì lời nguyền của Đề Kỳ La không thể nào thực hiện được nữa.

Quả nhiên, dưới pháp lực không chế của Na Lai, mặt trời không thể nào mọc được, thế gian bao trùm một màn u tối.

Một ngày, hai ngày... cả năm ngày, mặt trời dưới sự không chế của Na Lai, cũng không thể mọc lên. Khắp nơi chìm trong một màn đêm tối, thò tay không thấy rõ được năm ngón, mọi người đành đốt nến để thấp sáng. Họ sống mà

không biết ngày giờ, nên cảm thấy rất hoang mang. Các quan sứ không có lòng để lo việc chánh trị, bá tánh không có lòng để làm ăn sinh sống, cũng không biết rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì.

Trong lòng quốc vương cũng rất nóng ruột, như vậy thì quốc vương trị nước ra sao? Ông bèn triệu tập quần thần để bàn bạc. Có một đại thần kiến nghị: "Điều này e là phạm nhân chúng ta không thể giải thích được, nên mời một đạo sĩ pháp thuật cao siêu, để giải đáp nguyên nhân này".

Quốc vương chuẩn tấu, phái người đi khắp nơi mời một đạo sĩ tài giỏi, cuối cùng tìm được vài người.

Quốc vương nói: "Liên tiếp mấy ngày nay, mặt trời không mọc, vấn đề rốt cuộc từ đâu ra?"

Trong đó có một đạo sĩ tài học hơn người, thông thiên văn hiểu địa lý, có khả năng bói toán tiên tri, bèn nói với quốc vương rằng: "Trong một khu rừng sâu ở nơi xa xôi, có hai người tu đạo, giữa hai người có một mâu thuẫn nhỏ. Vì vậy, họ dùng pháp lực để khống chế mặt trời, làm cho mặt trời không thể mọc.

Quốc vương nghe thấy, vội vàng hỏi: "Hai vị đạo nhân pháp lực vô biên ấy, là vì chuyện gì phát sinh mâu thuẫn thế?"

Vị đạo nhân có khả năng bói tiên tri bèn đem đầu đuôi câu chuyện của Na Lai và Đề Kỳ La kể lại một lượt cho quốc vương nghe.

Quốc vương nghe xong, rất nóng ruột nói: "Vậy, hai vị đạo nhân dùng pháp lực như thế, bá tánh toàn quốc chúng ta làm sao sống đây?"

Đạo nhân trả lời rằng: "Tôi chỉ cho đại vương một cách, xin đại vương hãy đích thân thống lĩnh quan sư, bá tánh toàn quốc, bất luận già trẻ, lớn bé, nhanh chóng đến khu rừng xa xôi ấy, khẩn cầu hai vị đạo nhân vì cuộc sống của dân chúng mà hòa giải. Tu đạo nhân nhất định mở lòng nhân từ, như thế, vấn đề không phải là được giải quyết rồi sao?"

Quốc vương nghe xong, thấy có lý, liền tuyên triệu thiên hạ bất luận là già trẻ quý tiện, phạm là dân trong nước, đều lập tức đến khu rừng của hai vị tu đạo.

Thế gian một màn đêm u tối, quốc vương đích thân thống lĩnh hậu phi, quần thần, bá tánh toàn quốc, tay cầm đuốc lửa, lần lượt kéo đến khu rừng của hai vị đạo nhân. Trên đường đi lội núi trèo non chịu muôn vàn gian khổ, cuối cùng cũng đến nơi.

Quốc vương trông thấy hai vị đạo nhân, liền thống lĩnh thần dân kính cẩn quỳ xuống khấu đầu với họ, rồi nói: "Quốc gia của chúng tôi quanh năm ngũ cốc dồi dào, bá tánh giàu có sung túc, nhân dân an cư lạc nghiệp, quốc thể cường thịnh. Mấy năm nay dựa vào ân trạch của hai vị tiên nhân, bá tánh không ai không ca ngợi, đánh lễ. Như bây giờ, giữa hai vị tiên nhân phát sinh mâu thuẫn, thực sự là không phải lỗi của chúng tôi, một chút cũng không oán trách bá tánh của tôi, họ không có tội! Tôi hôm nay thống lĩnh thần dân toàn quốc, đến khấu đầu trước hai vị tiên nhân, khẩn thỉnh hai vị hãy dựa vào pháp lực của mình, vì bá tánh mà giải trừ đau khổ, lo âu, đem lại an ninh và hạnh phúc cho mọi người!"

Sự thành ý của quốc vương đã làm động lòng hai vị đạo nhân.

Na Lai nói: "Quốc vương thật là một minh quân nhân từ! Đạo hạnh của tôi vốn có lòng từ bi. Xin quốc vương yên tâm, chỉ cần Đề Kỳ La chịu hòa giải, tôi sẽ thu lại pháp lực, để mặt trời mọc trở lại bình thường!"

Đề Kỳ La ngại ngùng nói: "Sự thành khẩn của ngài đã làm ta rất cảm động, nguyện sẽ giải trừ khổ nạn của bá tánh và lo âu của chúng sinh, nhưng câu chú của ta một khi đã phát ra thì không thể thu về. Như thế nào mới có thể khiến cho Na Lai để cho mặt trời mọc trở lại bình thường, mà đầu của ông ấy không bị nứt ra chứ?"

Quốc vương hỏi: "Có thể dùng thứ gì khác để làm vật thay thế câu chú của người đối với đầu của vị tiên nhân kia không?"

Đề Kỳ La nói: " Có thể".

Quốc vương bèn nghĩ ra một chủ ý, nói với Na Lai: "Tiên trưởng, Đề Kỳ La tiên trưởng đã đồng ý hòa giải, chỉ là câu chú đã ra, không thể thu về. Chi bằng ngài hãy dùng đất sét để nặn ra đầu của mình, chịu phép thế cho đầu thật. Như thế, cả hai đều tốt đẹp, mặt trời cũng sẽ mọc lên".

Na Lai trước tiên dùng đất sét, bao lấy đầu mình, sau đó thu pháp lực về, để mặt trời lộ dạng. Khi mặt trời vừa lên đến đầu sào, quả nhiên câu chú của Đề Kỳ La có hiệu lực, đất sét phủ trên đầu của Na Lai nứt ra làm bảy mảnh, còn đầu của ông ta không có tổn hại gì cả.

Trông thấy hai vị tiên nhân đã hòa thuận lại như trước, mặt trời đỏ rực lên đến trời cao, vạn dân vui mừng nhảy múa, vội vàng tắt đuốc, tung hô vạn tuế.

Hai vị đạo nhân cảm niệm lòng nhân ái của quốc vương đối với dân chúng, nguyện trợ giúp quốc vương trị vì quốc gia. Vì vậy, quốc gia này lấy nhân ái làm gốc, người người hành thiện. Ân trạch của quốc vương ban bố khắp nơi

trong thiên hạ, thậm chí đến cây cỏ; sứ thần đều thanh liêm, trung nghĩa khiêm nhường, già yêu trẻ, trẻ kính già, dân trong nước đại chấn, quốc thái dân an, quốc thế cường thịnh.

---o0o---

TRÙNG TÁNH ĐẠI NẠN KHÔNG CHẾT

Trong Hiên Ngu Kinh ghi, xưa kia, nước Xá Vệ do thiên thời địa lợi, thêm vào đó quốc vương trị vì nghiêm minh, cho nên ngân khố quốc gia dồi dào, nhân dân giàu có. Trong nước Xá Vệ cũng có nhiều đại phú gia.

Ở một vùng đồng bằng nhỏ bên con sông phía Đông thành Xá Vệ. có một nhà rất giàu có, chủ nhân là một vị trưởng giả có địa vị, tất cả tài sản có được khó lòng đếm hết.

Nhưng, vị trưởng giả giàu có này, có một nỗi đau trong lòng là không có con. Vì vậy, cho dù ông giàu có như thế, cũng luôn lo âu, ăn không ngon, ngủ không yên.

Từ rất lâu, ông đã vì mong muốn có con mà khấn nguyện, và lại chưa từng xao lãng vì bất cứ lý do gì. Người xưa nói đúng, tâm thành tất linh, đá vàng cũng tan. Cuối cùng, phu nhân của trưởng giả cũng đã mang thai. Trông thấy phu nhân bụng càng ngày càng to, trong lòng trưởng giả cũng rất đổi vui mừng.

Sau mười tháng, một buổi sáng tinh mơ, phu nhân của trưởng giả sinh được một bé trai tròn trịa, rất đáng yêu. Trưởng giả nghe thấy là một bé trai thì vui mừng khôn xiết.

Sau khi đứa trẻ đầy tháng, trưởng giả mời bạn bè thân thiết cùng đến khánh chúc họ và chọn một khu đất bằng phẳng bên bờ sông để mở tiệc. Trưởng giả và phu nhân bé đưa bé đến bên bờ sông để dự tiệc cùng với mọi người. Thân bằng quyến thuộc của vị trưởng giả đều bày tỏ niềm vui mừng, hạnh phúc đối với họ.

Hai vợ chồng trưởng giả rất vui mừng, cùng bông bé đưa con nhảy múa và ca hát.

Khi mẹ của đứa bé bế con, vừa nhảy vừa hát, đến bên bờ sông, không cẩn thận, chân vấp phải một hòn đá, người lão đảo, đứa bé trên tay không được bé chắc cuối cùng tuột tay, rơi ngay xuống dòng nước đang chảy xiết. Cha đứa bé và các thân bằng quyến thuộc trông thấy sự việc giật mình, vội vã chạy đến bờ sông để cứu, nhưng đứa bé trong nháy mắt đã mất tâm mất dạng.

Mẹ của đứa bé đau lòng nhất, mấy lần muốn nhảy xuống sông. May mắn được mọi người kéo lại, đôi chân của trưởng giả đã mỏi, ngồi bên bờ sông, trong lòng nghĩ cho dù bây giờ có vớt được đứa bé lên thì e là nó cũng không sống nổi, rốt cuộc đứa bé này cũng vừa đầy một tháng tuổi!

Lại nói đến sau khi đứa bé này rơi xuống sông, bị một con sóng lớn cuốn đi, nhưng tiền kiếp của đứa bé tích nhiều phúc đức, vì thế không những không chết chìm, vả lại đến một ngụm nước sông cũng không uống.

Nó theo dòng nước chảy trôi xuống hạ nguồn. Ở hồ hạ nguồn có một con cá lớn, khi đứa bé bị dòng nước cuốn qua, bị con cá to này nuốt chửng, nhờ phúc đức tiền kiếp của nó, nên dù ở trong bụng của con cá, nhưng đứa bé không chết, vẫn sống bình thường.

Ở hạ nguồn con sông này có một thôn trang nhỏ. Trong thôn có một đại phú gia, cũng rất giàu có, nhưng lại không có con nối dõi. Chủ nhân của nhà này cũng rất lo rầu, hàng ngày khấn nguyện ơn trên ban cho ông một đứa con.

Chủ nhân này có một nô lệ, mỗi ngày hắt cho tên nô lệ đến bờ sông đánh bắt cá. Hôm ấy, nô lệ lại đến bờ sông giăng lưới. Khi hắt kéo lưới lên, lúc này hắt cảm thấy trong lưới hình như có một thứ gì nặng trĩu, bèn dùng hết sức lực kéo tấm lưới lên bờ. Lúc này, hắt nhìn thấy trong lưới có một con cá to, song vẫn dẫy dựa chưa chết. Tên nô lệ rất mừng, vì bắt được con cá to này, hắt sẽ được thưởng. Tên nô lệ phải dùng hết sức mới vác nổi con cá lên lưng và vác nó về nhà một cách mệt nhọc. Chủ nhân của hắt quả nhiên rất vui, thưởng cho tên nô lệ một số tiền.

Khi mở con cá ra, người đầu bếp moi ra từ trong bụng cá một đứa bé còn sống. Chủ nhân vừa kinh sợ vừa vui mừng, ông cho là do mình khấn nguyện mỗi ngày, nên ơn trên ban cho một đứa bé. Vì vậy, ông lại thưởng thêm tiền cho tên nô lệ.

Vị phú gia này thật tâm cảm tạ thần linh mà mình luôn khấn nguyện, trong lòng rất phấn khởi. Thế là chuẩn bị bữa tiệc lớn chiêu đãi mọi người trong thôn, khánh chúc mình có con nối dõi.

Không lâu sau, trưởng giả ở thượng nguồn nghe được tin con trai mình bị rơi xuống hạ nguồn và biết được ở hạ nguồn có một phú gia đã moi từ trong bụng cá một đứa bé, vội vã đến nhà phú gia trong thôn đó. Khi ông trông thấy đứa bé mà vị phú gia ấy có được chính là con trai mình bị rơi xuống sông, không khỏi đầm đìa nước mắt, vội vàng khấn cầu vị phú gia trả lại đứa con cho ông.

"Đứa bé này chính là con ruột của tôi, bị nước cuốn từ thượng du. Hiện nay, nó may mắn ở chỗ của ngài, xin ngài trả con trai lại cho tôi đi".

Nào ngờ, vị phú gia ấy trả lời: "Nhà tôi từ lâu đã khấn cầu trời Phật được một đứa bé kế thừa gia nghiệp. Thần linh thấy lòng thành của tôi, mới ban cho một đứa con trai, sao ngài có thể nói là con trai của ngài chứ? Huống hồ gì con trai của ngài rơi xuống nước, từ trên thượng nguồn đến hạ nguồn, một quãng đường nước xa như thế, đã bị chết chìm từ sớm".

Trưởng giả ở thượng nguồn vẫn khẳng khái nói là con trai của mình và nhất định phải mang con về cho được; phú gia ở hạ nguồn thì từ đầu đến cuối nói con trai mình là trời ban cho, không thể để người khác tùy ý mang đi. Hai người lời qua tiếng lại, cãi nhau âm ỉ, không ai chịu nhường nhịn. Cuối cùng bất đắc dĩ, đành phải đến đại điện vương cung, để quốc vương giải quyết chuyện này.

Sau khi hai người gặp quốc vương, mỗi người đều nói cái lý của mình. Trưởng giả ở thượng nguồn nói là vợ mình không cẩn thận đánh rơi đứa con trai xuống sông, rồi phú gia ở hạ nguồn vớt được. Phú gia hạ nguồn thì nói là mình lấy ra từ bụng cá, hoàn toàn là sự ban thưởng của thần linh vì sự khấn cầu của ông, không phải là con của vị trưởng giả. Hai bên mỗi người đều cố giữ ý kiến của mình, không chịu nhượng bộ.

Sau khi quốc vương nước Xá Vệ nghe xong, cũng không biết ai đúng ai sai, nếu nói là con trai của trưởng giả ở thượng nguồn, thì đứa bé từ trên thượng nguồn bị nước cuốn xuống hạ nguồn, chắc là phải bị ngạt chết; còn nói là con của phú gia hạ nguồn, thì ông được đứa con mà người khác đánh rơi, vả lại cha mẹ đứa trẻ con nhận được. Không biết làm thế nào, quốc vương đành nói: "Những lý lẽ của hai người nói ta đều rõ, nhưng theo tình hình hiện giờ cho thấy, nếu ta xét đứa bé cho một trong hai người thì cũng chưa thông suốt. Thế này đi, hai người các người, hãy tự chọn cho nó một cái tên, cùng nuôi dưỡng nó, đợi đến khi nó lớn, hai người mỗi người cưới cho nó một người vợ, an cư gia nghiệp, để nó ở luân phiên với các người. Sau đó, xem con dâu nhà nào sinh con trước, vậy nó sẽ là con của người ấy, ý hai người như thế nào?"

Hai người đều đồng ý từ biệt quốc vương, rời khỏi vương cung.

Trưởng giả thượng nguồn và phú gia hạ nguồn mỗi người theo ý chỉ của quốc vương đặt tên cho đứa bé. Và thương lượng thời gian thay nhau nuôi dưỡng đứa bé.

Xuân đến đông qua, trong nháy mắt, đứa bé này đã trở thành một chàng trai anh tuấn đến tuổi kết hôn.

Hai bên cha mẹ chàng theo ý chỉ của quốc vương đã chọn cho chàng vị hôn thê từ rất sớm, đến khi chàng khôn lớn, hai bên cha mẹ đều cưới vợ cho chàng. Như thế này, chàng ở thượng nguồn và hạ nguồn đều có một gia đình mới.

Tuy nói chàng có hai gia đình mới, bắt đầu cuộc sống độc lập, vậy mà chàng vẫn được cha mẹ chăm lo cung cấp tài sản như trước đây, không thiếu một thứ gì. Nhưng, cuộc sống này dường như không hứng thú đối với chàng.

Quả nhiên không lâu sau, chàng nói với hai bên cha mẹ ý nguyện muốn xuất gia tu hành. Hai bên cha mẹ rất thương yêu, nuông chiều chàng từ nhỏ, vì thế mà không ngăn cản chàng.

Sau khi chàng trai được sự đồng ý của cha mẹ, bỏ lại hai người vợ, đi đến gặp Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni ở Kỳ Hoàn, thỉnh cầu Phật Tổ cho mình xuất gia làm đệ tử.

Sau khi Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni nghe xong lời thỉnh cầu của chàng, nói với chàng: "Người đến thật đúng lúc". Phật Tổ vừa nói xong, tóc và râu của chàng trai tự nhiên rụng xuống. Đồng thời, y phục trên người cũng lập tức hóa thành cà sa. Tức khắc, chàng thành người xuất gia. Phật Tổ đặt cho chàng một pháp danh Trùng Tánh, vì chàng đồng thời là con trai của hai gia đình.

Sau khi Trùng Tánh xuất gia, Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni lập tức giảng giải Phật pháp cho chàng, Trùng Tánh vừa nghe giảng giải thì liền được khai thông. Do tiền kiếp Trùng Tánh tích nhiều công đức, cho nên sau khi chàng nghe đức Phật giảng kinh xong, nhanh chóng siêu nhiệm, vượt qua tất cả mọi khổ đau, loại bỏ tất cả các tạp niệm, tu đắc A la hán đạo.

Một ngày nọ, Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng cho các đệ tử ở giảng kinh đường một câu chuyện.

Từ rất lâu, có một vị Phật được người đời tôn kính, tên gọi là Tỳ Bà Thi. Môn hạ của ông cũng có nhiều đệ tử. Bình thường ông cũng tiêu diêu thế giới hóa độ chúng nhân.

Có một lần, ông mang đệ tử du ngoạn đến một nước lạ, triệu tập rất nhiều người lại và giảng giải Phật pháp cho họ. Lúc này, có một vị trưởng giả giàu có đến nghe Tỳ Bà Thi giảng giải Phật pháp.

Sau khi vị trưởng giả này nghe đức Phật giảng giải đa hành thí xả, nghiêm cách chay giới, tuân thủ Phật pháp giới luật có thể đem lại cho con người hạnh phúc, có lòng tin phục và cung kính đối với Phật pháp. Sau đó, ông chịu giới

luật không sát sanh và quy y Tam Bảo, song còn lấy tiền bố thí cho Tỳ Bà Thi Phật.

Vị trưởng giả này chính là tiền thân của người cha ở thượng nguồn của Trung Tánh, ông ta đời đời có phúc, có tiền, mãi không nghèo khổ. Trưởng giả cũng có một đứa con trai, chính là tiền thân của Trung Tánh, do trưởng giả từng bố thí cho Tỳ Bà Thi Phật, các kiếp sau của Trung Tánh cũng mãi được sung sướng. Kiếp này Trung Tánh cũng được sự nuôi dưỡng chăm sóc của hai gia đình giàu có, và lại rơi xuống nước mà không chết, bị cá nuốt vào bụng cũng không chết, điều này hẳn là do trưởng giả tiếp thu giới luật không sát sanh của Phật pháp.

Chính là vì trưởng giả tiếp thu tam quy ngũ giới, cho nên Trung Tánh mới có thể nhanh chóng tu thành A la hán.

---o0o---

BỐN TỶ KHEO TU THÀNH LA HÁN

Trong Pháp Cú Thí Kinh ghi, khi Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni còn giảng giải Phật pháp ở Xá Vệ thành, có một lần, bốn đệ tử của ngài sau khi nghe giảng kinh xong, cùng nhau đến một nơi hẻo lánh. Lúc bấy giờ đang giữa mùa hè, nóng bức vô cùng, cho nên họ đành ngồi dưới một gốc cây thạch lựu lớn trao đổi với nhau về sự tâm đắc của mình tu tập Phật pháp.

Họ ngồi nói chuyện một cách say sưa và không biết là đã chuyên sáng đề tài khác từ lúc nào. Trong đó có một đệ tử hỏi mọi người: "Mọi người nói thử xem, trên thế gian này cái gì khiến người ta đau khổ nhất?" Một đệ tử đáp: "Việc này có gì khó, tôi nghĩ trên thế gian này lòng dâm dục khiến người ta đau khổ nhất, tôi cho rằng không còn gì hơn nó cả. Khi lòng dâm dục phát sinh, luôn đem lại cho mọi người sự đau khổ cùng cực, thậm chí gây họa sát sanh".

Người đệ tử này vừa dứt lời, một đệ tử khác liền nói: "Ta cho là người nói không đúng, trên thế gian này điều mà khiến cho mọi người cảm thấy đau khổ nhất là đói khát, một người không được ăn cơm, không được uống nước, còn gì đau khổ hơn cơ chứ?" Một đệ tử khác cũng không chịu, bèn nói: "Hai người các người đều không đúng, trên thế gian này điều khiến cho người ta đau khổ nhất là chuyện mà đột nhiên gặp phải khiến cho người ta sợ hãi".

Lúc này, đệ tử đưa ra vấn đề đầu tiên cũng ngộ đạo:

"Ba người các người đều trả lời sai, trên thế gian này điều khiến cho người ta cảm thấy đau khổ nhất là lòng giận dữ. Lòng phẫn nộ này một mặt sinh ra sự đau khổ cho mọi người. Mặt khác, nếu nó hóa thành sức mạnh hành vi sẽ khiến

cho đối tượng của sức mạnh, đối tượng của hành động chịu đau khổ vô tận. Cho nên ta cho rằng lòng phẫn nộ mới là điều khiến người ta cảm thấy đau khổ nhất trên thế gian này".

Nhưng khi ông ta vừa nói lên ý kiến của mình, ngay lập tức bị ba người kia phản đối. Sau đó, diễn ra một cuộc đấu khẩu hấp dẫn, ai cũng cố giữ ý kiến của mình không ai chịu thua ai.

Cuộc tranh luận kéo dài mãi đến khi mặt trời ngả về Tây, mặt trăng ló dạng đàng Đông mà vẫn chưa có kết quả gì.

Chuyện này sau đó bị Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni biết được, Phật Tổ ngay lập tức đến tăng phòng của họ, hỏi han tình hình tranh luận của họ và luận điểm của mỗi người. Bốn đệ tử này đều kể lại rõ ràng cho Phật Tổ.

Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni lắng nghe xong, trầm ngâm một lúc, mới nói với bốn vị đệ tử: "Ý kiến của các con đều không nắm được bản chất của sự đau khổ, những gì các con nói cũng chỉ là thứ trên bề mặt, kỳ thực điều đau khổ nhất ở trên thế gian chẳng qua chỉ là tồn tại của thể xác. Đây mới là thứ quan trọng nhất. Tất cả lòng dâm tà, sự đói khát, lòng phẫn nộ, cùng với lòng sợ hãi đều bắt nguồn từ thể xác.

Bốn đệ tử nghe đức Phật giảng như thế mới khai thông, không ngừng gật đầu khen phải.

Tiếp theo đó Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni lại nói: "Sự tồn tại thể xác con người mới là căn nguyên gây ra đau khổ, cũng là căn nguyên của mọi tai họa khổ nạn. Sau khi một người được sinh ra, thể xác của họ phải chịu các loại đau khổ như khổ nhọc, ưu tư, lo âu, sợ hãi. Ngoài ra, con người trong đục giới, sắc giới vô sắc giới còn cầu sinh, thậm chí còn tàn sát lẫn nhau, sinh tử luân hồi, chịu sự đau khổ vô biên, đều do sự tồn tại của thể xác gây ra. Cho nên, một người thật sự muốn thoát ly đau khổ của thế gian, thì nên thiêu hủy xác thịt. Nếu một người có thể tiếp thu tâm trí, không nghĩ xằng bậy, tiêu trừ tất cả tạp niệm, khiến cho lòng thanh tịnh, thì có thể đắc Niết Bàn, tiêu diệt nhục thể. Niết Bàn mới là điều vui mừng nhất trong cuộc đời con người.

Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni giảng đến đây, bốn Tỳ kheo đều giác ngộ. Sau đó, Phật Tổ lại kể cho họ một câu chuyện:

Đó là từ rất xa xưa, lâu đến nỗi khiến cho người ta không còn nhớ đến niên đại. Lúc ấy có một Tỳ kheo có năm thần thông là thần túc thông, thần nhãn thông, thần nhĩ thông, thần tâm thông, tên là Tinh Tiến Lực. Ông thường một mình ngồi dưới gốc cây an tĩnh tu hành.

Gần gốc cây có bốn con thú, chúng sống nương tựa lẫn nhau. Đó là bò câu, gà con, rắn độc và hươu sao.

Bốn con thú này thường khi trời sáng là đi kiếm ăn, đến tối mới trở về nghỉ bên gốc cây. Đến khi gặp Tinh Tiến Lực ngồi ở gốc cây tu hành, nhưng cũng không cho là kỳ lạ.

Một buổi tối nọ, bốn con thú lại lục tục kéo về, chúng thấy Tinh Tiến Lực ngồi dưới gốc cây nhắm mắt tu hành, nhưng cũng mặc ông ta. Cũng như thường lệ, chúng bắt đầu kể lại những điều mắt thấy tai nghe vào ban ngày của mình, rồi cùng nhau hào hứng bàn luận. Lúc này Tinh Tiến Lực cũng kết thúc việc tu hành, ông cảm thấy rất hứng thú khi nghe những con vật nói chuyện với nhau, nên tiếp tục ngồi lại dưới gốc cây, nhắm mắt lắng nghe.

Những con vật này nói chuyện say sưa, chuyện đề tài lúc nào cũng không biết, chúng bắt đầu hỏi nhau: "Trên thế gian này điều gì mới làm người ta đau khổ nhất?" Gà nói trước: "Theo tôi thấy chuyện đau khổ nhất trên thế gian này chính là đói khát. Chúng ta khi đói, cơ thể mệt mỏi không tí sức lực, mắt cũng vì đói khát mà không mở được, ngoài ra, thần trí cũng không thoải mái. Kỳ thực là khi đói khát rất khó chịu, e sợ biết rõ là người ta giăng bẫy, nhưng vì kiếm ăn cũng vẫn phải tiến về phía trước. Lúc ấy, chúng tôi cũng phải liều mạng thôi. Vì vậy, loài gà chúng tôi mất mạng luôn vì nguyên nhân đói khát gây ra. Cho nên tôi cho rằng trên thế gian này, đói khát là chuyện đau khổ nhất".

Gà vừa nói xong, bò câu lại tiếp lời: "Tôi cảm thấy trên thế gian này chuyện đau khổ nhất không phải là đói khát. Mà là sắc dục. Khi đã muốn đến, để đáp ứng cho mình sẽ không còn cảm kỹ gì cả, nhất là khi sắc dục hưng phấn, luôn gấp rút, không đạt mục đích tuyệt không thôi. Bò câu chúng tôi bình thường cũng mất mạng vì sự tính toán ngầm của con người. Vì vậy cho thấy, sắc dục là chuyện khiến cho chúng ta đau khổ nhất".

Rắn độc ở bên cạnh nôn nóng, nó trông thấy hươu sao chặn ngay trước mặt như muốn cất lời, vội vã nói: "Kỳ thực, kỳ thực, cách nghĩ của gà và bò câu đều không đúng. Ta cho rằng lòng phần nộ mới là đau khổ nhất. Tâm trạng ấy vừa sinh ra, đầu óc nhất thời đơn giản lại. Quên đi tất cả, thậm chí còn hồ đồ, xem cả người bạn thân nhất của mình là kẻ thù. Dưới sự thôi thúc của tâm trạng này, những người bất hạnh chịu sự tàn hại. Và lại đôi khi cũng sẽ khiến mình gặp họa sát thân, đây là bài học giúp ích cho chúng tôi rất nhiều. Đôi khi tuy cần chết người, khiến cho cả hai đều thảm bại, cho nên tôi cho rằng lòng phần nộ là điều khiến cho người ta đau khổ nhất trên đời".

Rắn độc nói xong, hươu sao chậm rãi nói: "Vừa rồi, tôi nghe ý kiến của ba người, tuy có lý, nhưng tôi cảm thấy vẫn không đúng. Tôi cho rằng trên thế gian này điều đau khổ nhất chính là lòng sợ hãi. Ban ngày khi tôi ở trong rừng và bãi

cỏ hoang tìm thức ăn, tinh thần luôn cảnh giác cao độ, một mặt đề phòng những người thợ săn xuất quỷ nhập thần, một mặt lại đề phòng hổ, sói hung tợn. Chỉ cần nghe tiếng động nhỏ là chúng tôi chạy ngay lập tức, trốn vào nơi an toàn. Mỗi ngày tôi đều sống trong thấp thỏm lo âu. Vì vậy, lòng sợ hãi là đáng sợ nhất".

Hươu sao vừa dứt lời, gà bắt đầu phản đối, sau đó rắn độc và bò câu cũng tham gia vào. Mọi người đều bảo vệ cách nhìn của mình, ai cũng cố gắng thuyết phục, không chịu nhường nhịn ai.

Tinh Tiến Lực nghe đến đây, cuối cùng chịu không nổi, ông đột nhiên ho một tiếng, bốn con vật đều dừng lại, cũng nhau quay đầu nhìn Tinh Tiến Lực. Tinh Tiến Lực nói với chúng rằng: "Vừa rồi các người tranh luận ta đều nghe thấy, ta cảm thấy các người đều nói không đúng, điều mà các người tranh luận đều là những điều nhỏ nhặt, vốn không đáng gì đến căn bản của đau khổ. Trên thế gian này chuyện đau khổ nhất, kỳ thực là những việc làm, những việc làm mới là căn nguyên của đau khổ. Ta vì nguyên nhân này mà bỏ mặc đi cuộc sống thế tục để bắt đầu tu hành Phật đạo. Ta loại bỏ tất cả tạp niệm, cắt đứt những suy nghĩ không rõ ràng, từ bỏ mọi ham muốn của cuộc sống trần tục. Mục đích của việc làm này là để đoạn tuyệt căn nguyên của đau khổ, mà cầu Niết Bàn. Con người một khi nhập Niết Bàn, thể xác cũng theo đó mà tiêu tan, tất cả những ưu phiền cũng kết thúc, như thế này mới là cầu đắc an lạc lớn nhất".

Tinh Tiến Lực nói xong thì lặng im, nhắm mắt lại bắt đầu tu hành.

Bốn con vật ấy nhất thời cũng ngẩn người, tất cả đều yên lặng suy nghĩ lời của Tinh Tiến Lực. Nhất thời, bốn bề tĩnh mịch, chỉ nghe thấy tiếng gió vi vu thổi. Không lâu sau đó, bốn con vật này đều nghĩ thông suốt lời của Tinh Tiến Lực, trong lòng bỗng tỉnh ngộ, đồng thời cũng hiểu được một ít đạo lý của Phật pháp.

Câu chuyện mà Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni giảng đến đây kết thúc, ngài rất từ tốn nhìn bốn đệ tử. Bốn đệ tử này sau khi nghe xong lời giảng của Phật Tổ, càng hiểu biết sâu sắc hơn về đau khổ nhân gian.

Lúc này, Phật Tổ mới nói với họ: "Bốn con vật trong câu chuyện ta kể lúc này, là tiền thân của các người. Tỳ kheo ngũ thông ấy là tiền thân của ta. Tiền thân của các người đã hiểu được nguồn gốc của mọi sự đau khổ, tại sao bây giờ lại tranh luận với nhau nữa thế?"

Bốn đệ tử cảm thấy rất xấu hổ, từ đó cần cù khổ luyện, cuối cùng đắc quả La hán, bốn người đều thành La hán.

---o0o---

HẾT